

XENMA LAGECLÖP

CHIẾC XE CỦA THÂN CHẾT



vh

XENMA LAGECLÖP

CHIẾC XE CỦA THẦN CHẾT



Chiếc Xe Của Thần Chết

Selma Lagerlöf

Chia sẻ ebook: <https://downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://facebook.com/caphebuoitoi>

Table of Contents

<u>CHIẾC XE THẦN CHẾT</u>	
<u>CÂU CHUYỆN VỢ MỘT NGƯỜI DÂN CHÀI</u>	
<u>BỨC CHÂN DUNG NGƯỜI MẸ</u>	
<u>CON QUÝ CON</u>	
<u>LÒNG TƠ</u>	
<u>MỒ BẠC</u>	
<u>NHỮNG ĐỒNG ÊQUY CỦA CỤ ARNO</u>	
<u>[1]</u>	
<u>[2]</u>	
<u>[3]</u>	

MỤC LỤC

CHIẾC XE THẦN CHẾT

CÂU CHUYỆN VỢ MỘT NGƯỜI DÂN CHÀI

BỨC CHÂN DUNG NGƯỜI MẸ

CON QUỲ CON

LÔNG TƠ

MỎ BẠC

NHỮNG ĐỒNG ÊQUY CỦA CỤ ARNƠ

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Selma Lagerlöf (20/11/1858 - 16/3/1940) là một nhà văn nữ Thụy Điển, từ trẻ đã say mê văn học dân gian vùng Vemoland là quê hương bà., những truyền thuyết cổ, những bài hát dân gian, những trường ca và sử thi mang màu sắc dân già đã in đậm dấu ấn vào tâm hồn bà giúp bà viết tác phẩm *Truyện Cổ Gôxta Becling* (1891), đã lập tức chinh phục lòng người đọc. Sau đó bà cho ra tập truyện *Những xiềng xích vô hình; Những Bà Hoàng ở Cungahela* (1899); *Các tiểu thuyết nhà Libiêcron* (1911); *Sáclô Lôvenxcondor* (1925); *chiếc vòng của họ Lôvenxcondor* (1925) v.v... của bà đề cao con người với những giá trị truyền thống, yêu cái đẹp thiên nhiên... Các tiểu thuyết *Jêrusalem* (1901-1902); *Hoàng Đế Bồ Đào Nha* (1914) đã diễn tả sự suy thoái về đạo đức ở nông thôn và muốn tìm kiếm một lối thoát về tinh thần trong sự cách tân tôn giáo và tín ngưỡng. Trong những tác phẩm xuất sắc nhất, bà đã thể hiện được lòng tin ở sức sáng tạo của nhân dân, vào thắng lợi của tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa và dân chủ. S. Lagerlöf cũng thể hiện tình yêu chân thành và sâu sắc của mình đối truyền thống văn hóa dân gian Thụy Điển. Cuốn *Cuộc du lịch kỳ diệu của Ninx Hongecxon trên khắp đất nước Thụy Điển* (1906-1907) là một tác phẩm được các thiếu nhi rất thích. Năm 1918, bà bày tỏ - thông qua tác phẩm *Người Tháo Lui* - lòng yêu hòa bình, phản kháng những tai họa do cuộc đại chiến lần thứ nhất gây ra cho nhân loại. Những năm cuối đời, bà tích cực tham gia các hoạt động xã hội, chống nguy cơ một cuộc chiến tranh mới, bảo vệ những thành quả của nền văn minh nhân loại. Bà đã được trao giải thưởng Nobel (1919), và được bầu làm Viện sĩ Viện Hàn lâm Thụy Điển.

Chiếc xe Thần Chết là tập truyện ngắn gồm những truyện khá đặc trưng cho những truyện ngắn của Lagerlöf. Những truyện này nói lên tinh thần truyền thống, phản ánh những lối sống vụ lợi, tính toán.

Chiếc xe Thần Chết mang tính chất những câu chuyện cổ tích. Một trong những thành công lớn của Lagerlöf là bà có khả năng cảm hóa được con người.

Về Selma Lagerlóf, Nhà Xuất Bản Văn Học đã giới thiệu khá đầy đủ trong gần một trăm trang ở lần xuất bản cuốn *Truyện Cổ Gôxta Becling* năm 1974.

Nhà Xuất Bản Văn Học

CHIẾC XE THẦN CHẾT

1

Một cô gái tội nghiệp của Đội quân cứu tế đang hấp hối.

Nàng đã mắc một chứng lao phổi phát triển nhanh và ác liệt, không sao cưỡng được quá một năm. Khi còn đủ sức, nàng vẫn tiếp tục đi thăm kẻ khó và làm tròn nhiệm vụ của mình; nhưng khi sức nàng đã kiệt, người ta đưa nàng vào một viện điều dưỡng. Ở đây nàng được chăm sóc mấy tháng, nhưng sức khỏe chẳng tăng lên được tí nào, và khi hiểu rằng mình đã hết phương cứu chữa, nàng trở về bên mẹ, bà có riêng một căn nhà nhỏ trong một đường phố ngoại ô. Ở đó, nằm trong một căn buồng hẹp tối tăm, nơi nàng đã trải qua thời thơ ấu và tuổi thanh xuân, nàng chờ đợi cái chết.

Bà mẹ ngồi cạnh giường con, lòng đau thắt, nhưng mãi mê với công việc chăm sóc người ốm nên chẳng có thì giờ mà khóc nữa. Một nữ đội viên Cứu tế cùng thuộc lớp đi thăm kẻ khó như

người bệnh ngồi lẳng lẽ ở chân giường và lẳng lẽ khóc. Đôi mắt cô nhìn lên khuôn mặt người hấp hối với một vẻ tận tâm vô hạn và mỗi khi mắt bị mờ đi vì những giọt lệ, cô lại đưa tay lên chùi rồi bỏ xuống ngay. Ngồi trên một chiếc ghế dựa thấp, rất bất tiện, chiếc ghế mà người bệnh vẫn ưa dùng và lần nào dọn nhà cũng đều mang theo, là một phụ nữ cao lớn, cổ áo thêu một chữ S, dấu hiệu của đội viên Cứu tế. Người ta đã mời bà ngồi vào một chỗ tốt hơn, nhưng bà lại muốn ngồi trên chiếc ghế kém tiện nghi này, như thể tỏ lòng trọng vọng người sắp chết.

Ngày hôm ấy không giống như tất cả những ngày khác: đó là ngày lễ Xinevecxtrơ. Bầu trời xám và nặng trĩu. Ở trong nhà thì cảm thấy lạnh và tưởng như thời tiết xấu; nhưng ra ngoài trời thì không khí lại ấm áp và êm ả lạ lùng. Mặt đất toàn màu đen và không có tuyết. Chỉ một vài bông tuyết lác lõng từ từ rơi, vừa chạm đất là đã tan thành nước. Một trận mưa tuyết lớn có vẻ như sắp sửa đến nơi, nhưng vẫn chưa chịu đến. Tưởng như là gió và tuyết thấy như chưa cần hoạt động vào lúc cuối năm này và để dành sức lực cho năm mới đã tới gần lắm rồi.

Mọi người hình như cũng tê liệt đi với cùng một ý nghĩ như vậy. Họ không định tâm làm được một việc gì. Đường phố hoàn toàn yên ắng, trong mọi nhà chẳng ai làm việc. Trước mặt căn nhà người sắp chết là một thửa đất người ta đã bắt đầu đóng cọc để xây dựng nhà cửa. Buổi sáng, một vài người thợ đã tới, như thường lệ, họ vừa hát vừa nâng cái máy đóng cọc to tướng lên rồi lại thả xuống. Nhưng họ làm không lâu, và chẳng mấy chốc công trường đã trở lại quạnh quẽ.

Mấy người đàn bà đi qua, tay cắp rổ đến chợ, nhưng cảnh ấy cũng chỉ diễn ra trong chốc lát. Người ta đã gọi đám trẻ con chơi ngoài đường phố về để sửa soạn cho buổi lễ tối nay, và chúng không chạy ra nữa. Những con ngựa kéo những chiếc xe không, đi đến nhà để xe ở tận cuối ngoại ô để nghỉ một đợt hai mươi bốn tiếng. Trời càng về chiều thì yên tĩnh càng tăng thêm. Mỗi tiếng động tắt đi càng làm cho không khí dịu lại.

- Em nó mất trong đêm nay trước ngày lễ như thế này mà lại hay, - bà mẹ nói. - Chẳng mấy chốc sẽ không còn tiếng gì ở bên ngoài có thể khuấy động những giây phút cuối cùng của em nó nữa.

Người bệnh đã bất tỉnh từ sáng hôm nay, và ba người đàn bà ngồi quanh giường nàng muốn nói gì nàng cũng chẳng có thể nghe thấy được. Tuy vậy họ cũng biết rằng nàng chưa đến tình

trang hôn mê. Nét mặt nàng đã thay đổi nhiều lần trong ngày: nét mặt ấy đã biểu lộ sự ngạc nhiên và lo lắng; khi thì có vẻ cầu khẩn, lát sau lại như bị tra khảo đau đớn. Từ nãy đến giờ, trên gương mặt ấy lại in dấu một sự phấn nộ mạnh mẽ, sự phấn nộ ấy dường như làm cho nét mặt nàng cao cả lên và xinh đẹp ra.

Nét mặt cô Xơ của kẻ khó này đã thay đổi nhiều đến nỗi cô bạn của nàng ngồi ở chân giường nghiêng người sang bà thành viên của đội Cứu tế kia và thì thầm:

- Nhìn kìa đội trưởng! Xơ Êđi trở nên xinh đẹp biết bao! Nom chị ấy như một hoàng hậu.

Người phụ nữ ngồi trên cái ghế thấp liền đứng dậy để ngắm kỹ hơn người con gái hấp hối.

Chắc hẳn bà chưa bao giờ nhìn cô gái đi thăm kẻ khó mà không thấy nàng có cái vẻ nhần nhục vui vẻ mà nàng giữ mãi cho đến phút cuối, mặc dù ốm đau mệt mỏi đến đâu. Bởi thế cho nên sự thay đổi của nàng làm cho bà ngạc nhiên đến nỗi bà không ngồi lại xuống chỗ cũ nữa mà cứ đứng nguyên như vậy.

Với một động tác đột ngột gần như là sốt ruột, cô xơ bé nhỏ trường người lên gối, thiếu chút nữa thì đã ngồi hẳn lên giường. một vẻ tôn quý khôn tả làm cho vầng trán của nàng có dáng uy nghi lạ lùng, và đôi môi của nàng mặc dù mím chặt, hình như đang thốt ra những lời chê trách và khinh bỉ.

Bà mẹ ngẩng mặt nhìn hai người của đội Cứu tế đang ngạc nhiên:

- Những hôm trước nó cũng cứ như thế này – bà nói – Có phải lúc này là giờ nó đi thăm kẻ khó không nhỉ?

Người đội viên Cứu tế nhỏ tuổi liếc nhìn chiến đồng hồ nhỏ mệt mỏi của người bệnh đặt ngay cạnh giường:

- Phải đấy – cô nói, giờ này là giờ chị ấy vẫn đi thăm những người khốn khổ.

Cô ngừng lại và đưa khăn lên lau mắt. Cô vừa định nói tiếp thì tiếng nước nở lại trào lên cổ họng.

Bà mẹ đưa hai tay nắm lấy bàn tay bé nhỏ khô cứng của cô con gái và nhẹ nhàng vuốt ve:

- Nó vất vả quá khi giúp người ta quét dọn những căn nhà tồi tàn của họ và quở trách họ vì những thói hư tật xấu của họ. – Bà nói, giọng để lộ một niềm oán hận ngấm ngấm. – Khi phải làm một công việc quá nặng nhọc thì đầu óc con người ta không thể dứt ra khỏi những công việc ấy được. Bây giờ nó vẫn tưởng nó đang ở trong nhà của họ đấy.

- Đôi khi làm những công việc người ta ưa thích quá thì cũng vậy đấy. – Bà “đội trưởng” dịu dàng nói.

Họ nhìn thấy người bệnh cau mày lại và một vết nhăn ở giữa hai lông mày hằn xuống mỗi lúc một sâu thêm, trong khi làn môi trên của nàng nhếch lên.

- Trông cô ấy như một thiên thần trong buổi phán xét cuối cùng. Bà đội trưởng nói giọng hân hoan ca ngợi.

- Hôm nay thì ở nhà Cứu tế có thể xảy ra việc gì nhỉ? – Cô bạn của bà nói và dịch hai người đàn bà ra để đặt bàn tay vuốt ve lên trán người hấp hối.

- Xơ Êđi, đừng lo lắng gì cả! – Cô vừa vuốt ve vừa nói: - Xơ Êđi, chỉ vất vả nhiều vì những người khốn khổ rồi.

Những lời này hình như có sức giải thoát cho người bệnh khỏi những ảo tưởng đang ám ảnh nàng. Trên nét mặt nàng sự căng thẳng và phần nộ đã biến mất. Về dịu dàng và đau đớn quen thuộc của nàng trong suốt thời gian bị bệnh lại trở lại với nàng.

Nàng mở mắt, và khi nhìn thấy người bạn gái đang cúi xuống nhìn mình, nàng đặt bàn tay lên cánh tay cô và muốn kéo cô lại.

Cô đội viên Cứu tế đoán ra hơn là nắm được ý nghĩa của sự động chạm nhẹ này. Cô hiểu ra lời cầu khẩn thầm lặng trong đôi mắt người ốm và cúi sát xuống môi nàng:

- Davit Hô – Người hấp hối thì thào nói.

Cô đội viên Cứu tế lắc đầu, cô sợ rằng mình đã nghe không rõ. Người ốm cố gắng đến cực độ để diễn đạt ý mình. Nàng nhắc lại, sau mỗi tiếng lại dừng một chút:

- Đa...vid...Hôm. Cho người đi tìm Đa...vid...Hôm.

Vừa nói nàng vừa nhìn chăm chăm vào mắt bạn, cho đến lúc cô bạn cuối cùng hiểu được ý nàng. Bấy giờ nàng mới buông mình thêm thiếp; và mấy phút sau nàng đã lại ở rất xa, ở giữa một cảnh tượng tàn khốc nào đó làm cho tâm hồn nàng tràn đầy tức giận và lo âu.

Cô bạn của nàng ngồi thẳng dậy. Cô không khóc nữa. Cô đang bị một nỗi xúc động dày vò làm cạn hết những dòng nước mắt.

- Chị ấy muốn chúng ta cho người đi tìm Đavit Hô-m!

Lời yêu cầu của người hấp hối có vẻ thật kinh khủng. Bà đội trưởng cao lớn đã nghe thấy thế cũng choáng váng cả người như bạn gái của nàng.

Đavit Hô-m à? – Bà kêu lên – Không thể được – Làm sao có thể để Đavit Hô-m đến gần một người hấp hối?

Bà mẹ người ốm đã theo dõi những thay đổi trên nét mặt con gái bà, khuôn mặt này đã trở lại dáng vẻ vị một quan tòa phần nộ. Bà đưa mắt hỏi thăm hai người phụ nữ.

- Xơ Ê-đi muốn cho người đi tìm Đavit Hô-m. - Bà đội trưởng đội quân Cứu tế nói, - nhưng chúng tôi không biết có nên làm như vậy không?

- Đavit Hô-m? Bà mẹ ngơ ngác hỏi – Đavit Hô-m là ai?

- Đó là một trong những người đã làm cho xơ Ê-đi rất vất vả, một trong những người mà Chúa đã không để cho xơ tác động đến bằng quyền lực của nàng.

Bà mẹ người bệnh đưa mắt cay đắng nhìn cô đội viên trẻ:

- Khi con gái tôi còn giữ được một đốm lửa của sự sống thì nó đã thuộc về các người rồi. Bây giờ nó sắp chết, các người phải để nó lại cho tôi.

Vấn đề có vẻ như đã được giải quyết. Cô đội viên trẻ lại ngồi xuống chân giường. Bà đội trưởng lại ngồi xuống chiếc ghế nhỏ, bà nhắm mắt và đắm mình trong một bài cầu nguyện lầm rầm. Hai người thoáng nghe được một vài tiếng trong bài cầu nguyện của bà thì hiểu rằng bà đang cầu xin Chúa cho linh hồn của cô xơ trẻ tuổi được yên ổn rời khỏi cõi đời, không phải bận tâm và

day dứt vì những nghĩa vụ và những lo âu trên trái đất đau thương gian khổ này nữa.

Bà bị dứt khỏi bài cầu nguyện vì cô đội viên trẻ nhẹ nhàng đặt tay lên vai bà.

Một lần nữa người ốm lại tỉnh lại. Nhưng lần này nàng không còn cái vẻ dịu dàng và nhần nhục như trước nữa. Vầng trán nàng sẫm tối lại phản ánh một cơn giông tố trong lòng.

Cô đội viên bé nhỏ lập tức cúi xuống phía nàng, và cô nghe rõ mồn một câu hỏi này của nàng với giọng đầy trách móc:

- Xơ Maria, tại sao xơ không cho đi tìm Đavit Hôm?

Cô gái hần cũng muốn nêu lên vài câu từ chối, nhưng cô đọc được trong mắt người hấp hối một điều gì làm cho cô phải nín lặng.

- Tôi sẽ đi tìm anh ấy ngay. Xơ Êđi ạ! – Cô nói.

Rồi quay lại phía bà mẹ cô nói như để xin lỗi:

- Cháu chưa bao giờ có thể từ chối Xơ Êđi một điều gì, và tối nay cháu không thể bắt đầu làm trái ý chị ấy được.

Người bệnh lại nhắm mắt, buông một tiếng thở dài nhẹ nhõm, và cô bạn trẻ của nàng rời khỏi căn phòng nhỏ bé đã trở lại yên tĩnh. Bà đội trưởng vẫn nhiệt thành và âu lo cầu nguyện. Lòng ngực của người bệnh khò khè, và người mẹ nàng xích lại gần giường hơn nữa như thể để che chở cho đứa con tội nghiệp của bà chống lại sự đau đớn và cái chết.

Một lát sau, người bệnh nhìn chung quanh mình, cũng với vẻ sốt ruột như ban nãy. Nhưng khi thấy chỗ ngồi của bạn mình bỏ trống, nàng hiểu rằng ý muốn của nàng đã được coi trọng; và vẻ mặt của nàng dịu đi. Nàng không muốn nói gì nữa; nàng cũng không trở lại trạng thái mê man nữa; nàng tỉnh táo ra.

Bỗng có tiếng một người nào đó đi vào nhà và bước qua gian phòng ngoài. Người bệnh hầu như nhóm dậy trên giường. Cô bạn của nàng ló mặt vào cánh cửa hé mở.

- Tôi không dám vào ngay trong phòng. – Cô nói – Tôi mang theo nhiều hơi lạnh quá. Đội trưởng Andecxơn, chị ra đây một

lát được không?

Cô trông thấy ánh mắt đầy vẻ đợi chờ của người bệnh chăm chăm nhìn vào mình.

- Tôi không sao gặp được anh ấy. – Cô nói – nhưng tôi đã tìm được Gúttapxon và mấy đội viên Cứu tế khác, họ đã hứa với tôi sẽ đưa anh ấy đến. Gúttapxon đã hứa như vậy, và nếu có thể anh ấy sẽ được đưa đến đây.

Cô chưa dứt lời thì người bệnh đã lại nhắm mắt và lại thiếp đi giữa những ảo ảnh đã thu hút nàng suốt cả ngày.

- Chị ấy nhìn thấy anh ta chắc? – Cô đội viên trẻ thì thầm.

Trong giọng nói của cô lộ ra một vẻ gì như là sự bức bối, song cô vội sửa lại ngay.

- Lay Chúa lòng lành vô cùng! Khi Chúa đã muốn như thế, điều đó chẳng bao giờ là một tai họa cả.

Cô rón rén đi ra, và bà đội trưởng đi theo cô.

Một người đàn bà đang đứng ở phòng ngoài. Chị ta chưa quá ba mươi tuổi. Nhưng da mặt chị xám xịt và nhăn nheo – dường như là bị một bàn tay thô bạo vò cho nhàu nát. Tóc chị thưa và người gầy đét đến nỗi nhiều cụ già còn có vẻ trẻ hơn khi đứng cạnh chị. Hơn nữa, chị ăn mặc rách rưới đến nỗi người ta thật sự ngỡ rằng chị cố tình ăn mặc như vậy để đi ăn xin.

Bà đội trưởng Đội quân Cứu tế ngắm người đàn bà này và bỗng thấy lòng rộn lên một mối lo sợ. Không phải vì quần áo chị ta rách rưới thảm hại, cũng không phải chị ta già trước tuổi làm cho người ta sợ hãi; chính là vì nét mặt đờ đẫn chết cứng của chị ta. Đó là một con người cũng đi lại, cử động như mọi người khác, nhưng hoàn toàn không hay biết gì cả. Hình như chị đã đau khổ quá nhiều đến nỗi linh hồn chị dừng lại trước một nơi như là một ngã tư đường, có thể trong phút chốc chìm vào điên dại.

- Đây là vợ của Đavít Hòm.- Cô xơ trẻ giải thích – Khi tôi đến nhà họ để tìm anh ta thì gặp chị ấy như vậy. Anh ta đi vắng; chị ấy ở nhà một mình và không thể trả lời được những câu hỏi của tôi. Tôi không dám để chị ấy ở lại đấy, thế là tôi đưa chị ấy đến đây.

- Vợ của Đavít Hôm! – Bà đội trưởng kêu lên. – Chắc chắn là tôi đã có lần gặp chị ta rồi; nhưng tôi không nhận ra chị ta. Có chuyện gì xảy ra cho chị ấy thế nhỉ?

- Chuyện gì xảy ra cho chị ấy à? Tôi tưởng cứ nhìn là biết ngay thôi. – Cô xơ trẻ trả lời với một cử chỉ giận dữ bất lực. – Chồng chị ta đang giết chị ta chết dần chết mòn.

Bà đội trưởng vẫn nhìn người đàn bà tội nghiệp. Đôi mắt chị ta trợn trừng; hai con ngươi bất động một cách buồn bã. Những ngón tay chị ta móc xoắn lại với nhau và lâu lâu đôi môi chị ta lại run rẩy một cách yếu ớt.

- Lạy Chúa, anh ấy đã làm gì chị ta thế kia? – Bà đội trưởng hỏi.

- Tôi chẳng biết gì cả. Chị ta không thể trả lời tôi được. Khi tôi đến, chị ta cũng run rẩy như thế. Mấy đứa con chị không có nhà, và chẳng có một ai để hỏi thăm cả. Ôi lạy Chúa, lạy Chúa, làm sao mà mọi việc lại xảy ra đúng ngày hôm nay? Làm sao tôi có thể chăm sóc chị ta khi bụng dạ tôi chỉ còn nghĩ đến xơ Êđi thôi?

- Có lẽ anh ấy đã đánh chị ta.

- Ồ, chắc còn phải tệ hơn thế nữa. Tôi đã nhiều lần thấy những người vợ bị đánh; họ không bao giờ có vẻ mặt như thế này. Không, không, chắc hẳn là có một điều gì trầm trọng hơn thế. Cô nhắc lại với một vẻ khủng khiếp mỗi lúc một tăng thêm. – Chúng ta đã thấy trên vẻ mặt của xơ Êđi một điều gì khủng khiếp đang xảy ra ở đây.

- Thật thế! – Bà đội trưởng kêu lên. – Đó chính là điều mà xơ Êđi đã nhìn thấy. Đội ơn Chúa là xơ Êđi đã nhìn thấy được điều đó, và xơ đã đến kịp, xơ Maria ạ! Xin ngợi ca và cảm tạ Chúa! Chắc hẳn rằng Chúa muốn chúng ta cứu chị ấy khỏi bị mất trí.

- Nhưng tôi làm gì được cho chị ấy bây giờ? Dắt tay, chị ấy đi theo, nhưng nói thì chị ấy chẳng nghe thấy gì cả. Linh hồn chị ấy đã bay đi mất rồi. Làm sao bắt lại được và trả linh hồn cho chị ấy? Tôi chẳng có quyền lực gì đối với chị ấy cả. Có lẽ chị làm thì kết quả hơn, chị đội trưởng ạ.

Người phụ nữ cao lớn đẩy đà nắm lấy bả tay của người phụ nữ tội nghiệp và nói với chị ta bằng một giọng khi thì dịu dàng,

khi thì nghiêm khắc, nhưng khuôn mặt khô héo tội nghiệp kia không tỏ ra hiểu được tí gì.

Giữa lúc họ đang cố gắng một cách vô hiệu như vậy thì mẹ của người bệnh ló đầu ra cửa.

- Êđi trở nên lo lắng. – Bà nói – hai chị vào xem sao?

Hai đội viên Cứu tế vội trở vào căn phòng nhỏ. Người ốm vật vã trên giường. Nàng vật vã có lẽ không phải vì đau đớn về thể xác mà là do một nỗi lo lắng về tinh thần. Nhưng vừa nhìn thấy hai người bạn của mình ngồi ở chỗ cũ, nàng lại dịu đi ngay và nhắm mắt lại.

Bà đội trưởng khẽ ra hiệu cho bạn mình ở lại bên người ốm, còn bà sắp sửa lén ra ngoài.

Vừa lúc ấy cánh cửa mở ra và vợ của Đavit Hôm bước vào.

Chị ta đi thẳng đến giường và dừng lại, đôi mắt đại dờ, người run rẩy như lúc nãy và những ngón tay khô cứng đan xoắn vào nhau làm cho các khớp xương kêu răng rắc.

Một lúc lâu chị ta hình như không trông thấy gì, nhưng dần dần đôi mắt chị ta bớt dờ dần. Chị ta hơi cúi xuống phía trước và từ từ xích lại gần khuôn mặt Êđi. Bỗng nhiên chị ta có một vẻ đe dọa hung dữ, những ngón tay chị rời ra và uốn cong lại như những cái vuốt. Hai người đội viên Cứu tế chồm dậy, sợ người đàn bà mất trí sẽ vồ lấy người con gái đang hấp hối.

Lúc ấy cô xơ bé nhỏ mở mắt ra; trông thấy con người đáng sợ khốn khổ nửa điên nửa dại kia, nàng ngồi nhồm dậy trên giường và đặt hai cánh tay ôm quanh cổ chị. Nàng kéo chị ta về phía mình với tất cả sức lực mà nàng còn có thể có được và hôn lên mặt lên má, lên trán, lên mắt chị ta và thì thào:

- Ôi, chị Hôm tội nghiệp! Chị Hôm tội nghiệp!

Người đàn bà khốn khổ mới đầu như có vẻ muốn gó ra khỏi vòng tay của bạn, nhưng đột nhiên người chị ta rung lên. Chị ta òa khóc và sụp quỳ xuống cạnh giường, đầu vẫn áp vào má người hấp hối.

- Chị ta khóc, xơ Maria, chị ta khóc! Bà đội trưởng ngây ngất thẳm thì. – Thế là chị ta đã được cứu thoát.

Cô đội viên Cứu tế trẻ tuổi nắm chặt chiếc khăn tay dầm nước mắt và thì thầm, cố gắng một cách tuyệt vọng để giữ cho giọng nói được bình tĩnh:

- Chỉ có xơ Êđi mới có thể làm những việc như vậy, đội trưởng ạ! Khi chị ấy không còn nữa thì chúng ta sẽ ra sao?

Vừa lúc ấy họ bắt gặp cái nhìn khẩn khoản của bà mẹ.

- Vâng, vâng - Bà đội trưởng nói, - chúng tôi sẽ đưa chị ấy đi. Và chẳng không nên để chồng chị ấy gặp chị ấy ở đây...Không, xơ Maria, xơ cứ ở lại với bạn của xơ. - Bà nói tiếp khi thấy cô đội viên Cứu tế trẻ tuổi định ra khỏi phòng. - Tôi sẽ chăm nom người đàn bà tội nghiệp này.

2

Cũng trong buổi chiều cuối năm này, nhưng muộn hơn, lúc đêm đã buông xuống, ba người đàn ông ngồi uống bia và rượu trắng trong cái công viên nhỏ bao quanh ngôi nhà thờ thành phố. Họ ngồi trên một bãi cỏ héo, dưới mấy cây đoạn có cành màu đen lấp lánh ướt. Họ đã qua buổi tối trong một quán rượu nhỏ, và khi quán đóng cửa, họ kéo đến đây ngồi uống rượu ngoài trời. Họ thừa biết đêm nay là đêm lễ thánh Xinvetxtơ, chính vì thế mà họ đến ngồi ở công viên nhà thờ. Họ muốn gần cái đồng hồ, nghe mười hai tiếng chuông nửa đêm và chạm cốc mừng năm mới.

Chỗ họ ngồi không tối, những bóng đèn điện hình cầu mắc cao ở những đường phố gần đấy chiếu ánh sáng xuống công viên. Hai người trong số họ đã có tuổi và tàn tạ, hai kẻ lang thang già dầy dạn mò vào thành phố trong những ngày lễ này, đem những đồng xu thăm hại đi ăn xin góp nhặt được để mua rượu uống.

Người thứ ba là một người đàn ông trạc ngoài ba mươi tuổi. Anh ta cũng ăn mặc thảm hại như hai người kia, nhưng vóc người cao lớn và có thân hình đẹp. Cuộc sống hình như chưa đánh gục được sức lực của anh ta.

Họ sợ cảnh sát phát hiện và xua đuổi nên ngồi sát lại với nhau và nói chuyện thì thào. Người trẻ tuổi hơn đang nói, hai người kia chăm chú nghe đến nỗi có lúc quên cả uống rượu.

- Phải, trước kia tôi có một thằng bạn nổi khố, - anh ta nói, giọng trầm xuống, gần như bí hiểm, một tia sáng hóm hỉnh lóe lên trong đôi mắt, - và cứ đến ngày cuối năm là thằng bạn nổi khố ấy của tôi trở nên khác hẳn. Không phải là hẳn bạn tính toán tiền nong gì, hoặc phải kêu ca phàn nàn gì về việc lỗ lãi trong năm. Không, hẳn nghe người ta nói rằng có một điều gì nguy hiểm và hung dữ có thể xảy đến với hẳn trong ngày hôm ấy. Tôi quả quyết với các anh rằng hẳn lăm lè và lo lắng suốt cả ngày và ngay đến cốc rượu cũng không dám ngó đến. Thường thường hẳn không phải là người rầu rĩ, nhưng đến đêm lễ thánh Xinvetxtơ thì không thể nào lười hẳn đến một cuộc vui nhỏ như thế này, cúng như các bạn không thể nào chạm cốc với quan Thống đốc vậy!..

“Các anh muốn hỏi rằng hẳn sợ cái gì ư? Hẳn không đi rêu rao điều ấy cho mọi người biết; nhưng có một lần hẳn đã thổ lộ với tôi. Nhưng có lẽ các anh chẳng thích nghe câu chuyện này vào đêm nay đâu nhỉ? Ở trong cái công viên nhà thờ người ta thấy có phần không được thoải mái, ở nơi này chắc chắn ngày xưa là một cái nghĩa địa, các anh có thấy thế không?”

Hai kẻ lang thang liền cam đoan rằng họ chẳng sợ ma, nên bạn của họ nói tiếp:

- Bố mẹ hẳn nhà giàu. Hẳn đã theo học một thời gian ở đại học Upxan, cho nên hẳn hiểu biết hơn chúng ta nhiều, và các anh hãy tưởng tượng rằng hẳn ở yên như vậy trong ngày cuối năm là chỉ vì hẳn sợ bị lôi kéo vào một cuộc ẩu đả hay bị một tai nạn gì đó làm cho hẳn có thể mất mạng. Hẳn chỉ sợ phải chết vào ngày hôm đó, vì hẳn tin rằng nếu bị chết vào ngày hôm đó thì sẽ bị buộc phải đi đánh xe bò cho Thần Chết..

- Đánh xe bò cho Thần Chết? – Hai kẻ lang thang đồng thanh nhắc lại với một giọng dò hỏi.

Gã đàn ông cao lớn thích thú gọi trí tò mò của họ bằng cách lên giọng trịnh trọng hỏi họ rằng, dù thế nào đi chăng nữa họ có nhất quyết nghe chuyện này ở chỗ họ đang ngồi hiện nay hay không? Nhưng hai người kia cứ thúc anh ta tiếp tục kể.

- Vậy thì thằng bạn của tôi cho rằng có một cái xe bò cũ kỹ, kiểu như xe nông dân dùng để chở thực phẩm đi chợ, nhưng mà cũ kỹ hư nát đến nỗi cái xe ấy chẳng bao giờ dám ló mặt ra trên những con đường lớn. Cái xe ấy lấm bê bết bùn và bụi bặm, đến nỗi người ta không còn biết được nó làm bằng gì. Một chiếc trục đã gãy, còn vành bánh xe thì lúc la lúc lắc; những bánh xe này không bao giờ được tra dầu mỡ nên kêu cọt kẹt đến kinh người. Thùng xe đã mục, đệm ghế rách toác. Một con ngựa già chột, chân đi khắp khiễng, bồm và đuôi đã lốm đốm bạc, kéo lê cái xe tàng này. Lưng nó gãy đến nỗi xương sống nó nhô lên như một cái lưỡi cưa; xương sườn thì có thể đếm được từng chiếc. Bốn vó đã bị cứng khớp đến một nửa. Nó lười nhác, mang bộ yên cũ kỹ bạc phếch vá víu bằng những sợi dây và cành liễu. Không còn một thứ trang trí bằng bạc nào cả, chỉ có những túp len lơ thơ bẩn thỉu, và những dây cương thì thắt nút và khâu nổi nhiều chỗ, rất tương xứng với bộ yên.

Anh ta dừng lại và với tay nắm lấy chai rượu để cho những người nghe chuyện của mình có đủ thời giờ hiểu được.

- Có lẽ các anh không thấy như vậy là tuyệt diệu, - anh ta nói tiếp - nhưng lại còn người đánh xe nữa. Lão ta ngồi còng lưng và ủ rũ trên cái ghế nát. Môi lão tím đen, mặt tái mét, mắt lơ đãng như những chiếc gương đã mờ hết nước thủy. Lão khoác một chiếc áo choàng không có tay, rộng, màu đen, với một cái mũ trùm đầu kéo đến tận mắt, và lão cầm trong tay một chiếc hái cán dài, gỉ và cùn. Bởi vì các anh biết không, con người ấy không phải là người đánh xe bình thường, lão ta phục dịch một vị chúa tể lớn nghiêm khắc mệnh danh là Thần Chết. Ngày đêm lão đi khắp nơi để làm nhiệm vụ. Có người nào sắp chết là lão đến ngay trên chiếc xe bò cọt kẹt của lão, con vật khắp khiễng khốn khổ của lão chạy nhanh được bao nhiêu lão đến nhanh được bấy nhiêu.

Người kể chuyện dừng lại và nhìn mặt hai kẻ lang thang. Họ nghe rất chăm chú, và anh ta kể tiếp:

- Các anh chắc đã thấy những bức tranh vẽ Thần Chết, bao giờ cũng thấy Thần Chết đi bộ. Cho nên người đánh xe bò mà tôi nói đây không phải chính Thần Chết, mà chỉ là đầy tớ của Thần Chết

mà thôi. Các anh hiểu rằng một nhân vật lớn như vậy chỉ thềm thu hoạch một vụ mùa tốt đẹp nhất, còn người đánh xe bò chỉ được giao cho nhặt nhạnh những cọng cỏ thảm hại và những cây thuốc mọc ở mép hố. Nhưng đây mới là điều ly kỳ nhất trong tất cả câu chuyện này: ít ra thì cũng hình như là, mặc dù xe cộ ngựa nghèo tồi tàn thì vẫn là một trong những người đánh xe bò không phải bao giờ cũng là người đó. Người chết cuối cùng trong năm người trút linh hồn đúng vào lúc chuông đồng hồ đánh mười hai tiếng nửa đêm, đó là người được số phận định sẵn phải làm người đánh xe cho Thần Chết. Thế xã người ấy sẽ được chôn cất như tất cả những người chết khác; nhưng linh hồn y sẽ bị buộc phải đội chiếc mũ trùm đầu và phải cầm cái hái để đi từ nhà người chết này đến nhà người chết nọ trong suốt cả năm cho đến khi một người khác đến thay phiên cho y vào ngày lễ thánh Xinvetxtơ.

Người kể chuyện dừng lại và đưa mắt nhìn hai người đàn ông bé nhỏ với một cái nhìn đợi chờ hóm hỉnh. Anh ta nhận thấy họ ngửa cổ ra đằng sau để cố nhìn, nhưng chẳng nhìn thấy đồng hồ chỉ mấy giờ.

- Chuông đồng hồ vừa điểm mười một giờ ba khắc, - anh ta nói tiếp - như vậy là thời điểm nguy hiểm chưa đến. Chưa có nguy cơ gì đâu. Nhưng bây giờ các anh hiểu thằng bạn tôi sợ cái gì rồi chứ? Hắn sợ phải chết vào đúng lúc giao thừa và trở thành người đánh xe bò cho Thần Chết. Tôi cho rằng suốt cả ngày hắn cứ tưởng tượng như nghe thấy tiếng xe bò kêu cọt két chạy lộc cộc trên những phiến đá lát đường. Và các anh có biết không, hắn hình như đã chết năm ngoái đúng vào buổi tối, ngày lễ thánh Xinvetxtơ.

- Và đúng vào lúc nửa đêm à?

- Tôi chỉ biết hắn chết vào buổi tối, còn giờ nào thì không rõ. Và lại tôi cũng có thể đoán trước cho hắn biết rằng hắn sẽ chết đúng ngày hôm ấy, vì hắn cứ luôn bị điều đó ám ảnh. Nếu các anh cũng bị một ý nghĩ như vậy len vào tâm trí, các anh cũng rất có thể sẽ đi tong.

Hai người đàn ông rách rưới mỗi người nắm lấy một cổ chai, tu một ngụm mạnh ra trò làm cho họ thêm mạnh bạo.

Uống xong, chậm chạp và lão đảo, họ bắt đầu đứng dậy.

- Thế nào, các anh định bỏ rơi tôi trước giờ giao thừa và không chạm cốc với nhau à? – Người kể chuyện kêu lên và bắt đầu hỏi vì hậu quả của câu chuyện mình vừa kể - cái chuyện ba lằng nhằng cũ rích này mà các anh cũng cho là quan trọng đến thế ư? Thằng bạn tôi vừa nói chuyện với các anh ấy hẳn có phần nhu nhược, các anh thấy đấy, hẳn không như chúng mình đây, gốc gác Thụy Điển kỳ cựu. Thôi nào, làm thêm một ngụm nữa! Ngồi xuống đi chứ?

- May làm sao mà họ để chúng mình yên. – Anh ta nói tiếp khi họ đã lại ngồi xuống đất, - đây là nơi đầu tiên tôi được yên ổn trong ngày hôm nay. Còn ở khắp các nơi khác, nơi nào tôi cũng bị các cô đội viên Cứu tế quấy nhiễu, họ muốn đưa tôi đến gặp một người trong bọn họ là xơ Êđi đang hấp hối. Tôi đã từ chối. Tôi chẳng thiết gì nghe những lời thuyết giáo và cái giọng sùng đạo ỏn ẻn của họ; chắc chắn là chẳng có ai tự nguyện đến với họ đâu.

Hai người đàn ông bé nhỏ, mặc dù đầu óc đã rối tinh sau những cốc rượu đầy tràn, vẫn giật mình khi nghe nói đến tên xơ Êđi. Họ hỏi đó có phải là người chủ trì ở trung tâm cứu tế hay không?

- Phải, phải. – Người trẻ tuổi trả lời. Mùa đông này tôi đã vinh dự được cô ấy đặc biệt chú ý. Tôi hy vọng cô ấy không phải trong số những người bạn thân thiết của hai anh, và cái tang cô ấy đối với các anh sẽ không quá đau đớn.

Chắc hẳn trong trái tim của hai người già lang thang này còn giữ lại kỷ niệm của xơ Êđi vì cả hai cùng đồng thanh tuyên bố một cách cương quyết rằng nếu xơ Êđi đã gọi người nào thì người ấy phải đến để cho cô ta gặp.

- Các anh nghĩ như vậy à? – Người bạn thứ ba đáp lại. – Tôi sẽ đến nếu các anh nói cho tôi biết xơ Êđi gặp tôi thì sẽ được li lộc gì?

Hai kẻ lang thang chẳng người nào thử tìm cách trả lời câu hỏi này. Họ chỉ tiếp tục thúc dục anh kia phải đi, và thấy anh này cứ từ chối mãi lại còn chế diễu họ, họ bèn nổi cáu đến mức dọa sẽ nện anh ta nếu anh ta không vui lòng đi gặp xơ Êđi.

Họ lại còn đứng lên, xắn tay áo, trong tư thế sẵn sàng thực hiện lời đe dọa của mình.

Đối thủ của họ tin chắc mình là kẻ cao lớn nhất và khỏe mạnh nhất trong thành phố này lấy làm thương hại cho hai kẻ thân tàn ma dại đáng thương kia.

- Nếu nhất thiết phải đánh nhau, - anh ta nói, - thì tôi sẵn sàng. Nhưng tôi nghĩ rằng chúng ta có thể cố gắng thỏa thuận với nhau được, nhất là vì việc này lại quan hệ đến cái chuyện tôi vừa kể với các anh lúc nãy.

Hai người say rượu có lẽ không còn hiểu tại sao họ lại nổi giận, nhưng cái máu thích ấu dả của họ đã bị kích thích, và họ xông vào đâm đá anh ta. Anh này tự tin ở ưu thế của mình đến nỗi cứ ngồi không thêm đứng dậy. Anh ta chỉ đưa tay gạt họ ra và xô họ ngã sang bên phải và bên trái như hai con chó con. Nhưng cũng như những con chó con, họ lại xông vào tấn công, và một trong hai người đã tổng được một cú khá mạnh vào giữa ngực anh chàng cao lớn. lát sau, người trẻ tuổi cảm thấy có cái gì nóng nóng dâng lên cổ họng và trào ra đầy mồm. Vì anh ta biết một lá phổi của mình đã bị tổn thương một nửa nên hiểu rằng mình bị thổ huyết. Anh ta thôi không chống cự nữa và nằm vật xuống đất, trong khi máu ồng ộc phun ra khỏi mồm.

Điều đó đã là rất trầm trọng rồi, nhưng cái làm cho tai họa hầu như không thể nào cứu chữa được, đó là hai kẻ lang thang kia, khi cảm thấy có một tia máu nóng bắn vào tay mình, và thấy đối thủ nằm sóng soài dưới đất, tưởng rằng họ đã giết chết anh ta, ben bỏ chạy. Một lát sau, cơn thổ huyết ngừng lại, thật thế, nhưng anh ta chỉ hơi cố sức để đứng dậy thì máu lại ộc ra.

Đêm nay không rét lắm; nhưng nằm sóng soài trên đất, người đàn ông cảm thấy hơi lạnh thấm vào người. Anh ta hiểu nếu không có ai đến cứu thì mình đi đứt. Cái công viên này gần như là ở trung tâm thành phố, và đêm nay là lễ thánh Xinvetxtơ, ngoài đường có nhiều người đi lại, nên anh ta nghe thấy tiếng người đi trên con phố xung quanh nhà thờ, nhưng không ai đi vào khu vườn này cả. Thật là đau xót khi nghe được tiếng chân và giọng nói của họ, mà lại có lẽ sẽ chết ngay bên cạnh họ.

Anh ta chờ một lúc nữa, nhưng bị hơi lạnh đâm buốt vào người và không đủ sức đứng lên được, anh ta quyết định lên tiếng kêu cứu.

Lại một lần nữa không may cho anh ta, vì đúng lúc anh ta cất tiếng kêu thì đồng hồ trên tháp chuông bắt đầu đáng mười hai tiếng. Tiếng kêu tội nghiệp của con người bị chìm vào làn sóng

âm thanh của chiếc chuông đồng, và chẳng có ai nghe thấy được. Vì gắng sức, cơn thổ huyết lại tiếp tục, mạnh đến mức anh ta sợ sẽ mất hết máu. “Ta sẽ chết đúng vào lúc chuông điểm giao thừa sao?” – Anh ta tự bảo, và cùng lúc đó anh ta cảm thấy mình lịm đi. Khi tiếng chuông cuối cùng vang lên báo hiệu năm mới bắt đầu, anh ta chìm vào bóng tối đen ngòm và không còn hay biết gì nữa.

3

Đồng hồ vừa điểm tiếng cuối cùng xong, một tiếng cọt kẹt lạch điệu và chói tai xuyên qua không khí.

Tiếng cọt kẹt vang lên cách quãng như là phát ra từ một chiếc bánh xe khô dầu, nhưng đó là một tiếng kêu xé tai và khó chịu đến nỗi một chiếc xe tồi tàn nhất cũng không thể phát ra tiếng kêu như vậy. Tiếng kêu ấy gây nên sự lo âu. Nó làm thức dậy như một mối linh cảm về tất cả những nỗi khổ ải và đau đớn mà người ta có thể tưởng tượng được. Cũng may mà phần đông những người thức đón giao thừa không nghe được tiếng cọt kẹt ấy.

Đavit Hô, sau cơn thổ huyết dữ dội, dẫy dựa và thử cố tỉnh lại. Anh ta nghe thấy hình như có một cái gì đánh thức anh ta, giống như tiếng kêu xé tai của một con chim bay qua đầu, nhưng anh ta bị giữ chặt trong cơn tê cóng không thể nào dứt ra được.

Chẳng bao lâu, anh ta biết chắc rằng không phải là tiếng chim kêu: đó là chiếc xe bò cũ kỹ của Thần Chết mà anh ta đã kể chuyện cho hai kẻ lang thang nghe, chiếc xe đang đến gần và đang đi qua công viên nhà thờ, kêu cọt kẹt và rên rỉ. Nhưng mặc dù đang nửa tỉnh nửa mê, anh ta cũng gạt bỏ cái ý nghĩ về chiếc xe của Thần Chết. Chẳng qua là vì lúc này anh ta nghĩ đến nó

nhieu quá nên bây giờ tưởng tượng thấy tiếng kêu của nó đấy thôi.

Anh ta lịm đi, và tiếng cọt két bưng bình lại vang lên xé không khí. Đúng là tiếng một chiếc xe. Không phải điều tưởng tượng mà chính là sự thực. Thế là anh ta lại muốn thoát ra khỏi tình trạng tê cóng.

Trước hết anh ta nhận thấy mình vẫn nằm nguyên ở chỗ cũ và không có ai đến cứu. Tất cả vẫn như cũ, chỉ có thêm tiếng kêu cọt két chói tai, lặp đi lặp lại. Tiếng kêu có vẻ phát từ xa, nhưng nó mạnh xé tai đến nỗi anh ta không còn nghi ngờ gì là nó đã đánh thức anh ta dậy.

Anh ta tự hỏi không biết mình ngất đi đã lâu chưa; chắc là không lâu. Những người đi qua gần đấy đang gọi nhau và chúc nhau năm mới, do đó anh ta kết luận rằng giao thừa chỉ vừa mới điểm mà thôi.

Tiếng cọt két vẫn cứ vang lên; và vì Davit Hôm vốn ghét những tiếng kêu chói tai, nên anh ta rất muốn đứng dậy để đi ra khỏi chỗ này. Anh ta sẽ thử xem sao. Bây giờ anh ta đã thức dậy rồi, thì không thể nói trong phổi anh ta đang có một vết thương rộng hoác. Anh ta còn không thấy rét vì hơi lạnh ban đêm, và anh ta có cảm giác về cơ thể anh ta y như chúng ta có cảm giác về cơ thể của mình khi khỏe mạnh.

Anh ta vẫn nằm nghiêng như lúc anh ta nằm vật xuống khi bắt đầu thổ huyết; anh ta định nằm ngửa ra để xem cơ thể bị đau ê ẩm của mình có thể chịu đựng được như thế nào. “Trước hết, ta sẽ chống cùi tay để ngồi dậy thật nhẹ nhàng. – anh ta nghĩ, – rồi ta sẽ lật người và sẽ lại nằm xuống.”

Mỗi khi ta nghĩ rằng ta sẽ làm việc này việc nọ, thường thường ta thấy việc ấy thực hiện ngay. Những lần này thì một điều kỳ lạ xảy ra: cơ thể anh ta vẫn bất động và không chịu làm những động tác mà anh ta ra lệnh. Hay là vì đã nằm yên một chỗ quá lâu nên cơ thể anh ta bị lạnh cứng? Nhưng nếu như vậy anh ta đã chết rồi. Mà anh ta thì đang sống, vì anh ta nghe được và thấy được. Vả lại thời tiết lúc này không phải là lúc băng giá: những giọt nước trên cây vẫn rơi xuống đầu anh ta.

Anh ta quá bận tâm đến sự tê liệt lạ lùng này của cơ thể, nên trong một lúc anh ta quên bằng mất tiếng cọt két góm ghiếc kia, nhưng bây giờ anh ta lại nghe thấy nó. Nó đang đến gần. Nghe

rõ tiếng cỗ xe đang từ từ đi xuống Phố Lớn. Và chắc chắn đó là chiếc xe cà khổ cũ kỹ thảm hại, vì không những người ta nghe thấy tiếng bánh xe cọt kẹt, tiếng thùng gỗ rỗng rỗng, mà còn nghe thấy tiếng con ngựa đi một bước lại trượt và vấp trên đường phố trơn nhầy. Chắc hẳn chiếc xe bò của Thần Chết mà người bạn cũ của anh ta vô cùng kinh sợ cũng không thể gây nên nhiều tiếng ồn ào hơn thế.

“Này, cái lão Davit Hòm – anh ta tự bảo, - nói chung mày chẳng ưa gì cảnh sát, nhưng nếu lần này cảnh sát vui lòng can thiệp để chấm dứt cái tiếng inh ỏi này đi, ta sẽ biết ơn họ đấy”.

Davit Hòm vẫn thường tự khoe mình là người vui tính, nhưng cái tiếng cọt kẹt này, cộng thêm tất cả những gì đã xảy ra với anh ta vào đêm nay, làm cho anh ta bức bối cáu kỉnh. Anh ta mơ hồ cảm thấy lo sợ bị người ta tìm thấy ở trong tình trạng như thế này, tê liệt như một người chết, và biết đâu? Sẽ bị đem đem khâu liệm và đem chôn. “Ta sẽ nghe thấy tất cả những gì người ta nói xung quanh thi hài ta, và đó có lẽ là những điều cũng khó nghe như tiếng cọt kẹt này.”

Điều đó làm anh ta nghĩ đến xơ Êđi, không phải với ý hối hận, mà với một sự bức bối mơ hồ, như thể là bằng một cách nào đó, cô ta đã thắng được anh.

Bỗng nhiên anh ta ngừng lại và chăm chú lắng nghe một lúc lâu. Đúng rồi! Cỗ xe đã đi xuống tận cuối Phố Lớn, nhưng không rẽ ra quảng trường. Con ngựa không còn lóc cọc trên những phiến đá lát đường gồ ghề nữa, mà đang dẫm lên một lối đi rải cát. Nó đến từ phía nhà thờ. Nó đã đi vào công viên.

Sung sướng vì sắp được cứu giúp, anh ta lại cố sức một lần nữa để nhòe dấy. Nhưng kết quả vẫn như cũ, chỉ có ý nghĩ của anh ta hoạt động mà thôi.

Ngược lại anh ta nghe thấy rất rõ tiếng cỗ xe cũ kỹ lại gần. Khung xe kêu rỗng rỗng, trục xe cọt kẹt; cái xe cà khổ thảm hại kia liệu có đến được tận chỗ anh ta nằm không?

Chiếc xe tiến lại cực kỳ chậm chạp, làm cho nỗi sốt ruột của con người khốn khổ càng tăng thêm. Mà nó là xe gì mà đang nửa đêm lại đi vào công viên nhà thờ? Người đánh xe đi vào con đường này hẳn phải say rượu, có lẽ say bí tỉ nên khó mà cứu giúp được ai.

Bây giờ chắc là chiếc xe đã đến ngay bên cạnh anh ta. Tiếng cọt kẹt kinh khủng làm cho Đavit Hôh xúc động và nản lòng. “Tối nay mình thật xúi quẩy, - anh ta tự bảo, - bây giờ lại sắp thêm một tai họa mới: đây chắc phải là một chiếc xe bò rất nặng hay là một chiếc xe lu nó sắp cán bẹp mình.”

Lát sau, cuối cùng Đavit Hôh nhìn thấy chiếc xe xiết bao mong đợi này, và mặc dù nó chẳng phải là chiếc xe lu cán đường, anh ta cũng sợ nhủn người ra.

Vì anh ta không thể đảo được đôi mắt cũng như không thể cử động được các phần còn lại của cơ thể, nên anh ta chỉ nhìn thấy những gì ở ngay trước mặt mình mà thôi. Chiếc xe cọt kẹt từ phía bên cạnh đi đến, dần dần hiện ra. Trước hết là cái đầu của một con ngựa già với lông bờm màu trắng, mù hoặc chột, quay về phía anh ta một con mắt lơ dờ; rồi đến thân trước của nó với bộ yên và víu bằng những sợi dây thừng; rồi đến cả người con vật gầy xơ; cuối cùng là một chiếc xe bò cũ kỹ hư nát với đôi bánh xe lỏng lẻo, với chiếc ghế dài lắc la lắc lư.

Người đánh xe ngồi trên ghế dài. Bộ dạng của y hoàn toàn giống như hình ảnh mà Đavit Hôh đã tả cho các bạn anh nghe lúc nãy. Hai sợi dây cương y nắm ở tay toàn là những nút thừng thắt lại. Y đã kéo sụp cái mũ trùm đầu xuống tận mắt; lưng y còng còng, như thể bị một sự mệt mỏi thường xuyên đè nặng lên.

Khi Đavit Hôh bị ngất đi sau cơn thổ huyết dữ dội, anh ta thấy hình như linh hồn mình đã lìa bỏ mình như một ngọn lửa bị thổi tắt. Bây giờ thì không như vậy nữa. vì bây giờ anh ta thấy hình như linh hồn mình đang bị lắc, bị khuấy, bị vặn xoắn lại. Tất cả những gì xảy trước khi chiếc xe đi đến, lẽ ra phải chuẩn bị cho anh ta chứng kiến một chuyện gì phi thường, nhưng anh ta không muốn cho tâm trí mình bị bận bịu về chuyện đó. Và giờ đây khi anh ta thấy trước mắt mình những cảnh hiện ra từ một chuyện cổ tích quái dị, anh ta sửng sốt cả người.

“Cái này sẽ làm cho ta phát điên lên mất – giữa cơn thác loạn, anh ta tự bảo mình như vậy, - không những thể xác của ta sẽ bị nguy, mà cả lý trí của ta cũng thế.”

Vừa lúc ấy anh ta nhìn thấy mặt người đánh xe bò, và cảm thấy mình được cứu thoát! Con ngựa đã dừng lại, và người đánh xe nhô lên như thức dậy từ một giấc mơ. Y hất ngược cái mũ

trùm đầu lên với một cử chỉ vô cùng mệt mỏi và đưa mắt nhìn xung quanh như tìm kiếm một vật gì.

Đavit Hôm bắt gặp cái nhìn của y và nhận ra người bạn cũ:

- Giorgiơ đấy à! – Anh ta thềm kêu lên. – Hắn ăn mặc lôi thôi kỳ cục, nhưng đúng là hắn thật. Lâu nay hắn ở nơi quái nào ấy nhỉ? Có lẽ ít nhất đến một năm nay mình không gặp hắn. Nhưng Giorgiơ là một người rảnh rang, không vợ không con. Hắn có vẻ như từ xa đến, có lẽ ở tận Bắc cực về. Nom người hắn nhợt nhạt và giá cóng.

Anh ta chăm chú nhìn người đánh xe bò vì có một vẻ gì xa lạ trên mặt y. Nhưng đó chỉ có thể là người bạn nổi khổ cũ Giorgiơ, bạn rượu của anh ta. Anh ta nhận ra cái đầu to ấy với cái mũi khoằm khoằm, hàng ria đen to tướng và bộ râu cằm nhọn hoắt. Một con người có cái đầu như vậy, cái đầu mà bất cứ một viên đội nào, nếu không nói là bất cứ một ông tướng nào cũng lấy làm tự hào, một con người như vậy mà tưởng rằng người ta không nhận ra mình dù ăn mặc bất cứ như thế nào, thì thật là lảm to.

- Thế nhưng mình đã nghe người ta kể, - Đavit Hôm tiếp tục đọc thoại, - rằng Giorgiơ đã chết trong một nhà thương ở Xtôckhôm năm ngoái, đúng vào ngày cuốn năm. Chắc chắn đó là một sự nhầm lẫn, vì chính hắn đang ở đây, bằng xương bằng thịt. Chỉ cần thầy hắn nhồm dấy là biết ngay! Đích thị là Giorgiơ với cái thân hình thảm hại không tương xứng chút nào với cái đầu hạ sĩ của hắn. Và lúc hắn từ trên xe bò nhảy xuống, và cái áo choàng của hắn hé mở ra, thì mình nhìn thấy rõ hắn vẫn mặc chiếc áo đuôi tôm rách mướp dài đến tận gối. Cái tay Giorgiơ tội nghiệp này áo cài khuy lên tận cổ như mọi khi, chiếc cà vạt đỏ dài lồng phồng dưới cằm, và chẳng có gilê, cũng chẳng có áo lót, y hết như ngày xưa vậy.

Đavit Hôm cảm thấy phấn chấn hẳn lên.

- Tớ mà khỏe lại, - anh ta tiếp tục nói một mình, - tớ sẽ cho lão Giorgiơ biết tay vì cái tội trêu tớ như thế này. Suýt nữa hắn làm tớ phát hoảng vì cái kiểu ăn mặc lố lăng của hắn. Chỉ có Giorgiơ mới nảy ra ý nghĩ “sẩm” một chiếc xe bò và một con ngựa như vậy để đến tìm tớ như thế này. Tớ thì chẳng bao giờ bày ra được một trò như vậy. Bao giờ Giorgiơ cũng là bậc thầy của tớ về mọi mặt.

Trong lúc ấy, người đánh xe bò đã đến gần người đàn ông nằm sóng soài dưới đất. Y dừng lại và ngắm người này. Vẻ mặt của y nghiêm khắc và bất động. Chắc y không nhận ra người nằm trước mặt y.

- Có một điều mà tớ không thể nào hiểu được trong chuyện này. – Davit Hô tiếp tục. – Trước hết là làm sao mà hắn lại biết được rằng hai lão bạn kia đã cùng với tớ ngồi trên đám cỏ này? Rồi thì, mặc dù là với mục đích đến đây dọa cho chúng tớ một mẻ, làm sao hắn lại dám cải trang thành Người đánh xe bò cho Thần Chết, điều mà hắn rất sợ?

Người đánh xe bò cúi xuống Davit Hô mà vẫn có vẻ như chưa nhận ra anh ta. “Kẻ khốn khổ này sẽ chẳng mấy vui lòng khi biết rằng hắn sắp phải thay phiên cho ta”. Y thầm thì.

Chống tay lên cái hái, y đưa sát hơn nữa mặt mình vào người nằm dưới đất, và bỗng nhận ra anh ta. Thế là y cúi sát vào anh ta, hất mạnh cái mũ trùm đầu lên và nhìn vào tận đáy mắt người bạn cũ của mình.

- Ồ! – Y kinh hoàng kêu lên. – Đây là Davit Hô! Thế mà trước đây ta chỉ có một lời cầu nguyện: đó là chuyện này đừng xảy đến cho ta.

- Davit, Davit, có thể nào lại là cậu đấy ư? – Y vừa nói vừa ném cái hái xuống đất và quỳ bên cạnh Davit.

- Trong suốt cả năm nay, - y nói tiếp với một giọng đau đớn và yêu thương, - tớ cứ mong mỗi có cơ hội nói với cậu một câu, chỉ một câu thôi, trước khi quá muộn. Có một lần, tớ đã suýt gặp cái cơ hội ấy, nhưng cậu đã chẳng muốn cho tớ được gặp, nên tớ đã không thể đến với cậu được. Tớ đã hy vọng đạt được điều đó trong một giờ nữa khi tớ đã hết hạn phục vụ và được rảnh rang. Nhưng mà cậu đã ở đây rồi, Davit ạ. Tớ không kịp báo cho cậu biết mà đề phòng nữa.

Davit Hô rất đỗi ngạc nhiên nghe những lời này. “Thế nghĩa là thế nào?” – Anh ta tự hỏi. – Giorgiô nói như là hắn đã chết. Và hắn đã ở gần mình lúc nào mà lại không đến được với mình nhỉ? Nhưng chắc là hắn nói vậy cho thích hợp với cái điệu cải trang của hắn đấy thôi.”

- Tớ biết, Davit ạ, - người đánh xe bò nói tiếp với một giọng run run xúc động, - rằng do tớ mà cậu đến nỗi như thế này. Nếu cậu

không gặp tớ, có lẽ cậu đã sống một cuộc đời yên ổn và lương thiện. Vợ chồng cậu có lẽ đã sung túc, vì cả hai người đều chịu khó làm ăn. Cậu có thể tin chắc rằng, Davit ạ, trong suốt cả cái năm dài đằng đặc này, không có một ngày nào trôi qua mà tớ không lo lắng tự bảo rằng chính tớ đã làm cho cậu rời bỏ cuộc sống cần cù của cậu và nhiễm lấy những thói hư tật xấu này. Than ôi! – Y thở dài và vuốt tay lên mặt bạn, - tớ rất sợ rằng cậu đã lầm lạc nhiều hơn cả tớ có thể ngờ được! Nếu không như vậy thì sao tớ lại có thể nhìn thấy xung quanh mắt và miệng cậu những dấu vết kinh khủng và khắc sâu như thế này.

Tâm trạng của Davit Hôm bắt đầu chuyển thành sốt ruột.

- Thôi đừng đùa nữa, Giorgio! – Anh ta nghĩ bụng mà vẫn không thể thốt lên được một lời nào. – Tốt hơn là cậu hãy đi tìm một người nào đó để giúp cậu khiêng tớ lên chiếc xe bò của cậu! Rồi thì đi đến nhà thương!

- Chắc cậu đã hiểu, Davit ạ, là năm nay tớ đã làm nghề gì, - người đánh xe bò nói tiếp. – Tớ không cần phải nói thì cậu cũng biết là ai sẽ thay thế tớ cầm lái cái hái này và nắm lấy giây cương này. Nhưng trong mười hai tháng khủng khiếp đang chờ đợi cậu đây, cậu chớ bao giờ tự bảo rằng việc gặp cậu đêm nay là do ý muốn của tớ! Cậu hãy tin chắc rằng nếu tớ được phép làm theo ý tớ thì tớ đã tìm mọi cách để tránh cho cậu những điều mà tớ phải chịu đựng.

- Có lẽ tay Giorgio này đã phát điên hay sao ấy! – Davit Hôm tự bảo, - nếu không hẳn phải hiểu rằng tính mạng của mình đang bị đe dọa, và để chậm phút nào là chết người phút ấy.

Trong khi những ý nghĩ này thoáng qua đầu óc anh ta, người đánh xe bò nhìn anh ta với một nỗi buồn rầu vô hạn.

- Đừng nghĩ đến bệnh viện làm gì vô ích, Davit ạ. Khi tớ đã đến gần một người ốm thì chẳng còn kịp đi tìm một thầy thuốc nào đâu.

- Hình như tất cả bọn phù thủy và bọn quỷ sứ đêm nay kéo nhau ra để làm trò quấy đảo hay sao ấy! – Davit nghĩ, - khi mà cuối cùng có được một người có thể cứu giúp được mình, hẳn phải là điên hoặc độc ác quá nên mới để cho mình nghèo.

- Tớ muốn nhắc lại cho cậu nhớ một chuyện đã xảy đến với cậu vào mùa hè vừa qua, Davit ạ - người người đánh xe bò tiếp tục

nói. – Hôm ấy là một buổi chiều chủ nhật, cậu đi theo một con đường lớn chạy qua thung lũng rộng. Khắp xung quanh là cánh đồng lúa mì, và những trang trại tươi đẹp với những mảnh vườn đầy hoa. Chiều hôm ấy ngọt ngào, giữa mùa hè đôi khi có những buổi chiều ngọt ngào như vậy, và hình như cậu nhủ thầm rằng cậu là người độc nhất còn động đậy trong suốt cả vùng. Cả những con bò cái cũng đứng im trong những đồng cỏ, không muốn ra khỏi bóng cây râm mát. Không nhìn thấy một ai ở ngoài. Chắc hẳn người ta đã chui vào nhà để tránh cái nóng. Đúng như vậy, phải không, Davit?

- Có thể là đúng như vậy, - người đàn ông đồng ý trong thâm tâm của mình. – Duy có điều là tớ đã không biết bao nhiêu lần đi giữa trời nóng bức và giá rét đến nỗi tớ không dễ dàng gì nhớ lại tất cả những cuộc đi dạo của tớ nữa.

- Vào cái lúc êm ả nhất, Davit à, thì cậu nghe thấy một tiếng cọt kẹt trên đường cái. Cậu quay đầu lại, tưởng có chiếc xe nào, nhưng chẳng thấy gì cả. Cậu nhìn đi nhìn lại nhiều lần, và cậu tự nhủ rằng đó là điều kỳ lạ nhất cậu gặp từ trước đến nay. Cậu nghe thấy tiếng bánh xe cọt kẹt, và nghe rất rõ; nhưng tiếng động ấy từ đâu đến? Đang giữa ban ngày, và xung quanh hoàn toàn im lặng nên không hề có tiếng gì lẫn vào át mất tiếng động ấy được. Cậu không hiểu làm sao lại có thể nghe tiếng trục xe cọt kẹt mà chẳng nhìn thấy xe. Nhưng cậu không muốn thừa nhận rằng điều đó chẳng có gì là lạ kỳ cả. Lúc ấy chỉ cần cậu chú ý suy nghĩ đến điều đó thì tớ đã có thể hiện ra cho cậu thấy trước khi quá muộn.

Davit Hôm chợt nhớ lại buổi chiều hôm ấy. Phải, anh ta đã nhìn kỹ vào đằng sau những hàng rào và dưới những cái hồ, và đã tìm khắp mọi chỗ cái nguyên nhân gây ra tiếng động này. Cuối cùng cảm thấy khó chịu và bối rối, anh ta đã đi vào một cái trại để không nghe thấy tiếng động ấy nữa. Khi anh ta trở ra, tiếng động ấy đã chấm dứt.

- Đó là lần duy nhất tớ nhìn thấy cậu năm vừa qua, - người đánh xe bò nói tiếp, - và hôm ấy tớ đã làm mọi cách để cho cậu nhìn thấy tớ. Nhưng tớ chỉ có thể làm cho cậu nghe thấy tiếng xe của tớ mà thôi. Lúc ấy cậu đi như một thằng mù bên cạnh tớ.

- Điều hẳn kể đúng đấy, ít ra cũng đúng là mình đã nghe thấy tiếng cọt kẹt, - Davit Hôm nghĩ. – Nhưng hẳn muốn chứng minh điều gì ở đây? Làm sao hẳn lại muốn cho mình tin rằng lúc ấy hẳn đang đi đằng sau mình trên đường? Rất có thể là mình đã

kể câu chuyện này cho ai đó, rồi người này lại kể cho Giorgio nghe.

Lúc này người đánh xe bò cúi sát xuống anh ta và nói với anh ta bằng cái giọng mà người ta dùng để dỗ một đứa trẻ bị ốm:

- Cậu chớ có băn khoăn vô ích. Không thể đòi hỏi cậu hiểu được cái gì đã xảy ra cho cậu, nhưng cậu biết rất rõ rằng tớ, người đang nói chuyện với cậu đây, tớ không còn sống nữa. Cậu đã nghe nói đến cái chết của tớ, nhưng cậu không muốn tin. Và dù cậu có không biết tin tớ chết đi nữa, cậu cũng đã thấy tớ đi đến đây, trên chiếc xe này, một chiếc xe mà không một người còn sống nào đi cả.

Y đưa ngón tay chỉ chiếc xe thăm hại dừng ở giữa lối đi.

- Không chỉ nhìn chiếc xe đâu Davit ạ. Hãy nhìn cả cây cối ở đằng sau chiếc xe nữa.

Davit Hôm tuân theo, và lần đầu tiên anh ta buộc phải thú nhận rằng mình đang gặp một điều gì không thể giải thích được. Anh ta nhìn xuyên qua chiếc xe và thấy những cây cối như là nhìn xuyên qua một tấm vải mỏng.

- Trước kia cậu đã nhiều lần nghe tớ nói, Davit ạ.- người đánh xe bò nói. – Không thể nào cậu lại không thấy rằng bây giờ tớ nói một giọng khác trước.

Davit Hôm buộc phải công nhận lời người đánh xe bò nói, là đúng. Giorgio vốn có giọng nói hay, người đánh xe bò cũng có giọng nói như vậy, nhưng mặc dù giống nhau, âm sắc hoàn toàn khác hẳn. Nó vừa mảnh vừa thanh, nhưng không dễ dàng nghe thấy được.

Người đánh xe bò giơ bàn tay ra, và Davit Hôm nhìn thấy một giọt nước trong suốt từ đám cành cây trên đầu họ rơi xuống, xuyên qua bàn tay ấy, và rơi bẹp xuống đất. Dưới lối đi rải cát có một cành cây khô. Người đánh xe bò luồn lưỡi hai của y xuống dưới cành cây ấy rồi đưa lưỡi hái lên mà cành cây vẫn không động đậy.

- Đừng tự tìm cách đánh lừa mình nữa, Davit ạ. - Người đánh xe bò nói, - hãy cố mà hiểu thì hơn. Cậu trông thấy tớ và cậu nhận ra tớ; nhưng cái thể xác của tớ hiện nay chỉ có những người hấp hối và người chết mới nhìn thấy được. Tuy vậy cậu

đừng tưởng cái thể xác ấy không tồn tại. Cũng như thể xác của cậu và những người còn sống khác, nó dùng làm nơi trú ngụ cho một linh hồn, nhưng nó không còn ở thể rắn, và nó cũng không còn trọng lượng. Cậu hãy cho rằng đó là một hình ảnh như cậu vẫn thường thấy trong những chiếc gương, và cái hình ảnh này đi ra khỏi gương, và nó nói được, nhìn được, và cử động được.

Ý nghĩ của Davit Hôm không còn vùng lên nữa để đấu tranh chống lại một sự thật hiển nhiên. Anh ta nhìn thẳng vào sự thật và không tìm cách thoát khỏi sự thật ấy nữa. Đây là anh ta đang giao tiếp với hồn ma của một người đã chết, còn chính thân thể của anh ta là một thi hài. Nhưng anh ta càng thừa nhận điều này thì một nỗi tức giận mạnh mẽ lại càng sôi sục trong lòng anh.. “Ta không muốn chết, - anh ta tự nhủ, - ta không muốn chỉ còn là một hình ảnh, là không có gì nữa. Ta còn muốn có một quả đấm để tự vệ, một cái mồm để nói.” Cơn điên giận dâng lên và dồn nén lại trong con người anh ta như một cơn giông tố tối đen và mờ mịt chỉ còn chờ dịp để nổ bùng ra.

- Tớ có một điều cầu xin cậu Davit ạ. - Người đánh xe bò nói tiếp, - chúng mình trước kia là bạn tốt với nhau, cậu biết rằng đến một lúc, đối với tất cả chúng ta thể xác sẽ tàn tạ đi và linh hồn ở trong cái thể xác ấy buộc phải rời bỏ nó. Linh hồn ngập ngừng và run rẩy lo sợ trước khi đi vào một thế giới chưa hề quen biết. Nó giống như một đứa trẻ đứng trên bãi biển không dám thả mình vào những lớp sóng. Muốn cho linh hồn vượt qua bước cuối cùng, nó cần phải được nghe tiếng gọi của một người nào đã sống ở thế giới bên kia. Tớ đã là tiếng nói ấy trong suốt một năm, và bây giờ đến lượt cậu là tiếng nói trong năm sắp đến. Điều tớ muốn yêu cầu cậu là đừng có chống lại cái đang chờ cậu, mà hãy vui lòng phục tùng nó. Nếu không, cậu chỉ có đưa lại cho cả cậu và tớ những nỗi đau khổ lớn lao mà thôi.

Người đánh xe bò cúi đầu cúi đầu xuống để tìm gặp đôi mắt của Davit Hôm, nhưng y vội ngẩng lên như là bị cái nhìn thách thức và giận dữ của anh ta làm cho hoảng sợ.

- Cậu nên biết, - Davit ạ, - giọng khản khản, - rằng cậu không thể trốn tránh được việc này đâu. Tớ còn chưa biết rõ cuộc sống ở bên kia năm mờ này ra sao, bởi vì tớ còn ở lại trên đường ranh giới, nhưng tớ biết rằng không có chiều cố miễn giảm gì cả. Anh buộc phải thi hành thì cứ phải thi hành, dù muốn hay không.

Một lần nữa y lại tìm đôi mắt của Davit Hòm, và một lần nữa y lại chỉ gặp ở đôi mắt ấy 1 màu đen giận dữ.

- Tớ thừa nhận, Davit ạ, - y nói tiếp, - rằng không có ciệc gì khủng khiếp hơn là việc đánh chiếc xe bò ấy từ nhà này sang nhà khác. Bất cứ nơi nào người đánh xe bò lộ mặt đến đều là những giọt nước mắt và những tiếng rên rỉ chờ đón anh ta; nơi nào cũng đều là bệnh tật tàn phá, là máu, là những vết thương, là sự kinh hoàng. Và lại còn có cái tệ hơn nữa: tệ nhất là thấy linh hồn dấy dựa trong hối hận và lo lắng về những nỗi thất vọng, một sự phân phối không công bằng, lao động vô ích và sự rối loạn mất trật tự. Cái nhìn của anh ta không phóng được đủ xa vào thế giới bên kia để phát hiện ra ý nghĩa của cuộc đời trần thế. Đôi khi anh ta cũng thoáng thấy được một điều gì đó, nhưng phần nhiều anh ta dấy dựa trong tối tăm và trong nghi hoặc. Và câu chớ quên, rằng cái năm mà người đánh xe bò bị buộc phải điều khiển chiếc xe Thần Chết, cái năm ấy không được đo bằng giờ bằng phút như trên cõi trần: để cho người đánh xe bò có đủ thời gian đến được tất cả những nơi nào cần có mặt để làm nhiệm vụ, cái năm độc nhất ấy kéo dài ra đến hàng trăm hàng nghìn năm. Và điều khủng khiếp nhất, khủng khiếp trong tất cả mọi điều, đó là người đánh xe bò cũng gặp trên đường đi của mình những hậu quả của tội lỗi anh ta đã phạm trong suốt cuộc đời anh ta. Và làm sao anh ta có thể thoát khỏi cái đó được?

Giọng nói của người đánh xe bò trở nên gần như là một tiếng hét, và y chắp hai tay một cách tuyệt vọng. Nhưng đột nhiên y cảm thấy như là từ người bạn cũ của mình phát ra một luồng thách thức lạnh lùng và nhạo báng. Y chùng kín người trong chiếc áo choàng của y và y run rẩy.

- Davit! - Y khẩn nài - vì lợi ích của chính cậu và của tớ, tớ van cậu đừng có kháng cự lại tớ. Tớ bị buộc phải dạy lại nghề của tớ cho cậu trước khi tớ được thôi việc. Tùy thuộc ở cậu nếu tớ bị chậm lại hàng tuần, hàng tháng. Phải, cho đến tận đêm thánh Xinvetxtơ năm sau, bởi vì tớ chỉ được trả lại tự do, khi mà cậu đã học được lại nghề này.

Người đánh xe bò, trong khi nói vẫn quỳ bên cạnh Davit Hòm, và thương xót triu mến mệnh mông mà lời nói của y thấm đượm, làm tăng gấp đôi sức mạnh của lời nói ấy. Y giữ nguyên tư thế như vậy trong một lúc nữa, thăm dò tác dụng lời nói của mình. Nhưng ở người bạn cũ của y chỉ duy trì một quyết tâm man dại kháng cự đến giới hạn cuối cùng sức lực của anh ta.. Ta chết rồi, được, - anh ta tự nhủ, - không thể làm gì để chống lại

điều đó. Nhưng không đòi nào bắt ta chấp nhận có liên quan đến chiếc xe và con ngựa của Thần Chết. Phải tìm cho ta một hình phạt khác thôi.

Người đánh xe bò sắp đứng lên lại thay đổi ý định:

- Cậu hãy nhớ rằng – y nói thêm – cho đến lúc này là Giorgio, bạn cũ của cậu, nói chuyện với cậu. Nhưng bây giờ thì là một kẻ khác nói chuyện với cậu đấy. Cậu hẳn biết rằng khi nói đến một kẻ không biết thương xót là gì thì người ta nghĩ đến ai.

Liền đó y đứng dậy, tay cầm chiếc hái, cái mũ trùm lên đầu.

- Tù nhân, hãy ra khỏi nhà tù của ngươi! – Y hét lên, giọng lạnh lạnh.

Lập tức Davit Hôm đứng dậy. Anh ta không biết việc đó diễn ra như thế nào; đột nhiên anh ta thấy mình đã đứng lên. Anh ta loạng choạng, xung quanh anh ta mọi vật như quay cuồng, nhưng anh ta mau chóng lấy lại được thăng bằng.

- Hãy nhìn lại đằng sau ngươi, Davit Hôm! Vẫn cái giọng mạnh mẽ ấ ra lệnh.

Davit Hôm làm theo. Trên mặt đất nằm sòng sọt một người cao to, lực lưỡng, nhưng ăn mặc rách rưới tồi tàn. Người hẳn bê bết máu và bùn, xung quanh hẳn là những vỏ chai. Hẳn có bộ mặt đỏ và sưng phồng, hầu như không thể nào đoán được những nét cũ. Ánh phản chiếu của ngọn đèn đường hắt ra một tia sáng hẳn học và độc ác từ đôi mí mắt hé mở của hẳn.

Davit Hôm đứng trước cái thầy người nằm dưới đất này, anh ta cũng là người cao to, cũng mặc những quần áo rách rưới bẩn thỉu góm ghiếc như cái thầy người chết. Anh ta thấy đó chính là con người thứ hai của mình. Thế nhưng không phải, không phải là con người thứ hai của anh ta, vì anh ta giờ chẳng là gì cả. Anh ta chỉ là một cái bóng, một cái bóng của con người kia ở trong gương, và cái bóng ấy bước ra khỏi chiếc gương, và nó cử động, nó sống!

Anh ta đột ngột quay lại. Giorgio đứng kia, và anh ta thấy Giorgio cũng chỉ là cái bóng của thân hình Giorgio trước kia mà thôi.

- Hồi linh hồn đã mất quyền thống trị thể xác củ người vào đúng lúc giao thừa, - giọng Giorgiơ tuyên bố, - người sẽ là người thay thế làm nhiệm vụ của ta. Trong năm mới đang bắt đầu này, người sẽ giải thoát cho những linh hồn khỏi cái vỏ bọc trần thế.

Nghe những lời này, Davit Hôm sực tỉnh lại. Giận điên lên, anh ta xông vào người đánh xe bò, tìm cách giật lấy cái hái của y để bẻ gãy đi, giằng lấy cái áo choàng của y để xé tan ra.

Thế là anh ta cảm thấy tay mình bị trói, và mình chân bị hẫng đi. Một vật gì vô hình quấn lấy cổ tay anh ta, trói chặt cả tay lẫn chân anh ta lại.

Rồi anh ta bị xốc lên, bị ném một cách phũ phàng như một vật nặng bỏ đi vào đáy thùng xe, anh ta nằm nguyên ở đó.

Cùng lúc ấy, chiếc xe bò chuyển bánh.

Đó là một gian phòng hẹp và dài, khá rộng rãi; cái căn nhà nhỏ ở ngoại ô này chỉ gồm có gian phòng ấy và một gian khác nhỏ hơn dùng làm buồng ngủ. Gian phòng có một bộ đèn treo chiếu sáng, và dưới ánh sáng đèn, gian phòng trông có vẻ niềm nở và tươi vui. Người ta thấy những người trong nhà này thích thú

bày biện làm cho gian phòng này có vẻ là một căn hộ. Cửa ra vào mở ra ở một bên, và bên cạnh cửa là một bếp lò nhỏ. Đó là nhà bếp, và tất cả các dụng cụ gia đình đều được tập trung tại đó. Chính giữa gian phòng được bày biện thành phòng ăn với một cái bàn tròn, hai ba chiếc ghế dựa bằng gỗ sồi, một chiếc đồng hồ treo tường lớn, và một tủ buýp phê nhỏ để đựng bát đĩa. Bộ đèn treo ở trên bàn, đủ để chiếu sáng cả phòng khách, tức là phía cuối gian phòng, gồm cái tràng kỷ bằng gỗ gụ, cái bàn tròn độc trụ, tấm thảm hoa, một cây cọ trồng trong chậu bằng sứ xinh đẹp, và rất nhiều ảnh.

Cách sắp xếp gian phòng như thế này hẳn phải mang lại nhiều thích thú. Nhưng những người đi vào đó trong đêm tất niên, sau giao thừa một lúc thì jhng có những ý nghĩ tươi vui và nhẹ nhõm như vậy. Đó là hai người đàn ông, ăn mặc rách rưới và thảm hại. Người ta có thể tưởng tượng rằng đó là hai kẻ du thủ du thực, nếu một trong hai người không mặc trùm lên những quần áo rách rưới của mình một cái áo choàng đen có mũ trùm và cầm ở tay một cái hái. Đối với kẻ du thủ du thực, cách ăn mặc lố lăng đó thật là kỳ dị, và kỳ dị hơn nữa là cách hắn đi vào trong nhà mà không xoay núm ổ khóa và không mở cánh cửa đang đóng chặt. Người thứ hai không mang những biểu trưng đáng sợ, nhưng y cũng miễn cưỡng đi vào nhà, bị bạn y lôi theo, và nom y còn có vẻ hung dữ hơn cả người kia nữa. Mặc dù y bị trói cả chân tay và bị quăng ở dưới đất như là một đồng giẻ rách, nhưng y làm cho người ta sợ hãi trước cơn thịnh nộ man rợ đang hừng hực trong đôi mắt và làm cho gương mặt y co rúm lại.

Hai người đàn ông khi vào nhà, thấy trong nhà không phải là không có người. Ngồi cạnh cái bàn tròn là một chàng trai có nét mặt thanh tú, đôi mắt thơ ngây và dịu dàng, và một phụ nữ nhiều tuổi hơn một ít, bgg nhỏ nhắn mảnh dẻ. Chàng trai mặc một chiếc áo sãngday màu đỏ, có in dòng chữ “Đội quân Cứu tế” ở ngang ngực. Người phụ nữ mặc toàn màu đen không có huy hiệu nào cả, nhưng ở trên bàn bên cạnh chị để một cái mũ kiểu những đội viên Cứu tế thường đội.

Cả hai người hết sức buồn rầu. Người phụ nữ lặng lẽ khóc và luôn chùi nước mắt với một chiếc khăn tay nhàu nát. Cử chỉ của chị vội vàng tưởng như những giọt nước mắt ngăn chị làm một nhiệm vụ nào đó. Đôi mắt chàng trai cũng đỏ lên vì xúc động, nhưng anh ta nén được sự đau buồn bởi vì đâu phải chỉ có một mình anh ta.

Lâu lâu hai người lại trao đổi với nhau một vài câu, qua đó thấy rằng ý nghĩ của họ không rời khỏi gian buồng bên cạnh ở đó có một cô gái hấp hối và bà mẹ cô ta. Nhưng mặc dầu họ tập trung tư tưởng đến thế nào vào câu chuyện của họ, thì cũng thật lạ lùng là cả chàng trai lẫn cô gái đều không chú ý gì đến hai kẻ lằng thàng vừa đi vào nhà kia.

Quả thật là hai kẻ kia đều lặng câm, một người đứng dựa vào khung cửa, người kia thì nằm sổng soài dưới chân người này. Nhưng làm sao mà giải thích được rằng hai người ở trong nhà không hề sợ hãi khi thấy hai người khách giữa đêm tối kia đi vào nhà qua cánh cửa vẫn đóng kín?

Ít ra, đó cũng là câu hỏi mà người nằm dưới đất đặt ra cho mình, y còn ngạc nhiên hơn nữa vì rất nhiều lần họ quay mặt về phía y.

Y chưa bao giờ đặt chân vào phòng này, nhưng y nhận ra hai người ngồi cạnh cái bàn; và y hiểu rằng y đang ở nhà của ai. Nếu có một cái gì đó có thể làm tăng cơn thịnh nộ của y, thì đó chính là y thấy mình đột nhiên bị đưa đến cái nơi mà hôm qua y đã từ chối không chịu đến.

Bỗng chàng Đội viên Cứu tế đẩy chiếc ghế dựa:

- Bây giờ đã quá nửa đêm, - chàng trai nói, - chị vợ của Đavit. Hôm tin rằng anh ta sẽ trở về nhà vào giờ này. Tôi sẽ đến thử một lần cuối cùng nữa xem sao.

Chàng trai từ từ đứng dậy, như là luyến tiếc và cầm lấy chiếc áo khoác của mình vắt trên lưng chiếc ghế dựa.

- Tôi hiểu, - Guttapxon ạ, anh cho là đưa anh ta đến đây cũng chẳng có ích lợi gì lắm, - người phụ nữ trẻ vừa nói vừa cứ phải nén những giọt nước mắt đang làm chị nghẹn lời, - nhưng anh tự bảo mình rằng đó là việc làm cuối cùng anh có thể giúp được cho xơ Êdi.

Chàng Đội viên Cứu tế đang mặc áo khoác bỗng dừng lại.

- Xơ Maria, - chàng nói, - mặc dù như chị nói đây là việc làm cuối cùng tôi có thể giúp chị ấy; nhưng tôi cũng cứ mong rằng Đavit Hôm không về nhà, hoặc là không chịu theo tôi. Hôm nay tôi đã theo lời đội trưởng và của chị đi tìm anh ta nhiều lần,

nhưng tôi vẫn hài lòng rằng cả tôi lẫn mọi người không ai đưa được anh ta đến.

Người đàn ông nằm ở dưới đất giật mình khi nghe nói đến tên y, và miệng méo đi vì một cái nhếch mép hằn học. “Thằng cha này ít ra còn biết điều đôi chút” – y nói thầm.

Người phụ nữ nhìn người lính của Đội quân Cứu tế và nói với giọng có phần chua chát, giọng nogi của chị không còn bị nghẹn lại vì những tiếng khóc nữa:

- Lần này, anh nên truyền đạt thế nào cho Đavit Hôm để cho anh ta hiểu là cần phải đến.

Với vẻ mặt của một người thi hành lệnh mà tin tưởng vào kết quả, người đội viên Cứu tế đi đến gần cửa. Đến đây, chàng ta đột nhiên quay mặt lại:

- Thế nếu anh ta say bí tỉ thì cũng phải đưa đến à? Chàng hỏi.

- Chết sống gì thì cũng đưa anh ta đến , Guttapxon ạ. Trường hợp xấu nhất, ta sẽ để cho anh ta ngủ cho già rượu ở đây. Điều quan trọng là tìm cho được anh ta.

Chàng đội viên Cứu tế đã đặt tay lên núm ổ khóa bỗng quay phắt lại và trở về cạnh cái bàn:

- Tôi không thể chịu đựng được để cho Đavit Hôm đến đây. – Chàng kêu lên và mặt tái đi vì xúc động. – Chị cũng biết rõ như tôi, xơ Maria, anh ta là hạng người như thế nào. Chị cho rằng nơi đây là chỗ của anh ta hay sao? Xơ Maria? – Và chàng chỉ vào cánh cửa dẫn sang buồng bên cạnh.

- Nếu cho tôi cho rằng...chị thăm thì. Nhưng chàng trai không để cho chị nói hết câu.

- Chị không biết, xơ Maria, anh ta sẽ chế nhạo chúng ta hay sao? Con người huyền hoang khoáng lác ấy sẽ nói rằng có một nữ đội viên Cứu tế đã mê anh ta đến nỗi nếu không gặp được anh ta thì không thể nhắm mắt được.

Xơ Maria ngẩng đầu lên và mấp máy môi như để đập lại ngay, nhưng rồi chị ta mím môi lại và ngẫm nghĩ.

- Tôi không sao chịu nổi để cho anh ta nói đến chị ấy, nhất là sau khi chị ấy mất! – chàng trai hùng hổ nói tiếp.

Sau một lúc im lặng, xơ Maria trả lời, nghiêm trang và kiên quyết:

- Anh có dám chắc rằng Đavit Hôm không có quyền nói như vậy không, Guttapxon?

Người bị trối rùng mình vì một nỗi vui đột ngột. Chính y cũng ngạc nhiên vì điều đó. Và y lăm lét nhìn Giorgi xem hắn có nhận thấy gì không. Người đánh xe bò vẫn bất động và thản nhiên như thường.

bị câu trả lời của xơ Maria làm cho choáng váng đến nỗi đưa bàn tay quờ quạng nắm lấy một chiếc ghế dựa. Bốn bức tường của gian phòng quay cuồng trước mặt anh ta.

- Tại ao chị nói với tôi một điều như vậy - Xơ Maria? – Chàng lắp bắp nói – Chị không muốn cho tôi tin rằng...

Xơ Maria bần chồn xúc động đến cực độ. Nàng nắm chặt chiếc khăn tay, trong khi những lời nói từ môi nàng tuôn ra vội vã. Nàng dường như sợ không nói hết được hết mọi điều trước khi phải dừng lại để suy nghĩ.

- Vậy ai là người chị ấy yêu hơn cả? Cả hai chúng ta, Guttapxon, và tất cả mọi người biết chị ấy, tất cả chúng ta đều để cho chị ấy cải hóa và thu phục. Chúng ta không hề kịch liệt cưỡng lại chị ấy đến cùng. Chúng ta không hề biến chị ấy thành trò cười và nhạo báng chị ấy. Cả anh và tôi, Guttapxon ạ, chúng ta không phải là nguyên nhân làm cho chị ấy đến nông nỗi như bây giờ.

Chàng đội viên Cứu tế có vẻ nhẹ nhõm đi vì những lời nói này.

- Tôi không hiểu là chị nói về tình yêu đối với kẻ phạm tội, Xơ Maria ạ.

- Tôi cũng không phải nói thế đâu, Guttapxon.

Nghe những lời nói rõ rệt này, Đavit Hôm lại cảm thấy vui mừng như lúc nãy. Tuy nhiên y cố nén cảm giác này lại, vì y mơ hồ ý thức được rằng cơn thịnh nộ của y, sự quyết tâm của y dứt khoát chống lại Người đánh xe bò của Thần Chết, sẽ có nguy cơ bị tan biến trong cảm giác vui mừng này.

Xơ Maria im lặng một lúc, cắn chặt đôi môi để kềm chế cơn xúc động. Bỗng nhiên nàng như có một quyết định.

- Tôi có thể kể anh nghe điều tôi biết, Guttapxon ạ. - Nàng nói.
- Bây giờ chị ấy sắp mất thì không có gì quan hệ nữa. Anh ngồi xuống đây một lát rồi tôi sẽ giải thích cho anh nghe điều tôi nghĩ.

Chàng trai lại cởi áo khoác ra và ngồi lại chỗ cũ cạnh bàn. Không nói một lời nào, nóng lòng chờ đợi, chàng đưa đôi mắt đẹp chân thật của mình nhìn Xơ Maria...

- Tôi sẽ bắt đầu kể cho anh nghe buổi tối ngày lễ thánh Xinvetxtơ năm ngoái của tôi và xơ Êđi. - Nàng nói, - Mùa Thu năm ngoái ban chỉ huy đội đã quyết định đặt một trạm ở đây, trong thành phố này của chúng ta. Êđi và tôi đã làm việc cật lực để tổ chức nhà cứu tế, và ngoài ra chúng tôi cũng được các thành viên khác giúp sức. Và đến ngày trước năm mới thì mọi việc đã khá tươm tất để có thể dọn đến nhà mới. Nhà bếp và phòng ngủ cũng đã sẵn sàng. Và chúng tôi hy vọng là ngày đầu năm là có thể mở cửa được; nhưng rồi không thể được vì lò hấp khử trùng và nhà giặt chưa làm xong.

Lúc bắt đầu nói, Xơ Maria rất khó khăn mới ngăn được nước mắt, nhưng càng nói, giọng nàng càng rành rọt hơn:

- Thời kỳ ấy anh chưa tham gia Đội quân Cứu tế, Guttapxon ạ. Nếu không, anh đã được tham dự ngày lễ thánh Xinvetxtơ vui vẻ ấy. Nhiều đồng đội đã đến thăm chúng tôi, và lần đầu tiên chúng tôi mời khách uống trà ở nhà mới. Guttapxon, giá mà anh biết được xơ Êđi đã vui sướng biết bao vì được đặt cái trạm này ở ngay trong thành phố mà chị ấy đã sinh ra và biết rõ từng người nghèo khổ. Chị ấy ngắm không chán mắt những tấm nệm và những chiếc khăn mới tinh và những bức tường quét sơn men và những đồ dùng nhà bếp bằng đồng sáng loáng treo trên tường. Chị ấy hớn hờ như một đứa trẻ. Và anh hẳn biết, Guttapxon, khi xơ Êđi vui sướng thì ai nhìn chị ấy cũng phải vui lây.

- Lay Chúa lòng lành vô cùng! Tôi biết chứ, - chàng đội viên Cứu tế trả lời.

- Niềm vui của chị ấy kéo dài suốt trong thời gian các đồng đội còn ở chơi. - Xơ Maria nói tiếp, - nhưng sau khi họ ra về, chị ấy

bị một cảm giác bồn chồn và lo lắng dữ dội xâm chiếm, và chị ấy yêu cầu tôi cùng cầu nguyện với chị ấy để cho điều dữ đang lảng vảng khắp nơi không thể thắng được chúng tôi. Chúng tôi quỳ xuống, và chúng tôi cầu nguyện cho nhà cứu tế và cho cả chúng tôi, và cho tất cả những ai mà chúng tôi hy vọng sẽ cứu giúp. Và trong khi chúng tôi đang quỳ như vậy, thì chuông cửa vang lên. Các đồng đội mới vừa về xong, chúng tôi tự nhủ có lẽ một người nào đã bỏ quên cái gì đó và quay lại lấy. Cả hai chúng tôi đi xuống mở cửa. Chúng tôi không thấy đồng đội nào cả, mà thấy một người đàn ông, một trong những kẻ mà nhà cứu tế lập ra để phục vụ họ. Thú thật với anh, Guttapxon ạ, người đàn ông mà chúng tôi thấy hiện ra ở khung cửa, cao lớn, rách rưới và say lao đảo, đối với tôi có vẻ đáng sợ đến nỗi những muốn không cho vào, bởi vì nói chung nhà cứu tế chưa mở cửa. Nhưng xơ Êđi thì vui mừng vì Chúa đã đưa đến cho chị ấy một người khách. Chị ấy tin rằng là như vậy Chúa muốn tỏ ý khen ngợi ciệc làm của chúng tôi, và chị ấy đưa người đàn ông vào. Chị ấy mời anh ta ăn tối, nhưng anh ta trả lời bằng một lời rửa: anh ta chỉ muốn ngủ thôi. Được đưa vào phòng ngủ, anh ta nằm vật xuống giường sau khi đã cởi áo vét tông ra, và anh ta lập tức ngủ say.

- Đấy! – đẩy Đavit Hôm thốt ra. - Cô ta đã sợ mình.

Y hy vọng rằng con người đứng trơ trơ ở đằng sau y sẽ hiểu rằng y vẫn là Đavit Hôm như trước kia.

- Tiếc rằng cô ta không thể thấy được mình bây giờ như thế này. Nếu thấy được, cô ta sẽ ngất đi vì khiếp sợ.

- Xơ Êđi vẫn có ý nghĩ sẽ làm một việc tốt lành nho nhỏ cho người khách đầu tiên đến nhà cứu tế của chúng tôi, người nữ đội viên Cứu tế tiếp tục kể, - và tôi thấy chị ấy đã có vẻ thất vọng khi người ấy ngủ ngay đi như thế.. Nhưng chị ấy đã nhanh chóng tự an ủi mình, vì chị ấy đã nhìn thấy cái áo vét tông mà anh ta vừa ném xuống đất. Guttapxon ạ, tôi tin rằng tôi chưa hề nhìn thấy một cái gì rách rưới đến thế, kinh tởm đến thế, tòi tẹt đến thế. Nó sặc sụa mùi rượu và mùi hôi hám bắn thối, phải, chỉ chạm vào cũng đủ ghê cả tay. Thấy xơ Êđi vồ lấy cái áo và xem xét nó, tôi đâm sợ, và tôi van chị ấy bỏ nó ra, vì chúng tôi chưa có xưởng giặt và lò hấp khử trùng. Nhưng anh phải hiểu, Guttapxon ạ, xơ Êđi, người đàn ông này là người khách mà Chúa đã đưa đến, và đối với chị ấy, sửa sang lại chiếc áo vét tông thảm hại của anh ta là một việc làm thú vị xiết bao, nên tôi không thể thuyết phục chị ấy từ bỏ được. Và chị ấy nhất định không cho phép tôi cùng làm giúp. Vì chính tôi đã nói rằng mó vào chiếc áo

ấy là có thể bị nguy hiểm vì lây bệnh nên chị ấy không để cho tôi được sờ vào. Nhưng chị ấy thì lại sửa sang khâu vá lại chiếc áo vét tông kia trong suốt cả đêm lễ thánh Xinvextơ ấy.

Chàng đội viên Cứu tế ngồi ở phía bên kia bàn ngây ngất giờ hai cánh tay lên và chắp hai bàn tay lại.

- Lạy Chúa lòng lành vô cùng. - Anh ta thốt lên. - Xin đội ơn Chúa đã ban xơ Êđi cho chúng con.

- Amen! Amen! Xơ Maria nói, và mặt nàng tươi sáng hẳn lên. - Thật vậy, xin đội ơn cảm tạ Chúa đã ban xơ Êđi cho chúng ta. Đó là điều ta phải nhắc đi nhắc lại khi đau buồn cũng như khi vui sướng. Xin đội ơn Chúa đã ban cho chúng ta xơ Êđi, một người có thể suốt đêm ngồi gập mình trên chiếc áo rách rưới ghê tởm kia mà lòng vui sướng như thể đang cầm trong tay một cái áo choàng của nhà vua.

Con người trước kia là Đavit Hôm có một cảm giác lạ lùng và thư thái khi hình dung thấy người con gái trẻ, một mình trong đêm khuya, ngồi mại lại cái áo vét tông của một kẻ lang thang khổ khổ. Sau tất cả những nỗi xúc động và sự giận dữ của y, ý nghĩ này tác động vào y như một thứ dầu thơm. Nếu như không có Giorgiơ đứng đằng sau, lăm lăm, bất động theo dõi tất cả những cử chỉ của y, thì y cũng muốn để cho ý nghĩ của mình lưu luyến với hình ảnh ấy.

- Lại xin đội ơn Chúa thêm nữa. - Xơ Maria tiếp tục, - vì xơ Êđi không bao giờ hối tiếc là đã thức suốt đêm ấy để đính lại những chiếc khuy, và vá lại những chỗ rách cho đến tận sáng, không hề nghĩ đến sự hôi hám và sự truyền nhiễm mà chị ấy hít phải! Vâng, xin đội ơn Chúa vì chị ấy không hề hối tiếc đã ở lại trong gian phòng rộng không được sưởi ấm ấy, nơi cái rét tê buốt đêm đông luồn vào và ngấm khắp người chị.

- Amen! Amen! Đến lượt chàng trai thốt lên.

- Chị ấy rét cóng cả người khi làm xong việc. - Cô xơ nói, - tôi thấy cô ấy cứ nằm trần trổ trên giường, chị ấy không làm sao cho người ấm lại được. Chị ấy mới ngủ được một tí thì đã phải thức dậy nhưng tôi đã thuyết phục được chị ấy cứ nằm trên giường để tôi lo liệu cho vị khách của chúng tôi khi anh ta thức giấc.

- Chị vẫn luôn luôn là người bạn tốt.- Chàng đội viên Cứu tế nói.

- Tôi biết rằng đó là một điều hy sinh đối với chị ấy, - Xơ Maria hé cười nửa miệng. - Chị ấy đã hy sinh cho tôi. Nhưng chị ấy cũng không nằm yên được lâu bởi vì người đàn ông, khi ngồi uống cà phê đã hỏi tôi có phải tôi đã sửa sang lại cái áo vét tông của anh ta không? Và khi tôi trả lời là không phải thì anh ta yêu cầu tôi đi tìm cô xơ là người đã làm việc ấy cho anh ta. Anh ta bình tĩnh, cơn say của anh ta đã hết, và anh ta nói năng với những từ ngữ chọn lọc hơn là những người thuộc loại như anh ta nói chung thường dùng. Vì tôi biết xơ Êđi sẽ vui sướng khi được nghe những lời cảm ơn của anh ta và được nói chuyện với anh ta, nên tôi đã đi gọi chị ấy. Khi chị ấy đến, rõ ràng chị ấy không có vẻ gì là một người đã thức suốt đêm, má chị ấy đỏ hồng, và trong nỗi vui mừng chờ đợi, chị ấy đẹp đến nỗi người đàn ông khi trông thấy chị ấy có vẻ như bị sững sờ mất một lúc. Anh ta đợi chị ấy ở cửa, vẻ mặt cau kỉnh nhưng rồi lại tươi lên. Điều đó chẳng có gì lạ: ai mà lại muốn làm điều không hay cho chị ấy?

- Lay Chúa lòng lành vô cùng. Chàng đội viên Cứu tế đồng tình.

- Nhưng mặt anh ta lại trở nên sa sầm, và khi chị ấy đến gần anh ta, anh ta mở phanh cái áo vét tông mạnh đến nỗi làm văng ra cả những chiếc khuy vừa mới được đơm lại. Rồi anh ta thọc mạnh hai tay vào hai túi áo đã vá lại làm cho chúng bục ra và cuối cùng anh ta giật đứt lằn vải lót làm cho nó chẳng mấy chốc lại lòng thông rách bươm còn tệ hơn trước nữa.

- “Cô thấy đấy, - thưa cô - anh ta nói, - tôi có thói quen ăn mặc như thế này. Tôi thấy như vậy thoải mái và tiện lợi hơn. Tôi lấy làm tiếc vì cô đã tự chuốc lấy bao vất vả một cách vô ích, nhưng tôi không thể làm khác được.”

Đavit Hôm thấy khuôn mặt rạng rỡ đột nhiên tối sầm; và suýt nữa thì y thú nhận rằng cái trò tình nghịch trẻ con ấy thật là độc ác và vô ơn, nhưng nghĩ đến Giorgiơ, y lại ngăn cái cử chỉ tốt đẹp đó lại. Y tự nhủ: “Cần phải để cho Giorgiơ biết ta là người thế nào, nếu như hắn chưa biết. Đavit Hôm không chịu đầu hàng ngay từ cái đánh đầu tiên đâu. Hắn tàn nhẫn và độc ác, và hắn ư làm cho những kẻ nhạy cảm phát điên lên được.”

- Cho đến lúc ấy tôi vẫn chưa nhìn kỹ người đàn ông, - Xơ Maria kể tiếp. - Nhưng khi thấy anh ta giở trò phá tung cái áo

mà xơ Êđi đã khâu vá lại với biết bao ân cần dịu dàng như thế, tôi mới nhìn kỹ anh ta. Tôi thấy đó là một người đàn ông cao lớn và có thân hình đẹp đến nỗi nhìn anh ta, người ta chỉ có thể khâm phục đấng Tạo hóa đã sáng tạo nên một tác phẩm như vậy. Tư thế của anh ta cũng vững chắc và rất khoan thai. Khuôn mặt anh ta nay đã đỏ mọng và phỉ ra, nhưng trước kia hẳn là phải đẹp.

“Mặc dù anh ta hành động với một cái cười độc ác, đôi mắt vàng khè giữa những mi mắt đỏ cách của anh ta nhìn chúng tôi một cách dữ tợn, nhưng tôi tin là Xơ Êđi chỉ nghĩ rằng trước mặt chúng tôi là một con người sinh ra để sống một cuộc đời cao thượng mà lại đang tự dẫn mình vào con đường sa đọa. Tôi đã thấy rõ là lúc đầu chị ấy lùi lại như bị một cái tát, nhưng trong đáy mắt chị ấy lóe lên một ánh sáng, và chị ấy lại tiến thêm một bước đến gần anh ta.

“Chị ấy chỉ nói với anh ta một vài câu: chị ấy nói rằng trước khi anh ta ra đi, chị ấy muốn yêu cầu anh ta sẽ trở lại ngôi nhà này vào dịp lễ thánh Xinvetxtơ năm sau. Và khi thấy anh ta nhìn mình một cách ngạc nhiên, chị ấy nói thêm: “Anh có biết không? Đêm nay tôi đã cầu Chúa ban cho người khách đầu tiên của nhà Cứu tế chúng tôi một năm tốt lành và tôi muốn gặp lại anh để xem Chúa có chấp nhận lời nguyện ước của tôi không”.

“Cuối cùng khi đã hiểu chị ấy muốn nói gì, người đàn ông văng ra một tiếng rủa: “Tôi xin hứa với cô như vậy, - thật đấy, anh ta nói, tôi sẽ đến để cho cô thấy rằng ông ấy chẳng hề quan tâm đến cô cũng như những điệu bộ nhõng nhẽo của cô”.

Đavit Hôm sực nhớ lại lời hứa đã quên đi ấy, nhưng đã được thực hiện ngoài ý muốn của y, trong một lúc tự cảm thấy mình như một cây sậy trong tay một kẻ mạnh hơn mình. Sự phản kháng đối với người đánh xe bò phải chăng cũng sẽ là một điều vô ích? - Y tự hỏi. - Nhưng y vội ngăn ý nghĩ này lại. Y không muốn khuất phục, y sẽ không chịu khuất phục. Y sẽ kháng cự cho đến ngày phán xét cuối cùng nếu cần thiết.

Chàng đội viên Cứu tế mỗi lúc một bồn chồn trong khi Xơ Maria kể chuyện. Anh ta không còn có thể ngồi yên được nữa, mà vừa đứng dậy vừa kêu lên:

- Chị chưa nói cho tôi biết tên của kẻ du thủ du thực kia, Xơ Maria, nhưng tôi hiểu đó là Đavit Hôm.

Cô Xơ trẻ gật đầu.

- Lay Chúa! Lay Chúa! Xơ Maria, - chàng kêu lên và giơ hai tay ra như để đẩy lùi một vật gì, - làm sao chị có thể muốn tôi đưa y đến đây được? Chị có nhận thấy y tốt hơn một chút nào không? Vậy ra chị muốn cho Xơ Êđi tự nhủ rằng chị ấy đã cầu khẩn Chúa một cách vô ích? Tại sao lại gây cho chị ấy một nỗi buồn lớn như vậy?

Cô đội viên Cứu tế nhìn anh ta với một vẻ sốt ruột gần như tức giận:

- Tôi vẫn chưa kể hết...- cô nói.

Nhưng chàng trai ngắt lời cô:

- Xơ Maria ạ, chúng ta phải đề phòng những cái bẫy, mà ý muốn phục thù dù là không nói ra đôi khi giăng ra để bẫy chúng ta. Trong tôi có con người tự nhiên đầy tội lỗi muốn đưa anh ta đến đây để anh ta ngỡ ngàng và chỉ cho anh ta thấy con người đã vì anh ta mà chết. Tôi tin, Xơ Maria ạ, rằng chị hy vọng sẽ làm cho Đavít Hôm bằng hoàng, chị sẽ nói với anh ta rằng chính cái áo đã được vá lại và bị xé rách bởi sự vô ơn của anh ta, đã truyền bệnh cho Xơ Êđi. Tôi đã nghe chị nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng Xơ Êđi không có một ngày khỏe mạnh kể từ ngày lễ thánh Xinvétxơ năm ngoái. Nhưng phải dè chừng, Xơ Maria ạ. Chúng ta, những người đã từng sống gần Xơ Êđi và bây giờ còn nhìn thấy chị ấy ở trước mặt mình, chúng ta phải tránh đừng có làm theo ác tâm của chúng ta.

Xơ Maria cúi người ra phía trước và nói mà không ngẩng đầu lên, như thể là nói với những hình vẽ trên bàn:

- Sự báo thù ư? - Cô nói. - Phải chăng là sự báo thù khi làm cho một người hiểu anh ta đã nắm được một kho báu hiếm quý nhất mà anh ta lại để mất đi ư? Nếu như tôi bỏ một thanh sắt gỉ vào lửa để cho nó trở lại sáng và bóng, thì như vậy là báo thù hay sao?

- Tôi ngờ là như vậy đấy, Xơ Maria ạ! - Chàng trai kêu lên - Chị hy vọng cải hóa Đavít Hôm bằng cách làm cho sự ăn năn như một gánh nặng đè lên anh ta! Nhưng Xơ Maria, chị có dám chắc rằng, dù sao đó cũng không phải chính là ý muốn báo thù của chúng ta mà chúng ta đã nung nấu trong lòng? Ở đây có một cái bẫy tinh vi, Xơ Maria ạ. Người ta dễ bị đánh lừa lắm.

Cô Xơ bé nhỏ mặt nhợt nhạt nhìn người đội viên Cứu tế với đôi mắt sáng long lanh niềm vui của sự hy sinh quên mình. “Tối nay tôi không đi tìm lợi ích riêng cho bản thân tôi”, cái nhìn của cô nói rõ như vậy.

- Quả thật là bấy có nhiều loại lắm, - cô trả lời, nhấn mạnh vào từng chữ.

Chàng trai đỏ bừng mặt. Anh ta muốn đáp lại nhưng không thể nói lên được tiếng nào. Đột nhiên anh ta gục xuống bàn, hai tay che lấy mặt và òa khóc nức nở.

Xơ Maria yên lặng để cho anh ta khóc, nhưng môi nàng bật ra một lời cầu nguyện:

- Lạy Đức Chúa Trời, Đức Chúa Giêsu khoan hòa của chúng con, xin Chúa hãy giúp anh ấy vượt qua cái đêm khủng khiếp này. Xin Chúa hãy ban cho con sức mạnh để trợ lực và an ủi những người bạn của con, xin Chúa ban cho con đây là kẻ yếu đuối nhất và ít am hiểu nhất về chuyện đó.

Kẻ bị bắt ở cạnh cửa không hề nghĩ đến lời buộc tội là y đã làm cho Xơ Êđi bé nhỏ ấy bị lây bệnh, nhưng khi thấy chàng đội viên Cứu tế bật khóc thì y rùng mình dữ dội, và y hình như không che dấu sự xúc động của y với người đánh xe bò. Y lấy làm hài lòng vì người con gái mà anh chàng đẹp trai kia yêu dấu đã yêu y hơn, chính y, Đavít Hôm.

Khi những tiếng khóc nức nở của chàng trai đã bắt đầu dịu đi, Xơ Maria nói với anh ta bằng một giọng dịu dàng và thương hại:

- Tôi hiểu anh đang nghĩ đến điều tôi đã nói với anh ban nãy về Xơ Êđi và Đavít Hôm.

Đầu anh ta cúi gục nghẹn ngào thốt lên một tiếng “Vâng”, và toàn thân anh rùng mình đau đớn.

- Ý nghĩ này gây cho anh một nỗi đau khổ lớn lao, - tôi hiểu như vậy, - nàng nói tiếp. - Tôi biết một người khác cũng hết lòng yêu mến Xơ Êđi, và khi chị ấy nhận ra điều đó thì lúc đầu chị ấy không thể tin được. Lúc ấy tôi đã tự bảo mình rằng nếu chị ấy yêu một người nào đó thì đó phải là một người hơn hẳn chị ấy. Chúng ta có thể hiến đời mình cho những kẻ nghèo đói và những người khốn khổ, nhưng tình yêu của chúng ta thì chúng

ta để dành cho những người khác. Bây giờ khi tôi nói với anh rằng Xơ Êđi không phải như chúng ta, thì anh coi đó là một điều làm chị ấy bị hạ thấp xuống, và anh đau khổ vì điều đó.

Người trai trẻ không nhúc nhích. Anh ta vẫn gục đầu trên bàn. Kẻ bị bắt trời vô hình ở cánh cửa làm một động tác như muốn dịch lại gần để nghe cho rõ hơn, nhưng người đánh xe bò nghiêm khắc ra lệnh cho anh ta phải nằm yên.

- Lay Chúa lòng lành vô cùng! – cô đội viên Cứu tế kêu lên, vẻ mặt kích động. – Chúng ta là ai mà được phán xét chị ấy? Anh thấy không, Guttapxon, khi một trái tim tràn đầy kiêu hãnh, nó hiến tình yêu của mình cho những người cao cả, và những kẻ có quyền lực trên thế gian này; nhưng khi trái tim ấy chỉ chứa sự khiêm nhường và lòng từ thiện, nó sẽ hiến tình yêu nồng nhiệt nhất của nó cho ai nếu không phải là kẻ nào đáng thương xót nhất, sa đọa nhất, lầm lạc nhất, chai sạn nhất?

Chàng trai trẻ ngẩng đầu lên nhìn cô Xơ với một vẻ nài nỉ.

- Cũng còn những điều khác nữa, Xơ Maria ạ, - chàng chậm rãi nói.

- Phải, Guttapxon, tôi hiểu điều anh muốn nói. Nhưng ta nhớ rằng lúc đầu Xơ Êđi không biết Davit Hôm đã có vợ. Vả chăng, - nàng nói tiếp sau một vài giây lưỡng lự, - tôi nghĩ rằng ít ra thì tôi cũng khó hình dung sự việc một cách khác, tôi nghĩ rằng tất cả tình yêu của chị ấy là nhằm để cải hóa anh ta. Đến ngày nào mà chị ấy thấy anh ta xưng tội trên bục nhà thờ, ắt chị ấy sẽ lấy làm sung sướng.

Chàng trai đã nắm lấy bàn tay cô Xơ, và mắt anh ta uống từng lời nói của nàng, anh ta thốt ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm.

- Vậy thì đó chẳng phải là tình yêu. Anh ta kết luận.

Xơ Maria khẽ nhún vai trả lời:

- Tôi chưa bao giờ được nghe Xơ Êđi tâm sự về vấn đề ấy. Có thể là tôi đã nhầm.

- Nếu Xơ Êđi chưa nói với chị một điều gì đặc biệt, thì quả thật là tôi tin rằng chị đã nhầm, - chàng trai nghiêm trang nói.

Cái bóng ma ở cạnh cửa sa sầm mặt lại. Câu chuyện xoay ra như vậy chẳng làm cho y thích thú.

- Tôi không nói rằng Xơ Êđi đã cảm thấy một điều gì khác ngoài lòng thương hại đối với Đavít Hôm lần đầu tiên chị ấy gặp anh ta, - cô đội viên Cứu tế trả lời. - Và chắc chị ấy cũng chẳng có nhiều lý do để yêu anh ta về sau này, vì trên đường đi của mình, chị ấy đã nhiều lần gặp anh ta, và anh ta luôn đối đầu với chị ấy. Có những người vợ công nhân đến than phiền với chúng tôi rằng chồng họ bỏ công bỏ việc vì bị Đavít Hôm lôi kéo. Những hành động hung bạo và thói truy lạc tăng lên. Bất kỳ nơi nào chúng tôi đến thăm những người khổ khổ, chúng tôi đều nhận thấy điều đó, và ở đâu người ta cũng cho là có bàn tay của Đavít Hôm dính vào. Và với tính nết của Xơ Êđi, anh phải hiểu rằng điều đó càng làm cho chị ấy hăng hái thêm trong việc cảm hóa anh ta trở về với Chúa. Anh ta giống như một con thú mà chị ấy truy đuổi với những vũ khí tốt, tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng bởi vì chị ấy cảm thấy trong hai bên thì chị ấy mạnh hơn.

- Lậy Chúa lòng lành vô cùng! - Chàng đội viên Cứu tế trẻ tuổi kêu lên. - Phải, chị ấy mạnh, Xơ Maria, chị có nhớ một buổi tối chị cùng chị ấy đến một quán rượu để phân phát những tờ áp phích mới về nhà cứu tế mới thành lập của các chị không? Xơ Êđi nhìn thấy Đavít Hôm ngồi cùng bàn với một chàng trai trẻ đang nghe anh ta kể chuyện và hứa với anh ta mà cười nhạo chế diễu những người đội viên cứu tế. nhưng Xơ Êđi đã chú ý đến chàng trai trẻ, và chị ấy xúc động vì thương xót. Chị ấy dịu dàng nhìn chàng trai trẻ, đến gần anh ta, và van xin anh ta đừng để bị lôi kéo vào vòng sa đọa. Chàng trai không trả lời, nhưng không còn có thể nhếch mép cười được nữa. Anh ta vẫn ngồi yên ở chỗ cũ và lại còn rót đầy cốc rượu của mình một lần nữa, nhưng không thể quyết định đưa cốc rượu lên môi. Đavít Hôm và những người uống rượu khác chế nhạo anh ta, nói rằng cô đội viên Cứu tế đã làm cho anh ta sợ. Không phải là sợ đâu, Xơ Maria ạ, đó là sự thương xót mũi lòng trong cái nhìn của chị ấy đã làm cho anh ta cảm động và chịu khuất phục để đi theo chị ấy. Chị biết rằng điều tôi nói đây là có thật, và chị cũng biết người trai trẻ ấy là ai, Xơ Maria.

- Amen! Amen! Thật thế. Tôi biết người ấy là ai, và tôi cũng biết rằng từ ngày hôm ấy anh ta là bạn và là người trợ thủ tốt nhất của chúng tôi. - Cô Xơ trả lời với một cái gật đầu thân ái. - Tôi không phủ nhận rằng Xơ Êđi đã ngẫu nhiên thắng được Đavít Hôm một lần. Nhưng phần lớn là chị ấy thua. Chị ấy cũng đã bị cảm lạnh nặng trong cái đêm năm mới ấy và cứ vật lộn với một

chứng ho dai dẳng mà rồi ra cũng không bao giờ khỏi được nữa. Người ta cảm thấy ở chị ấy một sự nản lòng do bệnh tật gây nên; có lẽ vì thế mà chị ấy không còn có được khả năng chiến thắng trong đấu tranh như trước nữa.

- Xơ Maria, chàng trai bác bẻ, - trong những điều chị nói không có gì chứng tỏ là chị ấy yêu anh ta vì ái tình cả.

- Anh nói có lý. Lúc đầu thì chẳng có gì làm ta tin như vậy. Nhưng tôi sẽ kể điều đã làm cho tôi tin như thế. Chúng tôi quen một người đàn bà khốn khổ làm nghề khâu thuê bị mắc bệnh lao, chị ta tìm đủ mọi cách đề phòng cực kỳ cẩn thận để tránh cho con chị ta khỏi bị lây bệnh. Chị ta kể với chúng tôi rằng một hôm đi ngoài phố chị ta đang bị một cơn ho dữ dội thì một kẻ lang thang đến gần chị ta và nói: “Tôi, tôi cũng bị bệnh lao, và bác sĩ khuyên tôi giữ gìn cẩn thận. Tôi đếch cần, tôi ho vào mũi mọi người, tôi khạc nhổ khắp nơi và tôi hy vọng như vậy sẽ làm lợi cho họ. Tại sao họ lại được sung sướng hơn chúng ta? Tôi muốn biết điều đó”. Kẻ lang thang ấy nói xong bỏ đi, nhưng người đàn bà trẻ thì xúc động đến nỗi phát ốm ngày hôm đó. Chị ta tả cho chúng tôi hình dáng người qua đường này là một người cao lớn tuyệt đẹp mặc dù ăn mặc rách rưới. Chị ta không nhớ được gương mặt người ấy, nhưng trong suốt mấy giờ liền, chị ta không thể quên được đôi mắt của anh ta, giống như những cái vạch màu vàng dữ tợn, sáng lóe lên dưới những mi mắt sừng đỏ. Điều làm chị ta sợ hãi nhất, là người đàn ông này không hề có vẻ say rượu hoặc hoàn toàn truy lạc, mặc dù anh ta biểu lộ một sự hằn học hung dữ đối với đồng bào của mình. Xơ Êđi chẳng do dự gì mà đoán được ngay đó là Đavít Hòm, nhưng tôi ngạc nhiên thấy chị ấy bệnh vực anh ta. Chị ấy muốn thuyết phục người đàn bà trẻ rằng anh ta chỉ đùa để làm cho chị ta sợ mà thôi. Chị ấy nói: “Chị hẳn hiểu rằng một người đàn ông có dáng lực lưỡng như vậy không thể là người mắc bệnh lao. Tôi tin là anh ta khá độc ác nên mới làm cho chị sợ hãi, nhưng anh ta sẽ không cố tình đi gieo rắc sự truyền nhiễm nếu anh ta có bệnh. Dù sao, anh ta cũng không phải là con quái vật.” Chúng tôi không đồng ý với chị ấy: chúng tôi tin chắc rằng anh ta chẳng làm ra vẻ độc ác hơn là anh ta ác thật. Nhưng chị ấy bệnh vực anh ta một cách hăng hái đến nỗi cuối cùng chị ấy phát cáu lên.

Lúc này người đánh xe bò lại một lần nữa tỏ ra y vẫn theo dõi câu chuyện, vì y cúi xuống người tù của y và nhìn vào tận đáy mắt hắn:

- Tớ nghĩ rằng cô đội viên Cứu tế có lý. Davit ạ: cái người con gái không chịu tin là cậu xấu chắc phải yêu cậu ghê lắm.

- Điều ấy chẳng có nghĩa lý gì hết, Guttapxon ạ. - Xơ Maria nói tiếp, - và điều mà tôi quan sát được hai ngày sau đó có lẽ lại ít ý nghĩa hơn. Đó là một buổi tối, Xơ Êđi và tôi đi về nhà. Xơ Êđi mệt mỏi và chán nản vì những chuyện phiền phức đã xảy đến cho một số người đang được chị ấy che chở. Vừa lúc ấy Davit Hôm đến gần chị. Anh ta nói bằng cái giọng ngạo mạn nhất của anh ta, rằng anh ta chỉ muốn báo cho chị biết từ nay chị có thể yên tâm và sung sướng bởi vì anh ta sẽ rời khỏi thành phố này. Lúc ấy tôi nghĩ rằng quả thật Xơ Êđi sẽ hài lòng, nhưng nghe giọng nói của chị ấy chị ấy, tôi lại thấy là chị ấy buồn vì điều đó. Chị ấy nói thành thật với anh ta rằng chị ấy những muốn anh ta ở lại để chị ấy được thêm một thời gian nữa có dịp đo sức với anh ta. Anh ta trả lời cũng bằng một giọng ngạo nghễ như vậy, rằng anh ta lấy làm tiếc, nhưng anh ta buộc lòng ra đi để tìm khắp nước Thụy Điển một người mà anh ta nhất thiết phải tìm cho được. Và anh biết không, Guttapxon, Xơ Êđi hỏi bằng một giọng lo lắng rõ rệt rằng người ấy là ai, đến nỗi tôi suýt nữa phải rí tai nói chị ấy một lời nhắc nhở. Anh ta trả lời rằng lúc nào anh ta tìm được người ấy thì chị sẽ nghe nói đến. Lúc ấy, chị sẽ có thể mừng cho anh ta, vì anh ta sẽ chẳng còn phải chạy rông khắp xứ như một kẻ lang thang hay một tên du đãng nữa. Nói xong anh ta bỏ đi, và anh ta chắc chắn đã làm đúng như lời anh ta nói. Một thời gian dài chúng tôi không gặp lại anh ta. Tôi đã hy vọng rằng sẽ không bao giờ nghe nói đến anh ta nữa, bởi vì anh ta chỉ đem tai họa đến bất cứ nơi nào mà anh ta ló mặt tới. Ấy thế mà có một hôm, một người đàn bà đến gặp Xơ Êđi và hỏi tin tức về Davit Hôm. Chị này thổ lộ với Xơ Êđi rằng chị là vợ của Davit Hôm, nhưng chị không thể tiếp tục sống với anh ta vì anh ta nghiện rượu và phóng đãng. Chị đã bỏ anh ta và đưa con trốn đi, và chị đã đến ơt thành phố này là nơi chị cho rằng khá xa nên anh ta sẽ không nghĩ đến việc đến đây để tìm chị. Chị đã tìm được một việc trong nhà máy đủ để nuôi sống chị và các con. Đó là một người đàn bà ăn mặc tươm tất và gây được lòng tin cậy. Chị ta rất nhanh chóng trở thành hướng dẫn viên ở nhà máy và đã có được một căn nhà xinh xắn. Trước kia khi còn sống với chồng, chị và các con chị đói khát khổ sở. Ấy thế mà bây giờ chị ấy lại nghe nói rằng chồng chị ở trong thành phố này và các đội viên Cứu tế có biết chồng chị. Vậy nên chị đến để hỏi tin tức anh ta. Guttapxon ạ, nếu lúc ấy anh có mặt ở đấy, nếu anh thấy và nghe Xơ Êđi nói, anh sẽ không bao giờ quên được. Khi người đàn bà xưng tên ra, Xơ Êđi tái mét mặt đi như người sắp chết, nhưng rồi chị ấy trấn tĩnh lại, và đôi mắt chị ấy có một vẻ đẹp cao siêu.

Rõ ràng là chị ấy đã tự thắng được mình và không còn đòi hỏi gì ở cuộc sống nữa. Và chị ấy nói với người đàn bà bằng một giọng nói dịu dàng đến nỗi làm cho chị ta cảm động ứa nước mắt. Chị ấy không hề trách người đàn bà một câu, nhưng gọi cho chị ta một ít hối hận vì đã bỏ chồng mà đi. Tôi cho rằng người đàn bà này cuối cùng cũng thấy mình tàn nhẫn quá. Và Guttapxon a, anh có biết không, Xơ Êđi đã biết cách làm thức dậy mối tình xưa, mối tình thời son trẻ, mối tình của chị ta đối với chồng khi họ mới cưới nhau. Chị ấy gọi cho người vợ nhớ lại thời kỳ trăng mật và luyến tiếc người chồng. Chị ấy không hề dấu diếm tình trạng thảm hại của ông ta, nhưng chị ấy đã truyền cho người vợ sự khát vọng y như chính của chị ấy đã muốn vực Đavit Hôm dậy.

Lần thứ ba, người đánh xe bò lại cúi xuống tù nhân của mình, nhưng lần này hấn ngẩng lên ngay không nói với kẻ kia một tiếng nào. Có biết bao bóng tối âm u tụ đặc xung quanh khuôn mặt to lớn nằm ở dưới đất khiến cho người đánh xe bò phải dựa lưng vào tường và kéo sụp cái mũ trùm đầu xuống đến tận mắt để không nhìn thấy hấn.

Chắc hẳn là trong lòng người vợ đã có mầm mống hối hận. Xơ Maria nói tiếp. – Những mầm mống này cứ phát triển lên trong những nói chuyện giữa chị ta với Xơ Êđi. Nhưng trong buổi nói chuyện đầu tiên này, chúng tôi thỏa thuận với nhau rằng không cho người chồng biết chỗ ở của người vợ. Chỉ sau đó rất lâu, sau nhiều lần gặp gỡ khác, chúng tôi mới thay đổi ý định. Xơ Êđi không trực tiếp khuyên, nhưng tôi biết chị ấy mong cho người vợ gọi người chồng về, và tôi buộc phải thú nhận rằng sự xích lại gần nhau đặc đem tai họa đến cho chị vợ của Đavit Hôm này chính là công trình của Xơ Êđi. Tôi đã suy nghĩ nhiều, và tôi chắc rằng Xơ Êđi sẽ không dám gánh lấy trách nhiệm như vậy nếu chị ấy không yêu Đavit Hôm.

Xơ Maria nói những lời cuối cùng này một cách tin tưởng đến nỗi hai con người lúc này đã bối rối khi lần đầu nghe nàng nói đến mối tình của cô xơ nhỏ, lần này thần nhiên không dao động. Chàng đội viên Cứu tế ngồi yên, tay vẫn che lấy mặt, và người đàn ông nằm cạnh cửa lại trở lại vẻ mặt hần học ủ ê như là lúc bị cưỡng bức lôi vào căn nhà này.

- Lúc ắt chẳng ai biết Đavit Hôm đi đâu. - Xơ Maria nói tiếp - nhưng Xơ Êđi qua những kẻ lang thang khác đã nhắn với anh ta rằng có thể cho anh ta biết tin tức vợ con, nếu anh ta trở lại. Và Xơ Êđi đã làm cho hai vợ chồng đoàn tụ, sau khi sắm sửa cho

anh ta ăn mặc tươm tất và tìm cho anh ta công việc làm ở một nhà thầu xây dựng. Chị ấy không yêu cầu anh ta sẽ tu chí làm ăn, cũng không bắt anh ta cam kết bất cứ một điều gì. Chị ấy biết không thể ràng buộc một con người như anh ta bằng những lời hứa, nhưng chị hy vọng trồng lại trong mảnh đất tốt hạt lúa mì đã bị rơi vào đám cỏ gai, và chị ấy tự tin chắc chắn sẽ đạt được kết quả. Và có lẽ Xơ Êđi sẽ hoàn thành công trình tốt đẹp của mình nếu như chị ấy có thể tiếp tục chăm nom nó. Nhưng không may là chị ấy đã bị bệnh. Đầu tiên là sung huyết phổi, rồi sau khi khỏi bệnh sung huyết, đáng lẽ hồi phục, chị ấy lại héo hon mòn mỏi đi, và phải đưa chị ấy vào bệnh viện điều dưỡng. Đavit Hô đã đối xử với vợ như thế nào tôi chẳng cần nói, anh cũng biết, Guttapxon ạ. Người duy nhất không biết điều đó, hay ít nhất là do chúng tôi cố dấu kín không cho biết, đó là Xơ Êđi, bởi vì chúng tôi thương hại chị ấy. Chúng tôi hy vọng là chị ấy sẽ không nghe nói gì đến chuyện này trước khi mất, nhưng bây giờ, tôi không còn hiểu ra sao nữa, tôi sợ rằng chị ấy đã biết hết rồi.

- Làm sao mà chị ấy biết được?

- Sợi dây nối liền chị ấy với Đavit Hô bền chặt đến nỗi tôi nghĩ rằng chị ấy biết được tất cả những gì liên quan đến anh ta bằng những con đường tinh tế chứ không phải bằng cách thông thường. Chính là vì chị ấy biết hết nên chị ấy mới một hai lần gặp anh ta cho bằng được như vậy, ít ra đó cũng là điều mà tôi tin chắc. Chị ấy đã đưa đến cho vợ con anh ta một nỗi đau khổ vô hạn, và bây giờ chị ấy cảm thấy chỉ còn một ít thời gian ngắn ngủi nữa để sửa chữa lại điều tai họa chị ấy đã gây ra. Và chúng ta thì nhu nhược đến nỗi không thể nào đưa anh ta đến đây được.

- Nhưng, Xơ Maria, đưa anh ta đến đây liệu có ích gì? – Chàng trai vẫn bướng bỉnh hỏi, - chị ấy sẽ không thể nói chuyện được với anh ta. Chị ấy yếu quá rồi.

- Tôi sẽ nói thay chị ấy, - cô xơ trẻ tuổi trả lời, giọng đầy tin tưởng, - và anh ta sẽ nghe được những lời người ta nói với anh ta ta bên cạnh giường của Xơ Êđi đang hấp hối.

- Thế vhi định nói gì với anh ta? – Chị định nói là chị ấy yêu anh ta à?

Xơ Maria đứng dậy. Nàng chấp tay trước ngực, ngẩng mặt lên trời và nhắm mắt lại:

- Lạy Chúa! – Nàng cầu nguyện. – Xin người hãy xui khiến cho Đavít Hôm đến đây trước khi Xơ Êđi mất! Lạy Chúa xin Người hãy khiến cho anh ta thấy và cảm nhận được mối tình của chị ấy, xin Người hãy khiến cho ngọn lửa của mối tình này làm tan chảy tâm hồn băng giá của anh ta! Lạy Chúa chẳng phải là Người đã linh nghiệm gây nên mối tình này để cho nó chiến thắng trái tim sắt đá kia sao? Lạy Chúa xin Người hãy ban cho con lòng dũng cảm để không nghĩ đến chuyện gượng nhẹ đối với chị ấy mà dám dìm linh hồn người đàn ông này vào trong tình yêu của chị ấy. Lạy Chúa xin Người hãy để cho anh ta cảm nhận mối tình ấy như một làn gió nhẹ êm dịu và ấm áp, như hơi thoảng của một cánh chim, như ánh hồng tỏa rạng ban mai đẩy lùi màn đêm tăm tối. Lạy Chúa xin Người đừng để cho anh ta tưởng lầm rằng con muốn báo thù anh ta! Xin Người hãy làm cho anh ta hiểu rằng Xơ Êđi chỉ yêu cái bản thể sâu kín nhất của anh ta, cái bản thể mà chính anh ta muốn bóp nghẹt và giết chết! Lạy Chúa...

Xơ Maria rùng mình và mở mắt ra. Chàng trai trẻ đang mặc áo khoác vào người.

- Tôi đi tìm anh ta đây!- Chàng nói, giọng bối rối. – Tôi sẽ không trở về nếu không có anh ta đi theo.

Kẻ nằm cạnh cửa quay về phía người đánh xe bò và cuối cùng nói với hắn:

- Giorgiơ, câu chuyện này kéo dài như thế là đủ rồi đấy chứ? Lúc đầu những chuyện họ nói cũng có đôi chút gì đáng cảm động đấy, lẽ ra cậu đã có thể làm tốt đi như vậy, nhưng đáng lý phải báo trước cho họ đề phòng: tại sao họ lại nói đến vợ tớ?

Người đánh xe bò không trả lời mà chỉ tay về phía căn buồng kia. Cửa buồng mở ra và một bà già đi vào.

Bà rón rén đi lại gần hai người đội viên Cứu tế và nói với một giọng run run điều bà báo cho họ biết:

- Em nó không muốn nằm trong căn buồng nhỏ ấy nữa. Nó muốn ra ngoài này. Bây giờ thì cũng chẳng còn được bao lâu nữa.

Cô xơ bé nhỏ tội nghiệp đang hấp hối, cảm thấy mỗi lúc một yếu đi. Nàng không đau đớn, nhưng nàng cố chống lại sự mệt mỏi và cái chết, như trước kia khi đang chăm sóc người ốm, nàng thường chống lại cơn buồn ngủ. “Ôi! Giá được nằm nghỉ thì thích biết mấy, nhưng chưa thể nghỉ được”, lúc ấy nàng đã nói với cơn buồn ngủ như vậy, và nếu nàng vẫn phải chợp mắt đi một lát, nàng cũng nhanh chóng thức dậy để trở lại với nhiệm vụ của mình.

Bây giờ nàng thấy như là đang ở một nơi nào đó, trong một căn phòng rộng mát mẻ mà không khí vô cùng tinh khiết và êm nhẹ sẽ thật ngọt ngào cho buồng phổi ốm đau tội nghiệp của nàng. Trong căn phòng ấy, người ta đang sửa soạn cho nàng một cái giường rộng và sâu với những chiếc gối mềm mại êm ái. Nàng biết là người ta sửa soạn cái giường này cho nàng, và nàng sốt ruột muốn được khỏi mệt mỏi vô hạn đang làm tình làm tội nàng. Nhưng nàng có cảm tưởng nếu nằm xuống, nàng sẽ ngủ say đến nỗi sẽ không còn thức dậy nữa. Vậy là nàng tiếp tục đẩy lùi sự cám dỗ của sự nghỉ ngơi. Nàng chưa có quyền được nghỉ.

Khi cô Xơ bé nhỏ nhìn quanh mình, trong đôi mắt nàng có một vẻ trách móc. Nàng có dáng nghiêm khắc hơn mà từ trước đến nay nàng chưa bao giờ như vậy. “Sao mà các người nhẫn tâm đến thế? Các người chẳng chịu giúp tôi cái việc duy nhất mà tôi hằng tha thiết ấp ủ trong tim! Cái nhìn của nàng như muốn nói, - khi tôi còn khỏe mạnh, tôi chẳng đã đi đây đi đó để phục vụ tất cả các người hay sao, thế mà bây giờ các người lại không giúp tôi đi gọi được đến đây con người mà tôi muốn gặp ư?”

Phần lớn thời gian nàng nhắm mắt nghe ngóng từng tiếng động nhỏ nhất. Bỗng nàng có cảm giác là một người lạ đi vào phòng ngoài và đang chờ để được đưa đến gần bên nàng.

Nàng mở mắt ra và nhìn bà mẹ với một vẻ cầu khẩn:

- Anh ấy đang ở cạnh cửa nhà bếp. Mẹ, mẹ hãy để cho anh ấy vào đây.

Bà mẹ nàng đứng lên và đi sang phòng bên cạnh. Bà trở vào và lắc đầu:

- Chẳng có ai ngoài này đâu, con gái bé bỏng của mẹ ạ! – Bà nói,
- chẳng có ai ngoài Xơ Maria và Guttapxon.

Người bệnh thở dài và lại nhắm mắt. Nhưng một lần nữa nàng lại có cảm giác rõ rệt là anh ta đang ngồi cạnh cửa và đang chờ. Nàng tự bảo rằng chỉ cần có quần áo của nàng để trên bàn cạnh giường là nàng sẽ dậy và tự mình đi ra xem. Nhưng bây giờ nàng không biết làm thế nào để đi ra gian phòng ấy, nơi mà nàng tin chắc rằng anh ta đang chờ đợi nàng. “Mẹ ta không muốn cho anh ta vào đây, - nàng tự nhủ, - chắc mẹ thấy bộ dạng anh ta thiếu não lắm nên không muốn đưa anh ta vào. Hẳn là mẹ nghĩ rằng để cho ta gặp và nói chuyện với anh ta cũng chẳng ích gì.”

Cuối cùng nàng nảy ra một ý nghĩ mà nàng cho là rất tài tình. “Mình sẽ xin mẹ cho chuyển mình ra ngoài gian kia. Mình sẽ nói với mẹ rằng mình rất muốn được trở lại gian phòng ấy một lần nữa. Chắc mẹ sẽ không từ chối mình điều ấy đâu.”

Nàng trình bày ý muốn của mình, nhưng mẹ nàng nêu lên bao nhiêu lý lẽ để phản đối làm nàng phải tự hỏi không biết mưu mẹo của nàng có bị phát giác hay không?. “Con ở đây không thấy dễ chịu sao?” – Bà mẹ nói, - mấy hôm trước con ở đây vẫn thấy dễ chịu cơ mà?”

Và ngồi ở chân giường, bà già chẳng chịu nhúc nhích.

Xơ Êđi làm như là lúc còn bé khi nàng vò mẹ nàng một điều gì mà mẹ nàng không muốn cho. Và lần này cũng vậy, nàng cứ đòi đi đòi lại nhiều lần khiến cho mẹ nàng phát nản không cưỡng lại ý muốn của nàng nữa.

- Con muốn sang bên phòng lớn lắm! Guttapxon và Xơ Maria sẽ khiêng ngay giường của con ra ngoài ấy nếu mẹ nhờ họ. Giường của con sẽ không ở đây lâu đâu mẹ ơi.

- Con ạ, - rồi con xem, - bà mẹ bác lại, - con mà ra ngoài ất một lát là lại muốn vào lại ngay trong này thôi.

Tuy vậy rồi bà cũng đứng dậy và đi ra ngoài gặp hai người bạn của con mình.

May làm sao người bệnh lại nằm ngay trên chiếc giường xếp mà nàng vẫn ngủ lúc còn bé, cho nên Xơ Maria, Guttapxon, và bà mẹ có thể dễ dàng khiên ra. Vừa mới ra khỏi ngưỡng cửa buồng, nàng vội nhìn về phía cửa ra vào: chẳng có một ai. Nàng cảm thấy sững sờ cả người: nàng cảm chắc sẽ thấy anh ta ở đấy.

Thất vọng, nàng nhắm mắt lại. Nhưng một lần nữa nàng lại có cảm giác là một người lạ đang đứng cạnh cửa. “Mình không thể nhắm được,- nàng nghĩ,- nhất định phải có một người nào đấy, hoặc là anh ta, hoặc là một người nào khác.”

Nàng lại mở mắt ra và chăm chú nhìn khắp gian phòng. Cuối cùng nàng dường như thấy, không rõ rệt...có một người nào đó ở cạnh cửa, hầu như chỉ là một cái bóng, hay nói đúng hơn, là cái bóng của một cái bóng.

Bà mẹ cúi xuống hỏi nàng:

- Bây giờ con có thấy dễ chịu hơn không?

Xơ Êđi ra hiệu và thì thầm rằng nàng thấy dễ chịu ở đây. Nhưng mắt nàng vẫn nhìn dán vào cửa. “Cái gì ở đấy thế nhỉ?” – nàng tự hỏi. Nàng muốn nhìn cho thật rõ: nàng tưởng chừng như cái đồ quyết định cả cuộc đời nàng, và còn hơn thế nữa. Và vì Xơ Maria đứng che mất cửa, người bệnh đã khiến được cho cô tránh ra.

Cái giường của nàng được đặt vào phần của gian phòng mà nàng và mẹ nàng thường gọi đùa là phòng khách. Sau một khoảnh khắc ngắn, người con gái hấp hối nói bằng một giọng nói nhẹ yếu ớt như hơi thở:

- Mẹ ơi, bây giờ con đã thấy lại được phòng khách rồi, con rất muốn được chuyển đến phòng ăn.

Nàng nhận thấy mẹ nàng trao đổi một cái nhìn lo lắng với hai người kia, và hai người này gật đầu. Nàng cho rằng họ không muốn chuyển chỗ là vì họ muốn giữ nàng cách xa con người giống như cái bóng ở cạnh cửa. Nàng đưa mắt cầu khẩn, và mẹ nàng và hai người bạn im lặng làm theo ý của nàng.

Khi nàng đã ở trong “phòng ăn”, nàng thấy rõ hơn ở phía ngoài cùng một hình thù đen đen cầm trong tay một dụng cụ. Đó

không phải là người mà nàng muốn gặp, nhưng nàng cần nói chuyện với người đó. Nàng cần phải đến gần hai người đó. Đôi môi nàng phác ra một cái mỉm cười đáng thương để xin lỗi và nàng ra hiệu rằng bây giờ nàng muốn được chuyển đến “nhà bếp”. Thế là bà mẹ bật lên tiếng khóc. Nàng hiểu rằng hẳn là mẹ nàng đang nhớ lại cái thời mà đứa con gái nhỏ của bà thường ngồi xõm trước bếp lò, người đỏ hồng trong ánh sáng của ngọn lửa, bị bỏ kể lại những chuyện ở trường, trong khi bà nấu bữa tối. Nàng hiểu rằng mẹ nàng lại thấy nàng ở tất cả những chỗ quen thuộc, và cảm thấy rã rời cả người khi nghĩ đến lúc bà phải chịu cảnh cô đơn. Nhưng Xơ Êđi không được quyền nghĩ đến mẹ nàng trong lúc này: trách nhiệm của nàng là phải tập trung tất cả sức chú ý của nàng vào cái việc quan trọng nhất còn lại mà nàng phải làm trong khảnh khắc ít ỏi khi nàng còn được sống.

Bây giờ nàng đã được chuyển đến tận phía ngoài gian phòng, cuối cùng nàng đã nhìn thấy rõ con người vô hình đứng ở cạnh cửa. Đó là một người đàn ông đầu đội một cái mũ trùm đen kéo sụp xuống và tay cầm một cái hái. Lập tức nàng nhận ra ngay. “Đó là Thần Chết”, nàng tự nhủ. Nàng chỉ một điều lo lắng là sẽ bị bắt đi quá sớm không còn kịp làm cho xong nghĩa vụ của nàng ở cõi đời này.

Người bệnh càng được đưa lại gần thì người tù nằm dưới đất càng co rúm người lại: hẳn cố thu nhỏ người thêm như là để cố thoát khỏi nàng. Hẳn nhận thấy nàng vẫn cứ nhìn vào cửa, và hẳn không muốn bị nàng nhìn thấy. Hẳn không muốn chịu đựng sự nhục nhã này. Và chẳng cái nhìn của Xơ Êđi không bao giờ bắt gặp cái nhìn của hẳn: cái nhì ấy dán chặt vào người đánh xe bò, và Đavit Hôm tự nhủ rằng, nếu nàng nhìn thấy một người nào thì đó là Giorgio.

Cái giường của nàng vừa được đặt vào khoảng giữa gian phòng dùng làm nhà bếp, thì Đavit Hôm liền nhìn thấy nàng gật đầu ra hiệu gọi Giorgio đến bên cạnh. Giorgio vẫn trùm cái mũ lên đầu như là bị rét run, bước lại bên nàng. Nàng chào hẳn bằng một cái mỉm cười:

- Người thấy rằng ta không sợ người, - nàng thều thào nói. - Ta chẳng muốn gì hơn là đi theo người, nhưng người phải thư lại cho ta đến ngày mai để cho ta làm xong cái nhiệm vụ ta được Chúa trao cho khi Người phái ta xuống cõi đời này.

Trong khi nàng nói với Giorgio, Đavit Hôm ngẩng đầu lên và nhìn nàng. Y thấy nàng mang một vẻ đẹp mà trước kia nàng

không có: một vẻ cao quý, tuyệt vời, bất khả xâm phạm và quyền rũ lạ lùng đến nỗi y không thể rời mắt khỏi nàng được.

- Có lẽ người không nghe rõ lời ta nói chẳng? – Nàng nói với Giorgio, - hãy cúi xuống gần ta một chút. Không nên để cho người khác nghe được lời ta nói.

Giorgio cúi đầu xuống thấp đến nỗi cái mũ trùm đầu của hắn gần chạm vào trán cô gái:

- Cô muốn nói nhỏ thế nào cũng được, ta vẫn nghe thấy, - hắn nói.

Nàng bèn bắt đầu nói, giọng khế đến nỗi cả ba người ngồi chung quanh không một ai ngờ rằng nàng đang nói thì thầm một điều gì đó. Riêng chỉ có Giorgio và bóng ma ở cạnh cửa nghe được mà thôi.

- Không biết người có hiểu rằng để thư lại cho ta đến ngày mai là cần thiết cho ta biết bao nhiêu không? – Nàng nói, - ta cần phải nói chuyện với một người. Người không biết được rằng ta đã vô tình gây ra một tai họa như thế nào đâu. Ta đã quá tự tin và hành động quá độc lập. Làm sao ta dám đến trình diện trước mặt Chúa, ta, kẻ đã gây nên một tai họa lớn lao đến thế kia?

Đôi mắt nàng mở trừng trừng vì khủng khiếp, và nàng thở một cách khó nhọc; nhưng nàng lại nói tiếp:

- Ta cần phải nói cho người biết rằng người ta muốn gặp là người mà ta yêu quý, người có hiểu không? Người mà ta yêu quý...

- Nhưng Xơ ơi,- người đánh xe bò nói, - người này...

Nàng không để cho hắn nói tiếp, vì nàng vội vã muốn giải thích cho hắn nghe tất cả những lý lẽ để cho hắn xiêu lòng.

- Người phải biết rằng ta đang ở trong một nỗi tuyệt vọng lớn lao nên ta mới thú nhận với người là ta yêu người ấy. Ta cảm thấy một nỗi xấu hổ vô cùng khi yêu một người đã có vợ con. Ta đã đấu tranh và cầu nguyện. Đáng lẽ phải là một người dẫn lối và là chỗ dựa tinh thần cho những kẻ khốn khổ, thì ta lại tồi tệ hơn tất cả những kẻ tồi tệ nhất trong bọn họ.

Giorgio vuốt bàn tay lên trán nàng để cho nàng dịu đi, nhưng y không nói gì.

- Điều nhục nhã dù sao cũng không phải là yêu một người đã có vợ. Yêu một kẻ độc ác mới là điều nhục nhã hơn. Ta không hiểu tại sao ta đã phải đem tình yêu của mình cho một kẻ khốn nạn. Ta đã hy vọng và tưởng rằng trong con người anh ta có một cái gì tốt đẹp; ta đã chờ đợi và đã luôn bị nhầm. Con người ta hẳn phải là xấu xa lắm nên trái tim ta mới lầm lạc như vậy. Người hiểu chứ? Ta không muốn chết trước khi cố gắng một lần cuối cùng để làm thức tỉnh cái có thể là phần tốt đẹp trong con người anh ta.

- Cô đã cố gắng bao nhiêu rồi đấy chứ, - Giorgio nói.

Nàng nhắm mắt lại và ngẫm nghĩ, nhưng rồi nàng lại vội mở mắt ra và một niềm tin tưởng mới làm rạng rỡ khuôn mặt nàng.

- Chắc người phải tưởng rằng ta muốn thư lại vì lợi ích riêng của bản thân ta, còn thật ra ta không hề lo lắng gì cho những người còn ở lại trên cõi đời này, bởi vì ta sắp rời bỏ nó. Vậy ta sẽ kể cho người nghe một chuyện trong ngày, và người sẽ thấy rằng chính là để cứu những người khác mà ta cần phải sống thêm vài giờ nữa.

Nàng nhắm mắt lại và nói tiếp:

- Lúc ấy là buổi sáng. Tôi thấy mình như đang ở ngoài đường, tay cầm cái rổ, chắc là đang mang bữa ăn cho một người nghèo nào đó. Tôi đi đến một cái sân mà không nhận ra được là ở đâu. Xung quanh đều là những ngôi nhà to cao, sạch sẽ và thơm tất có vẻ giàu có. Tôi không hiểu mình đến đây làm gì cho tới khi tôi thấy một căn nhà nhỏ dựng sát một bức tường giống như một cái lán để hàng mà người ta chuyển thành chỗ ở. Trên mái một làn khói nhỏ bay lên chứng tỏ căn nhà tồi tàn này có người ở. Tôi tự nhủ: "Tất nhiên là mình sẽ vào nhà này." Tôi leo lên một cầu thang bằng gỗ dốc thẳng đứng rồi đặt tay lên núm khóa cửa. Tôi xoay nsm khóa thì cửa mở ra. Như vậy là cửa không khóa, tôi gõ cửa và cứ thế đi vào. Không ai để ý đến tôi, và tôi đứng ở góc nhà chờ cho người ta cần đến tôi bởi vì tôi biết rằng tôi được đưa đường dẫn lối đến đây là để thực hiện một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Tôi nhìn xung quanh mình: đồ đạc chẳng có bao nhiêu; đến một cái giường cũng không có, dưới đất là những tấm nệm rách toác và mấy ổ rơm; không một cái ghế nào là không gãy chân; một cái bàn bằng gỗ trắng kê trước một cửa

số nhỏ. Và tôi bỗng hiểu ra rằng tôi đang ở nhà của Davit Hôm. Vợ anh ta ngồi ở giữa nhà. Như vậy là chị ấy đã chuyển nhà trong thời gian tôi ở viện điều dưỡng. Nhưng sao lại nghèo khổ thế này? Đồ đạc của họ đâu cả? Cái máy khâu, cái bàn giấy xinh xắn ở đâu? Chẳng còn một tí gì, hết sạch. Tôi tự nhủ: “Chị ấy có vẻ tuyệt vọng biết mấy, và ăn mặc mới khổ sở làm sao. Chị ấy chẳng giống tí nào như dạo mùa xuân vừa rồi.” Tôi những muốn chạy lại với chị ấy và hỏi xem sự thể ra sao, nhưng lúc ấy trong nhà không phải chỉ có hai chúng tôi : hai bà phước đang sôi nổi nói chuyện với chị ấy. Vẻ mặt họ rất nghiêm trang, và tôi nhanh chóng hiểu ra sự việc. Người ta đề nghị người mẹ tội nghiệp đưa hai đứa con vào nhà cứu tế để khỏi bị lây bệnh lao của cha chúng. Mới đầu tôi tưởng mình nghe nhầm. “Davit Hôm mà bị lao?” – Tôi nghĩ vậy, - không thể như thế được. Rõ ràng là tôi có nghe nói như vậy một lần, nhưng tôi không muốn tin. Tôi không hiểu vì sao họ chỉ nói đến hai đứa con mà thôi. Tôi nhớ rằng họ có ba đứa. Nhưng chẳng mấy chốc tôi đã hiểu ra. Một bà phước thấy người mẹ tội nghiệp khóc lóc, bèn dịu dàng nói rằng bọn trẻ sẽ không bị khổ sở trong nhà cứu tế: ở đấy chúng sẽ được chăm sóc chu đáo như ở bất cứ gia đình nào. Lúc ấy, tôi nghe thấy chị vợ của Davit Hôm trả lời rằng: “Xin bà tha lỗi cho tôi vì tôi khóc. Tôi còn khóc nhiều hơn nữa nếu tôi không có hy vọng đưa được các cháu vào nhà cứu tế. Cháu thứ ba, cháu bé nhất ấy đang nằm nhà thương, và khi nhìn thấy những cơn đau của cháu, tôi tự nhủ rằng tôi sẽ biết ơn và sung sướng nếu có ai vui lòng giúp tôi đưa hai cháu kia đi khỏi nơi này.” Nghe chị ấy nói như vậy, tôi thấy tim mình thắt lại vì lo lắng. Davit Hôm đã làm gì với vợ, với con, với cái tổ ấm của anh ta? Hay nói cho đúng hơn tôi đã làm gì? Chính tôi đã đưa anh ta trở về với họ. Thế là đến lượt tôi, tôi cũng khóc. Và tôi cũng không hiểu được cái điều là ba người kia không hề để ý đến sự có mặt của tôi. Tôi thấy người vợ đi đến gần cửa. “Tôi đi gọi các cháu về, - chị ấy nói, - chúng đang chơi ngoài đường.”

Chị ấy đi qua gần sát tôi đến nỗi cái váy vá vúi tội nghiệp của chị chạm vào tôi. Tôi liền quỳ sụp xuống và vừa khóc vừa hôn gấu váy của chị. Tôi không thể nói được một tiếng nào. Điều thiệt hại tôi đã gây ra người đàn bà này lớn quá. Tôi ngạc nhiên thấy chị ấy không hề để ý đến tôi, nhưng tôi lại nghĩ rằng chắc chị ấy chẳng muốn nói gì nữa với người đã đẩy chị vào tai họa. Song chị chưa kịp mở cửa vì một bà phước đã gọi chị lại: có một thủ tục phải làm trước khi đi tìm mất đứa trẻ. Bà phước rút trong túi xách ra một tờ giấy và đọc cho bà mẹ nghe. Đó là một cái giấy cha mẹ phải ký vào để chứng nhận rằng họ gửi con cái

của họ cho nhà Cứu tế trong suốt thời gian nhà của họ còn bị ô nhiễm vì bệnh lao.

“Ở đầu kia gian nhà có một cái cửa khác, cửa ấy bỗng mở ra, và Đavit Hôh xuất hiện. Tôi cố cảm tưởng rằng anh ta đã đứng sau cách cửa này đợi đến đúng lúc thì đi vào. Anh ta bận những quần áo cũ, bẩn thỉu rách rưới và mắt anh ta ánh lên vẻ dữ tợn. Anh ta có vẻ hài lòng nhìn vẻ nghèo túng ở quanh mình. Anh ta bắt đầu phản đối, lấy cớ là vì tình thương con: một đứa đã đi nằm bệnh viện, còn hai đứa, anh không đành lòng xa chúng. Hai bà phước hầu như không thèm nghe anh ta nói. Tuy nhiên họ cũng lưu ý anh ta rằng nếu anh ta giữ những đứa trẻ ở với mình thì có lẽ anh sẽ gây tai họa cho chúng một cách chắc chắn hơn. Trong khi họ tranh luận, tôi quay lại nhìn chị vợ của Đavit Hôh. Chị ấy đã lùi lại và đứng dựa lưng vào tường. Và chị ấy nhìn chồng chẳng khác nào kẻ bị nhục hình nhìn tên đao phủ. Tôi bắt đầu hiểu rằng tôi đã hành động dại dột và sai lầm hơn tôi tưởng. Tôi thấy hình hư Đavit Hôh phải có một mối hằn học đối với vợ; và anh ta tìm cách gặp lại vợ không phải vì muốn có lại một tổ ấm mà là để hành hạ chị ta. Tôi nghe anh ta nói với hai bà phước về tình thương con của anh ta. Hai bà đáp lại rằng tốt hơn cả là anh ta hãy chứng tỏ tình thương con bằng cách theo đúng lời chỉ dẫn của thầy thuốc và tránh làm lây bệnh; và nếu được như thế thì hai bà chẳng yêu cầu gì hơn và để cho anh ta giữ lại những đứa trẻ. Nhưng hai bà vẫn chưa ngờ được là anh ta đang suy tính điều gì. Tôi là người đầu tiên đoán ra điều ấy. “Anh ta muốn giữ những đứa trẻ lại, - tôi tự nhủ, - chúng có bị lây bệnh thì anh ta cũng chẳng cần gì.” Người mẹ tội nghiệp chắc cũng đi đến một kết luận như tôi, bởi vì đột nhiên chị ấy kêu thét lên một cách tuyệt vọng: “Đồ giết người! Nó không muốn cho tôi đưa mấy đứa trẻ đến nhà cứu tế! Nó muốn nhìn thấy chúng chết vì lây bệnh của nó hơn kia. Nó tính như vậy là vì nó sẽ trả thù được tôi một cách độc ác. Đavit Hôh chỉ nhún vai: “Quả thật là tôi không muốn ký vào tờ giấy này.” Anh ta lạnh lùng nói với hai bà phước như vậy. Thế là những lời âm ỉ tuôn ra: người vợ thì trút lên anh ta những lời oán trách, hai bà phước má đỏ bừng vì giận dữ, nói với anh ta những lời nặng nề. Tôi kinh hoàng đứng nghe họ nói. Không ai đau khổ bằng tôi, bởi vì ngoài tôi ra chẳng có ai yêu người đàn ông có hành vi độc ác này. Tôi cầu xin Chúa gọi cho họ những lời cần thiết, những lời có thể làm cho anh ta xiêu lòng. Nhưng lạ lùng thay, tôi cứ cứng cả người lại như bị bại liệt. Cả người vợ, cả hai bà phước không ai nói đến Chúa. Không ai dọa cho anh ta sợ cơn thịnh nộ của Chúa. Tôi có cảm giác như mình đang nắm sấm sét của Chúa trong tay mà không thể nào tung ra được.

Một sự im lặng tiếp theo trran huyền não. Hai bà phước đứng dậy để ra về. Họ chẳng đạt được kết quả gì cả. Người vợ cũng vậy, chỉ ấy vật mình xuống một chiếc ghế và tuyệt vọng. Một lần nữa tôi lại cố gắng một cách phi thường để cử động và để nói. Những lời lẽ cháy bỏng trong miệng tôi. “Ôi! Đồ đạo đức giả, - tôi những muốn kêu lên, - anh tưởng rằng tôi không thấy ý đồ của anh sao? Tôi là người sắp phải chết đây, tôi sẽ đưa anh ra trước tòa án của Chúa, trước vị thẩm phán tối cao, tôi buộc tội anh muốn giết chết những đứa con của chính anh. Tôi sẽ làm chứng để kết án anh”. Nhưng cuối cùng khi đã đứng được lên để nói những lời nói này thì tôi không còn ở trong nhà Đavit Hôm nữa: tôi lại ở đây, bất lực trên giường mình. Và từ bấy đến nay, tôi đã gọi anh ta, tôi đã gọi anh ta, mà không làm sao cho anh ta đến đây được.

Cô xơ bé nhỏ vẫn nắm mắt trong suốt thời gian kể truyện, và bây giờ, nàng mở to mắt nhìn Giorgiơ với vẻ lo âu:

- Ông đừng bắt tôi đi trước khi tôi nói chuyện với anh ấy! – Nàng khẩn cầu. – Hãy nghĩ đến vợ con anh ấy.

Kẻ nằm dưới đất ngạc nhiên, tại sao Giorgiơ không nói với cô ấy một câu cho cô ấy yên lòng, rằng Đavit Hôm đã chết, và do đó không thể làm hại vợ con nữa? Tại sao hắn không nói thế? Ngược lại hắn còn làm cho cô nản lòng:

- Cô có quyền lực gì đối với Đavit Hôm? – Hắn nói, - Hắn không phải là người chịu để cho mình chịu khuất phục. Điều cô nhìn thấy chỉ là một phần của ý định báo thù mà hắn nung nấu trong lòng từ bao nhiêu năm nay.

- Ông đừng nói vậy. – Nàng van xin.

- Tôi biết rõ hắn hơn cô, - người đánh xe bò nói, - tôi sẽ kể cho cô nghe cái chuyện mà đã làm cho Đavit Hôm trở nên như bây giờ.

- Rất sẵn lòng, nàng nói, - tôi muốn được hiểu anh ấy.

- Vậy cô hãy cùng tôi đi vào một thành phố lớn, - người đánh xe bò bắt đầu kể, chúng ta sẽ dừng lại trước một nhà tù. Lúc ấy là buổi tối. Một người đàn ông bị giam mười lăm ngày vì say rượu vừa được thả ra. Chẳng có ai chờ anh ta ở cổng, nhưng anh ta vẫn đứng lại và nhìn mãi quanh mình: anh ta hết sức mong mỗi

được gặp một người nào vào lúc ấy, bởi vì anh ta ra khỏi nhà tù với một niềm xúc động mạnh mẽ làm đảo lộn cả người. Trong thời gian anh ta bị giam, người em trai anh ta do say rượu đã phạm tội giết người và bị bắt. Người anh được cha tuyên úy cho biết điều ấy và dẫn anh ta đến xà lim của kẻ giết người chỉ cho anh ta thấy chàng trai trẻ tay còn bị còng vì đã chống cự khi bị bắt. “Con có biết ai đẩy không?” Ông mục sư hỏi và Đavit Hô-mi bị một cú choáng váng mạnh, vì anh ta rất thương đứa em trẻ tuổi này. “Nó sẽ bị nhiều năm tù, - ông mục sư nói tiếp, - nhưng tất cả chúng ta đều nghĩ rằng, Đavit Hô-mi, chính con phải chịu cái khổ hình của nó, bởi vì nó bị bắt đến đây là do tội của con: con đã lôi kéo nó vào con đường xấu xa và đã làm cho nó trở thành tên nghiện rượu thảm hại”. Khi trở về phòng giam của mình, Đavit Hô-mi vật vã khóc lóc và vô cùng hối hận. Và trong giây phút khủng khiếp ấy, anh ta trịnh trọng tự hứa với mình sẽ từ bỏ con đường truy lạc. Anh ta miên man nghĩ đến đứa em rồi đến người vợ tội nghiệp và những đứa con của mình. Và anh ta thề với mình là sẽ không để cho vợ con phải than phiền về mình nữa. Bởi vậy buổi tối hôm ấy khi ra khỏi nhà tù, anh rất muốn gặp vợ và cam đoan với vợ rằng anh ta sẽ bắt đầu một cuộc sống mới. Nhưng vợ anh ta không đến đón, nên anh ta đã tự về. Về đến nhà, vợ anh cũng không mở to cửa khi nghe tiếng gõ đầu tiên của anh như những lần trước anh ta đi vắng trở về. Một linh cảm khủng khiếp làm trái tim anh ta lạnh buốt: anh ta không chịu tin vào điều ấy. Không thể nào vợ anh lại bỏ đi khi anh đã trở thành một con người khác trở về nhà. Vợ anh ta khi đi đâu thường có thói quen dấu chìa khóa dưới tấm thảm đệm chùi chân; anh ta cúi xuống và quả nhiên tìm được chiếc chìa khóa. Anh ta mở cửa nhưng liền lùi lại. Trong một thoáng anh ta tự hỏi có phải mình nhầm hay không bởi vì căn nhà trống huếch; phần lớn đồ đạc thì vẫn còn đấy, nhưng không có một người nào. Chẳng có màn che cửa sổ, chẳng có củi để nhóm bếp, không một tí thức ăn nào. Căn nhà trống trơn lạnh lẽo chẳng có một chút niềm nở ân cần như một cái nhà lâu ngày không có người ở. Anh ta sang gõ cửa nhà người hàng xóm để hỏi xem có phải vợ anh ta bị ốm trong khi anh vắng nhà hay không; có lẽ người ta đã đưa cô ấy đi nhà thương rồi? – Không, hôm chị ấy đi thì vẫn mạnh khỏe như thường. – Nhưng cô ấy đi đâu? – Chẳng ai biết cả.

Anh ta nhận thấy người ta vừa tò mò vừa thích thú, và một lần nữa anh ta lại linh cảm cái điều đã xảy ra. Vợ anh ta đã lợi dụng lúc anh ta không có nhà để bỏ anh. Chị đã mang con theo, đã lấy đi những đồ dùng cần thiết nhất, và đã không chuẩn bị tinh thần cho anh ta về sự bỏ đi này. Chị ta đã để cho anh ta về và nhìn thấy nhà cửa trống trơn như vậy. Thế mà anh ta đã định đem về cho vợ anh ta một niềm vui lớn. Suốt trên dọc đường về nhà, và ngay cả trước đó trong xà lim, anh ta lặp đi lặp lại điều sẽ nói với vợ. Trước hết là anh sẽ xin lỗi, rồi anh sẽ hứa là không đàn đúm nữa với một con người trước đây là bạn trác táng của anh. Anh đã bị lôi kéo bởi người này không phải chỉ vì những chuyện tội lỗi, mà còn vì đó là một người có giáo dục và có học vấn. Anh sẽ không đi lại chơi bời với người ấy nữa. Ngày mai anh sẽ tìm đến ông chủ cũ của anh và xin ông ấy cho anh trở lại xưởng... Anh sẽ làm việc và chịu vất vả vì vợ và các con. Anh sẽ mua quần áo đẹp cho họ và sẽ bảo đảm cho họ một cuộc sống đầy đủ tiện nghi thoải mái. Thế mà chị đã bỏ anh ta mà đi!

“Anh thấy ớn lạnh, anh run lên trước sự nhẫn tâm này. Nếu vợ anh bỏ anh một cách công khai, thẳng thắn thì anh còn hiểu được, anh sẽ không có quyền giận dữ và căm tức chị: vì chị hẳn đã không có hạnh phúc khi sống với anh. Nhưng bỏ đi như vậy, không một lời nào thì thật là tàn ác. Anh sẽ không bao giờ tha thứ cho chị ta. Chị ta đã đưa anh ra làm trò cười cho thiên hạ tối hôm ấy, cả khu phố đã cười diễu sự bất hạnh của anh. Anh sẽ tìm gặp được chị ta, và sẽ bắt chị ta phải trả giá cho nỗi nhục nhã và đau khổ này. Đến lượt mình, chị ta sẽ biết được thế nào là lạnh thấu tâm can.

“Anh chỉ còn có ý nghĩ này làm niềm an ủi. Và anh bắt đầu đi lòng tìm vợ. Anh tìm vợ trong ba năm, và suốt trong ba năm này anh nuôi dưỡng lòng căm thù của mình bằng cái kỷ niệm về những giờ phút đau khổ ấy. Trước mắt anh, hành động của người vợ là một tội ác không gì sánh nổi. Anh đi theo những chặng đường cô đơn, và trong nỗi cô đơn, ý muốn báo thù của anh càng mạnh mẽ.”

Cô Xơ bé nhỏ hấp hối đến lúc này vẫn im lặng nghe; bây giờ nàng kêu lên, ngắt lời kể chuyện của con người ủ ê đang cúi xuống người nàng:

- Thôi! – Ông đừng nói nữa, khủng khiếp quá! Làm sao tôi có thể gánh lấy trách nhiệm về việc làm của mình? Nếu tôi không đưa họ trở về với nhau, thì tội lỗi của anh ta sẽ không lớn đến như thế.

- Tôi sẽ không nói gì nữa, - người đánh xe bò nói, - tôi chỉ muốn nói cho cô biết rằng để thư lại cũng vô ích mà thôi.

- Ồ, không, không, tôi cần được thư lại! – Nàng kêu lên. – Tôi không thể chết mà chưa nhìn lại anh ấy.

Cái bóng ma ở cạnh cửa rừng mình. Từ khi Xơ Êđi và người đánh xe bò nói chuyện với nhau, y đã nhìn họ. Mỗi một lời hắn nói và mỗi một vẻ mặt của nàng đã khắc sâu vào tâm trí y. Y sẽ mãi mãi nhớ lại những điều đó. Tất cả những lời nàng nói, cả những lời nặng nề nhất y lại thấy êm ái lạ lùng; nỗi lo sợ và lòng thương cảm của nàng khi nghe Giorgio kể chuyện y đã làm cho vết thương của y được băng bó lại. Y không biết gọi tên điều y cảm thấy đối với nàng như thế nào. Y chỉ biết y sẽ chịu đựng tất cả về phần y. Y chỉ biết cái việc nàng yêu y mà đáp lại tình yêu ấy thì y chỉ đem cái chết đến cho nàng, điều ấy thật tuyệt vời, khó mà tả được. Mỗi lần nghe nàng nói nàng yêu y, tâm hồn lại xúc động một cách sâu sắc. Y cố làm cho người đánh xe bò chú ý đến mình, những lần không một lần nào nhìn lại phía y. Y bèn thử đứng dậy, nhưng lại ngã vật xuống vì những cơn đau ghê gớm.

Y nhìn thấy cô Xơ bé nhỏ vật vã bồn chồn, day dứt. Hai bàn tay nàng chấp lại giờ ra trước mặt Giorgio; những vẻ mặt người đánh xe bò vẫn nghiêm khắc, trơ trơ không chuyển.

- Tôi sẽ có thể thư lại cho cô, nếu như mà có thể giúp ích được điều gì. – Hắn nói. – Nhưng tôi biết cô chẳng có chút quyền lực nào đối với con người ấy cả.

Nói xong, người đánh xe bò lại cúi xuống người con gái hấp hối để đọc lên lời giải thoát cho linh hồn khỏi cái vỏ bọc trần thế.

Nhưng vừa lúc ấy, một khuôn mặt ảm đạm bò đến gần giường. Bằng những cố gắng phi thường và phải chịu một nỗi đau đớn từ trước đến nay chưa từng cảm thấy, Davit Hòm đã dứt đứt những dây trói. Y tưởng rằng vì hành động này, y sẽ bị sự trừng phạt bằng sự kéo dài đến vô tận những nỗi đau đớn của y, nhưng Xơ Êđi sẽ không phải đợi chờ và hy vọng một cách vô ích khi mà y đã ở gần nàng đến thế. Y trường sang phía bên kia giường để cho Giorgio, kẻ thù của y không thể nhìn thấy y được. Và y đã nắm lấy được một bàn tay của người con gái đang hấp hối.

Mặc dù y không thể có một chút sức lực nào để bóp vào bàn tay ấy, nhưng nàng vẫn nhận ra được sự có mặt của y, và nàng đột ngột quay lại. Nàng nhìn thấy y quỳ gối bên cạnh, mặt chạm đất, không dám ngược mắt nhìn nàng; qua bàn tay của nàng mà y muốn xiết chặt, y truyền đến cho nàng lòng biết ơn, trái tim mà cuối cùng đã mềm lại của y. Thế là trên khuôn mặt nàng thoáng lóe lên một niềm hạnh phúc vô biên. Nàng nhìn mẹ, nhìn hai người bạn của nàng, những người mà nàng không kịp nói những lời cuối cùng để vĩnh biệt; nàng muốn họ chứng kiến hạnh phúc của nàng. Nàng đưa bàn tay không bị Đavit nắm, trở cho họ con người ngồi xổm dưới đất để cho họ chia sẻ với nàng niềm vui mừng khôn xiết khi thấy Đavit Hôm ăn năn hối hận ở cạnh chân nàng. Nhưng đúng vào lúc ấy, người đánh xe bỏ cú xuống nàng và nói:

- Hỡi nữ tù nhân, một linh hồn hiền dịu yêu thương, hãy ra khỏi nhà tù của người.

Xơ Êđi ngã xuống gối và thở hắt ra từ giã cuộc đời.

Đavit Hôm bị kéo mạnh về phía sau. Những sợi dây mà y chỉ có thể cảm thấy lại trói lấy tay y. Nhưng lần này chân y không bị trói, và Giorgio nghiêm khắc ra lệnh cho y đi theo hắn.

- Đi! – Hắn nói, - Hai chúng ta chẳng còn việc gì ở đây nữa. Những kẻ có nhiệm vụ đón cô ấy đã đến rồi.

Hắn lôi Đavit đi không chút gương nhẹ. Y bỗng thấy gian phòng bỗng đầy những hình người rực rỡ ánh sáng. Ở cầu thang, ở tận ngoài đường, y cũng tưởng như thấy những hình người như vậy, nhưng y bị kéo đi nhanh đến nỗi y không thể phân biệt rõ ràng một thứ gì.

Davit lại thấy mình bị ném vào đáy thùng xe. Tâm hồn y bị xáo trộn vì một nỗi căm giận không những đối với tất cả mọi người mà đối với bản thân y nữa. Sao mà lúc này y lại điên rồ quỳ sụp xuống như một kẻ phạm tội ăn năn hối hận dưới chân Xơ Êđi? Giorgiơ hẳn đã chế nhạo y. Một người đàn ông phải biết gánh chịu những hậu quả hành vi của mình. Y không hiểu vì sao y đã có những hành vi ấy. Thật là lỗ bịch nếu chạy đăm bó xuống chỉ vì một đứa con gái nói rằng yêu y. Phải, sự điên rồ ấy là thế nào? Phải chăng đó là tình yêu? Nhưng y đã chết, người con gái kia cũng đã chết. Thế thì đó là loại tình yêu gì vậy?

Con ngựa khập khiễng cất bước. Nó dẫm lên nền gạch lát của một con đường dẫn ra ngoài thành phố. Nhà cửa thưa dần. Những cây đèn đường hiếm đi. Ra khỏi thành phố thì không còn đèn đường nữa.

Càng đi đến gần cây đèn đường cuối cùng thì lòng y càng bị một nỗi buồn rầu và một niềm lo âu không thể nào giải thích được xâm chiếm. Y cảm thấy rằng trong khi rời bỏ thành phố này, y cũng rời bỏ luôn một cái gì mà đáng lẽ y không bao giờ được bỏ mất.

Và đúng vào lúc y cảm thấy sự ngọt ngào ấy thì mặc dù có những tiếng cọt kẹt ầm ĩ của chiếc xe bò, y bỗng nghe những tiếng nói chuyện ở đằng sau y. Y ngẩng lên để nghe cho rõ.

Đó là Giorgiơ đang nói chuyện với một người nào đó đã ngồi lên xe, một hành khách mà trước đó y không để ý đến.

- Tôi không thể đi xa hơn nữa. – Một giọng nói dịu dàng bị nỗi buồn rầu và đau đớn trỗi lên đến nỗi chỉ nghe hơi rõ. – Tôi có bao nhiêu chuyện muốn nói với anh ấy, nhưng khi mà anh ấy còn giữ thói độc ác và hung dữ như vậy thì tôi không thể để cho anh ấy nhìn thấy và nghe thấy tiếng nói của tôi. Ông nói giùm tôi với anh ấy rằng tôi đến để gặp anh ấy một lần cuối cùng, nhưng bây giờ thì thôi: tôi đã bị lỗi đi và không bao giờ có thể gặp anh ấy được nữa.

- Nhưng nếu hẳn hối hận và tu tỉnh lại thì sao? – Giorgiơ nói.

- Chính ông đã nói rằng không nên trông chờ vào điều đó. – Giọng nói của nàng run lên vì đau khổ. – Ông nói giùm tôi với anh ấy rằng tôi đã tưởng rằng chúng tôi phải vĩnh viễn sum họp với nhau, nhưng từ phút này trở đi thì anh ấy sẽ không bao giờ nhìn thấy tôi nữa.

- Thế nhưng nếu hắn chuộc lại những hành vi sai lầm của hắn?
- Giorgiơ kiên trì hỏi.

- Ông sẽ nói với anh ấy rằng tôi không có quyền đi xa quá nơi này, - giọng nói rên lên, - và ông cho tôi gửi lời vĩnh biệt anh ấy.

- Thế nếu hắn ti tỉnh lại trở thành một con người khác? - Giorgiơ lại hỏi.

- Ông sẽ nói rằng tôi yêu anh ấy mãi mãi, - giọng nói buồn bã trả lời, - tôi không thể cho anh ấy một hy vọng nào khác.

Davit Hôm quỳ nhô lên đáy thùng xe. Nghe những lời cuối cùng này của Êđi, y cố hết sức mình và đứng thẳng người dậy. Đôi tay bị trói của y quờ quạng muốn nắm lấy một vật gì, nhưng nó hay bị tuột đi mất. Y không thể nhìn rõ được cái vật gì đó đang phấp phới bay để lại một ấn tượng về ánh sáng lấp lánh, về vẻ đẹp từ trước tới nay không ai ngờ tới được.

Y muốn vùng thoát ra để đuổi theo kẻ chạy trốn, nhưng bỗng nhiên y bị một cái gì ngăn lại làm cho y tê liệt đi còn hơn dây trói và xiềng xích. Đó tình yêu, tình yêu của những linh hồn, so với nó thì tình yêu của những con người chỉ là một ánh phản chiếu mờ nhạt; giống như khi ở bên cạnh giường của Êđi hấp hối, tình yêu ấy lại một lần nữa chinh phục được y. Tình yêu ấy chậm chậm thấm vào người y như một ngọn lửa mới nhen dần dần cháy vào gỗ. Không ai biết gì về công việc của nó; lâu lâu nó lại bắn ra một tàn lửa chứng tỏ rằng nó chưa tắt. Chính là một ngọn lửa nhỏ như loại ấy vừa nhen lên trong người y. Ngọn lửa ấy chưa tỏa hết ánh ngời sáng của mình, nhưng cũng đủ cho y thấy con người yêu dấu của y đẹp biết bao đến nỗi y ngã khuỵu xuống; lòng đầy lo sợ, y cảm thấy y không dám, y không muốn đến gần nó, y sẽ không thể nào chịu đựng được nó.

Chiếc xe bò của Thần Chết tiếp tục đi giữa tối tăm mù mịt. Hai bên rừng cây vươn lên cao và dày đặc. Và lối đi thì hẹp đến nỗi chỉ thấy loáng thoáng một tí bầu trời. Con ngựa hình như cũng cử động chậm chạp hơn thường ngày; tiếng cọt kẹt của trục xe kêu rít hơn; những ý nghĩ trở nên nghiệt ngã và khắc khoải hơn; sự tê ngắt đến nỗi lòng hình như mông lung hơn ở nơi khác. Bỗng nhiên Giorgiơ ghì dây cương; tiếng cọt kẹt lặng đi trong giây lát và người đánh xe bò kêu lên với một giọng vang lạnh lạnh:

- Nỗi khổ ải ta đang phải chịu, nỗi khổ ải còn chờ đợi ta có nghĩa lý gì so với niềm hạnh phúc của ta thoát khỏi cõi u mê không biết được điều quan trọng duy nhất cần phải biết? Xin cảm tạ Chúa đã kéo con ra khỏi cảnh tối tăm của cuộc đời trần thế. Từ dưới đáy sâu khổ đau của mình con xin ca ngợi và chúc tụng Người, bởi vì bây giờ con biết rằng Người đã ban cho con cuộc sống vĩnh hằng bất diệt.

Cuộc hành trình lại tiếp diễn với tiếng cót két quen thuộc, nhưng những lời nói của người đánh xe bò còn vang mãi trong tai Davit Hòm. Lần đầu tiên y cảm thấy đôi chút thương hại với người bạn cũ. “Đó là một người dũng cảm. – Y tự bảo mình. Hẳn không than vãn mặc dù hẳn chẳng còn hy vọng sớm được thoát khỏi nhiệm vụ nặng nề của hẳn”.

Đó là một chuyến đi kéo dài tưởng như vô tận. Khi Davit Hòm ước tính là họ đã đi được một ngày một đêm, thì họ đến một cánh đồng rộng dưới một bầu trời không bị mây che nữa mà lại có một mảnh trăng lưỡi liềm lấp lánh trôi giữa những chòm sao Thất tinh và sao Lạp hộ. Con ngựa khập khiễng bước đi giữa cánh đồng, chậm rãi đến làm cho người ta phát bực lên được. Và khi cuối cùng họ đã qua hết cánh đồng, và Davit nhìn lên mảnh trăng để ước lượng thời gian đã trôi qua, thì y nhận thấy rằng mảnh trăng vẫn chưa đổi chỗ. Y lấy làm ngạc nhiên.

Cuộc hành trình vẫn tiếp tục mãi, bất tận, tẻ ngắt từng quãng dài. Davit Hòm lại nhìn lên bầu trời và những ngôi sao, nhưng lần nào y cũng thấy mặt trăng, chòm sao Thất tinh và sao Lạp hộ vẫn ở nguyên chỗ cũ. Cuối cùng y hiểu ra rằng chẳng có một sự thay đổi nào giữa ngày và đêm: từ khi họ lên đường, vẫn là một màn đêm tăm tối như thế ngự trị.

Họ đi như vậy đặng đặng hàng giờ, nhưng trên cái mặt đồng hồ lớn của bầu trời, kim đồng hồ vẫn không quay. Davit Hòm nhớ lại Giorgior có nói rằng thời gian kéo dài vô tận để cho người đánh xe bò có thể đến được hết mọi nơi hẳn cần đến. Y khiếp sợ hiểu ra rằng đối với y tưởng như đó là những ngày và đêm, thì theo sự tính toán của người đời chỉ là những phút ngắn ngủi. Hồi còn bé y đã nghe kể chuyện một người đến thăm nơi ở của những người ở cõi cực lạc, và khi trở lại giữa những người trần, người ấy nói rằng một trăm năm trên thiên giới của Chúa cũng qua nhanh như một ngày ở cõi thế. Đối với người đánh xe bò cho Thần Chết thì một ngày ắt hẳn cũng bằng một trăm năm.

Một lần nữa y lại thấy đôi chút thương hại Giorgio. “Không lấy gì làm lạ rằng hắn mong ngày mong đêm cho đến lúc được thay phiên. – Y tự nhủ, - đối với hắn, năm vừa qua quả thật là dài.”

Trong khi họ leo một dốc dài họ trông thấy một người còn bước đi chậm hơn cả họ, và họ đuổi kịp người ấy. Đó là một bà già lưng còng, thân hình vẹo vọ và mảnh khảnh. Bà lê bước, dựa người lên một chiếc gậy to và mặc dù yếu đuối vẫn mang một cái gói nặng trĩu đến nỗi người bà nghiêng về một bên.

Bà già hình như có cái năng khiếu trông thấy được chiếc xe bò của Thần Chết, bởi vì bà dừng lại và tránh ra cạnh đường, như thể là để nhường đường cho chiếc xe đi qua. Rồi bà lại tiếp tục đi, bước nhanh hơn một chút đến gần chiếc xe để có thể ngắm nó. Dưới ánh trăng bàng bạc, bà nhận thấy con ngựa là một con vật tội nghiệp, chột hoặc mù, bộ yên cương thì vá vúi bằng những sợi dây và những cành liễu, còn chiếc xe bò hư nát thì hình như là mỗi lúc bánh xe lại sắp sửa long ra.

- Tôi lấy làm lạ tại sao lại có những người liều lĩnh ngồi trên một chiếc xe bò cà khổ và với một con ngựa như thế này, - bà thì thầm mà không nghĩ rằng hành khách trên xe có thể nghe bà nói.- Ta cũng muốn xin ngồi nhờ một lát, nhưng của đáng tội, con vật khốn khổ này kéo lê cái thân nó cũng đã vất vả lắm rồi. Còn chiếc xe thì chắc gãy mất nếu ta leo lên.

Bà vừa lẩm bẩm nói thế thì Giorgio đã nghiêng ra khỏi ghế và khoe chiếc xe của hắn:

-Ồ! – Hắn nói, - con ngựa và chiếc xe này không tồi như bà nghĩ đâu bà ạ! Với con ngựa và chiếc xe này tôi đã có thể vượt qua được những vùng biển có sóng cao bằng mái nhà và tàu bè nào cũng bị đắm.

Bà già sững sờ nhìn hắn, rồi nghĩ rằng mình gấp một tay đánh xe bò ư pha trò, bà vừa cười vừa đáp lại:

- Ngựa và xe của anh có lẽ đi trên biển giỏi hơn là đi trên đường cái đấy nhỉ? Ít nhất thì theo như tôi nhận thấy, chúng cũng khá vất vả trên con đường này.

- Tôi đã theo những cái giếng mở mà xuống tận lòng đất, - người đánh xe bò trả lời, - thế mà con ngựa của tôi không hề bị vấp ngã; và tôi đã đi qua những thành phố bị cháy, lửa vây quanh chúng tôi như một cái lò nấu quặng. Chẳng có anh lính

cứu hỏa nào dám đánh liều xông vào đám lửa khói ấy như con ngựa tôi đây, nó cứ xông ào vào mà chẳng việc gì cả.

- Anh cứ nói đùa để chế diễu bà già này làm gì, anh đánh xe bò kia, - bà lão nói.

- Đôi khi tôi phải trèo lên đỉnh núi mà chẳng có đường sá gì cả, - người đánh xe bò nối tiếp, - nhưng con ngựa của tôi nó cứ leo lên những bờ đá, nhảy qua những vực sâu và chiếc xe bò vẫn không suy suyển mặc dầu có chỗ mặt đất lổn nhổn những đá chẳng khác gì lòng một cái thác. Tôi đã vượt qua những đầm lầy không có một mảnh đất nào đủ chắc để đỡ một đứa trẻ. Tuyết có chất thành đồng cao bằng đầu người cũng chẳng ngăn được tôi đi. Bởi vậy nên tôi chẳng phàn nàn gì về những phương tiện giao thông của tôi cả.

- Nếu đúng như anh nói thì tôi chẳng lấy gì làm lạ là anh hài lòng về chúng.- Bà già đồng ý. - Anh chắc phải là một người đáng kính nên mới có con ngựa và chiếc xe như vậy.

- Tôi là kẻ mạnh, quyền lực tôi bao trùm lên con cái người đời, - người đánh xe bò trả lời, - và giọng hấn trở nên nghiêm trang. - Tôi cưỡng bức họ dù họ ở trong nhà cao cửa rộng hay trong những túp lều tồi tàn. Tôi đem tự do đến cho kẻ nô lệ và lôi vua chúa ra khỏi ngai vàng. Không có pháo đài kiên cố nào mà tôi không vượt qua thành lũy của nó được. Không có khoa học nào ngăn cản được bước tôi đi. Tôi giáng tai họa vào những kẻ đang hưởng yên vui hạnh phúc, và tôi ban gia sản cho những kẻ nghèo khổ đang mòn mỏi trong cảnh cơ hàn.

- Đúng là tôi đã nghĩ vậy. - bà già vừa cười vừa nói. Tôi đã gặp những con người tài ba. Nhưng nếu anh là người có quyền thế như vậy và có một chiếc xe tuyệt vời như vậy, thì vớ lẽ anh sẽ để cho tôi đi nhờ một quãng đường. Tôi đến nhà con gái tôi để dự lễ thánh Xinvetxtơ nhưng tôi bị lạc đường, nếu anh không giúp tôi thì có lẽ đêm nay tôi phải ngủ ngoài trời mất.

- Bà chớ nên yêu cầu tôi giúp, - người đánh xe bò nói, - bà đi bộ còn dễ chịu hơn là ngồi trên chiếc xe bò của tôi.

- Có lẽ anh nói phải đấy, - bà già nói. - Nhưng ít ra anh cũng cho tôi để nhờ cái bọc nhỏ của tôi vào thùng xe của anh, nó chẳng vướng víu gì cho anh đâu.

Không đợi trả lời, bà nâng cái gói của mình đặt lên xe, nhưng giống như là người ta đặt nó lên làn khói bay hay những đám mây mù, cái gói rơi ngay xuống đất.

Vào đúng lúc ấy, bà già hẳn mất đi cái năng lực nhìn thấy được chiếc xe bò, bởi vì bà đứng lại, ngơ ngác và run rẩy, không dám nói thêm một lời nào với người đánh xe bò.

7

Người đánh xe bò đã đưa Davit Hôm vào một căn phòng lớn, cửa sổ có chằng lưới sắt, tường màu sáng và trần trụi. Một dãy giường kê dọc tường, nhưng chỉ một giường có người nằm. Họ ngửi thấy mùi thuốc nhát thếch. Một người mặc đồng phục gác ngục ngồi ở mép giường; và Davit Hôm hiểu rằng y đang ở trong bệnh xá của một trại giam.

Một bóng đèn điện treo trên trần, và nhờ ánh sáng đèn, Davit Hôm thấy trên giường một người bệnh trẻ tuổi, gương mặt đẹp nhưng hốc hác. Vừa thoáng nhìn thấy người tù, y liền giật mình. Y quên mất rằng y đã có một tình cảm dịu dàng hơn đối với Giorgio. Bây giờ y lại sắp sửa xông vào hấn với cơn thịnh nộ của y.

- Mà y đến đây làm gì? – Y kêu toáng lên. - Nếu mà y động đến người đang nằm kia thì mà y với tao sẽ là tử thù, và mãi mãi sẽ là như vậy. Mà y có nghe tao nói không?

Người đánh xe bò quay lại và đưa mắt nhìn y với vẻ thương hại hơn là trách móc:

- Bây giờ tớ mới biết ai đang nằm kia, trên cái giường ấy, Davit ạ. Khi mới vào, tớ chưa biết là ai cả.

- Mà y có biết hay không biết, điều ấy không quan trọng. Nhưng bây giờ mà...

Y ngừng bắt. Giorgiơ đưa tay làm một cử chỉ oai vệ và Đavit Hòm lùi lại lạng câm, bị khuất phục vì một nỗi sợ hãi không thể cưỡng lại và không thể giải thích được.

- Hai chúng ta chỉ được phép tuân lệnh và phục tùng, - người đánh xe bò nói. - Cậu chẳng có gì để mong muốn và đòi hỏi, cậu chỉ có việc đợi lệnh, bình tĩnh và nhẫn nhục mà thôi.

Rồi Giorgiơ kéo sụp cái mũ trùm đầu của hắn xuống để ra hiệu rằng hắn không muốn trao đổi lời nào với y nữa, và trong sự yên lặng tiếp theo đó, Đavit Hòm nghe tiếng người tù bắt đầu nói chuyện với người gác ngục.

- Ông có tin rằng cháu sẽ có lúc trở lại thành người tử tế không? Người bệnh hỏi với một giọng nói đã yếu đi rất nhiều, nhưng hoàn toàn không chán nản.

- Nhất định thế, Hòm ạ, nhất định thế. - Người gác ngục trả lời một cách nhân hậu mặc dù hơi có vẻ ngập ngừng. - Chỉ cần cậu nghỉ ngơi một ít và cậu khỏi được cái chứng sốt này.

- Ông biết rõ rằng cháu không nói về chứng sốt, - người bệnh nói, - cháu hỏi ông rằng ông có tin cháu sẽ có lúc hồi phục được không? Khi đã bị buộc tội giết người thì không dễ dàng gì đâu ông nhỉ?

- Đối với cháu rồi thì sẽ tốt thôi, Hòm ạ. Bởi vì cháu đã nói với ta rằng cháu sẽ biết đi đâu không được ra khỏi đây, - người gác ngục trả lời. - Đến đấy cháu sẽ được đón tiếp tốt, có phải không?

Trên nét mặt mệt mỏi của người bệnh thoáng qua một nét cười đẹp:

- Ông bác sĩ khám cho cháu tối nay...ông ấy bảo, thế nào nhỉ? - Anh ta lại hỏi.

- Không có gì nguy hiểm, Hòm ạ, không có gì nguy hiểm cả. Bác sĩ cứ nói mãi rằng: "Chỉ cần cho nó ra khỏi bức tường này là tôi sẽ làm cho nó bình phục chóng thôi."

Người tù ngẩng đầu lên và suyt soa:

- Ra khỏi những bức tường này! Anh ta thở dài.

- Ta chỉ kể lại lời mà ông bác sĩ quen nói thôi - người gác ngục nói tiếp. - Cháu đừng hiểu nói như vậy là bảo rằng cháu phải trốn đi! Đừng có trốn như cháu đã làm cách đây một năm! Làm như thế thì chỉ tổ kéo dài thời hạn của cháu mà thôi. Đấy, bỏ trốn thì chỉ được lợi như vậy thôi.

- Ông đừng sợ, bây giờ cháu đã biết điều hơn rồi. Cháu chỉ còn nghĩ ở cho đến hết hạn tù của cháu. Sau đó cháu sẽ thử làm lại cuộc đời mới.

- Cháu nói phải đấy, Hôm ạ, sẽ làm một cuộc đời mới, - người gác ngục nói với vẻ trang nghiêm.

Trong thời gian cuộc nói chuyện này diễn ra, Davit Hôm đã vô cùng đau đớn.

- Nó đã mắc bệnh ở đây, - y thầm nghĩ, lắc lư người một cách bồn chồn, - và thế là nó nguy rồi; nó vốn đẹp trai, khỏe mạnh và vui tươi biết mấy.

- Ông có...- người bệnh lại bắt đầu nói, nhưng anh ta dừng lại giữa câu vì người gác ngục để lộ ra một cử chỉ hơi sốt ruột, và anh ta hỏi:

- Có lẽ nội quy cấm không cho được nói chuyện phải không ạ?

- Không, không, đêm nay cháu được phép nói chuyện nhiều bao nhiêu cũng được.

- Đêm nay...?- Người bệnh ngập ngừng...- À, chắc là vì lễ thánh Xinvetxtơ.

- Phải đấy, - người gác ngục nói, - bởi vì là một năm mới tốt làng đang bắt đầu với cháu.

- Người này biết rằng em ta sẽ chết đêm nay, - Davit Hôm rên rỉ trong sự bất lực của mình. - Vì thế nên ông ta mới dịu dàng như vậy.

- Ông có nhận thấy rằng, - người tù lại tiếp tục câu hỏi lúc nãy bị ngắt quãng giữa chừng. - Ông có nhận thấy rằng từ cái lần

cháu bỏ trốn ấy, cháu đã thay đổi nhiều không? Từ bấy đến nay cháu không làm ông vất vả nữa chứ?

- Cháu đã hiền lành như một con cừu non, và cháu không hề gây cho ta một sự bất bình nào. Nhưng dù sao ta cũng vẫn nói với cháu: đừng có lặp lại chuyện ấy nữa.

Người bệnh mỉm cười:

- Thế ông có tự hỏi do đâu mà cháu thay đổi như vậy không? Có lẽ ông tưởng rằng đó chỉ là sức khỏe cháu đã kém đi trong lần vượt ngục?

- Phải, chúng ta cũng đã nghĩ đại khái như vậy đấy.

- Chẳng phải thế đâu, - người bệnh lại nói. - Lý do hoàn toàn khác. Trước đây cháu không dám nói, nhưng đêm nay cháu sẽ kể cho ông nghe.

- Ta sợ rằng cháu sẽ phải nói nhiều quá, Hôm ọ, - người gác ngục nói.

Nhưng thấy mặt người ốm sa sầm lại, ông ta dịu dàng nói tiếp:

- Không phải là ta chán không muốn nghe cháu nói đâu, ta nói thế là muốn có lợi cho cháu thôi.

- Ở nhà tù đây các ông không lấy làm lạ là cháu đã tự ý về sao?
- Người bệnh nói, - không ai ngờ được chỗ cháu trốn, thế nhưng cháu đã ra cho người ta bắt lại. Các ông có biết vì sao cháu làm vậy không?

- Chúng ta nghĩ rằng chắc cháu khổ sở quá nên cháu thấy trở lại là hơn, - người gác ngục nói.

- Đúng là những ngày đầu thì cháu có khổ thật. Nhưng cháu đã trốn đến ba tuần lễ. Thế các ông tin rằng suốt cả thời gian ấy, cháu ở trong rừng hoang, ngủ ngoài trời, giữa mùa đông ư?

- Cháu đã nói thế thì cũng phải tin như thế thôi.

Người tù có vẻ thích thú:

- Đó là những điều phải nói với nhà chức trách để khỏi liên lụy đến những người đã giúp đỡ mình. Phải nói như vậy chứ ông?

Khi có những người dám cả gan cho người tù vượt ngục trốn ẩn, và đối xử tốt với người ấy thì phải tìm cách che chở cho người ta. Ông cũng đồng ý như vậy chứ?

- Cháu hỏi ta như vậy ta không thể trả lời được Hòm ạ. - Người gác ngục nói với vẻ dịu dàng mà ông vẫn biểu lộ từ trước đến giờ.

Người tù trẻ tuổi buông một tiếng thở dài nuối tiếc.

- Chà miễn sao cháu có thể chịu đựng được cho đến ngày cháu được trả lại tự do và có thể trở về với họ! Nhà của ở họ cạnh bờ rừng.

Anh ta ngừng lời, thở hổn hển vì ngạt thở. Người gác ngục lo lắng nhìn anh ta và đưa tay với lấy cốc thuốc nước để trên bàn, nhưng cốc đã cạn.

- Ta phải đi lấy thuốc đây. - Ông vừa nói vừa đi ra khỏi phòng.

Lát sau, người đánh xe bò đã ngồi vào chỗ người gác ngục. Hắn đặt cái hái sang bên để cho người bệnh không nhìn thấy, và hất cái mũ trùm đầu của hắn ra đằng sau.

Davit Hòm không nén nổi một tiếng rên, giống như là tiếng khóc của một đứa bé, khi thấy người đàn ông đáng sợ kia ngồi gần em mình như vậy. Nhưng chính người em thì lại chẳng tỏ ra sợ hãi chút nào. Bị rối loạn vì cơn sốt, anh ta không nhận ra là có một người vừa mới đến, cứ tưởng là vẫn nói chuyện với người gác ngục của mình.

- Căn nhà tồi tàn của họ mới bé làm sao. - Anh ta vừa nói vừa thở hổn hển.

- Cậu đừng nói làm gì cho mệt, - người đánh xe bò nói. - Nhà chức trách biết hết mọi chi tiết mọi chi tiết của chuyện này, nhưng chẳng bao giờ họ đã động đến cả.

Người bệnh ngạc nhiên mở rất to đôi mắt.

- Phải, cậu nhìn ta ngơ ngác, - người đánh xe bò nói tiếp, - nhưng cứ đợi rồi cậu sẽ thấy! Cậu tưởng rằng chúng ta không biết một buổi chiều có một người lén lút đột nhập vào một căn nhà nhỏ, căn nhà cuối cùng của một làng dài. Người ấy tưởng sẽ không gặp một ai trong nhà cả. Người ấy đã nấp ở bìa rừng chờ

cho bà chủ nhà đi khỏi. Y biết rằng người chồng đi làm vắng, và y cũng không thấy có bóng dáng của trẻ con. Khi người vợ xách xô đi vắt sữa, y liền lấy chiếc chìa khóa mà bà đã giấu trước mặt y và đi vào nhà.

- Làm sao, làm sao mà ông biết được chuyện đó? - Người bệnh kêu lên và làm một cử chỉ như muốn ngồi nhồm dậy.

- Cứ nằm yên, - người đánh xe bò nói với giọng rất hiền từ. - Đừng lo gì cho những người bạn của cậu. Người ta không vô nhận đạo trong việc quản lý các nhà tù đâu. Ta sẽ kể cho cậu nghe những chuyện khác nữa mà chúng ta đã biết! Khi người đàn ông đã vào căn buồng độc nhất của căn nhà, y sợ hãi lùi lại vì trong nhà không phải không có người nào như y đã tưởng: ở phía cuối buồng, trên một chiếc giường rộng có một đứa trẻ ốm đang nhìn y. Y lại gần, nhưng đứa trẻ nhắm mắt lại và nhất định không chịu mở ra, cứ nằm im thín thít như chết.

- "Tại sao giữa ban ngày mà em lại nằm? - Người đàn ông hỏi, - Em ốm à?"

"Đứa trẻ không nhúc nhích.

"- Đừng sợ gì cả! - Người đàn ông nói tiếp, - ta không muốn làm hại em đâu, chỉ cần em nói cho ta biết có thể tìm thấy cái gì ăn được rồi ta sẽ đi ngay lập tức.

"Đứa trẻ cứ nằm yên. Người đàn ông bèn rút một cọng rơm ở ổ rơm ra và cù vào mũi nó. Đứa trẻ hắt hơi, người đàn ông bật cười. Lúc đầu đứa trẻ nhìn y một cách sợ hãi, nhưng rồi nó cũng bật cười nốt.

"- Em định làm cho anh tưởng rằng em đã chết, - nó nói.

"- Anh đã thấy rõ như vậy, nhưng cần gì phải làm thế?

"- Anh hẳn biết rằng nếu anh gặp một con gấu ở trong rừng thì anh phải nằm ngay xuống đất và giả vờ chết, - đứa trẻ giải thích, - thế là con gấu liền đi đào một cái hố để ném anh vào, và lúc ấy anh có thể chuồn luôn.

" Người đàn ông bỗng đỏ mặt.

"- Thế em tưởng anh sẽ đi đào hố à? - Y hỏi.

“- Em ngốc như thế đấy, - mà lại còn ngốc hơn thế nữa bởi vì dù sao em cũng không thể chạy trốn được. Em bị đau ở hông và không đi được.

Người tù mỗi lúc một ngạc nhiên hơn.

- Có lẽ cậu chán nghe tôi kể rồi sao? - Người đánh xe bò hỏi.

- Không, không, - người bệnh trả lời. Cháu muốn được nghe nhắc lại tất cả những chuyện đó. Nhưng cháu không hiểu vì sao...

- Ta biết được những chuyện này thì cũng chẳng có gì là lạ. Ta sẽ nói cho cậu nghe làm sao ta biết được chuyện ấy. Có một kẻ lang thang tên là Giorgio; cậu đã nghe nói đến y chưa? Trong một chuyến đi lang thang y biết được chuyện ấy, rồi y kể lại với những người khác, và cứ thế chuyện ấy đến tai chúng ta ở nhà tù.

Im lặng một lát, rồi người bệnh hỏi với một giọng rất yếu:

- Rồi sau thì người đàn ông và đứa trẻ ấy ra sao?

- Thế này, người đàn ông lại hỏi xin thức ăn một lần nữa. “Thường thường có người nghèo đến xin ăn không?” – Y hỏi.

“- Có chứ, đứa trẻ đáp.

“- Và mẹ em có cho gì không?

“- Có, nếu trong nhà có một chút gì thì mẹ em cho.

“- Đó là điều anh muốn hỏi em. Anh là một người nghèo đang bị đói. Em hãy nói cho anh biết chỗ để cái gì có thể ăn được, và anh sẽ chỉ lấy vừa đủ ăn cho đỡ đói mà thôi.

“Đứa trẻ nhìn y với vẻ tinh quái.

“- Mẹ em đã nghĩ đến người tù vượt ngục, nghe nói đang trốn ở trong rừng, và mẹ em đóng hết các tủ ở hốc tường rồi.

“- Nhưng hẳn em biết mẹ em giấu chìa khóa ở đâu, và em sẽ nói cho anh biết chứ? Nếu không thì anh buộc phải phá cửa tủ.

“- Phá cửa chẳng dễ dàng đâu, - đứa trẻ nói. – Tủ đứng và tủ hốc tường nhà em đều có khóa rất chắc..

“- Người đàn ông đi quanh gian phòng để tìm chìa khóa. Y lục lọi trong các ngăn kéo bàn và trên nóc lò sưởi, nhưng chẳng tìm thấy gì. Đứa trẻ ngồi trên giường vẫn nhìn y. Bỗng nó đưa mắt nhìn ra cửa sổ rồi kêu lên:

“- Có người đi trên đường,họ đang đi đến đây, mẹ em và mấy người khác nữa.

“Người tù nhảy phốc một cái đến gần cửa.

“- Anh mà ra thì họ bắt ngay, - đứa trẻ nói, - anh trốn vào cái tủ đứng ấy.

“Người đàn ông lưỡng lự.

“- Nhưng anh không có chìa khóa, - y nói.

“- Em có, - đứa trẻ đắc thắng kêu lên, và nó đưa cho y một chiếc chìa khóa to tướng nó nắm trong tay.

“Người tù vượt ngục cầm lấy chiếc chìa khóa, nhảy bổ đến cái tủ và mở ra.

“- Bây giờ anh ném chìa khóa cho em rồi đứng trong tủ chốt cửa lại.

“ Y làm theo và tự nhốt mình trong tủ.

“Trông ngục kẻ vượt ngục khốn khổ chắc phải đập dũ lắm khi y đứng sau cánh cửa tủ nghe ngóng những người đuổi bắt mình. Y nghe tiếng mở cửa, một giọng đàn bà the thé kêu lên:

“- Có ai vừa ở đây không?

“- Có, đứa bé trả lời, - mẹ vừa đi khỏi thì một người đàn ông chẳng gõ cửa gì cả mà cứ thế bước vào nhà.

“- Lay Chúa, người đàn bà rên lên, - đúng như người ta nói với tôi là họ thấy hân ra khỏi rừng và đi vào đây.

“Người tù vượt ngục lăm bắm một tiếng rửa đứa trẻ đã phản bội y. Y đã bị mắc kẹt như là trong một cái bẫy chuột. Y sắp sửa

đây tung cách cửa để thử lợi dụng lúc mọi người đang sững sốt chưa kịp trở tay mà nhảy vọt ra khỏi nhà, thì vừa lúc y nghe thấy một giọng nói khác hỏi xem kẻ vượt ngục chạy đi đâu.

“- Anh ta không còn ở đây nữa, - cái giọng trong treo của đứa bé lại cất lên, - chắc thấy các bác đến nên anh ta sợ.

“- Hẳn có lấy mất cái gì không?

“- Không, anh ta có xin chút gì ăn, nhưng con chẳng có gì cho anh ta ăn cả.

“- Thế hẳn không làm gì con à? – Giọng nói vẫn lo lắng hỏi.

“- Anh ta lấy cọng rơm ngoáy vào mũi con – đứa trẻ nói.

“Và kẻ vượt ngục nghe thấy có tiếng cười trong treo.

“- Anh ta cù con à, bà mẹ reo lên. Bà cũng cười, như đã cất được gánh nặng.

“- Hẳn đã đi mất rồi thì ta còn đứng đây ngắm mấy bức tường kia làm gì nữa. – Một giọng đàn ông nói.

“Và những tiếng chân báo cho người vượt ngục biết là họ đã bỏ đi.

“- Thế chị ở lại nhà à, chị Lizza? – Một người nào đó hỏi.

“- Vâng, hôm nay tôi không thể để thằng be ở nhà một mình nữa.

“Người vượt ngục nghe tiếng đóng cổng ngoài và hiểu rằng chỉ còn hai mẹ con ở nhà. Nhưng y vẫn không dám ra.

“- Ta sẽ ra sao đây? – Y tự hỏi.

“- Vừa lúc ấy y nghe tiếng chân bước lại gần cái tủ.

“- Này anh kia ời, đừng sợ gì cả, - tiếng người đàn bà gọi, - nhưng mà anh ra đây cho tôi hỏi chuyện.

Cùng lúc ấy, một chiếc chìa khóa cắm vào ổ khóa và một bàn tay kéo cánh cửa tủ.

“- Đó là cậu ấy bảo tôi trốn vào đây, - anh ta nói và chỉ đứa bé.

“Thằng bé cười. Cái chuyện mạo hiểm này làm cho nó thích thú quá vỗ tay ầm lên.

“- A! Thằng này đấy hả? – Người mẹ nói với vẻ kiêu hãnh. – Nó cứ nằm mãi ở đây mà suy nghĩ và nghiền ngẫm, nên mới trở nên ranh ma như thế này đấy! Rồi chẳng mấy chốc nó sẽ tinh khôn hơn chúng ta cho mà xem.

“Người vượt ngục hiểu rằng người mẹ sẽ không tố cáo y, bởi vì y đã được con trai bà che chở.

“- Quả thật, - y nói, - cậu bé tinh quái lắm. Tôi vào đây để cố kiếm tí gì đó ăn cho đỡ đói, thế mà cậu nhóc ấy cứ nhất định không nói cho tôi biết chìa khóa để đâu. Cậu ấy còn bạo dạn hơn rất nhiều kẻ có đôi chân lạnh lặn đấy.

“Bà mẹ thừa hiểu là anh ta khen như vậy để lấy lòng bà, nhưng bà vẫn rất thích thú khi nghe anh ta nói.

“- Tôi sẽ dọn cho anh ăn – bà nói.

“Trong khi người tù vượt ngục ăn, cậu bé bắt đầu hỏi về chuyện vượt ngục của anh ta, và anh ta kể hết từ đầu đến cuối không dấu diếm một tí gì. Đó không phải là một việc có dự định trước, tự nhiên thời cơ đã đến vào một hôm khi anh ta đang làm việc ở sân nhà giam và cổng thì mở để chở than vào. Cậu bé cứ hỏi và nghe kể không biết chán anh ta làm sao mà vượt qua thành phố và đi được vào rừng. Hai ba lần người đàn ông muốn đi, nhưng đứa bé cứ giữ anh ta lại. Cuối cùng bà mẹ nói:

“- Thôi anh cũng nên ở lại đây mà chuyện trò với Bécna. Có thể người ta vẫn còn lòng anh đấy.

“Khi ông bố trở về, người vượt ngục vẫn còn ở trong nhà. Trời đã tối và ông tưởng là một người hàng xóm nào đó đang nói chuyện với con ông.

“- Cậu Pie đang kể chuyện cho con đấy à? – Ông hỏi.

“Tiếng cười của thằng nhóc bật ra.

“- Không phải đâu bố ạ!, không phải anh Pie đâu, còn hơn thế rất nhiều. Bố lại đây con nói cho mà nghe.

“Ông bố đi lại gần giường, nhưng ông phải đưa sát tai vào miệng nó thì nó mới chịu nói.

“- Đó là người tù vượt ngục đấy. - Nó thì thảo.

“- Hừ Béc na, con cứ nói vớ vẩn.

“- Thật đấy mà, - đứa bé đáp. Anh ấy đã kể cho con nghe anh ấy đã vượt ngục như thế nào, rồi anh ấy đã ở ba đêm giữa rừng trong một cái lều của những người đón củi. Con biết hết.

“Bà mẹ vội vàng mang lại một cây đèn, và ông chủ nhà nhìn người đàn ông lúc này đã đi đến gần cửa.

“- Thế này là thế nào nhỉ? – Ông ta hỏi.

“Đứa bé và bà mẹ cùng tranh nhau nói, cả hai đều sôi nổi. Ông chủ nhà là một nông dân đã có tuổi, vẻ mặt thông minh và biết điều. Ông ta ngắm người vượt ngục một lúc lâu trong khi vợ con ông kể chuyện. “Anh ta ngó bộ ốm, gần như sắp chết, tội nghiệp! – Ông ta tư nhủ, - rét thế này mà ở trong rừng thêm một đêm nữa thì anh ta đi đứt.”

“Còn nhiều kẻ lang thang trên đường chẳng bị ai lòng bắt mà còn nguy hiểm gấp mấy anh, - ông ta nói sau khi vợ con ông ta ngừng kể.

“- Tôi chẳng nguy hiểm gì lắm đâu, - người vượt ngục nói.- Một tối tôi say rượu, có một người đàn ông chế diễu và thách thức tôi...

“Nhưng người nông dân không muốn nghe anh ta nói nhiều hơn trước mặt đứa trẻ, ông ta ngắt lời anh:

“- Phải, tôi cũng cho là sự việc diễn ra như thế.

“Im lặng một lúc, người nông dân ngẫm nghĩ, mấy người kia lo lắng nhìn ông. Không ai dám lên tiếng nữa. Cuối cùng ông ta quay về phía vợ:

“- Không biết tôi làm thế này là sai hay đúng, nhưng đối với tôi, cũng như đối với mình, con nó đã nhận che chở cho anh ta thì tôi không thể đuổi anh ta đi được.

Thế là họ quyết định để cho người vượt ngục ở lại một đêm ấy và sẽ ra đi vào sáng hôm sau. Nhưng hôm sau anh ta lên cơn sốt nặng và không đứng lên được. Thế là phải để anh ta ở lại. Suốt hai tuần anh ta ở trong căn nhà nhỏ ấy.”

Hai anh em cùng chăm chú nghe kể câu chuyện này, và khi người đánh xe bò kể đến đoạn người vượt ngục bị ốm được nuôi giấu trong nhà người nông dân thì người hấp hối thanh thản và nhẹ nhàng nằm lại xuống giường. Những nỗi đau đớn dường như đã rời khỏi anh ta: anh ta đang sống lại một quá khứ hạnh phúc. Người anh của anh ta còn nghi ngại, lo rằng có một cái bẫy ở trong chuyện này. Nhiều lần y cố gắng một cách vô hiệu cho em mình chú ý, nhưng anh ta vẫn nằm yên.

“- Những con người tội nghiệp trong căn nhà nhỏ ấy không dám mời thầy thuốc, người đánh xe bò kể tiếp, - cũng không dám đến hiệu mua thuốc. Người bệnh đành là chẳng có thuốc men gì. Khi có ai đến gần nhà, đứa bé báo cho mẹ nó biết, bà liền ra đứng ở ngưỡng cửa và báo cho khách biết rằng Bécna bị một chứng phát ban khắp cả người kỳ lạ lắm và rất có thể đó là bệnh tinh hồng nhiệt. Vậy nên bà không dám để cho ai vào nhà cả.

“Sau hai tuần, người tù vượt ngục bắt đầu khá hơn. Anh ta liền tự nhủ rằng mình không thể là gánh nặng cho những người tốt bụng này nữa. Anh ta cảm ơn họ và muốn ra đi.

“Người nông dân và bà vợ ông ta bèn nói với anh ta về một điều gì đó thoát đầu với anh ta có vẻ ghê tởm. Đó là một buổi tối khi Bécna hỏi anh ta sẽ định làm gì.

“- Lại trở vào rừng, - anh nghĩ vậy. Anh ta trả lời.

“- Anh biết tôi nghĩ thế nào không? – Người đàn bà nông dân nói. – Lang thang trong những khu rừng vắng vẻ làm gì? Cứ như tôi thì tôi sẽ thu xếp công việc cho xong chuyện với nhà chức trách sớm được ngày nào hay ngày đấy. Vui thú gì mà cứ lang thang trong rừng như một con thú bị đuổi bắt?

“- Bị giam thì cũng chẳng vui thú hơn.

“- Hẳn là chẳng vui thú gì, nhưng nếu tôi sớm muộn gì cũng phải vào nhà giam, tôi thì cứ muốn là vào quách đi ngay cho xong chuyện.

“- Khi tôi bỏ trốn, hạn tù của tôi cũng không còn lâu nữa, - anh ta nói, - nhưng bây giờ họ sẽ giam tôi lâu hơn, tôi đoán thế.

“- Có lẽ vậy, cái việc anh trốn tù thật chẳng hay ho gì.- Người đàn bà trả lời.

“- Không, - người vượt ngục kịch liệt phản đối. – Không, tôi chưa bao giờ làm một việc gì mà lại ít có lý do hối tiếc như việc này.

“Vừa nói câu ấy anh ta nhìn cậu bé và mỉm cười, và cậu bé cũng mỉm cười đáp lại. Anh ta mến cậu bé. Nếu có thể anh đã muốn đưa cậu bé đi theo. Ông bố lúc ấy đang ngồi cạnh bếp lửa và thấy hai người mỉm cười với nhau liền cũng tham gia vào câu chuyện.

“- Có lẽ anh sẽ không gặp lại được Bécna nếu anh cứ lang thang suốt đời như một kẻ khốn khổ.

“- Nếu tôi bị bắt giam lại thì lại càng ít có cơ hội được gặp cậu ấy hơn nữa.

“- Chúng tôi đã quen sống chung với anh. Anh đi rồi chúng tôi sẽ nhớ đấy, - ông ta chậm rãi và nói tiếp theo thói quen của mình. - Nhưng chúng tôi không thể giữ anh lâu hơn nữa vì còn có hàng xóm chung quanh. Nếu anh đã được tha ra thì lại đi một nhẽ.

“ Người vượt ngục thoáng có một ý nghi ngờ. Có lẽ những người này muốn thuyết phục anh ta tự ý trở về nhà tù để họ khỏi bị rầy rà chẳng?

Anh ta trả lời:

“- Tôi đã khỏe, mai là tôi có thể đi được.

“- Tôi nói thế không phải là muốn bảo anh đi. - bgg nông dân nói, - nhưng nếu như anh đã được tự do thì tôi sẽ đề nghị anh ở lại đây để giúp tôi việc đồng áng.

“ Người vượt ngục không lại gì những khó khăn đối với một tên tù khổ sai được tha mà muốn tìm một việc làm, nên rất cảm kích lời đề nghị ấy. Nhưng anh ta thấy ghê tởm nếu phải trở lại nhà tù, và anh ta cứ lặng im.

“Tối hôm ấy đứa trẻ bị đau nhiều hơn ngày thường.

“- Liệu có phải đưa cậu ấy đi nhà thương không? I Người tù hỏi.

“- Nó đã đi nhà thương nhiều lần rồi, nhưng người ta bảo chỉ có một cách chữa cho nó khỏi bệnh là tắm biển, mà chúng tôi làm sao có đủ tiền để cho nó đi tắm biển được?

“- Phải đi xa à? - Người tù hỏi.

“- Đi thì không ngại lắm, có điều là chúng tôi lấy đâu ra tiền để thuê nhà ở và trả tiền ăn cho nó? - Thật đấy. - Người đàn ông nói.

“Anh ta im lặng một lúc, đắm mình trong suy nghĩ. Ý nghĩ anh ta xoay quanh vấn đề này: làm sao kiếm được tiền để cho cậu bé đi tắm biển.

“Bỗng anh ta quay lại phía người nông dân và nói lại câu chuyện bỏ dở:

“- Bác không sợ thuê một thằng tù khổ sai làm công cho bác à? - Anh ta chậm rãi hỏi.

“- Tôi tin chắc mọi việc sẽ đâu vào đấy thôi. - Người nông dân trả lời, - miễn là anh không phải loại người chỉ sống được ở thành thị.

“- Khi tôi bị giam trong xà lim, tôi khgg hề nghĩ đến thành thị bao giờ. - Người vượt ngục nói. - Tôi chỉ nghĩ đến cánh đồng xanh và rừng thôi.

“- Khi nào anh hết hạn tù, anh sẽ cảm thấy được giải thoát khỏi nhiều cái bây giờ đang đè nặng lên anh. - Người nông dân nói.

“- Chính tôi cũng đã nói với anh ấy như vậy đấy.- Bà vợ nói.

“- Tối nay con hát cho cả nhà nghe một bài gì có được không Bécna? - Bà mẹ đề nghị. - Nhưng có lẽ con mệt quá chẳng?

“- Không, không.

“- Ấy là mẹ nghĩ sẽ làm cho bạn con vui thích. - Bà mẹ nói.

“ Người vượt ngục cảm thấy trong lòng bứt rứt như là trước một tai họa. Anh ta những muốn bảo cậu bé đừng làm gì cả. Nhưng cậu đã cất giọng hát một ca khúc. Cậu có giọng hát trong và êm; và khi nghe tiếng hát của cậu, hơn lúc nào hết, người ta không thể nào không nghĩ rằng chính cậu cũng là một người tù chung thân đang mong mỗi tự do.

“Người tù khổ sai đưa hai bàn tay che mặt, và những giọt nước mắt rơi xuống qua kẽ tay của anh ta.

“ - Ta là kẻ chẳng còn mong thành tựu gì nữa ở trên đời. - Anh ta tự nhủ, - ta phải làm một cái gì đó cho cậu bé này mới được.

Sáng hôm sau anh ta từ biệt những con người tốt bụng ấy và ra đi. Không ai hỏi anh đi đâu. Mọi người chỉ chúc anh ta:” Trở về may mắn”.

- Phải, đúng thế! - Người bệnh đột ngột kêu lên, ngắt hẳn câu chuyện của người đánh xe bò. - Phải, tất cả họ đã kêu lên với tôi: “Trở về may mắn”. Đó là điều tốt đẹp nhất mà tôi sẽ nhớ mãi suốt đời.

Anh ta dừng lại, một vài giọt nước mắt từ từ lăn xuống má. Rồi anh ta nói tiếp:

- Cháu lấy làm mừng vì ông đã biết chuyện đó. Từ nay cháu sẽ có thể nói chuyện với ông về Bécna...Trong khi ông kể chuyện, cháu có cảm tưởng cháu đã được tự do. Cháu tưởng như đang ở gần cậu bé ấy...Có ai ngờ rằng cháu đã qua một đêm hạnh phúc như vậy?...

Người đánh xe bò mỗi lúc một cúi sát xuống người bệnh.

- Anh nghe ta nói đây, - Hôm, - y bảo. Nếu ta thu xếp cho anh được đi gặp ngay lập tức những người bạn của anh, nhưng bằng cách khác mà anh chưa nghĩ tới, thì anh bảo sao? Nếu ta cho anh được thoát khỏi những năm dài chờ đợi và cho anh được tự do ngay đêm nay anh có đồng ý không?

Khi nói những lời cuối cùng này, người đánh xe bò đã kéo cái mũ trùm đầu lên và cầm lấy cái hái. Người bệnh nhìn y với đôi mắt mở to mỗi lúc một chứa đầy niềm luyến tiếc nào nùng.

- Anh có hiểu ta muốn nói gì không? - Người đánh xe bò hỏi. - Anh có hiểu rằng ta là người mở cửa tất cả các nhà tù, là kẻ có

thể đưa anh thoát ra mà những người truy bắt anh không bao giờ đuổi kịp anh không?

- Tôi hiểu điều ông muốn nói. - Người tù thì thầm. - Nhưng như thế thì có khổ cho Bécna không? Ông biết rằng tôi trở về nơi đây để một ngày kia sẽ được trả tự do một cách lương thiện và có thể giúp được cậu ấy.

- Anh đã làm cho cậu ấy điều hy sinh lớn nhất mà anh có thể làm được, - người đánh xe bò nói, - và để thưởng cho hành động tốt đẹp ấy của anh, nên hạn tù của anh đã được rút ngắn và cõi tự do rộng lớn mà không ai có thể tước đoạt mất của anh nữa sẽ được ban cho anh. Anh không còn gì phải lo lắng cho cậu ấy nữa.

- Nhưng lẽ ra tôi phải đưa cậu ấy đi tắm biển, - bgg bệnh phản đối. - Khi chia tay nhau, tôi đã ghé vào tai cậu ấy hứa một ngày kia tôi sẽ trở về và sẽ đưa cậu ấy đi. Đã hứa với một đứa trẻ điều gì, ta có nghĩa vụ phải giữ lời hứa ấy.

- Như vậy là anh không đồng ý ta đưa lại tự do cho anh chứ gì?
- Người đánh xe bò hỏi và đứng dậy.

- Ôi! Ông đừng bỏ đi! Người hấp hối kêu lên và nắm lấy cái mũ trùm đầu của người đánh xe bò. - Ông không biết rằng tôi mong mỗi điều ấy biết bao nhiêu! Giá mà có người nào giúp cậu bé được! Nhưng chỉ có tôi mà thôi.

Anh ta ngược mắt lên và bỗng thốt ra một tiếng kêu vui sướng:

- Đavit! Anh Đavit của tôi! Anh ấy ngồi kia kìa! Vậy thì ổn rồi. Tôi sẽ yêu cầu anh ấy chăm sóc cho Bécna.

- Anh Đavit của anh! - Người đánh xe bò nói với một giọng khinh bỉ. - Đó chẳng phải là người mà ta có thể yêu cầu chăm sóc cho một đứa trẻ. Anh còn không biết anh ta chăm sóc con anh ta như thế nào ư?

Y ngừng lại vì Đavit Hôm đã đến ngồi phía bên kia giường và cúi xuống người em trai mình và nóng lòng muốn giúp đỡ anh ta.

- Anh Đavit, - người hấp hối nói, - em thấy trước mắt em là những bãi cỏ xanh và một mặt biển rộng rãi phóng khoáng. Anh hiểu không? Em bị nhốt đã lâu biết mấy! Em không thể cưỡng

lại được sự cảm dỗ bởi vì người ta hứa cho em được tự do mà không làm hại đến ai cả. Nhưng còn đứa bé này, anh biết điều em đã hứa với nó.

- Em chớ lo lắng gì! - Davit Hôm nói, giọng run run, - đứa bé kia, những người đã cứu giúp em, anh nói cho em biết rằng, đến lượt anh, anh sẽ cứu giúp họ. Em hãy đi đến chốn tự do, hãy yên lòng ra đi. Anh đảm nhiệm việc ấy. Em hãy thanh thản mà ra khỏi nhà tù của em.

Nghe những tiếng này, người hấp hối liền buông mình xuống gối.

- Cậu đã nói với nó những lời của Thần Chết đấy, Davit ạ, - người đánh xe bò bảo. - Thôi đi thôi. Đã đến lúc chúng mình phải đi thôi. Linh hồn đã được giải thoát không được gặp những linh hồn còn bị đày đọa trong tam tối.

8

“Nếu có cách nào làm cho người ta nghe được mình nói giữa cái tiếng kêu cọt kẹt và tiếng rít xào xạc kinh khủng như thế này thì ta đã muốn nói với Giorgio lời cảm ơn vì hắn đã giúp đỡ cho Xơ Êđi và em trai ta trong cái giờ phút khó khăn nhất ấy, - Davit Hôm nghĩ thầm. - Nhất định là ta sẽ không chịu phục tùng ý muốn bắt ta phải thay thế chỗ của hắn, nhưng ta sẽ sẵn lòng tỏ cho hắn thấy là ta hiểu sự giúp đỡ của hắn đối với hai người kia.”

Những ý nghĩ này vừa lướt qua đầu y thì người đánh xe bò liền kéo dây cương ghìm ngựa lại, tưởng như hắn nghe được những ý nghĩ ấy.

- Tớ chỉ là một gã đánh xe bò khốn khổ, - hắn nói. - Đôi khi tớ cũng giúp đỡ được một người nào đó, nhưng phần nhiều là tớ thất bại. Đối với hai người kia thì dễ dàng làm cho họ bước qua ngưỡng cửa, vì một cô đang mong mỏi được về trời, còn cậu kia chẳng có mấy ràng buộc ở thế gian! Cậu có biết không, Đavit, - hắn bỗng lấy cái giọng bạn bè cũ nói tiếp, - đã bao lần ngồi trên chiếc xe bò của tớ, lắng nghe những tiếng xôn xao của thế gian, tớ tự bảo rằng tớ muốn gửi đến thế gian một lời nhắn nhủ.

- Tớ hiểu điều đó. - Đavit Hôm trả lời.

- Cậu biết rằng, - Đavit ạ, thật vui thích được làm người thợ gặt khi cánh đồng lượn sóng dưới những cánh đồng lúa chín. Nhưng những kẻ nào bị buộc phải phạt dứt những cây lúa non tội nghiệp, kẻ đó sẽ ghê tởm cái công việc ấy. Ông chủ mà tớ đang phục vụ đây, ông ấy cho rằng cái công việc bạc bẽo và tàn nhẫn ấy không xứng đáng với địa vị cao quý của ông ta: ông ta dành việc ấy cho tớ, cho gã đánh xe bò khốn khổ này.

- Tớ đã hiểu là cơ sự phải như thế. - Đavit Hôm nói.

- Nếu con người biết được, - Giorgio nói, - rằng người ta dễ dàng giúp họ bước qua ngưỡng cửa khi họ đã hoàn thành công việc và làm tròn nghĩa vụ của mình, và những sợi dây ràng buộc đã được dứt đi một nửa; ngược lại thật là một công việc nặng nề biết bao khi phải giải thoát cho một kẻ chưa làm xong, chưa thực hiện được một việc gì hết, và còn để lại sau mình tất cả những người mà mình yêu thương; nếu con người biết được như vậy thì họ sẽ làm cho công việc của người đánh xe bò bớt phần cực nhọc.

- Cậu muốn nói gì vậy, Giorgio?

- Cậu hãy nghĩ đến một điều, Đavit! Suốt thời gian cậu đi với tớ, cậu chỉ nghe nói đến có mỗi một thứ bệnh, và tớ có cảm tưởng hầu như suốt cả năm nay tớ cũng chỉ nghe như thế. Ấy là vì cái bệnh này nó ập xuống đúng vào lúc cây lúa còn non, cây lúa mà tớ bị bắt buộc phải phạt dứt. Thời gian tớ mới bắt đầu đánh xe bò, tớ luôn tự bảo: “Giá mà người ta trị được thứ bệnh này, thì hình phạt của mình cũng sẽ nhẹ bớt đi”.

- Và đó là lời cậu muốn nhắn gửi đến cho con người?

- Không, Đavit ạ, con người có nhiều khả năng lắm. Chắc chắn là có ngày con người sẽ chiến thắng được kẻ thù này với những

vũ khí của khoa học và của sự kiên trì. Tớ không nói chuyện đó đâu.

- Vậy làm sao con người có thể làm cho công việc của người đánh xe bò bớt nặng nhọc?

- Chỉ ít nữa là đến buổi sáng ngày đầu năm. Và khi thức dậy, ý nghĩ đầu tiên của mọi người là sẽ hướng vào năm mới: họ sẽ điểm lại tất cả những hy vọng và mong ước đã đạt được trong năm qua, và họ sẽ nghĩ đến tương lai. Vậy tớ muốn có thể khuyên họ chớ nên cầu xin hạnh phúc trong tình yêu, thành đạt trong công việc, giàu có hoặc sống lâu, cả đến sức khỏe nữa. Họ chỉ nên chấp tay và tập trung những ý nghĩ của họ vào một lời cầu nguyện duy nhất: “ Lạy Chúa, xin hãy để cho linh hồn con đạt đến tuổi trưởng thành trước khi bị phạt dứt”.

Hai người đàn bà nói chuyện với nhau đã mấy tiếng đồng hồ. Họ ngừng lại một lúc vào buổi xế trưa để đi dự một cuộc họp của Đội quân Cứu tế, rồi cuộc nói chuyện lại tiếp tục và kéo dài đến nửa đêm vẫn chưa dứt. Một trong hai người cố sức đem lại nghị lực và tự tin cho người kia, nhưng hình như không đạt được kết quả.

- Bà có biết không, bà Hôm, - người phụ nữ nói, - tôi nghĩ rằng mặc dù nói như vậy bà có thể cho là kỳ quặc, nhưng tôi nghĩ rằng từ nay trở đi bà sẽ bớt đau khổ. Tôi nghĩ đây là vở chơi khăm tệ hại nhất của ông ấy đối với bà. Ngón đòn cuối cùng này là sự trả thù mà ông ta đã đe dọa bà từ khi bà bỏ ông ấy. Nhưng bà hãy hiểu rằng, bà Hôm ạ, tự làm cho mình trở nên rất tàn

nhẫn và từ chối không để cho bọn trẻ đi, đó là một chuyện, còn nung nấu một ý định giết người và thực hiện ý định đó thì lại là một chuyện khác hẳn. Tôi không tin có người nào lại làm như vậy được.

- Bà muốn an ủi tôi, tôi hiểu và cảm ơn bà, - người kia nói.

Nhưng căn cứ vào giọng nói của chị ta, người ta cảm thấy nếu người đội viên Cứu tế không tin có một người nào làm được như vậy, thì người đàn bà tội nghiệp này chính chị ta lại biết có một người sẽ làm được việc đó.

Người đội viên Cứu tế có vẻ như đã cạn hết lý lẽ, nhưng sau một lúc im lặng bà lại quyết định mặc dù thế nào cũng thử lại một lần cuối cùng nữa xem sao:

- Bà phải nhận thấy một điều, bà Hô-m a. Tôi không biết rằng lúc bà bỏ người chồng của bà mà đi cách đây mấy năm, làm như vậy bà có phạm phải một tội lỗi lớn hay không, nhưng mà như thế bà đã coi nhẹ một nghĩa vụ. Bà đã để ông ta lại trong cảnh bối rối, và chẳng bao lâu hậu quả đã xảy ra. Năm vừa qua là một năm chuộc tội, và công trình mà bà đã bắt đầu làm với sự giúp đỡ của Xơ Ê-đi là một công trình tốt, và nó sẽ mang lại một kết quả tốt.

Khi người đội viên Cứu tế nói những tiếng cuối cùng này thì không phải có riêng bà với người vợ của Đavít Hô-m nữa. Đavít Hô-m và anh bạn Giorgi-ơ của y, hay nói đúng hơn là cái bóng ma của hai người ấy đã đi vào nhà và đứng lại ở cạnh cửa.

Đavít Hô-m không bị trói chặt nữa, cả hai bàn tay của y cũng không bị buộc. Y vui lòng đi theo người đánh xe bò, nhưng lần này y nhận ra nơi mà Giorgi-ơ đưa y đến, và y hơi có ý muốn phản kháng. Ở đây, Thần Chết chẳng có việc gì phải làm cả. Vậy tại sao lại bắt y nhìn lại người đàn bà này và căn nhà này?

Y sắp sửa hỏi Giorgi-ơ một câu bức tức thì vừa lúc Giorgi-ơ giơ tay ra hiệu cho y im lặng.

Người vợ của Đavít Hô-m, có phần nào phấn chấn hơn nhờ sự tin tưởng nhiệt thành của người đội viên Cứu tế, ngẩng đầu lên:

- Nếu như tôi dám tin rằng đó là sự thật, - chị ta thở dài.

- Sự thật đấy! - Người đội viên Cứu tế quả quyết với một nụ cười. - Ngày mai sẽ có một sự thay đổi. Bà sẽ thấy, bà Hôm ạ. Năm mới sẽ đem lại may mắn cho bà.

- Năm mới? - Người đàn bà lẩm bẩm, - ...Phải đêm nay là đêm lễ thánh Xinvetxtơ, thế mà tôi suýt quên mất. Bây giờ khoảng độ mấy giờ rồi nhỉ, bà đội trưởng Andecxơ?

- Bây giờ đã sang năm mới rồi, - Người trưởng đội Cứu tế nhìn đồng hồ trên tay nói, - hai giờ kém mười lăm.

- Vậy thì bà đội trưởng hãy về đi nghỉ đi. Bây giờ tôi đã bình tĩnh rồi.

Người trưởng đội quân Cứu tế nhìn người đàn bà một cách dò xét:

- Tôi chẳng tin lắm vào sự bình tĩnh ấy đâu.- Bà nói.

- Không, không, bà cứ yên lòng về đi. Tôi biết rằng tối nay tôi đã nói những điều bậy bạ, nhưng bây giờ thì hết rồi, tôi đã trở lại biết điều rồi.

- Và bà có tin, bà Hôm, bà có thể phó thác mọi chuyện cho Chúa, và tin tưởng rằng Chúa sẽ an bài mọi việc một cách tốt đẹp nhất không ?

- Có. - Người đàn bà tội nghiệp trả lời, - có, tôi tin như vậy.

- Tôi sẵn lòng ở lại đây với bà cho đến sáng, nhưng bà lại muốn tôi về hơn là tôi ở lại chẳng?

- Có bà ở lại đây với tôi thì tốt lắm, đội trưởng ạ, nhưng hần sắp sửa về, bà nên để tôi ở nhà một mình thì hơn.

Hai người trao đổi thêm vài câu rồi bà đội trưởng đi ra khỏi phòng.

Người thiếu phụ đi theo bà đội trưởng Cứu tế để mở cổng cho bà, sau đó quay lại ngay.

Người ta thấy chị định giữ đúng lời hứa và đi ngủ. Chị ngồi xuống một cái ghế dựa và bắt đầu cởi dây giày.

Bỗng nhiên trong khi chị đang cúi xuống phía trước thì cánh cửa dưới nhà bị đóng mạnh lại. Chị nhảy chồm lên và lắng tai nghe. “Hắn về chẳng? - Chị tự nhủ, - Chắc là hắn về đây”.

Chị chạy lại cửa sổ và thử nhìn vào cái sân tối xem có thấy gì không. Chị đứng nghe ngóng một, hai phút. Cuối cùng, khi trở về lại căn phòng, vẻ mặt chị thay đổi một cách kỳ lạ. Mặt chị xám lại, mắt, má, môi tất cả đều như phủ đầy tro. Cử động của chị cứng đơ và rờ rẫm, đôi môi chị khẽ run run.

- Tôi chẳng thiết gì nữa! - Chị thì thầm. - Tôi chẳng thiết nữa... Phải tin tưởng vào Chúa...- Và chị đứng lại ở giữa căn nhà. Ai cũng bảo tôi phải tin tưởng vào Chúa. Thế ra người ta đã tưởng tôi đã không cầu nguyện và van xin và kêu gọi Chúa ư? Làm thế nào bây giờ? Làm sao để Chúa nghe lời tôi được?

Chị không chảy nước mắt. Nhưng lời nói của chị là tiếng kêu rên. Chắc hẳn là chị đang bị một nỗi dày vò mà chị không còn chịu trách nhiệm gì về những hành vi của mình nữa.

Đavit Hôm cúi nhìn xoáy vào vợ và rùng mình vì một ý nghĩ chợt đến với y.

Người vợ đi qua gian phòng, không phải là chị bước, mà lết đến những tấm đệm rom trải ở góc phòng trên đó hai đứa con chị đang nằm ngủ.

- Tội nghiệp quá! - Chị nói và cúi xuống hai đứa trẻ. - Chúng nó xinh đẹp biết bao!

Chị ngồi xuống cạnh các con rồi hết nhìn đứa này đến nhìn đứa khác rất lâu.

- Nhưng tôi không thể sống được nữa, - chị nói tiếp, - và tôi cũng không thể bỏ chúng lại bơ vơ sau khi tôi chết.

Chị đưa tay vuốt đầu hai đứa con với cử chỉ vụng về, như là không quen thuộc. “Đừng giận mẹ, các con yêu quý, - chị nói, - chẳng phải là lỗi của mẹ đâu, nhưng mẹ không thể làm khác được.”

Trong khi chị còn ngồi cạnh hai đứa con thì lại nghe có tiếng cánh cổng đi ra đường mở ra khép lại. Chị giật mình và ngồi yên cho đến khi biết chắc là không phải chồng chị trở về. Thế là đột nhiên chị đứng dậy.

- Mẹ phải làm thật nhanh, - chị thì thăm, - miễn là hấn đừng về quấy rầy thì mẹ sẽ xong nhanh thôi.

Nhưng chị chẳng làm gì cả, chị chỉ bồn chồn đi đi lại lại.

- Có một cái gì đó bảo tôi hãy đợi đến ngày mai. Nhưng việc gì nhất thiết phải xảy ra, có hoãn lại cũng chẳng ích gì. Ngày mai cũng là một ngày như mọi ngày khác. Tại sao ngày mai lại tốt hơn đối với tôi và đối với những đứa con của hấn?

Đavit Hôm nghĩ đến cái người chết đang nằm trên bãi cỏ nghĩa trang và chẳng bao lâu sẽ bị chôn vùi như một thứ bỏ đi. Y hầu như muốn nói cho vợ y biết rằng chị không còn phải sợ y nữa.

Lại nghe một tiếng động. Lần này là một cách cửa trong nhà mở ra và đóng lại. Và một lần nữa người đàn bà giật mình và run rẩy, chị lại nhớ đến cái hành động đang dự định làm. Chị vừa run lập cập vừa lê đến gần bên bếp lò và bắt đầu bẻ những cành củi nhỏ để nhóm lửa.

- Nếu hấn có bắt gặp ta đang nhóm lửa thì cũng chẳng sao, - chị nói như để đáp lại một lời phản đối thăm. - Ta rất có thể pha cho mình một tách cà phê buổi sáng đầu năm cho tỉnh ngủ để đợi hấn về.

Đavit Hôm nhẹ cả người khi nghe những tiếng ấy. Nhưng y lại tự hỏi tại sao Giorgio lại đưa y đến đây. Trong nhà y chẳng có ai hấp hối, cũng chẳng có ai ốm đau cả.

- Hấn muốn cho ta nhìn lại vợ con một lần cuối cùng chẳng? - Y tự nhủ. - Có lẽ ta sẽ không bao giờ được ở gần vợ con nữa. Và lại ta cũng chẳng vì thế mà buồn bã tí nào.

Y tưởng như trong lúc này trái tim y chỉ còn chỗ cho một người duy nhất, nhưng y cũng đi đến gần góc phòng nơi hai đứa trẻ nằm ngủ. Trong khi ngắm chúng, y nghĩ đến đứa bé mà em trai y đã yêu thương đến mức tự mình trở lại nhà tù để cho nó được vui lòng, và y cảm thấy tiếc là không thể yêu thương con mình theo cách như vậy được.

- Mong sao cho chúng được vui sướng và thành đạt trên đường đời. - Y thở dài với một đà cảm xúc đột ngột. - Ngày mai thức dậy, chúng sẽ hấn thấy vui lòng khi biết rằng chúng không còn phải sợ ta nữa!...Một ngày kia, chúng sẽ là người như thế nào

nhỉ? - Y tự hỏi với một sự quan tâm hơn mà y chưa bao giờ có đối với con. Đồng thời y cảm thấy một nỗi lo sợ đột ngột rằng chúng sẽ giống như y vậy. - “Bởi vì ta đã là một con người bất hạnh, - Y tự nhủ. - Ta không biết, ta không hiểu tại sao ta chưa bao giờ lo lắng nhiều cho chúng nó. Nếu như được làm lại từ đầu, ta sẽ thử tìm cách làm cho hai đứa này trở nên một cái gì đáng kể.”

Y còn đứng yên lặng thêm một lúc, lòng tự hỏi lòng.

- Có một điều lạ, - y tự nhủ. - là ta không còn cảm thấy căm ghét vợ ta nữa. Ta muốn thấy nàng sung sướng và yên lành sau tất cả những đau khổ mà nàng đã phải chịu. Ta tiếc là đã không chuộc lại được những đồ đạc ở hiệu cầm đồ, và không thấy được nàng ăn bận tử tế, mặc một cái áo đẹp đi lễ nhà thờ ngày chủ nhật. Vả lại nàng sẽ không còn khổ nữa một khi ta không còn trở về. Có lẽ Giorgio đưa ta đến đây là để ta được vui lòng rằng ta đã ra đi.

Bỗng y giật nảy mình. Y đã mãi đắm mình trong suy nghĩ đến nỗi không nhận thấy những cử động của vợ y. Nhưng cũng đúng vào lúc này chị ta khẽ kêu lên một tiếng kinh hãi:

- Nước sôi, nước sôi rồi. Sẽ chóng tan thôi, bây giờ thì phải làm, không còn lùi lại được nữa.

Nàng lấy một cái hộp để trên nóc lò sưởi và đổ cà phê bột vào phin. Rồi nàng rút ở ngực ra một gói nhỏ đựng một chất bột màu trắng và cũng đổ luôn vào đó.

Đavit Hôm nhìn nàng chòng chọc. Y không thể hiểu được ý nghĩa những hành động của nàng.

- Đấy Đavit, anh sẽ thấy rằng thế là đủ rồi! - Nàng nói và quay về phía gian phòng tưởng như là nhìn thấy y. - Thế là đủ rồi! Cả đối với bọn trẻ và cả đối với tôi. Tôi không thể dành tâm nhìn chúng nó chết dần chết mòn. Nếu một tiếng nữa anh mới về thì mọi việc sẽ xong xuôi, đúng như ý muốn của anh.

Đavit Hôm nhảy bổ lại phía người đánh xe bò.

- Giorgio! - Y nói. - Giorgio, cậu có nghe thấy không?

- Có chứ, Đavit, - người đánh xe bò nói, - tớ có thấy và có nghe. Mặc dù tớ đã gặp nhiều lần đến phát ngán, tớ vẫn cứ phải chứng

kiến cảnh ấy. Đó là nhiệm vụ của tớ.

- Nhưng cậu không hiểu điều cậu nhìn thấy. Không phải chỉ có một mình cô ấy. Còn những đứa trẻ con nữa. Cô ấy định kéo cả những đứa trẻ theo cô ấy.

- Phải, Đavit ạ, cô ấy định kéo theo những đứa con của cậu đi.

- Nhưng mà không thể như thế được, không được làm như thế. Giorgiơ, Giorgiơ. Cậu biết rằng làm như vậy là vô ích. Cậu có thể nói cho cô ấy biết rằng làm như vậy là vô ích không?

- Cô ấy không thể nghe tiếng tớ được, cô ấy ở xa quá.

- Vậy thì phải có một người nào đến, Giorgiơ, một người nào đó nói cho cô ấy biết rằng làm như vậy là vô ích.

- Cậu yêu cầu cái không thể thực hiện được, Đavit ạ. Tớ có quyền lực gì đâu đối với những con người còn sống?

Nhưng Đavit không chịu bỏ cuộc. Y quỳ sụp xuống trước mặt người đánh xe bò.

- Cậu hãy nghĩ rằng trước kia cậu là bạn bè thân thiết của tớ. Đừng để xảy ra cái việc khủng khiếp này! Đừng để cho những đứa trẻ ngây thơ tội nghiệp kia phải chết!

Y ngược mắt nhìn Giorgiơ cầu khẩn; nhưng hấn lắc đầu.

- Tớ sẽ làm tất cả những gì cậu muốn, Giorgiơ, tớ đã từ chối khi cậu yêu cầu tớ thay cậu đánh xe bò, nhưng giờ tớ sẵn sàng ngồi vào chỗ của cậu nếu lần này cậu giúp tớ. Hai đứa kia, chúng còn bé quá, và đúng là tớ vừa cầu mong được sống thêm để nuôi dạy chúng nên người tử tế. Còn cô ấy, cậu thấy rõ là cô ấy không còn trí khôn nữa. Cô ấy không biết cô ấy đang làm gì. Hãy thương đến cô ấy với, Giorgiơ!

Thấy người đánh xe bò vẫn đứng yên và không lay chuyển, y liền quay mặt đi:

- Tớ cô đơn quá, cô đơn quá! - Y rên rỉ. Tôi không biết cầu cứu ai. Phải, xin Đức Chúa Cha hay là Chúa Giêsu? Tôi là một kẻ mới đến trong thế giới này. Ai là người có quyền phép? Tôi phải cầu nguyện ai?...Kẻ tội lỗi khốn khổ này xin cầu khẩn Đấng chúa tể của sự sống và cõi chết. Con không phải là một người có quyền

đến trình diện...Con chắc rằng con vi phạm tất cả những điều luật của Người. Xin hãy để cho con đi vào nơi cực kỳ tăm tối! Xin hãy tiêu diệt con đi! Xin cứ hành phạt con thế nào cũng được, nhưng xin hãy tha cho ba kẻ ấy.

Y ngừng lại như rình đợi một câu trả lời. Nhưng y chỉ nghe tiếng vợ y thì thầm:

- Thế là tan rồi, bây giờ chỉ cần để nguội đi một lúc là được.

Lúc ấy Giorgiơ mới cúi xuống y. Hắn đã hất cái mũ trùm đầu ra sau, và mặt hắn rạng rỡ một nụ cười.

- Davit, - hắn nói. - Nếu cậu thật lòng, có lẽ có một cách cứu được họ. Tự cậu phải nói cho cô ấy biết là cô ấy không còn gì phải sợ cậu nữa.

- Nhưng tớ có thể làm cho cô ấy nghe được tiếng nói của tớ không? Giorgiơ.

- Không phải dưới hình thù hiện nay của cậu. Muốn cho cô ấy nghe được cậu, cậu phải trở lại vào trong người của Davit Hôm, đang nằm ở bãi cỏ ngấm trang. Cậu có đủ can đảm làm việc này không?

Davit Hôm rung mình kinh hãi. Cuộc đời trần thế hiện ra trong trí óc y như một cái gì ngọt ngào. Liệu rồi đây sự phát triển lành mạnh của linh hồn y có bị ngừng trệ đi không, khi y trở lại làm người? Tất cả những gì là hạnh phúc mà đến một lúc nào đó y có thể đạt được thì đều đang chờ đợi y ở thế giới bên kia. Tuy vậy y không lưỡng lự:

- Nếu tớ có thể làm được như thế, xin vâng...Nhưng tớ tưởng rằng tớ phải...

- Phải, - Giorgiơ ngắt lời, và vẻ mặt của hắn rạng rỡ lên mỗi lúc một thêm ngời sáng, - phải cậu phải làm người đánh xe bò cho Thần Chết năm nay. Cậu đã bị buộc phải chịu hình phạt ấy, trừ phi là có một kẻ khác bằng lòng thay thế cho cậu.

- Một kẻ khác? - Davit Hôm thốt lên. - Ai mà lại chịu hy sinh vì một đứa khốn nạn như tớ đây?

- Davit, - Giorgiơ nói, - cậu biết rằng có một người đang bị một nỗi hối hận dày vò vì đã lôi kéo cậu ra khỏi con đường chính

trực. Người ấy sẽ đảm nhiệm thay thế cho cậu, bởi vì hấn sẽ sung sướng được cất đi cái gánh nặng này.

Không để cho Davit Hòm hiểu được đầy đủ ý nghĩa của những lời hấn nói, hấn cúi xuống nhìn y với đôi mắt sáng ngời tuyệt đẹp và nói với y:

- Anh bạn cũ thân thiết, Davit Hòm, hãy hành động hết sức mình! Tớ ở lại đây cho đến lúc cậu quay trở lại. Cậu không có nhiều thì giờ đâu.

- Nhưng mà, Giorgio...

Người đánh xe bò ngắt lời, và bằng một cử chỉ oai vệ của bàn tay mà y đã biết tuân theo. Hấn đội lại cái mũ trùm đầu và cất tiếng nói với giọng oang oang:

- Hỡi tù nhân, hãy trở về nhà ngục của người.

Davit chống khuỷu tay nhôm dậy và nhìn quanh mình. Những cây đèn đường đã tắt đi, nhưng bầu trời đã rạng và mảnh trăng nửa vầng đang chiếu sáng. Y chẳng chút khó khăn nhận ra mình đang nằm trên bãi cỏ héo trong công viên nhà thờ, dưới đám cành cây vượn dài trĩu lá.

Y cố sức để đứng dậy. Y cảm thấy yếu vô cùng, người y lạnh cóng, đầu y quay cuồng. Nhưng rồi y cũng đứng lên được. Y chuyênh choạng bước mấy bước trên lối đi, nhưng lại phải dục vào thân cây để nghỉ.

- Ta không còn đủ sức để đi về nhà, - y tự nhủ, - không bao giờ ta về kịp...

Y không một phút nào có cảm giác là chuyển đi của y cùng với Giorgiơ là không có thật. Trái lại y vẫn giữ được ấn tượng rất sáng sủa và rõ ràng về những sự việc xảy ra trong đêm.

- Người đánh xe bò của Thần Chết đang ở trong nhà ta, - y nghĩ, - ta phải nhanh lên mới được.

Y rời khỏi chỗ dựa ở thân cây và đi được thêm vài bước nữa, nhưng lại khụy gối xuống.

Thế nhưng trong giây phút bơ vơ và tuyệt vọng này, một cái gì lướt khẽ trên trán y. Đó là một bàn tay, hay một đôi môi, hay một vật ảo mờ mờ trong suốt. Nó đủ để làm cho trái tim y hạnh phúc vô biên.

- Nàng đã trở lại bên ta, - y phẩn khởi reo lên. - Nàng đang ở cạnh ta. Nàng che chở cho ta.

Y giang tay, hân hoan vì hạnh phúc: tình yêu của Xơ Êđi bao trùm cả người y, tình yêu ấy đến bây giờ vẫn còn làm cho trái tim y dạt dào êm ái, mặc dù y đã trở lại cuộc sống trần gian.

Bỗng y nghe thấy có tiếng chân. Một người đàn bà nhỏ nhắn, đội sụp trên đầu cái mũ rộng vành của đội viên Cứu tế đang đi lại gần.

- Xơ Maria, - Đavít Hôm gọi. - Xơ Maria, giúp tôi với.

Cô đội viên Cứu tế hẳn phải nhận ra giọng nói này, vì cô giật mình, quay đầu và tiếp tục đi.

- Xơ Maria, tôi không say đâu. Tôi bị ốm. Xơ hãy giúp tôi trở về nhà với.

Chắc nàng không hề tin lời y, nhưng không nói một tiếng, nàng tiến lại gần, giúp y đứng dậy và dìu y đi.

Vậy là cuối cùng y đã trên đường về nhà! Nhưng ôi, đi mới chậm làm sao! Có thể trước khi y về đến nơi thì mọi việc đã xong xuôi cả rồi. Y dừng lại.

- Xơ Maria, chị sẽ giúp tôi một việc rất lớn nếu chị vui lòng về trước và nói cho nhà tôi biết...

- Rằng anh sẽ về nhà say mềm như mọi ngày, phải không anh Hôh? Cần gì phải làm thế?

Y cắn môi và tiếp tục đi, lấy hết sức lực cuối cùng để bước nhanh hơn. Nhưng cơ thể y bị rét cứng, không thể tuân theo ý muốn.

Lần thứ hai, y lại thuyết phục Xơ Maria:

- Khi tôi còn nằm ở đằng kia, tôi đã có một giấc mơ, - y nói, - tôi đã thấy Xơ Êđi chết. Tôi đã nhìn thấy chị, Xơ Maria, bên giường của nàng...Tôi cũng đã thấy những người trong nhà tôi, vợ tôi, các con tôi...Vợ tôi nó mất trí rồi. Tôi nói thật với chị, xơ Maria ạ, nếu chị không chạy về nhanh, vợ tôi sẽ gây ra một chuyện gì đó...

Tiếng y lắp bắp, thều thào. Cô đội viên Cứu tế không hề chú ý đến. Cô đã có thói quen không để ý đến những lời nói của kẻ say rượu.

Nhưng cô giúp đỡ y một cách tận tâm. Y hiểu rằng như thế đối với cô là một sự hy sinh lớn, và cũng là một sự ghê tởm không nhỏ khi để cho con người mà cô coi là đã gây ra cái chết cho Xơ Êđi dựa mình mà đi.

Trong khi Đavit Hôh loạng choạng bước đi như vậy, ruột y thắt lại vì một nỗi lo lắng mới: một khi y đã không làm cho Xơ Maria tin y, thì làm sao khi về nhà, vợ y vốn đa nghi, lại chịu tin vào sự thành khẩn của y?

Cuối cùng họ dừng lại trước nhà Đavit Hôh, và cô đội viên Cứu tế giúp y mở cửa:

- Bây giờ anh có thể tự xoay sở lấy một mình, - cô nói và sắp sửa bỏ đi.

- Xơ Maria, chị gọi hộ nhà tôi ra giúp tôi bước lên cầu thang thì tốt quá.

Cô đội viên Cứu tế nhún vai.

- Đavit Hôh ạ, vào đêm khác, có lẽ tôi sẽ giúp anh nhiều hơn, nhưng đêm nay, tôi không còn hơi sức nữa, thế là đủ rồi.

Giọng nàng ghen trong một tiếng nức nở, và nàng bỏ chạy.

Bước lên cái cầu thang dựng đứng một cách khó nhọc, Đavit Hôm tưởng mình về chậm quá mất rồi. Và làm thế nào, làm thế nào để thuyết phục vợ y rằng cô ấy có thể tin vào y? Y đã suýt cam lòng chịu thất bại vì nản lòng và mệt mỏi, nhưng một lần nữa cái vuốt ve dịu dàng lại lướt trên trán y : “Nàng đang ở bên ta, - y tự nhủ. - Nàng vẫn chăm chút đến ta”.

Và y lại đủ sức để bước lên bậc thang cuối cùng.

Khi y mở cửa thì thấy vợ y đứng ngay trước mặt, hình như chị ta chạy vội ra để chốt cửa. Thấy không kịp nữa chị lùi lại và đứng quay lưng lại bếp lò, như để che khuất một cái gì ở đó. Chị vẫn giữ vẻ mặt thờ ơ như lúc Đavit Hôm ra đi, và y tự bảo mình “Ta về kịp rồi, cô ấy chưa là được gì cả”.

Đưa nhanh mắt nhìn, y yên trí mấy đứa bé đang còn ngủ.

Y giơ tay đến chỗ y đã để Giorgio ở lại, và cảm như thấy một bàn tay khác đang xiết chặt tay y: “Cảm ơn!” - y khẽ thì thầm. Giọng y run run và một màn sương che mắt y.

Y chuyển choạng đi vài bước trong căn phòng rồi ngồi phịch xuống một chiếc ghế dựa. Vợ y lăm lét theodõi những cử chỉ của y như người ta rình một con thú dữ sắp xông ra ngoài.

“Chắc cô ấy cũng tưởng là ta say” - y nghĩ thầm.

Y rời rã cả người, y vô cùng mệt mỏi, rất muốn được nghỉ ngơi. Ở gian buồng nhỏ cạnh bên có một cái giường, y những muốn được nằm duỗi thẳng lên đấy mà ngủ, nhưng y không dám rời khỏi nơi đây một phút nào. Y mà quay lưng đi thì lập tức vợ y sẽ thực hiện ngay cái việc mà chị ta đã sửa soạn. Chỉ còn một cách là chống lại cơn mệt mỏi kinh khủng này và canh chừng chị ta.

- Xơ Êđi chết rồi, - Y đánh bạo nói, - tôi đã đến nhà cô ấy. Tôi đã hứa với cô ấy sẽ ăn ở tử tế với mình và các con. Ngày mai mình có thể cho chúng đến nhà Cứu tế.

- Tại sao anh nói dối? - Người vợ bảo, - Guttapxon đã đến đây để báo cho bà đội trưởng biết là Xơ Êđi đã chết. Và anh ấy nói rõ ràng rằng là anh không đến đấy.

Đavit Hôm ngã vật ra chiếc ghế dựa. Và chính y cũng ngạc nhiên là y đã òa lên khóc nức nở. Y khóc vì sự trở về vô ích của y

trong cái thế giới chậm hiểu và mù tịt này. Y khóc vì chán nản tin rằng không bao giờ y thoát ra khỏi cái hàng rào vây kín do chính những hành vi của y đã dựng lên quanh y. Y khóc vì mong muốn, mong muốn một cách luyện tiếc và thiết tha vô hạn được trở lại bên linh hồn mà y cảm thấy đang phản phất quanh y, gần gũi nhưng không thể nào chạm vào được.

Trong khi những tiếng khóc thê thảm đang làm rung động cả tấm thân to lớn của y, y bỗng nghe tiếng nói của vợ: “Anh ấy khóc”. Vợ y tự nói với mình bằng một giọng ngạc nhiên không thể tả được. Một lúc sau chị lại nhắc: “Anh ấy khóc à?” Chị rời khỏi chỗ đứng ở cạnh bếp lò và đến gần y với một vẻ có phần thông cảm:

- Anh khóc à, Đavit? - Chị hỏi y.

Y ngẩng bộ mặt đầm đìa nước mắt lên nhìn vợ:

- Tôi sẽ trở thành con người khác, - y ngiên rảng nói. - Tôi muốn trở thành một con người tử tế, nhưng không ai tin tôi cả. Như vậy mà không khóc sao?

- Mình thấy đấy, Đavit, - người vợ hơi ngập ngừng trả lời, - thật khó tin biết mấy. Nhưng dù sao em cũng tin mình vì mình đã khóc. Em tin mình.

Như để chứng tỏ cho y thấy rằng chị tin y, chị ngồi bật xuống đất cạnh chân chồng, gục đầu vào gối chồng.

Chị lặng yên một lúc, cuối cùng cũng bật lên khóc nức nở.

Y rùng mình.

- Mình cũng khóc à?

- Em không thể không khóc được. Em sẽ không sao sung sướng được trước khi khóc hết nỗi đau khổ và buồn rầu của em.

Lại một lần nữa y thấy luồng gió mát lướt qua trán y. Y thôi khóc và nở một nụ cười bí hiểm.

Y đặc thực hiện việc thứ nhất trong những điều mà các biến cố đêm qua đã buộc y phải làm. Rồi y còn phải giúp cậu bé mà em trai y đã yêu mến. Y còn phải chứng tỏ cho Xơ Maria và các đồng đội của cô ất thấy rằng Xơ Êđi đã không sai lầm khi ban tình yêu

cho y. Y phải vực lại cái gia đình của y đã bị khánh kiệt. Cuối cùng y còn phải truyền đạt đến mọi người lời nhắn nhủ của người đánh xe bò cho Thần Chết...

Y ngồi trên cái ghế dựa, cảm thấy mình già đi vô cùng. Y trở nên nhần nại và phục tùng như những người già thường quen như vậy. Y chỉ biết chấp hai bàn tay lại và đọc khế lời cầu nguyện của người đánh xe bò:

- Lạy Chúa, xin hãy để cho linh hồn con đạt đến độ trưởng thành trước khi bị phạt dứt đi!

NGỌC THỌ dịch

CÂU CHUYỆN VỢ MỘT NGƯỜI DÂN CHÀI

Ở cuối xóm chài, trên một gò thấp cát trắng có một túp nhà tranh nhỏ. Túp nhà xây dựng chẳng ra gì nên không được đứng cùng hàng với những căn nhà nhỏ khác đều đặn và sạch sẽ ở xung quanh bãi cỏ xanh rộng rãi, nơi những vòng lưới màu nâu nằm phơi nắng. Tưởng như túp nhà này tự tách khỏi hàng lối và bị đẩy ra tận cồn cát. Người đàn bà góa khổ, là người đã thiết kế và tự xây dựng túp nhà này đã xây dựng những bức tường thấp hơn những bức tường của tất cả các nhà khác, còn cái mái nhọn thì cao hơn bất cứ mái nhà nào trong thôn. Nền nhà thấp hơn mặt đất. Cửa sổ dù không cao, không rộng, nhưng cũng chạy suốt từ mặt đất đến mái nhà. Bếp lò cũng như chuồng ngỗng đều không đặt được trong gian nhà độc nhất chật hẹp phải vây thêm ra ngoài tường. Túp nhà này không giống như những nhà khác, chẳng có một mảnh vườn để cho dây bìm bìm leo quanh cây phúc bồn tử, và cây ngưu bàng che mát một nửa tàn lá cây mộc hương. Trong tất cả các loại cây chỉ có cây ngưu bàng là chịu mọc theo túp nhà tranh này đến tận cồn cát. Về mùa hè những cây ấy cũng khá lộng lẫy với tán lá tươi mát màu xanh thẫm và những bông hoa đỏ nở tung giữa đám gai nhọn có móc. Nhưng đến mùa thu, khi những ngọn cây đã cứng lại và hạt đã già thì ngưu bàng không thềm làm dáng nữa, nó khô quắt lại, trở nên xấu xí và đám lá rách của nó phủ đầy tang tóc dưới những mạng nhện bụi bám đầy.

Túp nhà tranh này không bao giờ ở được quá hai đời chủ, bởi vì những bức tranh torsi của nó chỉ có thể đỡ được cái mái nặng trong hai thế hệ thôi, và bao giờ chủ túp nhà cũng là những người đàn bà góa khổ. Người quả phụ hiện đang ở trong túp nhà này ưu ngấm những cây ngưu bàng, nhất là về mùa thu, khi cây đã khô đi và bám vào những tảng đá. Những cây này

nhắc bà nhớ lại những người đàn bà trước kia ở đây và đã xây dựng lại túp nhà: đó là một người đã khô héo và úa tàn, và cũng có khả năng bám móc và níu giữ, Con người khốn khổ ấy đã sử dụng tất cả sức lực của mình cho đứa con mà bà phải đẩy vào đời. Nghĩ đến điều này, người chủ hiện nay của túp nhà vừa muốn cười lại vừa muốn khóc. Nếu bà lão đã quá cố ấy không có cái bản chất bám giữ như cây ngưư bàng thì sự việc có lẽ đã xoay chuyển khác đi, nhưng biết rằng như vậy có tốt hơn không nhỉ?

Người quả phụ thường ngẫm nghĩ miên man đến sự tình cờ đã đưa bà đến giải bờ biển bằng phẳng này của xứ Xcani bên cạnh eo biển hẹp giữa những người dân bình lặng và chậm chạp này. Bởi vì bà sinh ra ở một hải cảng nhỏ của nước Na Uy, dưới những thung núi dốc đứng, trước mặt biển rộng; và mặc dầu gia đình lâm vào cảnh khó khăn nghèo túng sau khi ông bố mất đi, người con gái con nhà buôn bán này vẫn quen nhìn thấy quanh mình cuộc sống tấp nập. Bà đã nhiều lần tự kể lại cho mình nghe lịch sử của chính mình, như người ta đọc lại một quyển sách khó hiểu để thử rút ra ý nghĩa của nó.

Số phận kỳ lạ của con người này đã bắt đầu như sau: một buổi tối, từ cửa hiệu khâu nơi nàng làm việc trở về nhà, nàng bị hai người thủy thủ tấn công; một người thủy thủ thứ ba cứu nàng thoát nạn. Anh ta đã đương đầu với một hiểm họa chết người thật sự; và anh ta đưa nàng về đến tận nhà. Nàng đưa anh vào, giới thiệu anh với mẹ và các em gái rồi phẩn khích thuật lại hành động của anh. Nàng thấy như cuộc sống của mình thêm phần giá trị khi có một người khác dám liều thân để bảo vệ nó. Gia đình nàng đã tiếp đón chàng thủy thủ trẻ rất niềm nở và mời chàng luôn luôn trở lại chơi với gia đình mỗi khi chàng có dịp.

Chàng tên là Borje Ninxon, làm thủy thủ trên một chiếc tàu nhỏ có hai buồm của xứ Xcani, tàu Anbectina. Trong suốt thời gian tàu còn đậu ở cảng, chàng hầu như ngày nào cũng đến nhà những người bạn mới của mình.; và chẳng bao lâu, cả nhà không ai muốn tin rằng chàng chỉ là một thủy thủ bình thường. Lúc nào chàng cũng diện với chiếc cổ bẻ trắng lố và bộ quần áo thủy thủ bằng dạ đẹp. Thẳng thắn, nhanh nhẹn, tư cách của chàng chẳng khác gì người cùng đẳng cấp với gia đình này. Chàng chẳng bao giờ nói gì với họ, nhưng cả nhà đều có cảm tưởng chàng là con trai của một quả phụ giàu có. Sở dĩ chàng đi làm một chân thủy thủ bình thường là vì không sao cưỡng được lòng yêu thích đi biển và là để chứng minh cho mẹ chàng biết sở

thích ấy của chàng là nghiêm túc; nhưng sau khi vượt qua thử thách thì mẹ chàng sẽ mua cho chàng một chiếc tàu.

Thế là gia đình người Na Uy này, đã từ lâu không đi lại chơi bời với những người quen biết cũ nữa, đón tiếp chàng chẳng chút nghi ngại. Tính tình xốc nổi và ăn nói lém lỉnh, chàng miêu tả ngôi nhà của mình có mái nhọn và cao, trong phòng có cái bếp lò lớn kiểu cổ, cửa sổ có những ô kính nhỏ. Chàng cũng kể về những đường phố lạng lẽ của thành phố quê hương mình và những dãy nhà cùng một kiểu như nhau. Còn nhà của chàng với những mảng trang trí nhô ra thụt vào đã tạo một sự tương phản thú vị với quang cảnh xung quanh. Và những người nghe chàng kể chuyện đều thấy hiện ra sau lưng chàng một ngôi nhà cổ giàu sang có hình trang trí ở đầu hồi, một kiểu nhà cổ có tầng gác nhô ra gây nên một cảm giác dễ chịu của sự phong lưu và cổ kính.

Cô thiếu nữ rất sớm nhận ra là chàng đã yêu mình; và điều đó làm cho mẹ và các em nàng vui mừng. Chàng trai Thụy Điển trẻ tuổi và giàu có này đã được trời phái đến để bù đắp cho sự nghèo túng của họ. Dù nàng không yêu chàng đi nữa thì cũng không bao giờ nghĩ đến chuyện xua đẩy chàng đi. Một người bố, một người anh chắc chắn là đã tìm cách dò la tìm hiểu về người khách lạ này, nhưng mẹ nàng cũng như nàng chẳng hề cần thận nghĩ đến điều đó. Về sau này, nàng mới hiểu ra rằng chính mẹ con nàng đã hầu như đẩy chàng đến chuyện nói dối. Lúc đầu không hề có ý nghĩ xấu, chàng đã để cho trí tưởng tượng của họ gán cho chàng những tài sản lớn; rồi đến khi thấy họ sung sướng biết mấy khi tưởng chàng giàu có thì chàng đã sợ mất nàng nên không dám cho họ tỉnh ngộ nữa.

Hai người đính hôn với nhau lúc chàng ra đi, và khi con tàu hai buồm trở lại thì họ làm lễ cưới. Nàng có hơi thất vọng khi thấy chàng trở lại mà vẫn chỉ là anh thủy thủ thường; nhưng chắc là hợp đồng thủy thủ của chàng chưa hết hạn. Chàng cũng chẳng mang đến món quà nào của mẹ chàng. Nhưng chắc là bà già đã hy vọng cho con trai bà sẽ lấy một đám khác. Vậy phải chờ đến lúc Axtid về gặp bà và chinh phục được cảm tình của bà. Kể ra nếu họ biết xét đoán cẩn thận thì mặc dầu tất cả những điều nói dối của chàng, họ cũng có thể thấy được là chàng nghèo.

Vì người vợ trẻ muốn được đi du lịch trên chiếc tàu buồm, nên ông chủ tàu mời nàng ở trong cabin của ông, và nàng sung sướng nhận lời. Borje hầu như được miễn tất cả mọi công việc, và chàng dành phần lớn thời gian của mình để trò chuyện cùng

Axtid trên boong. Chàng hào phóng ban cho nàng cái hạnh phúc tưởng tượng, cái hạnh phúc mà chính chàng đã sống suốt cả đời mình. Chàng càng nghĩ đến túp nhà tranh bé nhỏ nằm ngấp trong cát, lại càng vẽ lên thật cao ngôi nhà mà chàng những muốn đưa nàng vào. Theo lời kể của chàng, người thiếu phụ nhẹ nhàng lướt đi giữa một bến cảng kết đầy hoa và giăng đầy cờ để chào đón người vợ mới cưới của Borje Ninxon. Nàng ngồi xe để chạy qua một cổng chào, trong khi những người đàn ông cứ nhìn theo nàng mãi và những người phụ nữ thì tái mặt đi vì ghen tức. Cuối cùng chàng đưa nàng vào một ngôi nhà cổ kính có những người hầu mái tóc bạc phơ cúi gập mình chào nàng và mời nàng ngồi vào bàn tiệc bày la liệt những bộ đồ cổ bằng bạc.

Sau này khi nàng đã biết rõ sự thật, ý nghĩ đầu tiên của nàng là viên thuyền trưởng đã đồng tình với Borje để lừa dối nàng; nhưng rồi nàng phải hoàn toàn thừa nhận là không đúng như vậy. Trên chiếc tàu này, mọi người có thói quen nói về Borje như là một người khá giả. Họ có một kiểu đùa cợt ưa thích là nói chuyện một cách rất nghiêm chỉnh về tài sản và gia đình bề thế của chàng. Họ tưởng rằng nàng cũng nói đùa như họ. Vậy là đến khi chiếc thuyền buông thả neo ở bến cảng gần làng của Borje nhất, nàng vẫn còn tưởng mình là vợ của một người giàu có.

Borje được nghỉ phép một ngày một đêm để đưa vợ về nhà mẹ chàng và sắp đặt lại cuộc sống mới cho vợ.

Khi hai người đi đến bến tàu mà đáng lẽ phải có những lá cờ phất phới và đám đông reo hò chào đón đôi vợ chồng trẻ thì ở đó chỉ thấy vắng lặng như thường lệ. Borje nhận thấy cô vợ thất vọng đưa mắt nhìn quanh.

- Chúng mình đến sớm quá, - chàng nói. - Thời tiết tốt nên chuyến đi được rút ngắn lại rất nhiều! Họ chẳng cho xe đến, giờ ta phải đi bộ một quãng khá xa, vì nhà ta ở ngoài thành phố.

- Có hề gì, anh Borje? - Nàng trả lời. - Ngồi im mãi một chỗ rồi, bây giờ đi bộ càng tốt.

Và họ bắt đầu lên đường, con đường ghê tởm mà sau này, cả đến lúc đã già, nàng không thể nghĩ đến mà không rên lên khổ não và co quắp cả hai bàn tay vì đau đớn. Họ đi theo những đường phố rộng và vắng vẻ mà nàng thấy đúng như chàng đã tả. Nhìn cái nhà thờ âm u và những ngôi nhà trát torsi cao bằng nhau một loạt, nàng tưởng như gặp lại bạn cũ của mình. Nhưng

còn cái đầu hồi nhón và cái cầu thang viền lan can đẹp thì ở đâu nhỉ?

Borje gật đầu ra hiệu với nàng tưởng như chàng đoán được điều nàng đang nghĩ.

- Còn xa đấy, chàng nói.

Ôi, sao mà chàng không biết thương xót, sao mà chàng không làm cho bag tiêu tan ảo mộng ngay đi! Giá lúc ấy chàng thú nhận ngay tất cả thì có lẽ nàng không mấy may oán giận vì nàng còn quá yêu chàng. Chàng đã thấy nỗi lo sợ bị lừa dối của nàng mỗi lúc một tăng lên, mà chàng vẫn còn tiếp tục nói dối. Đó là điều làm cho nàng đau khổ, là điều nàng không bao giờ hoàn toàn tha thứ cho chàng được. Mặc dù nàng tự nhủ rằng lúc đầu chàng muốn đưa nàng đi khá xa để không thể bỏ chàng được nữa; nhưng chàng cứ cố tình nói dối mãi làm cho tâm hồn nàng lạnh giá đi như một tảng băng không còn tình yêu nào có thể làm tan đi được.

Vậy là họ đã vượt qua thành phố và đi vào cánh đồng. Nàng nhìn thấy những khúc hầm hào tối om và những lũy đất cao mọc đầy cỏ xanh, đó là những di tích thành lũy phòng ngự ngày xưa của thành phố. Ở những chỗ hào lũy nối nhau vây quanh một pháo đài nổi lên những tháp canh lớn màu xám và một ngôi nhà đáng rất cổ. Nàng rụt re bước qua nhưng Borje lại rẽ sang phải đi theo một lũy đất chạy dọc bờ biển.

- Đây là đường tắt, - chàng nói khi thấy nàng ngạc nhiên vì phải đi vào một lối hẹp.

Chàng trở nên lăm lì. Sau này nàng mới hiểu ra rằng lúc ấy chàng đã thấy khổ tâm lắm vì phải đưa vợ đến túp nhà tranh tồi tàn trong xóm, đã thấy chẳng sung sướng gì khi lấy một người vợ địa vị cao hơn mình, và đã lo sợ không hiểu lúc biết rõ sự thật thì nàng sẽ xử trí ra sao?

Sau khi hai người im lặng đi dọc theo các bờ lũy, nàng nói:

- Anh Borje, chúng mình đi đâu thế này?

Chàng giơ tay chỉ vào xóm, nơi mẹ chàng ở trong túp nhà tranh, trên cồn cát. Nhưng nàng lại tưởng chàng chỉ vào một trong những trang trại đẹp ở rìa cánh đồng và nàng lại tin tưởng.

Rồi hai người đi xuống những đồng cỏ nước mặn vắng tanh vắng ngắt, và nỗi lo âu lại chiếm lấy lòng nàng. Nơi đây, nhiều loại cỏ mọc xanh um vui mắt, nhưng đối với nàng chỉ là một đầm lầy xấu xí. Gió thổi không ngừng, rít lên quanh nàng và thì thầm voéi nàng những chuyện tai ương phản bội.

Borje bước nhanh. Họ đã vượt qua đồng cỏ nước mặn và đi vào xóm. Trên đoạn đường cuối cùng, nàng không dám hỏi một câu nào khác. Nhưng khi thấy một dãy nhà nữa hiện ra thì nàng lại khắp khởi mừng thầm. Có lẽ, có lẽ anh ấy đã không nói dối. Những hy vọng của nàng đã bị lay chuyển một cách tàn nhẫn đến nỗi nàng sẽ rất vui lòng bước vào một trong những căn nhà nhỏ bé xinh xắn có những bông hoa và những rèm cửa trắng hiện ra sau những ô cửa kính sáng loáng này. Nàng thấy tiếc phải vượt qua...

Bỗng nhiên nàng thấy ở cuối xóm một túp nhà lụp xụp tồi tàn; và đối với nàng túp nhà ấy hình như nàng đã nhìn thấy từ lâu bằng đôi mắt của tâm hồn trước khi nhìn thấy nó thực sự.

- Có phải đấy không? - Nàng hỏi và dừng lại ở chân cồn cát.

Chàng gật đầu và tiếp tục đi đến túp nhà tranh.

- Khoan đã! - Nàng kêu lên, - chúng ta cần phải nói cho nhau rõ về chuyện này.

Chàng quay lại phía nàng.

- Anh đã nói dối! - Nàng nói với giọng đe dọa. - Anh đã lừa tôi; anh đã làm điều tàn tệ hơn cả kẻ thù tàn tệ nhất của tôi. Vì sao vậy?

- Anh muốn lấy em làm vợ, - chàng khẽ lúng túng trả lời.

- Giá anh nói dối vừa vừa thôi thì còn được. Nhưng sao anh lại nhồi vào đầu tôi toàn những chuyện giàu sang? Bịa ra nào là đầy tớ, nào là cổng chào để làm gì? Anh tưởng tôi tham của lắm sao? Anh không cảm thấy tôi yêu anh đến mức độ có thể theo anh đi bất cứ nơi nào à? Sao anh lại nhẫn tâm lừa dối tôi cho mãi đến phút cuối cùng như vậy?

- Em có muốn vào nhà nói chuyện cùng mẹ anh không? - Chàng thì thầm trong cơn tuyệt vọng.

- Tôi chẳng thiết vào.

- Thế em định trở về?

- Làm sao tôi có thể trở về được? Làm sao tôi có thể gây cho gia đình tôi một nỗi buồn lớn lao như vậy? Cả nhà tôi đã tưởng tôi được hưởng hạnh phúc và giàu sang! Nhưng tôi cũng sẽ không ở trong nhà anh. Tay làm hàm nhai, tôi chẳng lo gì.

- Em hãy ở lại, em hãy ở lại, - chàng van xin. - Anh làm như vậy cũng chỉ vì muốn lấy được em thôi.

- Nếu anh thú thật với tôi sớm hơn một chút thì tôi đã ở lại.

- Phải, em sẽ ở lại nếu anh như anh giàu mà lại nói là nghèo.

Nàng nhún vai và bỏ đi vừa lúc cách cửa túp nhà tranh mở ra và bà mẹ Borje xuất hiện. Đó là một bà già nhỏ bé quắt queo, mồm móm mém, da nhăn nhúm. Trông bề ngoài bà có vẻ già, song chắc chưa nhiều tuổi và cũng còn minh mẫn.

Có lẽ bà đã nghe được một phần câu chuyện và đoán được phần kia, chứng cứ là bà đã tìm được ngay cách thu xếp.

- Vậy đó, - bà nói. - Con đã dẫn về cho mẹ cô dâu con nhà tử tế, và theo như mẹ thấy thì con lại còn bịa chuyện dối trả nữa kia.

Bà dịu dàng lại gần Axtid và vuốt ve má nàng.

- Con vào đây với mẹ, tội nghiệp cho con. Mẹ biết con mệt mỏi và kiệt sức rồi. Đây là túp lều của mẹ, của riêng mẹ, thằng kia sẽ không vào đâu. Vào đi, vào đi con. Bây giờ con là con gái mẹ và mẹ sẽ không để con vào nhà ai khác.

Bà vuốt ve thiếu phụ, vỗ về nàng rất dịu dàng và đẩy nàng vào cửa. Cuối cùng Axtid vào nhà, còn Borje ở lại bên ngoài. Bà già hỏi han nàng con cái nhà ai, sự việc xảy ra như thế nào, và bà khóc lóc cho số phận của nàng, làm cho Axtid cũng tự mình phải khóc. Rồi bà nghiêm khắc lên án con trai. Phải, Axtid làm vậy là đúng: không thể trong nhà một người như hắn được. Hắn luôn luôn nói dối. Nhưng xưa nay đáng người và vẻ mặt của hắn vẫn đẹp làm sao! Ngay từ khi hắn còn bé tí teo, mẹ hắn đã lấy làm lạ sao hắn lại sinh ra làm con nhà nghèo. Người ta cứ tưởng hắn là một hoàng tử bị lạc. Không bao giờ hắn chịu yên phận. Hắn nhìn

mọi vật với con mắt của người quyền quý, và khi lòng tự ái của hắn nổi lên, hắn không còn giữ chừng mực gì nữa. Mẹ hắn đã vì thế mà bao lần phải khóc. Nhưng những chuyện bịa của hắn chưa từng làm hại ai bao giờ. Trong vùng này người ta biết nó, người ta chỉ cười thôi. Thật ra mà nói thì chắc hẳn thằng bé tội nghiệp đã bị cám dỗ ghê lắm... Rất lạ lùng là một thằng con nhà dân chài lại biết đi lừa người ta như vậy. Axtid có nghĩ đến điều ấy không? Cái thằng này có thông thạo lễ thói lịch sự và những thói quen của người giàu có, đến nỗi ai cũng tin chắc nó là con nhà giàu. Chắc chắn là nó đã bị lầm lạc trong cuộc sống. Chúng có lẽ nó chưa bao giờ có ý định chọn một người vợ cùng đẳng cấp.

Bà già cứ nói, cứ nói. Axtid lặng im.

- Con thấy không, - bà nói tiếp, - mẹ chẳng có thể làm cho nó bỏ được thói kiêu ngạo và ý muốn huyênh hoang, nhưng một người đàn bà khác khôn hơn mẹ có lẽ sẽ làm được. Thằng con của mẹ nó tốt bụng và có năng lực: cái đó chắc cũng đáng để thử xem... Nhưng ngày mai mẹ sẽ để con đi, mẹ hứa như vậy.

- Đêm nay anh ấy sẽ ngủ đâu? Đột nhiên Axtid hỏi.

- Mẹ nghĩ nó sẽ ngủ ngoài trời, trên bãi cát. Chắc nó không dám đi xa đâu.

- Để anh ấy vào nhà thì hơn. Axtid nói.

- Không, con yêu quý của mẹ, chắc con chẳng muốn nhìn thấy nó; vả lại nó có ngủ ngoài trời cũng chẳng hề gì; mẹ sẽ đưa cho nó một cái chăn.

Quả thật đêm ấy chàng ngủ trên bãi cát, và sáng hôm sau bà mẹ sai chàng ra thành phố vì bà không muốn Axtid nhìn thấy chàng. Và bà tiếp tục nói chuyện với nàng, và bà đã giữ được nàng lại không phải bằng áp lực mà bằng lời nói, không phải bằng mưu mẹo và cung cách màu mè, mà bằng lòng nhân hậu thật sự.

Cuối cùng khi bà đã thuyết phục được cô con dâu ở lại với người con trai bà, khi bà đã thấy hai người trẻ tuổi hòa giải với nhau và bà đã làm cho Axtid tin rằng thiên chức của nàng đích thị là làm vợ của Borje Ninxon và đem lại cho chàng tất cả những điều tốt lành mà nàng có thể làm được; khi bà lão đã

hoàn thành cái nhiệm vụ ấy, - cái nhiệm vụ không phải chỉ làm trong một ngày hay một tuần, - khi ấy bà mới nhắm mắt.

Trong cuộc đời của người đàn bà luôn luôn lo lắng cho đứa con trai của mình ấy, Axtid thấy ít ra cũng còn có một ý nghĩa, nhưng trong cuộc đời của chính mình, nàng chẳng thấy có một ý nghĩa nào. Cưới nhau được mấy năm thì Borje bị chết đuối; đứa con độc nhất của họ cũng chết khi còn trẻ. Nàng đã chẳng làm cho chồng sửa đổi được tính nết. Nàng đã chẳng dạy được cho chồng tính thật thà và đứng đắn. Nhưng cuộc sống đã làm cho chính nàng thay đổi. Axtid càng ngày càng hòa mình với đám dân chài. Nàng không bao giờ muốn gặp lại một người nào trong gia đình nàng, bởi nàng lấy làm xấu hổ bởi vì mình giống như những người đàn bà trong xóm chài về mọi mặt. Cuộc đời của nàng đã giúp ích được gì cho ai? Nàng sinh sống bằng việc trông nom và vá lại những tấm lưới cho những người đánh cá; nhưng nàng không biết mình sống để làm gì. Giá như ít ra nàng đã làm cho một người, chỉ một người thôi được sung sướng hoặc trở nên tốt hơn...Không bao giờ nàng tự nhủ rằng một con người đã coi cuộc đời của mình là hoài phí vì đã không làm được điều gì tốt lành cho ai cả, lại có thể do ý nghĩ khiêm nhường như vậy, cứu vớt được linh hồn của mình.

NGỌC THỌ dịch

BỨC CHÂN DUNG NGƯỜI MẸ

Căn nhà của ông lão Matxơn là một trong số một trăm căn nhà của xóm chài, tất cả đều nhất loạt giống nhau, từ hình dáng, kích thước, số cửa sổ và chiều cao ống khói.

Nhà nào cũng bày biện những đồ đạc như nhau; mép cửa sổ nhà nào cũng trồng một thứ hoa, tủ nhà nào những vỏ ốc và những cảnh san hô giống nhau, tường nhà nào cũng treo những phong tục cổ.

Phía trên giường nằm của lão Matxơn, trên vách có treo một bức chân dung bà mẹ của lão. Một đêm kia lão mơ thấy bức chân dung đi ra ngoài khung, đến trước mặt lão và tuyên bố với một giọng quyền uy: “ Matxơn, con phải lấy vợ”.

Lão Matxơn ra sức trình bày với bức chân dung rằng lão không thể nào làm được điều ấy: lão đã sáu mươi hai tuổi. Nhưng bức chân dung cứ nhắc lại một cách kiên quyết hơn: “ Matxơn, con phải lấy vợ”.

Từ trước đến nay lão Matxơn vẫn rất tôn kính bức chân dung bà mẹ. Bao nhiêu năm nay, trong những trường hợp khó khăn, đó là người cố vấn duy nhất của lão, và lão đã luôn luôn gặp điều tốt lành khi theo đúng những lời khuyên của bức chân dung. Nhưng lần này cái ý kiến mới lạ của nó làm cho lão ngạc nhiên vì trái hẳn với những quan niệm xưa nay của nó. Mặc dầu đang thiu thiu ngủ, Matxơn vẫn nhớ lại rõ ràng cái việc đã xảy ra lần đầu tiên khi lão muốn lấy vợ. Đúng vào lúc lão đang mặc bộ quần áo cưới thì cái đỉnh đỡ khung chân dung bị long ra, và bức chân dung rơi ngay xuống. Đó là một lời cảnh cáo mà lúc ấy lão

không hề quan tâm. Nhưng chẳng bao lâu sau lão phải hối hận vì điều này.

Cuộc hôn nhân ngắn ngủi ấy của lão rất bất hạnh.

Lần thứ hai khi lão mặc bộ quần áo cưới, bức chân dung lại đổ xuống một lần nữa. Lần này lão không dám trái ý và bỏ mặc tất cả họ hàng bạn bè cùng cô dâu, lão ba chân bốn cẳng chạy trốn, xuống tàu xin làm thủy thủ, đi hết một vòng quanh thế giới rồi mới dám đánh bạo trở về nhà. Ấy thế mà bây giờ lại chính bức chân dung từ trên tường đi xuống và ra lệnh cho lão phải cưới vợ! Mặc dù lòng kính trọng sâu sắc, lão vẫn cho phép mình nghĩ rằng bức chân dung chế giễu lão. Nhưng bức chân dung một khuôn mặt hết sức dày dạn mà những cơn gió dữ dội và những ngọn sóng mặn chát đã khắc họa nên đường nét, bức chân dung ấy vẫn giữ vẻ nghiêm nghị và, với cái giọng đã quen nói to một cách khác thường sau bao nhiêu năm hò hét mời chào khách mua cá ở chợ, với giọng nói ấy, bức chân dung nhắc lại mệnh lệnh: “Con phải lấy vợ, Matxơn”.

Lão Matxơn van xin bức chân dung hãy nghĩ đến cái xã hội mà lão đang sống. Một trăm căn nhà trong xóm đều có những mái nhọn và những bức vách trát torsi trắng như nhau. Tất cả những thuyền trong xóm đều cùng một kiểu và xếp đặt dụng cụ giống nhau. Không người nào trong xóm làm một việc khác đời. Nếu bà mẹ còn sống thì chắc sẽ là người đầu tiên phản đối một cuộc hôn nhân vô lý như vậy. Chẳng phải ngày xưa bà đã rất mực yêu cầu mọi người tôn trọng phong tục và tập quán đó sao? Vậy thử hỏi từ bao giờ đã sinh ra cái phong tục và tập quán cho một người gần thất tuần đi lấy vợ?

Thế là bức chân dung giơ bàn tay đeo đầy nhẫn lên nghiêm khắc ra lệnh cho lão phải tuân lời. Từ trước đến nay, mỗi khi bà mẹ xuất hiện như vậy với chiếc áo dài có riềm bằng lụa trơn đen thì cả người bà như toát ra một uy lực thần bí. Nhìn thấy cái trâm cài đầu và sợi dây chuyền nặng trĩu bằng vàng của bà, bao giờ Matxơn cũng bị xúc động mạnh mẽ. Nếu bà chỉ mặc bộ xống áo hằng ngày đi chợ, đầu chít cái khăn kẻ ô vuông, ngực đeo tạp dề bằng vải dầu bám đầy vết máu và vảy cá thì bà đã chẳng gây ra cho lão một niềm kính sợ sâu sắc như vậy.

*

Sáng hôm sau, lão Matxơn thức dậy lòng đầy lo lắng. Lão chẳng hề có ý cưỡng lại bức chân dung của bà mẹ là người chắc chắn biết rõ hơn lão rằng lợi ích chân chính của lão là như thế nào. Nhưng lão run lên khi nghĩ đến những ngày khủng khiếp sắp tới.

Lão liền xin kết hôn với cô con gái xấu nhất của người dân chài nghèo nhất. Đó là một cô gái so vai rụt cổ và hàm răng dưới nhô ra. Bố mẹ cô gái nhận lời và họ ấn định ngày sẽ cùng nhau ra tỉnh để ký hôn ước.

Con đường từ xóm ra thị xã đi qua hướng đồng cỏ nước mặn gió thổi vật vờ và những bãi đầm lầy. Đường dài đến một dặm; và có một truyền thuyết cho rằng dân trong xóm giàu đến nỗi có thể rải những đồng bạc trắng đẹp suốt cả chiều dài con đường. Nếu đúng như vật thì con đường mòn này sẽ mang một vẻ duyên dáng kỳ lạ biết! Nó se sáng loáng như cái bụng con cá đầy vẩy trắng, uốn khúc ngoằn ngoèo giữa những bụi cỏ và những vũng nước thỉnh thoảng vang lên tiếng kêu oàm oạp của bầy nhái bén. Cây bạch cúc trang trang điểm cho vùng đất bị con người bỏ quên này sẽ soi bóng xuống những đồng tiền nhai nhui được gìn giữ giữa những mũi gai nhọn tua tủa của cây gai. Tiếng gió sẽ vang vọng biết bao khi thổi vào đám lau sậy và những sợi điện thoại! Có lẽ lão Matxơn sẽ cảm thấy chút nào êm ái khi đặt những đồng bạc leng keng; có điều chắc chắn là lão phải đi trên con đường này nhiều lần hơn là lão mong muốn.

Giấy tờ của lão không hợp lệ. Cái việc liêu lĩnh ngày trước, khi lão bỏ rơi cô vợ mới cưới, làm cho việc ký hôn ước bị chậm trễ. Phải chờ ông mục sư viết thư xin hội nghị giáo chủ cho phép lão được ký kết một cuộc hôn nhân mới. Công việc bị kéo dài.

Thế là mỗi lần văn phòng của ông mục sư mở cửa là lão Matxơn lại ra tỉnh để gặp ông. Lão im lặng và bình tĩnh ngồi chờ cho đến khi tất cả những người khác về hết. Lúc ấy lão mới đứng dậy và hỏi ông mục sư đã nhận được bức thư nào chưa?

- Chưa, chưa nhận được.

Ông mục sư nhìn lão già ngồi trên cái ghế dài, mặc bộ quần áo dệt kim bằng sợi thô, chân mang đôi ủng đi biển cao ống, nét

mặt thô ráp và thông minh, đầu đội cái mũ vải trùm lên mái tóc dài màu xám, lão già ấy đang chờ được phép cưới vợ. Và ông mục sư kinh ngạc thầm khen tình yêu ở một người già lại có quyền lực mạnh mẽ đến thế, chẳng hề ngả lòng trước bao nhiêu trở lực.

- Ông Matxơn nóng lòng ký kết cuộc hôn nhân này lắm nhỉ? - Một hôm ông mục sư hỏi.

- Hừm, hừm, xong việc càng chóng càng hay.

- Thế ông không cho rằng từ bỏ việc này đi thì lại càng hay hơn sao? Ông chẳng còn trẻ trung gì nữa.

- Ông mục sư không nên quá ngạc nhiên như vậy, - lão già trả lời chống chế.

Và lão nói thêm: "Tôi biết rằng tôi già rồi, nhưng tôi phải lấy vợ, nhất thiết phải lấy vợ."

Thế rồi tuần này qua tuần khác, lão trở đi trở lại suốt sáu tháng ròng. Vì mãi sáu tháng sau, lời chuẩn y mới được gửi đến.

Suốt thời gian này, lão Matxơn mất ăn mất ngủ. Bất cứ ở đâu, từ trên bãi cỏ xanh phơi những tấm lưới nâu, dọc theo những đập chắn sóng bằng xi măng của bến cảng, cho đến tận ngoài khơi, nơi họ đuổi theo những bầy cá mới, đâu đâu lão cũng nghe thấy tiếng xì xào ngạc nhiên và tiếng cười nhạo báng nổi lên rào rào như một cơn bão.

- Chả, chả, lão lại sắp lấy vợ. Cái lão Matxơn lần trước đã co cẳng chuồn ngay buổi sáng ngày lễ cưới của lão ấy mà!

Cả cô dâu, cả lão cũng chẳng được buông tha. Nhưng điều tệ hại nhất là không ai thấy điều này là lỗi bịch hơn chính lão. Bức chân dung bà mẹ làm cho lão suốt phát điên lên được.

*

Buổi chiều ngày chủ nhật hôm ký hôn ước, để tránh sự tò mò và những lời châm chọc phiền toái, lão Matxơn một mình lánh ra con đường kè và đi đến tận tháp đèn biển. Ở chân tháp, lão

thấy vị hôn thê của mình đang khóc. Lão hỏi chuyện nàng có phải trước đây nàng đã muốn lấy người khác? Mới đầu nàng không trả lời gì cả. Nàng lấy móng tay cạy những miếng vôi ở tường và thả rơi xuống biển.

- Hay cô đã yêu một người khác chẳng?

- Không, chẳng có ai cả.

Ở tháp đèn, cảnh thật đẹp. Nước biển trong vắt vỗ ì oạp xung quanh, bờ biển bằng phẳng, những căn nhà đều tắm tấp trong xóm, thành phố ở phía xa xa. Tất cả đều tắm trong ánh sáng của biển Sund và trong vẻ đổi mới của nó. Thỉnh thoảng từ đám sương mù xôm xộp thường nổi bập bênh ở chân trời phía tây ló lên một chiếc thuyền chài. Chiếc thuyền chạy theo một đường vát tảo bạo và tiến gần bến cảng. Nó vui vẻ lao vào cảng qua một cửa vịnh hẹp, nước reo tung tóe bắn lên mũi thuyền. Những chiếc buồm bông hạ xuống, đám bạn chài vẫy vẫy chiếc mũ của họ và giữa khoan thuyền lấp lánh mẻ cá vừa đánh được.

Trong khi lão Matxon đang đứng trên đường kè thì một chiếc thuyền chạy vào bến. Một chàng trai đang ngồi cầm lái bỏ mũ ra và chào cô gái trẻ. Lão già thấy lóe lên một sáng trong đôi mắt vị hôn thê của mình. “Chà, - lão tự nhủ, - cô em đã phải lòng anh chàng đẹp trai nhất xóm. Anh chàng ấy chẳng bao giờ cô em lấy được đâu. Cô em lấy ta còn hơn là chờ đợi hắn.”

Thật không có cách nào thoát khỏi ý muốn của bức chân dung bà mẹ! Nếu cô gái yêu một người mà may ra cô có cơ lấy được thì lão Matxon sẽ cho phép mình từ bỏ cuộc hôn nhân. Nhưng trong trường hợp này thì lão chẳng có lý do gì chính đáng để trả lại tự do cho cô gái.

*

Mười lăm ngày sau thì tổ chức đám cưới, và sau đó chẳng bao lâu, cơn bão tháng mười một ập đến.

Một trong những chiếc thuyền nhỏ của xóm chài bị mất cả cột buồm lẫn bánh lái, và hoàn toàn hư hại trôi bập bênh trên sóng biển Sund. Lão Matxơn và năm người khác đi trên chiếc thuyền ấy lênh đèn như vậy trong hai ngày hai đêm. Khi người ta cứu được thì họ đã gần chết vì đói và rét. Mọi vật trên thuyền đều đóng băng và quần áo của họ bắt đầu đông cứng lại. Sức khỏe của lão Matxơn chẳng bao giờ hồi phục được nữa. Lão ốm mòn mỗi trong hai năm rồi chết.

Bấy giờ nhiều người mới lấy làm lạ rằng làm sao lão lại nghĩ đến lấy vợ đúng vào lúc trước khi xảy ra tai nạn, bởi vì người vợ bé nhỏ mà lão đã chọn trở thành một người chăm sóc bệnh nhân giỏi. Nếu lão chỉ có một thân một mình thì không biết sẽ ra sao? Cả xóm chài đều thừa nhận rằng cả đời lão chưa bao giờ làm được một việc khôn ngoan hơn thế; và người đàn bà bé nhỏ được mọi người mến phục vì đã tận tụy chăm sóc chồng.

Người ta bảo nhau: “ Cô ấy rồi sẽ lấy được chồng khác dễ như bỡn”.

Suốt thời gian bị bệnh, ngày nào lão Matxơn cũng kể cho cô vợ trẻ nghe câu chuyện bức chân dung.

- Khi tôi chết, em sẽ lấy bức chân dung ấy, - lão nói. - Và lại tất cả những gì của tôi thì em cũng sẽ lấy hết đi thôi.

- Thôi đi, ông đừng có nói chuyện ấy...

- Em sẽ lấy bức chân dung bà mẹ tôi, và sau này khi có người đến hỏi làm vợ, em cứ đem bức chân dung ra mà chiêm nghiệm. Tôi quả quyết với em rằng, trong cả xóm này, không có ai thành thạo về hôn nhân hơn bức chân dung ấy.

NGỌC THỌ dịch.

CON QUỶ CON

Mụ quỷ già dạo chơi trong rừng, gùi đứa con trên lưng trong một chiếc giỏ bằng vỏ cây. Quỷ con trông thật thô kệch và xấu xí. Tóc dựng đứng và cứng như lông lợn rừng, răng nhọn hoắt và đầu ngón tay không có móng mà lại có vuốt. Song quỷ mẹ vẫn thấy nó rất xinh xẻo.

Mụ đi tới một quãng rừng thưa. Tại đây có một con đường bị rễ cây đâm lồi lõm gỗ ghề chạy băng qua; và trên đường, một nông dân đang cùng vợ cưỡi ngựa đi tới.

Thoáng thấy họ, mụ quỷ già định lẩn vào rừng sâu, song thấy vợ người nông dân đang bế một đứa trẻ trên tay, mụ liền đổi ý. “Ta rất muốn xem con của loài người có xinh xắn bằng con ta không?” Mụ thì thầm như vậy rồi ngồi thụp xuống nấp sau một bụi rậm chờ đợi.

Khi vợ chồng người nông dân đi qua, mụ nghển cổ nhìn đứa trẻ, nhưng hai con ngựa chợt thấy cái đầu to xù góm ghiếc của mụ, liền lồng lộn chồm lên. Tay bế con, vợ người nông dân suýt ngã ngựa. Ba ta sợ hãi kêu lên, rồi bất giác vươn người nắm lấy dây cương. Lát sau, hai vợ chồng biến mất trên mình ngựa phi nước đại.

Mụ quỷ cái thở phì phò thất vọng vì không thỏa mãn được tính tò mò, cũng chẳng nhìn thấy được đứa trẻ. Nhưng mụ bỗng bình tâm lại: đứa trẻ nằm ngay trên đất, trước mắt mụ. Người mẹ đã đánh rơi con khi ngựa chồm lên. May sao đứa bé rơi xuống một đồng cỏ bằng phẳng và lá khô nên không bị sây sước gì. Nó gào khóc vì quá sợ, nhưng khi mụ vợ lão quỷ cúi xuống, nó rất kinh ngạc và thích thú nên nín bật, rồi đưa tay kéo bộ râu đen sì của mụ.

Mụ quỷ cái ngậy người nhìn đứa trẻ của loài người. Mụ ngắm nghía những ngón tay mảnh mai thanh thoát với những chiếc móng hồng, ngắm đôi mắt xanh trong và cái miệng xinh xinh đỏ

thăm. Mụ sờ vào mái tóc mượt như tơ, vuốt đôi má đứa trẻ và mỗi lúc một ngạc nhiên hơn. Chưa bao giờ mụ thấy một em bé trắng trẻo đến thế, hồng hào và thanh tú đến thế.

Bỗng nhiên mụ quý giật mình giật cái giỏ trên vai xuống, kéo đứa con của mụ ra và đặt nó cạnh đứa trẻ kia. Nhìn chúng khác nhau một trời một vực, mụ không thể tự chủ được và rú lên. Trong lúc này, vợ chồng người nông dân bắt đầu điều khiển được ngựa, họ quay trở lại tìm con. Mụ quý nghe tiếng họ lại gần, nhưng vẫn chưa ngấm thỏa thuê đứa trẻ kháu khỉnh. Cuối cùng, khi đã sắp trông thấy họ, mụ nảy ra một quyết định bất ngờ: để đứa con mụ lại trên mặt đất, bên bờ rãnh, nhắc đứa trẻ xinh xắn đặt vào giỏ, khoác lên lưng rồi lui mất.

Mụ vừa đi khuất thì hai vợ chồng người nông dân xuất hiện. Họ là những người giàu có, được vị nể, chủ nhân của một trang trại đẹp trong cái thung lũng phì nhiêu nằm dưới chân núi. Họ lấy nhau đã lâu năm mà chỉ sinh được đứa con này, vì thế họ rất đau lòng khi mất con.

Người vợ đi trước và là người đầu tiên nhìn thấy đứa trẻ nằm trên mặt đất đang gào khóc. Lẽ ra nghe tiếng gào dữ tợn không phải của con người này bà phải nhận ra rằng nó không phải con bà. Song tâm trí bà đang rối bời nên bà chẳng còn nhận biết được gì nữa, bà chỉ cảm thấy sung sướng khi thấy con không bị ngã chết.

- Con đây rồi, - bà gọi chồng rồi trườn xuống đất.

Khi ông chồng tới nơi, thấy vợ ngồi bên vệ đường, vẻ ngơ ngác như không tin vào con mắt mình nữa.

“Trước đây rằng con tôi đâu có như nanh ác thú thế này, - bà lẩm bẩm. - Tóc con tôi đâu có như lông lợn rừng thế này? - Bà rên rỉ, giọng mỗi lúc một tuyệt vọng hơn. - Trước đây, con tôi đâu có vuốt ở đầu ngón tay.

Ông nông dân tưởng vợ đã hóa điên, vội nhảy xuống ngựa.

- Mình hãy nhìn con đi, rồi nói cho tôi biết nó làm sao thế này. - bà vừa nói vừa đưa đứa trẻ cho chồng. Ông bế nó lên, nhưng vừa cúi nhìn nó, ông liền khạc nhổ liên hồi rồi quẳng nó ra xa.

- Đó là một con quỷ con. - ông kêu lên. - Nó không phải là con chúng ta.

Bà vợ vẫn ngồi bệt dưới đất như bị tê liệt. Bà chậm hiểu và không thể tự giải thích được cái điều vừa xảy ra.

- Mình xử lý thế nào với đứa trẻ này? - Bà hỏi.

- Vậy mình không thấy là một đứa bé được đem đánh tráo sao? Bọn quý đã ăn cắp con chúng ta khi ngựa lồng và để lại một con quý con.

- Thế con ta bây giờ ở đâu? - Bà rên rỉ.

- Ở chỗ bọn quý ấy. - Ông nói chẳng giữ lời.

Cuối cùng người vợ đã hiểu ra rằng nỗi bất hạnh của mình là ghê gớm đến mức nào. Mặt bà tái mét khiến chồng bà tưởng đâu bà sắp tắc thở.

- Chúng chưa thể mang con chúng ta đi xa đây được, - ông nói để trấn tĩnh vợ. - Chúng ta sẽ lùng sục khắp rừng.

Ông buộc ngựa vào gốc cây rồi đi sâu vào trong rừng. Bà vợ đứng dầy định đi theo, nhưng chợt thấy con quý con nằm gần chân mắycon ngựa mà ngựa thì đang dậm chân lo lắng vì thấy đứa trẻ. Bà rùng mình ghê sợ khi nghĩ phải chạm tay vào con quý con, nhưng rồi bà vẫn nhắc nó ra chỗ khác để ngựa khỏi dẫm phải.

- Kia, cái lúc lắc con nó cầm khi bà đánh rơi nó, - ông chồng thốt lên. - Thế là mình tìm đúng hướng rồi đấy!

Bà vợ vội chạy tới, rồi hai vợ chồng cùng dẫn sâu thêm vào rừng. Nhưng họ không tìm thấy dấu vết gì của con, cũng như của mụ quý. Người mẹ đáng thương khóc lóc và vịn vẹo đôi tay. Người cha buồn bã nghiêng chặt hai hàm răng, lặng lẽ bước đi không nói một lời nào để an ủi vợ. Ông thuộc một dòng họ khá giả lâu đời, dòng họ này sẽ tuyệt diệt nếu ông không có con trai. Ông oán vợ đã đánh rơi con, nhưng thấy vợ tuyệt vọng, ông không dám trách móc gì.

Ông giúp vợ trèo lên lưng ngựa; người vợ khi đã ngồi vững trên yên mới nhớ tới con quý con.

- Bây giờ ta biết làm gì với con quý con này? - Bà hỏi chồng.

- Ừ nhỉ. Nó đâu rồi?
- Nó kia kìa, dưới bụi cây ấy.
- Nó nằm đấy là tốt rồi. Nó cứ việc nằm đấy! - Ông đáp rồi cười chua chát.
- Nhưng chúng ta không thể để nó làm mồi cho thú dữ được! Bà phản đối.
- Sao lại không? Cứ để nó đấy! - Ông trả lời cộc lốc và đặt chân vào bàn đạp.

Trong thâm tâm, bà thấy chồng có lý: lo lắng cho con quý con này đầu phải việc của vợ chồng bà. Bà bèn thúc ngựa đi theo chồng, nhưng ngựa vừa chạy được vài bước thì bà lại thấy không đành lòng.

- Dù sao nó cũng là một đứa trẻ, - bà nói. - Tôi không thể để nó bị chó sói ăn thịt. Ông cho tôi xin nó được không?

- Không đời nào. Nó nằm đấy là tốt rồi.

- Nếu bây giờ ông không để tôi mang nó theo thì chắc chắn tối nay tôi đành quay lại đây tìm nó, - bà nói giọng tuyệt vọng.

- Có lẽ bọn quý bắt trộm được con tôi rồi mà vẫn chưa thỏa mãn, cho nên chúng còn làm cho vợ tôi đâm điên đâm dại ra nữa, - ông rên rỉ. Tuy vậy, ông vẫn quay lại và tìm con quý con rồi trao nó cho vợ, vì ông rất yêu và đã quen nhường bà trong mọi việc.

Ngày hôm sau, câu chuyện bất hạnh đã lan truyền khắp vùng. Những người giàu kinh nghiệm và khôn ngoan đến nhà vợ chồng người nông dân để khuyên nhủ và báo trước những điều có thể xảy ra. Một bà cụ khuyên:

- Người nào chẳng may bị quý đánh tráo con thì phải lấy một cái gậy thật to mà đánh con quý con.

- Tại sao lại phải ác nghiệt với nó như vậy? - Vợ người nông dân hỏi. - Nó xấu xí thật, nhưng nó có làm gì xấu đâu?

- Vì nếu ta đánh bật máu con quý con, mẹ nó sẽ phóng tới như gió, lao vào đứa con, vút trả con bà rồi mang con nó bay đi. Tôi

đã thấy nhiều người tìm được con bằng cách ấy.

- Thật đấy, - một bà hàng xóm tán thành. - Nhưng những đứa trẻ ấy có đứa nào sống được lâu đâu.

Vợ người nông dân ngồi nghe nhưng thầm nghĩ rằng mình không thể nhẫn tâm làm như vậy được.

Buổi tối khi ngồi một mình với con quỷ nhỏ, bà thấy thương tiếc con vô hạn và khao khát được gặp con đến cháy lòng.

“Có lẽ mình đến phải thử dùng gậy như người ta khuyên mất”, bà nghĩ vậy nhưng rồi bà không thể nhẫn tâm làm như thế được.

Đúng lúc đó, chồng bà bước vào, tay cầm một cây gậy to. Bà biết ngay rằng ông sắp làm cái việc mà bà không dám làm. “Càng tốt - bà nghĩ thầm. - Mình thật ngốc quá. Mình không bao giờ dám hành hạ một đứa trẻ vô tội, ngay cả khi phải cứu con mình”.

Nhưng khi ông chưa kịp giáng đòn đầu tiên vào đứa trẻ thì bà đã lao tới, cản tay chồng lại.

- Không, không, ông đừng đánh nó, - bà kêu lên. - Tôi xin ông, đừng đánh nó nữa!

- Thế bà không muốn gặp lại con nữa sao? Vừa nói ông vừa cố gỡ tay ra.

- Có, có chứ! Nhưng không phải bằng cách này! - Bà vợ phản đối.

Người nông dân lại giơ gậy lên, nhưng bà vợ đã lao vào che cho con quỷ con, thành ra chính bà lại bị đánh.

- Lạy Chúa! - Ông kêu lên. - Tôi thấy hình như bà cố tình bắt con chúng ta phải sống mãi với lũ quỷ...

Ông chờ một lát, nhưng bà vẫn lấy thân mình che cho con quỷ con. Ông đành quẳng gậy và bước ra, bực tức và thất vọng. Ông không hiểu tại sao lại không thực hiện nổi ý định của mình, mặc dầu trái ý vợ, nhưng hình như vợ ông có một cái gì đó bắt ông phải chịu khuất phục.

Thêm vài ngày nữa trôi qua trong nước mắt và buồn tủi. Bao giờ cũng vậy, đối với một người mẹ, mất con là một chuyện đau đớn, nhưng còn đau đớn gấp đôi khi biết rằng con mình bị đánh tráo. Nhìn đứa trẻ tiếm vị, nổi thương tiếc con lại càng trĩu nặng trong lòng khôn nguôi.

Một buổi sáng, bà nói với chồng:

- Tôi không còn biết cho thằng bé này ăn gì nữa. Tất cả mọi thứ tôi đem cho nó, nó đều không chịu ăn.

- Chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả, - ông đáp. - Vậy bà không biết rằng giống quý chỉ sống bằng ếch nhái, chuột bỏ thôi sao?

- Nhưng tôi làm sao mà ra ao câu ếch cho nó được.

- Tất nhiên rồi. Tôi thấy rằng nó mà chết đói thì đó là dịp may, - ông đáp.

Gần một tuần trôi qua mà vợ chồng người nông dân vẫn không làm cách nào cho đứa bé ăn. Bà đặt quanh mình nó rất nhiều thức ăn ngon lành, nhưng mỗi khi bà cố cho nó ăn thử, nó lại nhăn mặt và khạc nhổ.

Một buổi chiều, khi con quý con đang đói lả hầu như sắp chết, một con mèo chạy vào phòng, miệng ngậm một con chuột. Bà chạy tới, giăng lấy con chuột vớt cho con quý rồi vội vã bước nhanh ra ngoài để khỏi nhìn thấy nó ăn.

Khi người nông dân thấy vợ mình bắt cóc và nhện cho con quý con ăn, ông không thể che giấu sự kinh tởm được. Thành thử, ông cũng không thể nói với vợ một lời âu yếm nào nữa.

Tuy nhiên, bà vẫn đủ uy lực đối với ông khiến ông không bỏ nhà ra đi.

Nhưng bọn đầy tớ thì không còn kính trọng bà chút nào. Họ bắt đầu không vâng lời bà như trước. Ông chủ thì làm ra vẻ không nhận thấy gì cả, và bà vợ hiểu rằng nếu bà còn giữ con quý con trong nhà, cuộc sống của bà sẽ chỉ còn là một chuỗi hình phạt vô tận. Nhưng tính bà vẫn cứ thế: trước một kẻ bị mọi người căm ghét, bà cảm thấy mình có một trách nhiệm bức thiết là phải giúp đỡ kẻ đó. Và, càng phải chịu khổ vì con quý nhỏ bao nhiêu, bà càng chăm sóc nó tận tình bấy nhiêu sao cho chẳng ai có thể làm hại nó.

Hai năm đã trôi qua như vậy. Một ngày kia, vợ người nông dân một mình ngồi trong nhà vá chiếc áo choàng cho đứa trẻ. Vừa khâu bà vừa than thở: “Thật chẳng sung sướng gì khi phải nuôi con của kẻ khác.” Bà làm vội vàng vì cái áo có không biết bao nhiêu là chỗ rách lớn. Nước mắt cứ tuôn ra làm mờ mắt bà. Bà nghĩ tiếp: “Nếu đây là cái áo cho con ta thì chắc chắn ta sẽ chẳng than vãn vả. Ta khổ nhiều vì con quý này. Tốt hơn là đem nó vào rừng sâu, rồi bỏ mặc nó đấy”.

Một lát sau, bà lại nghĩ: “À mà ta có thể dứt bỏ nó một cách nhẹ nhàng hơn. Chỉ cần ta không để ý canh chừng nó, chắc chắn nó sẽ chết đuối dưới giếng, hoặc nó sẽ làm bắn lửa bén vào áo khi chơi bên lò sưởi, hoặc nữa nó sẽ bị chó cắn hay ngựa đá chết. Nó thật là liều lĩnh, thật là hung ác. Tất cả mọi người và cả súc vật trong trại đều ghét nó. Và nếu ta không biết để ý trông nó, mọi người sẽ thủ tiêu nó ngay lập tức”.

Bà đứng dậy và đưa mắt nhìn đứa trẻ đang nằm ngủ cuộn tròn trong góc phòng. Nó đã lớn nhiều, và còn xấu xí hơn cả lúc bà nhìn thấy nó lần đầu: cái mồm giãn ra như mồm thú, lông mày dựng đứng như hai túm lông đuôi súc vật, mặt đen thui đen thui.

“Vá quần áo cho mày, chăm sóc mày, những cái đó chưa có nghĩa lý gì, - bà lẩm bẩm. - Đó mới chỉ là những nỗi khổ đau nhỏ nhất mà ta phải chịu đựng vì mày. Nhưng chồng ta kinh tởm ta, bọn đầy tớ trai khinh bỉ ta, bọn đầy tớ gái chế giễu ta, con mèo nó cũng khạc phì phì khi trông thấy ta, cả con chó cũng nhe răng với ta. Tất cả chỉ tại mày thôi.

“Có lẽ ta sẽ chịu đựng được sự khinh ghét của mọi người và của cả súc vật, - bà thở dài - nhưng đau khổ cho ta nhất là mỗi khi nhìn thấy mày, ta lại thương tiếc như điên như cuồng đứa con trai của ta. Hỡi ôi, con yêu quý của mẹ, con ở đâu? Phải chăng con đang ngủ trên đám rêu, hay trong đồng lá bên bọn quý dữ ở tít tận rừng sâu?”

Cánh cửa bật mở. Bà hấp tấp cúi đầu khâu tiếp. Chồng bà bước vào, mặt tươi tỉnh. Đã từ lâu chưa bao giờ ông ăn nói dịu dàng với bà như hôm nay.

- Hội chợ làng mở rồi đấy. Chúng ta sẽ tới đó xem nhé, bà nghĩ sao?

Lòng bà đầy vui sướng, bà đáp rằng bà không còn muốn gì hơn.

- Vậy bà chuẩn bị nhanh nhanh lên nhé, - ông nói, - chúng ta sẽ phải đi bộ, vì ngựa ở ngoài đồng cả rồi. Nhưng nếu ta đi tắt đường núi thì sẽ kịp thôi.

Vài phút sau, bà chủ ăn mặc chỉnh tề xuất hiện trên ngưỡng cửa. Đây là niềm sung sướng nhất đối với bà từ lâu nay. Mãi vui, bà đã hoàn toàn quên con quỷ nhỏ. Bất chợt, một ý nghĩ lóe lên: "Hay là chồng ta tìm cách đưa ta đi xa để bọn đầy tớ giết chết đứa trẻ kia chẳng?" Bà quay ngay vào nhà rồi trở ra với đứa bé lộc ngọc trên tay.

- Bà không thể để nó ở nhà được sao? Người chồng nói nhẹ nhàng, không hề giận dữ.

- Không. Tôi không dám rời nó ra đâu.

- Thôi được, nếu bà muốn vậy, - ông nói giằn hòa, - nhưng bế nó vượt núi sẽ nặng nhọc lắm đấy.

Hai vợ chồng lên đường. Họ đi rất vất vả vì đường dốc cheo leo. Họ phải vượt qua đỉnh núi trước khi tới đường cái làng. Chẳng mấy lúc bà thấm mệt, rồi hầu như không bước được nữa. Bà để đứa bé to sù cho nó tự đi một mình một chút nhưng không được.

Chồng bà có vẻ rất tử tế. Từ ngày mất con, chưa bao giờ bà thấy ông vui như hôm nay.

- Bà đưa thằng bé cho tôi bế một lúc, - ông đề nghị, - bà mệt quá rồi đấy.

- Không sao đâu, - bà trả lời. - Vả lại, tôi cũng muốn ông không phải bận tâm đến nó.

- Nhưng làm sao tôi lại có thể để bà phải chịu vất vả một mình, - ông vừa nói vừa đỡ lấy đứa bé.

Ở quãng này, đường lại rất xấu, vừa trơn vừa gồ ghề. Con đường chạy men một hẻm núi sâu. Đường rất hẹp, chỉ đủ cho một người qua. Bà vợ đi sau. Bà bỗng thấy sợ chồng có thể vấp ngã cùng đứa trẻ trên tay.

- Đi từ từ thôi ông ạ, - bà gọi với vì thấy chồng hình như đi nhanh và thiếu thận trọng.

Bà vừa dứt lời, quả nhiên ông chồng bước hụt một bước, suýt đánh rơi đứa bé.

“Nếu đứa bé bị rơi xuống, có lẽ ta sẽ dứt bỏ được nó mãi mãi”, - một tiếng nói thì thầm từ đáy lòng bà. Nhưng ngay lúc đó bà chợt hiểu ra rằng chồng bà có ý định ném đứa bé xuống vực rồi làm như chẳng may đánh rơi nó.

“Đúng. Đúng rồi. Ông ấy đã sắp xếp cuộc đi chơi này để dứt bỏ con quý nhỏ, sao cho ta không thể biết là ông ta cố tình. Nghĩ cho cùng, cứ để ông ấy làm như vậy có lẽ hơn cả.” Ông chồng lại vấp vào rễ cây một lần nữa, và đứa bé lại suýt tuột khỏi tay ông.

- Ông đưa thằng bé đây cho tôi, kéo cùng ngã với nó mất thôi, - bà nói.

- Thôi, ông đáp, - Tôi sẽ cẩn thận hơn mà.

Nhưng ngay lập tức, ông trượt chân lần thứ ba. Ông vội đưa tay tóm lấy một cành cây, làm đứa bé rơi tuột xuống. Bà vội bám sát gót chồng. Tuy đã có lúc bà tự nhủ rằng thật là hạnh phúc làm sao nếu dứt bỏ được đứa bé, bà vẫn lao tới, tóm được vạt áo nó và kéo nó lên.

Người chồng quay lại. Nét mặt ông đổi khác hẳn, trông thật dữ tợn.

- Sao bà không nhanh được như vậy hôm đánh rơi con, - ông giận dữ hét lên.

Khổ tâm, điếng người, bà im lặng không đáp. Thế ra sự tử tế của chồng bà chỉ là vờ vịt. Bà cảm thấy tủi cực nên khóc òa lên.

- Tại sao bà khóc? - Ông nghiêm khắc nói. Con quý kia ngã lại là một điều đau khổ đến thế chẳng? Thôi ta đi đi. Nếu không sẽ muộn mất.

- Tôi không còn lòng dạ nào đến hội chợ nữa.

- Tùy bà, - ông đáp, - Vả lại, tôi cũng chẳng muốn đi nữa.

Hai vợ chồng quay về nhà. Vừa đi, người chồng tự hỏi không biết mình còn sống nổi với vợ đến bao giờ nữa. Nếu như ông cố thêm một lần cuối; giằng lấy thằng bé trong tay vợ thì có lẽ vợ chồng ông sẽ lại chung sống hạnh phúc. Đang chuẩn bị đấu tranh với vợ, bất chợt ông bắt gặp phải đôi mắt bà đang nhìn ông đau đớn và lo âu. Cái nhìn ấy, một lần nữa, lại khuấy phục ông. Thế là tình hình lại y nguyên như cũ.

Lại hai năm nữa trôi qua. Cho tới một đêm hè kia, nhà người nông dân bỗng nhiên bốc cháy.

Khi mọi người tỉnh giấc, toàn bộ căn phòng đã chìm ngập trong lửa khói, kho thóc chỉ còn đồng than hồng. Chẳng ai nghĩ đến việc dập lửa hay cứu tài sản, mà chỉ còn đủ thời gian lao ra ngoài.

Ông chủ điếm lại nhân số trang trại, thấy đủ cả. Lúc đầu, chẳng ai nghĩ tới con quý con. Đứng giữa đám gia nhân, ông nhìn nhà mình đang làm mồi cho ngọn lửa. Ông nói:

- Ta rất muốn biết, ai đã gây ra tai họa này?

- Còn ai nữa, - bọn đầy tớ trả lời. - Chỉ có con quý con kia thôi. Đạo này nó chẳng hay chơi trò nhặt các mẫu gỗ, cành cây rồi đem đốt là gì?

Một chị đầy tớ tiếp lời:

- Mới hôm qua đây thôi, nó chất một đồng cành khô ở kho thóc. May là tôi ngăn kịp khi nó sắp châm lửa.

- Thế thì nó không đốt hôm qua mà là hôm nay rồi, - một anh đầy tớ nói. - Chính nó đã gây thảm họa cho ông đấy.

- Ước gì nó vẫn còn ở trong đó! - Ông chủ nói - Nếu như vậy thì bị cháy nhà ta cũng chẳng phàn nàn gì.

Ngay lúc đó, mọi người thấy bà chủ lao ra, từ ngôi nhà ngập lửa, tay kéo thằng quý con.

Ông chủ nhà giận uất người, nhảy xổ tới, giằng lấy đứa bé và lại ném nó vào đồng lửa.

Lửa bốc ra ngùn ngụt từ các ô cửa sổ; nóng rực, khói dày đặc. Như người mất hồn, sợ tái mặt bà chủ đưa mắt nhìn chồng

trong giây lát, rồi lại lao ngay vào nhà theo thằng bé, chẳng ai kịp ngăn cản.

- Cả mày nữa, cứ ở lại đó luôn đi? - Người chồng thét, giận sôi lên.

Nhưng vợ ông đã trở ra cùng đứa trẻ. Tay bà bị bỏng, tóc cháy xém. Khi bà đi qua sà, chẳng ai thèm nói với bà một lời. Bà đi ra giếng, dập tắt mấy tàn lửa bám vào váy, rồi ngồi bệt xuống cỏ, dựa vào thành giếng. Đứa bé con quý nằm trên đùi bà, chẳng mấy chốc đã ngủ, còn bà thì vẫn ngồi nguyên, đôi mắt u buồn nhìn chằm chằm về phía trước. Những người đi qua chẳng ai buồn để ý tới bà, hoặc đều tránh xa, thì thấy bà quá ư thiếu nảo.

Rạng sáng, khi ngôi nhà chỉ còn là một đồng tro tàn và đã cháy xém, người chồng tới tìm bà.

- Tôi không chịu nổi cuộc sống này nữa. - ông nói. - Phải xa bà, tôi rất tiếc, chắc bà cũng biết, song tôi không thể sống với một con quý được. Tôi đi đây và sẽ không trở về nữa.

Thấy chồng nói thế rồi bỏ đi, bà tưởng như tim mình bị đứt ra khỏi lồng ngực. Bà những muốn chạy theo giữ chồng lại, nhưng con quý con vẫn đè nặng trên gối bà. Bà cảm thấy không còn đủ sức đẩy nó ra nữa.

Người nông dân đi vào trong rừng, lòng tự nhủ rằng có lẽ đây là lần cuối cùng mình đi trên con đường thân thuộc này. Đúng lúc ông đi tới lưng chừng dốc, một chú bé chạy tới gặp ông. Người chú mảnh mai và dong dỏng như một cây non. Mái tóc mềm như tơ, đôi mắt ngời sáng. "Nếu con ta còn, chắc nó cũng như thế này đây" - ông thở dài nghĩ thầm. Nhẽ ra ta phải có người thừa kế như thế, chứ đâu phải con yêu quái kinh tởm mà vợ ta cứ cố sống cố chết nuôi nấng..."

- Chào cháu bé, ông nói, - cháu đi đâu đấy?

- Cháu chào bác, - chú bé trả lời - nếu bác đoán được cháu là ai thì cháu sẽ cho bác biết cháu đi đâu.

Nghे giọng nói của chú bé, người nông dân bỗng thất sắc.

- Giọng cháu nói y như người trong nhà ta vậy. Nếu con trai ta không bị bọn quý bắt, ta sẽ nghĩ cháu là nó đấy.

- Cha ời, cha đoán đúng đấy, - chú bé nói. - Vì cha đã đoán đúng, nên con xin nói cho cha biết là con đi tìm mẹ con đây.

- Đừng đi con ạ, - ông ngăn lại. - Vì mẹ con giờ chỉ yêu thương một mình con quý đen kinh tởm thôi.

- Cha tin vậy sao? - Chú bé nhìn thẳng vào mắt ông, hỏi.

Sung sướng tột độ vì gặp lại con, mắt ông rưng rưng ngấn lệ.

- Thôi, con ở lại đây với cha, vừa nói ông vừa bế thốc chú bé lên. Như sợ mất con lần nữa, ông ôm chặt lấy chú bé và đi tiếp.

Cháu bé láu táu nói chuyện.

- Thật may mà cha bế con cẩn thận hơn hôm cha bế con quý!

- Con nói gì vậy? - Người cha ngạc nhiên hỏi.

- Cha không nhớ lần đó sao? Hôm ấy mẹ thằng quý cũng bế con đi phía bên kia vực; mỗi lần cha vấp và suýt để rơi thằng quý con thì mẹ nó cũng làm hết như vậy. Chưa bao giờ con sợ đến thế. Lúc cha định ném nó xuống vực, mẹ nó cũng sắp quăng con xuống đó. Ôi, nếu mẹ con không tóm kịp nó thì...

Người nông dân bước chậm lại, ngắt lời con:

- Giờ con hãy kể cho cha nghe con sống ở đó ra sao, ở nhà lũ quý ấy.

- Đôi lúc cũng khổ sở lắm, - chú bé trả lời. - Nhưng mẹ con đối xử tốt với thằng quý con thì chúng cũng không đối xấu với con đâu.

- Đôi lúc chúng cũng đánh con chứ?

- Chỉ lúc cha đánh con chúng thôi.

- Thế chúng có cho con ăn uống tử tế không? - Người cha hỏi tiếp.

- Mỗi khi mẹ con cho thằng quý ăn cóc và chuột, chúng cho con ăn bánh mì trắng và bơ. Nhưng khi cha mẹ cho nó ăn thịt nấu chín và bánh mì, chúng lại bắt con ăn rắn rết và cỏ gai. Tuần đầu

con suýt chết đói đấy. May mà mẹ con đã thương hại thằng quý con!...

Nghे con nói vậy, người nông dân lúc này đã bước chầm chậm liền quay ngoặt trở lại con đường dốc núi.

Sau một hồi im lặng, ông lên tiếng:

- Không biết cha nghĩ có đúng không, hình như người con có mùi khói?

- Có gì lạ đâu cha, - chú bé trả lời. - Đêm qua chúng đã ném con vào đồng lửa khi cha xô con quý vào ngôi nhà đang cháy. Nếu mẹ không có đấy thì...

Người nông dân sai chân bước, nhưng bỗng đứng chững lại:

- Con nói cho cha biết, vì sao lũ quý đã thả con về.

- Khi mà mẹ con hy sinh cái mà mẹ con quý hơn tính mệnh, thì chúng không còn có uy lực gì đối với con nữa.

- Mẹ con đã hy sinh cái mà mẹ con quý hơn tính mệnh ư? - Người cha hỏi lại.

- Đúng vậy đấy cha ạ, - chú bé trả lời. - Tức là mẹ con đành để cho cha ra đi, chỉ vì muốn cứu thằng quý con.

Vợ người nông dân vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, bên bờ giếng. Bà không ngủ, nhưng giống như người bị còng lạnh. Bà không thể cử động, mà cũng chẳng nhìn thấy gì quanh mình; dường như bà đã chết. Bỗng nhiên bà nghe có tiếng chồng gọi từ rất xa. Thế là trái tim bà lại hồi hộp. Cuộc sống trở lại với bà. Mở to đôi mắt, bà nhìn quanh như vừa bừng tỉnh sau một giấc ngủ mê mết. Trời đã sáng rõ. Mặt trời chiếu rực rỡ. Chìm sơn ca hót vang. Trong một ngày như thế, lẽ nào có điều bất hạnh xảy đến được. Nhưng rồi đôi mắt bà dừng lại trên đồng tro tàn gạch xám mà trước đây là ngôi nhà của bà, trên những con người có đôi tay đen xì và mặt đỏ rực. Bà thầm nhủ rằng bà tỉnh dậy chỉ để bước vào một cuộc sống còn đau buồn hơn trước. Vậy mà bà cứ cảm thấy dai dẳng, rằng nỗi phiền muộn đau khổ dằng dặc của bà đã chấm dứt. Bà đưa mắt tìm con quý. Nó không còn nằm ngủ trên gối bà nữa, và chẳng thấy nó đâu. Giá vào lúc khác, chắc bà đã vội đi tìm nó. Nhưng lúc này, bà linh cảm thấy việc đó là vô ích.

Lại một lần nữa bà nghe thấy tiếng chồng gọi. Tiếng vang lại từ phía khu rừng. Cùng lúc đó, chồng bà xuất hiện trên con đường hẻm dẫn về trang trại. Nhưng tất cả mọi người đêm qua đến chữa cháy đã chạy ủa tới chỗ ông và che lấp ông đi. Bà chỉ còn nghe thấy tiếng gọi liên hồi của chồng.

Tiếng gọi của ông báo hiệu một nguồn vui vô tận. Bà ngồi như đóng đinh tại chỗ. Cuối cùng, chồng bà tách khỏi đám đông và tới đặt trên gối bà một đứa trẻ xinh xắn.

- Con trai chúng ta đây! Người ta đã trả lại nó cho chúng ta đây,
- ông nói - Chính bà, chỉ một mình bà đã cứu con thoát khỏi tay bọn quỷ đây!

TÔ CHƯƠNG dịch.

LÔNG TƠ

1

Tôi tưởng như đang thấy họ lên đường. Tôi thấy rất rõ cái mũ có lò xo của chàng, với vành rộng bỏ ngược lên, kiểu mũ người ta vẫn đội vào quãng năm 1840. Tôi thấy cái áo gilê màu sáng, cái khăn che ngực của chàng. Tôi cũng thấy khuôn mặt đẹp của chàng cao鼻梁 nhui, với hàng ria ngắn, cái áo cổ cao thẳng đứng, vẽ chững chạc và duyên dáng đúng mực trong mọi cử chỉ của chàng. Chàng ngồi phía bên phải xe. Chàng vừa nắm lấy dây cương; và cạnh chàng là người đàn bà bé nhỏ. Cầu Chúa ban phúc cho nàng: Nàng thì tôi còn nhìn thấy rõ hơn nữa. Trước mắt tôi là một khuôn mặt thanh tú đóng khung trong cái mũ có dải buộc xuống dưới cằm, mái tóc màu nâu sẫm và tấm khăn sau lụa rộng thêu hoa. Chiếc xe của họ có một ghế dài giát sơn xanh; và con ngựa của ông chủ quán sẽ chở họ đi dặm đường đầu tiên là một con ngựa nhỏ lông hồng, mập mạp. Ngay từ lúc mới nhìn nàng lần đầu, không hiểu sao tôi đã thấy mến, vì nàng đúng là Long Tô, nhẹ nhất, bồng bênh nhất, vô nghĩa nhất, nàng Long Tô nhỏ nhắn. Chỉ cần trông thấy những cặp mắt người ta nhìn theo nàng là lòng tôi cảm mến nàng ngay. Trước hết là ông bố và bà mẹ, đứng trên bậc thềm hiệu bánh mì nhà họ, cứ nhìn theo nàng mãi. Ông bố nước mắt lưng tròng; bà mẹ thì không thể khóc vì còn phải để cho đôi mắt dõi nhìn theo cô con gái cứ vẫy chào mẹ mãi cho đến khi không nhìn thấy được nữa mới thôi. Tiếp đến là những câu chào hỏi vui mừng của tất cả trẻ con dọc đường phố nhỏ, và những cái liếc mắt tinh nghịch của hết thảy các cô gái đứng trong cửa sổ nhìn ra, những cái nhìn mơ màng của các cậu học việc và các chàng thợ trẻ đi qua trông thấy nàng. Ai cũng tỏ vẻ thân ái với nàng và ân cần chào tiễn. Cuối cùng là vẻ lo lắng ái ngại của các bà già nghèo khổ đi ra khỏi nhà để cúi chào nàng và bỏ kính ngắm nhìn thật kỹ vẻ long lẫy của nàng. Tôi không hề nhận thấy một cái nhìn ác ý nào suốt dọc con đường nàng đi qua.

Nàng đã đi khuất. Ông bố đưa ống tay quạt vội nước mắt và nói:

- Đừng buồn bà nó ạ. Con nó sẽ xoay sở được. Bé tẹo như vậy nhưng Lòng Tơ của chúng mình biết xoay sở đấy!

- Ông nó nói buồn cười thật! - Bà mẹ kêu lên với giọng huênh hoang. - Tại sao An-Maria của chúng mình lại không biết xoay sở kia chứ? Tôi cho rằng nó chẳng kém cạnh ai cả đâu!

- Đúng thế, bà nó ạ! Đúng thế, nhưng dù sao... tôi thì tôi chẳng muốn ở vào địa vị nó và đi đến chỗ nó đang đi. Thật đấy, tôi chẳng muốn chút nào!

- Thì có ai bảo ông đi đâu, cái ông chủ hiệu bánh mì già khom và xấu xí này! - Bà mẹ cảm thấy cần nói đùa một câu cho chồng hết lo lắng.

Và ông bố liền cất tiếng cười, vì ông cười cũng dễ mà khóc cũng dễ. Rồi hai ông bà già lui vào cửa hiệu.

Trong lúc này, Lòng Tơ, bông hoa nhỏ bằng lụa, lòng đầy dũng cảm, đang lên đường. Nàng có phần hơi nhút nhát và sợ sệt bên cạnh vị hôn phu đẹp trai của mình; thật ra thì nàng hơi sợ tất cả mọi người và chính vì vậy mà mọi người đều tốt với nàng và cố tỏ cho nàng thấy chẳng việc gì mà sợ hãi.

Tuy vậy, Môrit chưa bao giờ gây cho nàng một niềm kính phục như hôm nay. Từ lúc họ bỏ lại phía sau phố phường và tất cả các bạn hữu, nàng thấy như Môrit đã lớn thêm lên. Có thể nói rằng cái mũ, cái cổ áo, bộ ria của chàng đều cứng lại và những múi cà vạt của chàng thì phồng lên. Giọng nói của chàng trầm đến nỗi trở thành khàn khàn. An-Maria cảm thấy e sợ hơn, nhưng thấy Môrit oai vệ như vậy nom thật là đẹp. Môrit là người lý lẽ rất sắc sảo; và chàng thuyết giáo nàng. Nói có lẽ chẳng ai tin, nhưng đúng là Môrit cứ nói lý nói lẽ suốt dọc đường. Chàng hỏi Lòng Tơ xem nàng có thật hiểu rõ tầm quan trọng của chuyến đi này đối với nàng hay không. Hay là nàng lại tưởng đây chỉ là cuộc đi chơi dã ngoại? Vượt mười dặm đường trên một chiếc xe vừng chài, bên cạnh vị hôn phu của mình, quả là giống như một cuộc nhàn du. Rồi đến thăm một tòa nhà khang trang và một ông chủ giàu có. Đúng vậy, nhưng coi chừng! Đây đâu phải là một trò giải trí.

Chao ôi! Nếu Môrit biết rằng nàng đã mất bao công sức chuẩn bị cho chuyến đi này, rằng nàng đã qua bao buổi tối bàn đi tính lại với mẹ, đã thấy hàng loạt giấc mơ lo lắng và gặp bao cơn ác

mộng!... Nhưng nàng không hé ra một lời nào. Long Tư giả bộ khờ dại chỉ là để được thích thú nghe những lý lẽ khôn ngoan rất mực của Môrit mà thôi. Môrit ưa phô trương sự khôn ngoan và lý lẽ của mình và nàng sẵn lòng cho chàng được hưởng cái thú ấy.

- Vô lý thật, - chàng nói, - làm sao em lại kháu khỉnh đến thế!

Quả thật, nếu nàng không kháu khỉnh đến thế thì chàng đã chẳng phạm phải cái điều bất hợp lý là say mê nàng. Ông bố của Môrit không hài lòng về sự lựa chọn của con trai. Còn bà mẹ? Quả thật chàng không dám nhớ lại tất cả những chuyện lôi thôi của bà đã gây ra khi chàng bảo cho bà biết chàng đã đính hôn với một cô gái bé bỏng nghèo hèn ở một phố nhỏ, một cô gái không có học vấn, không có tài năng, đến sắc đẹp cũng không nổi, chỉ được cái là kháu khỉnh.

Dưới con mắt của Môrit thì cô gái một ông chủ hiệu bánh mì chắc chắn cũng sánh được với con trai một ông thị trưởng, nhưng không phải ai cũng có được đầu óc rộng rãi và phóng khoáng như chàng. Và nếu Môrit không có một ông chú giàu sang thì cái dự định hôn nhân này đành là đổ xuống sông xuống biển. Vốn liếng của một sinh viên quèn như chàng không cho phép chàng lập gia đình. May làm sao lại có ông chú. Chỉ cần thu phục được cảm tình của ông là mọi việc sẽ trót lọt.

Tôi nhìn thấy hai người khi họ ngồi xe đi trên con đường lớn. Nàng có một dáng điệu hơi khổ sở trong khi nghe chàng tuôn ra những lời khôn ngoan. Nhưng trong thâm tâm nàng thấy vui lòng biết mấy! Môrit thật quả là khôn ngoan và biết điều! Chàng thích kể lể những nỗi thiệt thòi mà chàng phải chịu vì nàng: đó là cái lỗi chàng cho nàng biết chàng yêu nàng biết mấy. Có lẽ nàng cũng nghĩ rằng trong một ngày như hôm nay, chỉ hai người ngồi với nhau thôi, thì đáng ra chàng không cần phải giữ ý đến thế, như khi có con mắt kiểm soát của bà mẹ. Không: về phần chàng, làm như vậy chẳng nên đâu. Nàng có thể tự hào về chàng.

Và bây giờ, thì chàng bắt đầu nói chuyện với nàng về ông chú. Chỉ cần được con người ấy che chở cho, thì số phận của chàng và nàng sẽ bảo đảm. Chú Têôđô giàu ghê lắm. Ông là chủ của mười một lô đất, đó là chưa kể đến nhà cửa, những cổ phần hầm mỏ. Ông chỉ có một người thừa kế hợp pháp: đó là Môrit. Nhưng ông không phải là người dễ tính. Nếu người vợ của Môrit không hợp ý ông là ông có thể chọn một người khác cho hưởng gia tài.

Khuôn mặt nhỏ nhắn của nàng mỗi lúc một tái đi và mỏng ra; còn Môrit thì cứ tiếp tục đánh lại và phồng lên. Đừng có ảo tưởng: An-Maria sẽ không làm cho chú Têôdo chết mệt như Môrit đâu! Chú ấy thuộc một loại người khác và Môrit chẳng tin tưởng gì lắm vào sở thích của chú: chắc rằng ông ấy phải ưa loại người đỏ da thắm thịt và ăn to nói lớn kia. Hơn nữa cái ông độc thân thâm căn cố đế này lại cho rằng đàn bà là rợ buộc chân trong cuộc sống. Nhưng miễn là An-Maria đừng làm cho chú ác cảm còn mọi việc khác đã có Môrit lo liệu. Nhất là chớ có ngốc ngếch và khờ dại!... Thôi, mới nói thế mà đã khóc rồi!... Em mà không mạnh dạn hơn lên, chúng mình sẽ được chú tổng khư đi sớm đấy...

Nàng nghĩ rằng, tạ ơn Chúa, ông chú không khôn ngoan như cậu cháu của ông! Như vậy chẳng phải là nghĩ xấu chút nào về Môrit: nhưng nếu Môrit là ông chú, và nếu như hai người trẻ tuổi khốn khổ đến xin tiền để sinh sống thì Môrit, vốn là hiện thân của lý trí, chắc chắn sẽ mời họ trở về nhà và chờ cho đến khi có của nả rồi hẵng cưới nhau...

Ông chú này, theo như lời Môrit nói thì ghê gớm lắm. Ông uống rượu, tiệc tùng ngày này qua ngày khác; và trong nhà ông, người ta sống thật kinh khủng. Không tần tiện một chút nào, chú Têôdo ấy! Người ta có thể đánh lừa và cho ông thấy là ông bị đánh lừa: ông chẳng vì thế mà bốt một tiếng cười vang. Ông thì trưởng đã giao nhiệm vụ cho con trai phải tuôn cho ông một số cổ phiếu chẳng còn tí giá trị nào. Ông sẽ mua số cổ phiếu ấy không chút nghi ngại. Ông tiêu xài linh tinh vong mạng. Một hôm, ở giữa quảng trường, người ta thấy ông vứt cho trẻ con những đồng bạc trắng. Còn cái chuyện đánh bạc mất một vài nghìn đồng rix - dale trong một đêm và đốt giấy bạc để châm tẩu thuốc, đối với ông là chuyện rất bình thường.

Hai người nói chuyện với nhau như vậy trên đường đi. Họ đến nơi vào chập tối. “Dinh thự” của chú, như cách gọi của Môrit, không phải là một cái lò rèn. Lánh xa khói than và tiếng đe búa diếc tai, nó được xây trên sườn một quả đồi, nhìn xuống một phong cảnh có hồ có núi chạy dài. Ngôi nhà xây thật đẹp, xung quanh là những đồng cỏ xanh và những đám rừng phong.

Hai người trẻ tuổi đi lên một con đường trồng cây du và cây tùng rậm rạp. Nhưng vừa lúc họ sắp rẽ vào sân thì nhìn thấy một cổng chào; và dưới cổng chào, ông chú đang đứng đợi họ cùng với bốn người nhà và thợ thuyền. Nàng Lông Tơ nhỏ nhắn không hề nghĩ rằng Môrit đáng được ông chú đón tiếp như vậy.

Nàng lập tức thấy nhẹ cả người. Nàng nắm lấy tay vị hôn phu và bóp thật mạnh. Nàng không thể làm gì hơn nữa, bởi vì họ đã đến nơi...

Ông ta đứng kia, con người đầy quyền lực, ông chủ xưởng đúc Têôđô Frixted cao lớn lực lưỡng, đầy vẻ nhân hậu trong bộ râu cằm đen. Ông lắc lắc cái mũ và kêu lên: U-ra! và đám người cùng kêu lên: U-ra! Và An-Mari vừa chảy nước mắt vừa hé môi cười. Và dĩ nhiên là mọi người đều mến nàng ngay từ phút đầu, chỉ do dáng điệu của nàng nhìn Môrit. Nàng tự nhủ rằng tất cả những người này đến đây là vì chàng, và nàng quay lưng lại cái cảnh trong thế này để ngắm chàng, khi chàng dang rộng tay cất mũ và cúi chào một cách đường bệ. Chao! Đôi mắt nàng nhìn chàng mới đẹp làm sao! Và ông chủ Têôđô suyt nữa thì ngừng tiếng hoan hô và thốt lên một tiếng rủa.

Quả thật là Lông Tơ chưa bao giờ mong muốn điều không hay cho một người nào; nhưng nếu như số phận dành cho Môrit cái cơ ngơi này, thì chúng hoàn toàn phù hợp với địa vị ông chủ. Chàng đẹp lộng lẫy khi đứng trên bậc thềm cảm ơn mọi người. Ông chủ xưởng đúc cũng đẹp trai, nhưng so với Môrit, ông chẳng có chút phong thái lịch sự nào. Ông chỉ biết đỡ nàng xuống xe, cầm giúp nàng cái khăn san và cái mũ như một người đầy tớ, trong khi ấy, Môrit cất mũ nhiều lần và nói: "Cảm ơn các chú!". Không, ông chú Têôđô chẳng có kiểu cách lịch sự gì cả. Ông sử dụng quyền làm chủ của mình, ôm lấy nàng, hôn nàng, và khi nhận thấy nàng đưa mắt liếc Môrit, ông chửi thề và lại còn rủa nữa. Lông Tơ không có thói quen cho người khác là khó chịu, nhưng nàng tự nhủ rằng làm vừa lòng được ông chú Têôđô không phải là chuyện dễ dàng.

- Ngày mai, - ông chú nói, - sẽ có tiệc lớn và khiêu vũ, nhưng hôm nay, các vị khách trẻ tuổi của tôi hãy nghỉ ngơi sau chuyến đi xa. Chúng ta sẽ đi ăn tối ngay; rồi đi ngủ.

Ông đưa hai người vào phòng khách và để họ ở đó một mình. Ông chạy trốn như một luồng gió sợ bị giam giữ. Năm phút sau; người ta thấy ông ngồi trong chiếc xe lớn của ông, đi xuống con đường hai bên trồng cây, và người xà ích quất ngựa phi rạp xuống đất. Năm phút nữa trôi qua, và khi ông chú trở về thì có một bà già ngồi cạnh ông trong xe.

Ông khoác tay bà đi vào phòng khách. Bà này, rất dễ thương và rất hay chuyện, lập tức ôm hôn An-Maria; nhưng bà chào Môrit

không được vồn vã lắm. Vả chăng, ai mà dám sổ sàng với Môrit cơ chứ?

An-Maria rất sung sướng vì bà già hay chuyện này đã đến. Bà và ông chủ xưởng đúc có một kiểu nói đùa và trêu chọc nhau thật ngộ nghĩnh làm cho người ta càng thấy dễ chịu, càng thấy như ở nhà mình.

Sau bữa ăn tối, An-Maria được dẫn đến căn phòng nhỏ dành cho nàng. Nhưng ở đó, nàng đã gặp một điều rất phiền và rất khó chịu. Dưới cửa sổ phòng nàng, ông chú và Môrit đi dạo trong vườn; và nàng không thể ngăn mình nghe những điều họ nói. Môrit trình bày những dự kiến tương lai của chàng. Ông chú im lặng lấy chiếc can phat đứt những ngọn cỏ và những bông hoa. Chắc hẳn Môrit sẽ nhanh chóng thuyết phục được ông rằng không có gì thích hợp với chàng bằng một chấn quản lý ở một trong những xưởng đúc của ông. Môrit đã tự phát hiện ra mình có năng lực đáng kể về công việc thực tế, từ khi chàng bắt đầu yêu. Chàng thường nói với vị hôn thê: “Một khi số của anh đã định là anh sẽ trở thành một ông chủ lớn thì cần gì phải thi tốt nghiệp luật khoa nữa? Bắt đầu vào làm quen ngay với việc quản lý tài sản có hơn không?”.

Đột nhiên ông chú Têôđô đứng lại: ông có vẻ bức tức. Thậm chí ông còn có vẻ nổi khùng lên nữa. Lòng Tơ những muốn kêu lên cho Môrit biết mà đề phòng. Nhưng chậm quá rồi; ông chú Têôđô đã túm lấy ngực Môrit; vò nát cái khăn che ngực của anh; lắc anh quay tròn và xô mạnh đến nỗi anh lão đảo và nếu không dựa được vào một thân cây thì đã ngã bổ nhào xuống đất.

Nhưng Môrit thật đáng khen. Bị hành hung như vậy mà anh chẳng hề tức bực. Anh không muốn chuyển đi của anh và nàng trở nên vô ích. Chắc rằng anh đã nghĩ đến vị hôn thê, và anh đã tự kiềm chế được. Anh chỉ thì thào có một tiếng: “Sao? Sao?”

Lòng Tơ khâm phục sự bình tĩnh cao độ và sự tự chủ của chàng.

Tội nghiệp Môrit, có lẽ vì nàng mà ông chú đã bực với anh. Sao anh lại không biết rằng chú sống độc thân và nhà của chú là nhà không có đàn bà. Sao anh lại không đưa bà mẹ vợ chưa cưới của mình đến? ... Chà! Thật ra thì bà không thể bỏ cửa hiệu bánh mì mà đi được! Thế còn bà mẹ của anh? Lòng kiêu hãnh đã ngăn không cho bà giúp con trai việc này ư? Nếu vậy, họ chỉ có cách là ở nhà đừng đi đâu nữa. Nếu như bà hàng xóm này của chú

không chịu đến thì họ biết xoay xử ra sao? Và đòi thuở nào mà vợ chồng chưa cưới lại dẫn nhau đi một mình như vậy? Chắc hẳn Môrit chẳng phải là người nguy hiểm! Nhưng miếng lưỡi thể gian nguy hiểm lắm... Lại còn cái xe này nữa! Không biết anh đã tìm ra cái xe kỳ cục này ở nơi quái quỷ nào? Ai lại nghĩ ra chuyện bắt một cô bé tội nghiệp ngồi trong chiếc xe xóc nảy người lên suốt mười dặm đường! Thế mà ông, ông chú Têôđô, đã cho dựng cả một cái cổng chào để đón tiếp một chiếc xe chỉ có ghế băng như thế này!

Lông Tơ thấy rằng ông chủ đã vượt qua giới hạn của sự vô lý: nàng càng thêm khâm phục sự bình tĩnh của Môrit. Nàng những muốn xen vào câu chuyện để bênh vực chàng. Nhưng nàng không tin rằng chàng sẽ bằng lòng cho nàng làm như vậy.

Trước khi ngủ, nàng còn ngẫm nghĩ đến tất cả những điều nàng những muốn nói ra để bênh vực Môrit. Vừa mới chợp mắt, nàng bỗng thức dậy; một câu đố cũ thể thọt bên tai nàng: “Ngày xưa có một con chó ở trên núi. Nó sủa khắp nước Thụy Điển. Tên nó giống tên mày, tên nó giống tên tao, tên nó giống tất cả mọi người. Tên nó ra sao. Nó tên là Ba Sao.” Cái điều bí ẩn rồ dại ấy ngày xưa đã làm rối óc nàng biết mấy! Nàng thấy con chó ấy mới ngu làm sao! Thế nhưng bây giờ trong nửa cơn thức nửa ngủ nàng lại lẫn lộn con chó Ra Sao với Môrit, và nàng thấy như con chó mang cái trán trắng trẻo của chàng. Và nàng cười, nàng cười. Nàng cười cũng dễ mà khóc cũng chẳng khác gì cha nàng vậy...

2

“Cái đó” đã đến với nàng ra sao, cái điều mà nàng chẳng dám gọi lên ấy?

Cái đó có lẽ đã đến với nàng như giọt sương đến với cánh hoa, màu đỏ đến với bông hồng, mật ngọt đến với trái cây, êm ái, vô hình, không hề báo trước. Và lại có quan trọng gì đâu cái cách nó

đến, ai cần biết nó là cái gì! Dù nó ngọt ngào hay cay đắng, tốt đẹp hay xấu xa, nó là điều cấm, là điều lẽ ra không bao giờ được tồn tại. Cái đó quấy rối nàng, dằn vặt nàng, làm cho nàng trở nên tội lỗi và đau khổ. Nàng không muốn nghĩ đến nó nữa. Phải rút nó ra khỏi tim nàng; khổ thay cái đó lại không để cho người ta nắm lấy được, sờ thấy được. Cái đó đẩy lùi và chiếm chỗ dòng máu trong huyết quản nàng. Nó quay cuồng dọc những đường gân và làm cho những ngón tay nàng run rẩy. Khắp người nàng đầu đầu cũng có nó. Giá thân hình nàng không còn nữa thì nàng tin chắc rằng cái đó vẫn giữ lại là một dấu vết của nàng. Thế nhưng cái đó lại chẳng là gì cả.

Nàng không muốn nghĩ đến nó nữa, thế mà lúc nào cũng vẫn phải nghĩ đến nó. Làm sao nàng lại có thể trở nên xấu xa như vậy? Nàng tự xem xét mình; nàng tự xưng tội; một lần nữa nàng tự hỏi cái đó đã đến như thế nào. Chắc hẳn không phải vào lúc ăn sáng. Khi nàng xuống thì trong phòng ăn chỉ có ông chủ nhà máy đức và bà hàng xóm. Còn Môrit đâu? Nàng đã phát hoảng khi thấy vắng chàng. Nhưng, nghĩ cho kỹ, Môrit đã khôn ngoan lấy cớ đi săn, mặc dù bà già không hiểu có thể săn gì vào tuần lễ Thánh Jăng này. Chàng đã cảm thấy cần phải lánh đi, để cho ông chú chàng có thời gian nguôi giận. Vả lại, Môrit vốn không nhút nhát nên không hề nghĩ rằng một con người bé nhỏ như nàng sẽ suýt ngất khi không thấy chàng và khi phải ở một mình với bà già và chú Têôđô. Bữa ăn sáng mới nhộn làm sao! Mở đầu, ông chú hỏi bà già có biết câu chuyện nàng *Xigrîd Xinh Đẹp* không. An-Mari nhớ rằng Môrit đã nhạo ông chú vì cả nhà ông chỉ có hai cuốn sách *Những truyện cổ của lịch sử Thụy Điển* của Afzeliut và *Lịch sử phổ thông dùng cho phụ nữ*, của Nôxen. Nhưng chú ấy thuộc lòng hai quyển ấy, - chàng đã nói vậy.

An-Maria thấy chuyện nàng Xigrîd thật hấp dẫn, nhất là đoạn ông pháp quan Bengt cho đem ngọc quý dát kín cái khổ vải lên thổ của nàng([1]).

An-Maria nhìn thấy Môrit: nàng nghe tiếng chàng ra lệnh đem ngọc quý đến. Chàng mà đóng vai này thì rất đạt. Nhưng khi ông chủ kể đến đoạn Bengt chạy trốn vào rừng để người vợ trẻ ở lại chịu cơn thịnh nộ của người anh, thì nàng thấy rõ ràng đây là ám chỉ Môrit; nàng đỏ bừng mặt; dao, nĩa tuột khỏi tay nàng và những dự định mà họ đã bàn tính với nhau suốt dọc đường, thế là tan thành mây khói khi nàng ý thức được sự vụng về và ngu ngốc của mình.

Nhưng ông chú chẳng hề tỏ ra thương hại. Ông cứ tiếp tục kể cho đến đoạn ông bá tước kêu lên: *"Nếu em tôi không lấy nàng thì chính ông sẽ lấy"*. Ông nói câu này với một giọng hài hước đến nỗi nàng bất giác phải ngẩng mặt lên và bắt gặp cái nhìn đùa cợt trong đôi mắt màu nâu của ông.

Ông chủ đã thấy nỗi bồn chồn của nàng và cười sảng sặc như một đứa trẻ. Nàng càng hoảng hốt bao nhiêu thì ông càng cười to bấy nhiêu. Mặt ông càng như nói: *"Nếu em tôi không lấy nàng..."* Nhưng phải chăng đôi mắt ấy nói: *"Nếu cháu tôi..."*? Nàng khóc òa lên và vùng chạy ra khỏi phòng... Không, *cái đó* không phải đã đến vào lúc ấy...

Cũng không phải vào lúc đi dạo trước bữa ăn chiều. Lúc ấy nàng còn chú ý đến những cái khác. Thật là thích thú biết bao khi được dạo khắp cái cơ ngơi giàu có này và cảm thấy gần gũi thiên nhiên đến vậy. Nàng tưởng như được gặp lại một cái gì đã mất từ lâu. Cho đến lúc này, nàng vẫn là một tiểu thư của hiệu bánh mì, một thiếu nữ thành thị; nhưng từ khi đặt chân lên lớp cát ngoài sân thì một cô gái nông thôn đã thức dậy trong người nàng. Lòng Tự hiểu rằng nàng là người của thôn dã. Nàng đi dạo trước thềm. Và dáng đi của nàng trở nên tự do thoải mái hơn. Nàng kéo khăn choàng xuống và đeo mũ ở cánh tay. Hai bàn tay chống nạnh, nàng hít vào thật dài và thật sâu, và lại bắt đầu huyết sáo nữa.

Chà! Nàng cảm thấy mình dũng cảm và bạo dạn biết bao. Lúc đầu nàng muốn đi xuống vườn với dáng khoan thai và thật đúng mực; nhưng đột nhiên nàng bỏ lối đi và bước vào cái sân rộng ở giữa những dãy nhà phụ. Nàng gặp cô gái chăn bò và trao đổi vài câu với cô. Chính nàng cũng lấy làm lạ khi nghe giọng nói chắc nịch và quả quyết của mình: giọng nói của một đội trưởng trước hàng quân. Và nàng tự tạo cho mình bộ điệu rất ngang tàng khi đầu ngẩng cao, tay cầm một cái roi mềm, nàng đi và chuồng bò.

Chuồng bò không giống như nàng tưởng. Chẳng thấy những dãy súc vật có sừng để mình thống trị. Chúng đã ra bãi cỏ hết. Chỉ còn một chú bê con ở lại như chờ được săn sóc. Nàng lại gần, kiễng chân lên, một tay giữ váy, tay kia sờ vào trán con vật. Chú bê như thấy được vậy vẫn chưa đủ bèn thè cái lưỡi rộng ra, và nàng âu yếm đưa ngón tay út cho nó liếm. Bất giác nàng quay nhìn xung quanh để tìm một người chiêm ngưỡng sự dũng cảm của mình. Và nàng trông thấy gì? Ông chủ Têôđô đứng cười ở thềm chuồng bò.

Ông đã cùng nàng đi dạo. Nhưng không phải “cái đó” đã đến vào lúc ấy. Lúc ấy chỉ mới có một điều lạ như thế này đến với nàng: nàng không thấy sợ ông chủ Têôđô nữa. Ở bên ông nàng trở lại bình tĩnh như khi ở bên mẹ: tưởng như ông biết tất cả những khuyết điểm và những chỗ yếu của nàng. Nàng không cần phải giả vờ tỏ ra khác với con người thật của mình.

Ông chủ nhà máy đúc đã hứa dẫn nàng đi xem vườn và mấy mảnh đất dọc bờ ao; nhưng nàng chẳng ưa xem những nơi đó. Nàng muốn xem những gì ở các dãy nhà phụ. Thế là ông không chút ngần ngại đưa nàng đi thăm nơi để sữa, nơi đông lạnh, hầm rượu vang, hầm chứa khoai tây, nhà để thức ăn, nhà để củi, xưởng để xe, nơi giặt là quần áo. Rồi họ đi qua chuồng ngựa cày và chuồng ngựa cưỡi, buồng để yên cương, nơi ở của người hầu và người giữ ngựa, cuối cùng là xưởng mộc. Nàng có hơi bỡ ngỡ trong tất cả những phòng này; nhưng trái tim nàng bùng lên niềm hân hoan khi nghĩ đến hạnh phúc được ngự trị trên cái vương quốc ấy. Và nàng chẳng thấy mệt, mặc dù họ còn đi thăm chuồng cừu chuồng lợn và ngó qua chuồng gà chuồng thỏ. Nàng đã xem buồng dệt, lò rèn và lều xông khói làm thịt giăm bông. Tóm lại, nàng bước từ cánh mê ly này sang cánh mê ly khác. Và họ đã đi qua bụi chứa đầy cỏ và lá khô cho cừu. Trước tất cả những cảnh làm ăn tuyệt diệu này, nàng ý thức được năng lực nội trợ tiềm tàng trong người mình. Hấp dẫn nàng nhất là nhà giặt rộng thênh thang và hai gian nhà nhỏ xinh xắn sạch sẽ để nướng bánh mì với cái lò rộng hoác và chiếc bàn lớn.

- Ôi! Cái này phải cho mẹ cháu xem mới được! - Nàng kêu lên.

Họ ngồi nghỉ một lát và nàng kể lể chuyện gia đình nhà cửa của nàng. Nàng rất thoải mái kể những chuyện vặt vãnh của mình với chú Têôđô như với người bạn cũ, mặc dù đôi mắt nâu của chú như giấu cợt tất cả những điều nàng nói.

Cuộc sống ở nhà nàng phẳng lặng: không náo động, không đổi thay. Lúc bé, nàng quặt queo luôn; bởi thế bố mẹ nàng không bao giờ ưng cho nàng thật sự bắt tay vào công việc của hiệu bánh mì...

Trong câu chuyện, có lúc nàng kể rằng bố nàng gọi nàng là Lông Tơ, và nàng nói thêm:

- Cả nhà đều nuôi chiều cháu, trừ Môrit; vì thế cho nên cháu yêu anh ấy lắm. Anh ấy thật là đứng đắn. Anh ấy không bao giờ

gọi cháu là Long Tơ, mà luôn luôn gọi An-Maria. Môrit thật tuyệt diệu.

Chao! Nàng thấy rõ biết mấy trong đôi mắt chú có một tia nháy nhót cười cợt! Nàng những muốn cầm que đánh cho chú một cái. Và nàng nhắc lại, giọng nói như có nước mắt: “Môrit thật tuyệt diệu”.

- Phải, chú biết, chú biết, - ông chủ trả lời, - Môrit sẽ là người thừa kế của chú.

Thế là nàng kêu lên:

- Nhưng chú Têôdo, tại sao chú không lấy vợ? Bà chủ của một ngôi nhà như thế chắc sẽ sung sướng biết bao nhiêu!

- Thế còn tài sản thừa kế của Môrit? Ta mà lấy vợ thì việc ấy sẽ ra sao? - Chú Têôdo thì thầm dè dặt.

... Những lời này làm cho nàng lặng đi một lúc lâu. Nàng không sao nói được rằng Môrit lẫn nàng đều không quan tâm đến việc ấy, bởi vì đó chính là mối quan tâm chủ yếu của họ. Nàng tự hỏi như vậy có đê tiện và xấu xa không; và thốt nhiên nàng cảm thấy như phải xin lỗi chú vì nỗi thiệt thòi mà họ gây ra cho ông.

Khi hai người trở về nhà thì con chó của ông chú ra đón họ. Đó là một con chó cái bé tẹo, căng gầy, tai cụp, mắt như mắt linh dương - một con chó bé tí xiu với giọng sủa nghèn nghẹn yếu ớt.

- Chắc cháu ngạc nhiên thấy chú có con chó bé tí như thế này, - ông chủ Têôdo nói.

- Thật thế đấy ạ!

- Không phải ta đã chọn Jenni để nuôi, mà chính Jenni đã chọn ta làm chủ đấy! Cháu có muốn nghe lịch sử của nó không? Long Tơ?

Ông lập tức giành lấy cho mình cái tên ấy để gọi nàng.

Nàng muốn nghe lắm, nhưng nàng đoán đây lại là một chuyện trêu chọc nữa.

- Lần đầu tiên Jenni đến đây, là trong tay một bà xinh đẹp ở thành phố về. Nó mang trên lưng một cái áo choàng, đầu đội

một cái mũ nhỏ. - Im đi, Jenni, mày có thể chứ còn gì nữa! - Lúc ấy chú nghĩ thầm trong bụng : “Thật là một tiểu thư nhút nhát!” Nhưng cháu thử tưởng tượng vừa mới thả xuống đất là con vật bé bỏng chắc phải cảm thấy những kỷ niệm thời thơ ấu thức dậy trong đó, hay là một cái gì đại loại như vậy. Nó gãi, nó co quắp người, nó lăn lộn để làm tuột cái áo choàng ra. Rồi nó bắt chước điệu bộ của chó lợn, làm cho bọn ta nghĩ rằng Jenni chắc chắn là sinh ở nông thôn. Nó nằm lên thềm và không thềm nhìn đến cái tràng kỷ trong phòng khách, nhưng lại chạy đuổi lũ gà mái, ăn vụng của mèo, sủa những người ăn xin và nhảy bổ vào vó ngựa. Rồi đến lúc ra về thì thế là Jenni không chịu đi nữa. Nó rên ư ử một cách khổ sở và nhảy lên lòng chú. Không nghi ngờ gì nữa; nó muốn ở lại. Ai mà đoán được trong con vật bé nhỏ khoác áo choàng này lại có cái thiên hướng làm một con chó thôn quê? Và thế là ta có một con chó bông! Ta chỉ thiếu có một phụ nhân xinh đẹp.

Ôi! thật là phiền khi mình nhút nhát và không được dạy dỗ! Chắc ông chú phải ngạc nhiên khi nàng vội vàng chạy đi trong lúc ông đang kể chuyện. Nhưng nàng thấy hình như ông kể chuyện con chó để nói về nàng. Chắc chắn là ông không định làm như thế đâu. Nhưng dù sao...? Nàng cảm thấy then quá đi mất! Có các vàng nàng cũng không thể chuyện trò tiếp được nữa.

Tất nhiên đó cũng chưa phải là lúc “cái ấy” đã đến.

Đúng hơn là nó đã đến vào buổi tối, trong cuộc khiêu vũ. Chưa bao giờ có một dạ hội làm nàng thích đến thế! Tuy nhiên, nàng cũng chẳng nhảy nhiều. Nàng còn hơi bị người ta bỏ quên là đằng khác. Nhưng nàng thích thú quá nên cũng chẳng để ý đến điều ấy nữa. Trước tiên, nàng thấy Môrit đẹp hơn bao giờ hết và trội hơn cả về mọi mặt. Bữa ăn sáng chàng vắng mặt có làm cho nàng hơi méch lòng; và vì hôm qua nàng đã có lúc cười nhạo chàng, nên bây giờ nàng lại sung sướng được khâm phục chàng nữa. Lúc đầu chàng lo rằng nàng cảm thấy bị hững hờ, bởi vì chàng không chỉ săn sóc riêng một mình nàng. Không! Nàng không đến nỗi ngốc để định phô trương mối tình của họ. Và nàng vui lòng nhận thấy mọi người đều hết sức mến cậu cháu của chú Têôđô. Chàng đã nhảy nhiều lần với cô Êlixabet Oetthinh xinh đẹp. Nàng chẳng vì thế mà có chút nào ngờ vực, hơn nữa Môrit đã đến thì thầm vào tai nàng: “Em thấy đấy, anh không thể dứt khỏi cô ấy được. Anh và cô ấy là bạn từ thuở nhỏ. Ở miền quê này người ta chẳng mấy khi được nhảy với một người lịch thiệp vừa biết nhảy vừa biết nói chuyện. Tối nay em

phải nhường anh cho các cô tiểu thư này thôi, An-Maria ạ”. Còn ông chú thì lần mình đi cho Môrit nổi lên. “Tối nay, - ông nói - cháu là chủ của buổi tiếp khách này”. Và một mình Môrit làm đủ mọi việc: chàng điều khiển cuộc khiêu vũ, tiếp thức uống cho khách, mời nâng cốc chúc mừng xứ sở và các bà các cô. Chàng thật tuyệt vời. Ông chú và nàng không rời mắt ngắm chàng. Hai cái nhìn gặp nhau; ông chú mỉm cười với nàng và gật đầu thân ái. Cho đến lúc ấy, Long Tư vẫn còn buồn vì chú Têôđô đánh giá Môrit không đúng với chân giá trị của chàng. Bây giờ thì nàng đã yên tâm. Ông chú hãnh diện vì cậu cháu. Nhưng lúc gần sáng, ông Têôđô bắt đầu trở nên hơi ồn ào và vui nhộn. Ông muốn xen vào cuộc khiêu vũ, và tất cả các cô gái đều chạy trốn khi ông đến mời họ nhảy hoặc họ giả bộ như đã nhận lời nhảy với một người đàn ông khác.

- Chú nhảy với An-Maria đi! - Môrit nói với ông bằng một giọng hơi trịch thượng.

An-Maria hoảng quá đến nỗi run bắn cả người. Và ông chú bị méch lòng bèn lui vào phòng hút thuốc.

Nhưng Môrit đã đến gần nàng và nói với nàng bằng một giọng rất nghiêm khắc.

- An-Mari, em sắp làm hỏng hết mọi chuyện, thái độ của em khi chú muốn nhảy với em. Em cũng phải góp sức của em vào chứ. Em thấy để một mình anh làm mọi việc thì có đúng hay không?

- Nhưng anh muốn em làm gì, Môrit?

- Ồ! Bây giờ thì hỏng việc mất rồi. Tất cả những điều anh đạt được tối nay chẳng còn ích gì nữa.

- Em sẽ đến xin lỗi chú, nếu anh muốn, Môrit.

Nàng rất áy náy vì đã làm méch lòng ông chủ Têôđô.

- Đó có lẽ là điều duy nhất hợp lý; nhưng sao mà em lại nhút nhát đến buồn cười như vậy.

Nàng không đáp lại câu nào và đi thẳng về phòng hút thuốc, ở đó chẳng có người nào, còn ông chú thì đã gieo người vào một chiếc ghế bành.

- Chú ơi, sao chú lại không muốn nhảy với cháu - Nàng nói.

Ông chủ Têôdo mở đôi mắt đang nhắm nghiền và nhìn nàng một lúc lâu. Nàng chưa bao giờ gặp cái nhìn đau khổ như vậy. Một người tù đang nghĩ đến xiềng xích của mình chắc phải có cái nhìn như vậy. Bỗng nhiên nàng thấy có lẽ ông chú rất đáng ái ngại và chính ông mới cần đến nàng hơn là Môrit, bởi vì Môrit thì chẳng cần đến ai cả. Chàng vẫn đường hoàng như thế từ trước đến nay! Nàng đặt bàn tay nhẹ nhàng và vỗ về lên cánh tay ông chủ Têôdo. Mắt ông bỗng trở nên lạnh lợi như cũ. Ông đưa bàn tay to rộng của ông lên vuốt ve mái tóc của nàng.

- Mẹ hiền bẹ bóng của ta! - Ông thì thầm.

Thế là “*cái đó*” đã đến trong khi ông vuốt ve mái tóc nàng. Nó đến một cách lén lút. “*Cái đó*” đã trườn vào, đã tuôn vào nàng với một giọng run rẩy, một tiếng sột soạt, một âm thanh rì rào của bọn yêu tinh lướt qua cánh rừng đêm âm u.

3

Những làn mây mỏng xốp giăng kín bầu trời; buổi tối rất yên tĩnh và êm ả; những sợi lông trắng nhỏ li ti của cây bạch dương và cây hoàn diệp liễu bay lơ lửng bỗng bành trong không khí. Một mình trong đêm khuya, ông chủ Têôdo đi bách bộ trong vườn và nghĩ cách tách chàng trai ra khỏi cô gái. Bởi vì không thể nào, mãi mãi không thể nào, họ lại sẽ cùng nhau ra đi, trong khi ông sẽ đứng trên bậc thềm để chúc họ lên đường may mắn.

Làm sao thậm chí có thể cho nàng ra đi bằng bất cứ cách nào, khi mà đã ba ngày nay cả ngôi nhà tràn đầy giọng nói vui vẻ ríu rít của nàng; khi mà mọi người trong nhà đều cảm thấy xung quanh mình có con người nhỏ nhắn và cần trọng. Không thể như thế được! Chú Têôdo không thể thiếu được nàng nữa.

Đêm không lạnh, đêm ở miền bắc này thường như thế. Hơi nóng được giữ lại dưới lớp mềm mây xám. Những ngọn gió lạnh vẫn ở yên đâu đó, không thổi bạt mất hơi ẩm đi.

Ông chủ Têôđô nhìn thấy Long Tô trước mắt mình. Nàng khóc vì Môrit đã lìa khỏi nàng. Nhưng ông kéo nàng lại sát người ông và hôn cho đến khi nước mắt nàng không còn chảy nữa. Từ những trái cây già tách ra những sợi lông tơ nhỏ, nhỏ quá, nhẹ quá, mỏng manh đến nỗi hầu như bị không khí giữ lại không rơi xuống được và thật khó mà phân biệt được chúng trên mặt đất.

Ông chủ nhà máy đúc cười một mình khi nghĩ đến Môrit. Sáng mai ông sẽ vào phòng cậu và hỏi: “Này Môrit, chú không muốn cho cháu hy vọng hão. Nếu cháu cưới cô gái ấy thì đừng hòng đợi chú cho một xu. Chú không thể góp phần làm hồng tương lai của chú”.

“- Cô ấy làm chú không vừa lòng đến thế ư? – Môrit sẽ hỏi ông như vậy.

“- Trái lại, cô ấy hiền lành đấy, nhưng không là gì cả đối với cháu. Cháu phải lấy một người vợ ra vợ như Élizabet Oetthinh. Cháu nên biết điều, Môrit ạ, đừng bỏ dở việc học tập của cháu vì cô gái này. Cháu sẽ không bao giờ làm được một ông chủ nhà máy đúc. Không phải chỉ biết cắt mũ một cách duyên dáng và nói: “Cảm ơn, các bạn thân mến của ta!” là đủ đâu. Không! Cháu phải được đào tạo để trở thành một viên chức hoặc có thể là một bộ trưởng!

“- Nếu chú đánh giá cao như vậy, thưa chú - Môrit sẽ trả lời – thì chú hãy giúp cháu thi đỗ rồi cho phép chúng cháu cưới nhau sau.

“- Không được, không được. Sự nghiệp của cháu sẽ ra sao nếu chưa chi cháu đã tự buộc cháu dính vào một gánh nợ như vậy? Con ngựa mà phải kéo những gánh nặng bánh mì thì không thể chạy được nhanh. Cháu không thể đính hôn trước mười năm; nếu chú để cho chúng mày làm cái việc ngu xuẩn ấy thì rồi sẽ ra sao? Rồi năm nào chúng mày cũng sẽ đến xin tiền tao. Rồi thì cả chúng mày lẫn tao đều sẽ hận nhau.

“- Nhưng thưa chú, cháu là người trung thực, cháu đã hứa hẹn với người ta rồi.

Thế là Môrit dũng cảm quyết định ra đi.

- “Ồồ ồồ ồồ”. – Có tiếng kêu cứu ở trong vườn, một tiếng kêu to và dữ tợn như là để dọa một tên kẻ trộm. Ông chủ Têđô nhìn xung quanh mình. Ai nói đấy? Có phải là tự ông gọi ông như vậy không?

Ồ, ông sẽ chuẩn bị tư tưởng cho nàng trước khi nàng biết Môrit đã đi rồi. Ông sẽ chứng minh cho nàng thấy rằng Môrit không xứng đáng với nàng. Nàng sẽ khóc, nhưng khi nàng đã cạn hết nước mắt trên ngực ông thì ông sẽ làm cho nàng hiểu một cách rất dịu dàng và rất thân trọng tình cảm của ông đối với nàng; ông sẽ yêu nàng, ông sẽ thu phục được nàng...

Là độc giả say mê quyển *Lịch sử phổ thông* của Nôxen, ông bỗng nhớ đến một đoạn giống với điều ông tưởng tượng vừa

rồi. Buổi sáng hôm ấy, nàng Arian ngủ dưới hang đá ở Naxot; và thần Bắcquýt, trên vai vắt tấm da beo, nhìn theo những cánh buồm đen của Têđê chạy về phía chân trời. Bắcquýt đã đe dọa Têđê trong một giấc mộng nếu Têđê không lìa bỏ cô gái và Têđê đã kéo neo bỏ chạy nên không kịp đánh thức cô gái đang ngủ nữa. Thần Bắcquýt chí tôn sung sướng và kiêu hãnh. Thần sẽ biết cách khuyên giải được Arian. Nàng đang đến; nàng đi từ hang đá ra, hồng hào và rạng rỡ; mắt nàng tìm kiếm Têđê, nàng nhìn quanh nàng rồi nhìn ra xa hơn chỗ con thuyền của Têđê đậu, rồi nhìn xa hơn nữa, trên những ngọn sóng, nơi xa xa kia, nơi những cánh buồm đen đang đi khuất. Nàng kêu thét lên, rồi không chần chừ, lao thẳng xuống biển, lao vào cái chết và chốn lãng quên. Và thần Bắcquýt, kẻ an ủi tài ba ấy ở lại một mình. Chuyện đã xảy ra như vậy đấy.

Nôxen cũng nói rằng một số nhà thơ cổ, do lòng thương xót đã tưởng tượng thêm rằng Bắcquýt đã khuyên bảo được Arian. Nhưng những nhà thơ giàu lòng trắc ẩn này đã lầm. Bắcquýt đã không an ủi được nàng. Không ai an ủi được Arian cả...

Vậy thì nỗi đau đớn phải lìa bỏ vị hôn phu của nàng sẽ là phần thưởng cho những nụ cười duyên dáng mà nàng tặng ông, cho những cái vuốt ve của bàn tay thon thả mà nàng ngáy thơ đặt trong tay ông, cho thái độ vui vẻ của nàng khi nghe những lời ông bông đùa.

Vì tội gì mà nàng sẽ bị xử phạt như vậy? Vì đã làm cho ông phát hiện được trong bản thân mình một góc ngách của tâm hồn còn thanh khiết và còn bỏ trống và đang chờ đợi một con người giàu tình mẫu tử và dịu dàng – hay vì nàng đã chế ngự được ông đến nỗi ông không còn dám chửi thề trước mặt nàng nữa? Ông chủ Têđô phát điên lên vì số phận hẩm hiu của mình.

Cái cô bé An-Maria này, sao cô lại không phải là một người có vóc dáng lực lưỡng với đôi má hây hây mà mái tóc đen! Quả thật không dễ dàng gì khi phải xử trí với những con người mảnh mai, yếu ớt và trong suốt như những sợi lông tơ!

Và đúng lúc ấy, một sợi lông tơ rơi xuống và nói với ông: “Em sẽ ngày nào cũng ở bên anh. Anh sẽ nghe em nói thầm vào tai một lời nhắc nhở khi anh ngồi đánh bạc; em sẽ giữ bàn tay anh chờ luôn nâng cốc rượu tràn đầy. Và anh sẽ khổ vì em như vậy đấy”.

“ - Đúng, - ông thì thầm, - vì em, anh sẽ chịu đựng được nỗi khổ ấy...”

Một sợi tơ thứ hai rơi xuống và nói: “Em sẽ ngự trị trong ngôi nhà rộng lớn của anh và em sẽ làm cho đời sống tiện nghi, không khí ấm cúng trong nhà thêm thân thiết. Em sẽ đi theo anh trong cảnh cô đơn của tuổi già. Em sẽ nhen lửa trong lò sưởi của anh. Em sẽ là đôi mắt và chiếc gậy cho anh dùng. Anh không tin như vậy ư?”

“ - Có chứ, lông tơ bé nhỏ, anh tin như vậy - ông trả lời, - anh tin như vậy.

Và đây lại thêm một sợi tơ nữa nói: “Em đau khổ quá. Ngày mai vị hôn phu của em sẽ bỏ đi mà không nói với em một lời từ biệt. Ngày mai em sẽ khóc suốt cả ngày. Em sẽ khóc vì xấu hổ nghĩ rằng em không xứng đáng với Môrit. Và khi trở về nhà, em không biết làm sao có được can đảm bước qua ngưỡng cửa nhà bố em. Suốt dọc đường phố nhỏ người ta sẽ xì xào khi em đi qua; mọi người sẽ tự hỏi em đã làm gì để bị đối xử như vậy. Anh yêu em thì đó có phải là lỗi của em đâu?”

Và ông trả lời giọng đầy nước mắt:

“ - Em đừng nói như vậy”.

Ông tiếp tục bước trong vườn. Đến nửa đêm, trời hơi tối đi một chút; ông cảm thấy lòng thất lại vì lo âu; làn không khí nặng nề và ngọt ngào này như ngưng lại để chờ đón một việc không hay đang được sửa soạn và sẽ được thực hiện vào lúc rạng đông.

Ông những muốn làm cho thiên nhiên dịu lại và nói to lên: “ Ta sẽ không làm việc ấy”

Thế là xảy ra cái điều kỳ lạ nhất trên đời. Những làn gió run rẩy lo âu lướt qua đêm tối. Đó chẳng phải là những túm lông tơ nhỏ đang rơi xuống như mưa nữa. Ông nghe thấy xung quanh mình những tiếng sột soạt của những đôi cánh nhỏ và của những đôi cánh lớn. Một cái gì đang chạy trốn ấy lướt chạm vào mặt ông, quệt vào quần áo và bàn tay ông. Đó là những lá cây, những cánh bướm, những tiếng chim hót. Ông hiểu rằng khi mặt trời ló ra, cả khu vườn của ông sẽ tan hoang, im lìm và lạnh lẽo. Trời hửng sáng, ông hầu như ngạc nhiên thấy trong vườn vẫn còn những mảng lá cây đen sẫm. Vườn ông chẳng thiếu đi một ngọn cỏ nào. Chẳng phải là khu vườn đã trụi hết cây cối: mà

chính là ông; ông đi vào mùa đông, và ông đã mất hết lòng can đảm để sống.

“ Phì, - ông nói, - cái đó rồi sẽ qua đi như tất cả mọi cái đều qua đi. Thật rõ lắm chuyện vì một đứa con gái bé nhỏ này!...”

4

Buổi sáng nay, cái điều kỳ lạ mà nàng không muốn xác định ấy đã giày vò nàng. Trong hai ngày tiếp theo cuộc khiêu vũ, cái đó đúng là như một chất kích thích như một nguyên nhân làm cho người ta hăng hái, nhưng bây giờ đã đến lúc phải ra về, bây giờ đã chắc chắn là “*cái đó*” sẽ không có vai trò gì trong cuộc đời nàng thì “*cái đó*” đã chuyển thành một gánh nặng lạnh lẽo đến chết người. Nàng tưởng như trong khi đi xuống ăn sáng, nàng phải lê một tấm thân bại liệt. Bàn tay nàng đưa ra nặng trĩu và lạnh ngắt. Nàng nói, một cách khó khăn với cái lưỡi nặng như chì, và mỉm cười với đôi môi trơ như đá. Gương nói gương cười là cả một công việc vô cùng nặng nhọc. Và thật vui mừng thấy mọi việc đã được thu xếp ổn thỏa theo đúng danh dự cổ truyền và đúng lời cam kết.

Ông chủ Têôđô quay mặt về phía An-Maria và tuyên bố với một giọng nghiêm khắc lạ lùng, rằng ông đã quyết định cho Môrit giữ chân quản lý ở Lavahytham. “Nhưng vì chàng trai này, - ông nói tiếp, vừa cố lấy lại giọng nói bình thường, - vì chàng trai này không thành thạo lắm trong công việc thực tế, cho nên anh ta chỉ có thể giữ chức vụ này sau khi cưới vợ. Tiểu thư Long Tơ có chăm sóc cây đào kim nhưỡng ở cửa sổ nhà mình để có thể hái được một vòng hoa cho cô dâu vào tháng chín hay không?”

Nàng cảm thấy đôi mắt của ông chủ Têôđô dò xét nét mặt của nàng và đợi có được một cánh mắt cảm ơn; nhưng nàng lại cúi đầu xuống.

Còn Môrit, anh ta nhảy căng lên. Anh ta ôm hôn ông chú và làm ấm i một hồi.

- Kia, An-Maria, em không cảm ơn chú à? Em phải hôn chú đi. An-Maria! Lavahytham, đó là nơi tuyệt nhất trần đời đấy. Nào, An-Maria.

Nàng ngược mắt lên. Mắt nàng đắm lệ, và xuyên qua cái tấm màn trời này, cái nhìn của nàng rơi xuống Môrit chứa đầy vẻ bồn chồn và trách móc lặng lẽ. Rồi nàng quay sang ông chú Têôdo; nhưng không phải với dáng điệu rụt rè và trẻ con như trước nữa. Bây giờ, nàng có đôi chút cao thượng do đau khổ gây nên.

- Chú giúp đỡ chúng cháu quá nhiều, - nàng chỉ trả lời như vậy.

Mọi việc đều tốt đẹp. Ông chủ Têôdo đã không tước mất của nàng lòng tin vào con người nàng yêu dấu. An-Maria đã không tự phản bội mình. Nàng vẫn giữ được lòng trung thành với người đã chọn nàng làm vị hôn thê, mặc dù chỉ là cô gái nhỏ nghèo hèn của hiệu bánh mì trong một phố xép.

Chiếc xe đã có thể lên đường, mấy cái vali đã cài khóa; thức ăn đang được chất vào giỏ. Ông chủ Têôdo rời bàn ăn. Ông đến đứng trước khung cửa sổ. Từ lúc nàng ngược đôi mắt đắm lệ nhìn ông, ông không tự chủ được nữa. Tưởng như ông sẽ có thể chạy ủa lại nàng, giữ nàng trong cánh tay ông và thét lên với Môrit: “Đến đây mà giành lấy cô ấy đi!...”

Những cơn co giật thần kinh chạy khắp hai bàn tay nắm chặt của ông để trong túi quần mà ông cứ giữ mãi không chịu rút ra. Ông sẽ để cho nàng đội mũ vào chẳng?

Tại sao ông không bước lên và không nói với Môrit: “Nghe đây, ta là tình địch của người. Hãy để cho vị hôn thê của người lựa chọn một trong hai ta! Các người chưa cưới nhau kia mà... “Thử chinh phục nàng chẳng phải là một tội ác”. Ông nắm chặt bàn tay đến nổi khớp xương kêu răng rắc.

Chao, Môrit sẽ tha hồ cười khinh cái ông chú già nua si tình! Còn ông, thì ông sẽ thu được kết quả gì? Ông sẽ làm cho An-Maria sợ hãi và nàng sẽ không muốn nhận sự giúp đỡ của ông nữa khi nàng đã kết hôn.

Ông cứ đứng nguyên ở khung cửa sổ, không quay mặt lại. Sau lưng ông, họ sửa sang quần áo, họ làm nốt những việc chuẩn bị để lên đường. Họ sẽ không bao giờ đi nữa hay sao? Ông đã sống đến nghìn lần cái giây phút hệ trọng này. Ông đã bắt tay NÀNG. Có lẽ nàng đã đi được xa lắm rồi!... Ông cũng đã chúc nàng hạnh phúc, rất nhiều hạnh phúc. Nàng sẽ có tìm được hạnh phúc bên Môrit không? Sáng nay nàng có vẻ không vui. Nhưng không phải đâu! Lúc này nàng khóc, chắc là vì vui quá đấy...

Ông bỗng nghe Môrit nói với An-Maria:

- Đầu óc anh lú lấp thế này! Tí nữa thì anh quên không nói cho chú về những cổ phiếu của bố!

- Anh đừng nói chuyện ấy với chú thì hơn anh ạ - nàng trả lời. - Em thấy làm thế sẽ không hay đâu.

- Sao em ngốc thế, An-Maria! Hiện nay thì những cổ phiếu ấy chẳng có lời lãi gì, nhưng biết đâu? Có thể nó lại sẽ lên giá. Và lại, đối với chú thì đây chỉ là chuyện vặt có đáng kể gì.

Nàng ngắt lời anh ta một cách hăng hái khác thường, và gần như là với vẻ kinh hãi.

- Em van anh, Môrit, anh đừng làm thế! Anh hãy nghe lời em, một lần này thôi.

Anh ta nhìn nàng có vẻ hơi phật ý.

- Một lần này thôi!... Làm như anh là một bạo chúa ấy...Em đã nói một lời thừa: anh không thể nhượng bộ được...

- Anh đừng bắt bẻ lời nói, Môrit ạ. Đây là chuyện lớn hơn nhiều chứ không phải là chuyện lời lẽ hay là chuyện lịch sử. Em thấy trong chuyện này chú đối xử với chúng mình tốt như vậy mà lại muốn đánh lừa chú thì chẳng đẹp dễ gì.

- Này, im đi, An-Maria, em im đi! Em chẳng hiểu tí gì về chuyện làm ăn cả!

Anh ta vẫn bình tĩnh, bình tĩnh đến làm cho người ta tức lộn ruột, cứ thản nhiên như không. Anh ta coi nàng như một ông giáo đối với một anh học trò phạm lỗi ngay trong ngày sát hạch.

- Vậy ra anh không hiểu cái gì bị tổn thương cả, - nàng kêu lên, vừa hất tay như để đẩy lùi một cái gì.

- Anh phải nói chuyện với chú ngay, - Môrit nói – Ít nhất cũng để cho chú thấy rằng, không ai định đánh lừa chú bao giờ. Theo như em thì có lẽ bố anh và anh là những tên đều giả.

Anh ta tiến đến gần chú Têôđo và nói chuyện về những cổ phiếu mà bố anh định bán cho ông. Ông chủ Têôđo nghe anh nói câu được câu chẳng. Ông hiểu ngay rằng ông anh của ông, ông thị trưởng, đã bị một chuyện đầu cơ thất bát và đang tìm cách chống đỡ một vỏ thua thiệt không sao tránh được. Có nghĩa lý gì? Những việc như vậy ông vẫn thường giúp đỡ mọi người trong gia đình. Ông cũng chẳng nghĩ gì đến việc ấy nữa. Bây giờ tâm trí ông đang mải nghĩ về An-Maria.

Ông đã bắt gặp ánh mắt giận dữ của nàng nhìn Môrit – hẳn đó chẳng phải là một cái nhìn yêu thương! Giữa nỗi thất vọng của ông, một ánh sáng yếu ớt bắt đầu lóe lên. Ông giống như một người đang ở trong ngôi nhà có ma và thấy từ sàn nhà hiện lên một làn hơi màu sáng, làn hơi ấy tụ lại, to dần lên và trở thành một thực thể sờ thấy được.

- Hãy theo chú vào buồng giấy của chú, Môrit, - ông nói, - Chú sẽ đưa tiền cho cháu!

Vừa nói câu này, ông vừa đưa mắt nhìn Long Tơ. Cái bóng ma vừa hiện lên kia sẽ quyết định lên tiếng chẳng? Song, ông chỉ nhận thấy ở nàng một nỗi tuyệt vọng lạnh lẽ.

Nhưng ông vừa ngồi vào bàn giấy thì cửa mở, An-Maria bước vào.

- Chú Têôđo, - nàng nói một cách vững vàng và dứt khoát! - Chú đừng có mua những tờ giấy ấy!

Ôi, Long Tơ bé nhỏ, có ai ngờ em lại dũng cảm đến thế! Mới cách đây ba ngày, em còn ngồi trong chiếc xe bò bên cạnh Môrit, và cứ một câu anh ta nói thì em lại nép mình lại cho nhỏ thêm và muốn không ai nhìn thấy mình!

Môrit nổi cáu. Anh ta khễ rít lên với nàng “Im đi!” Và trong khi ông chủ Têôđo đang đếm giấy bạc, anh ta thét to:

- Em làm sao thế? Những cổ phiếu này hiện nay chưa lời lãi gì cả, anh đã nói với chú như vậy, nhưng chú cũng thừa biết như anh rằng một ngày nào đó nó sẽ sinh lời. Em tưởng rằng chú để cho người ta đánh lừa được sao? Chú hiểu những chuyện này hơn em rất nhiều. Anh có bao giờ có ý lừa chú rằng những cổ phiếu này là tốt đâu? Nhưng chúng có thể trở nên tốt đối với ai biết chờ đợi!

Ông chủ Têôdo chẳng nói gì cả, - ông chỉ trao cho Môrit một tập giấy bạc.

- Chú ơi, - con người đấu tranh không khoan nhượng cho chân lý tiếp tục nói (quả thật không ai buồn bực hơn những con người mảnh dẻ này, một khi họ đã bị kích động và dứt bỏ được tính nhút nhát), - chú ơi những cổ phiếu này không đáng giá một xu và sẽ không bao giờ có giá trị gì hết. Ở nhà chúng cháu đã biết rất rõ như vậy.

- An-Maria, cô muốn biến tôi thành một kẻ lừa đảo à!

Đôi mắt của cô gái giống như những lưỡi kéo; chúng cắt; và cứ từng miếng một, chúng cắt hết tất cả những gì cô đã khoác lên con người anh ta. Và cuối cùng khi cô thấy anh ta hiện nguyên hình với thói hợm hĩnh và ích kỷ của mình, thì cái lưỡi nhỏ bé ghê gớm của cô đọc lên lời phán quyết tối hậu:

- Anh không phải thế thì là gì?

- An-Maria!

- Phải, cả hai chúng ta là gì? - Cái lưỡi nhỏ không thương xót tiếp tục nói.

Lông Tơ đã hết cả tính nhút nhát; bây giờ nàng cảm thấy cần phải làm sáng tỏ những ý nghĩ mơ hồ đã giày vò lương tâm nàng, từ khi nàng ngờ ngợ rằng con người giàu có và thế lực này có thể có một trái tim, một trái tim, một trái tim đau khổ và dịu dàng.

- Phải, - Nàng nói tiếp. - Chúng ta là gì? Khi ngồi lên xe, chúng ta đã nghĩ gì? Trên đường đi, chúng ta đã nói chuyện gì? Anh đã nói với tôi rằng tôi phải khôn khéo và mưu mẹo. Chúng ta đã mong thu lợi được thật nhiều mà chẳng phải mất một tí gì. Chúng ta đã đến không phải để nói: chú hãy giúp chúng cháu, vì chúng cháu nghèo và chúng cháu yêu nhau. Không, chúng ta chỉ

có ý muốn nhìn nọt và vuốt ve để len lỏi vào cảm tình của chú Têôđo. Chúng ta đã không có ý định trả lại cho chú một tí gì, tình thương yêu cũng không, lòng quý mến cũng không, cả sự biết ơn cũng không nốt. Vậy tại sao anh lại không đi một mình? Tại sao tôi lại phải đi với anh? Anh muốn đưa tôi ra phố, anh muốn rằng tôi...

Ông chủ Têôđo nhòe dầy khi thấy Môrit giơ tay lên định đánh nàng. Ông đã theo dõi cảnh tượng, lòng tràn đầy hy vọng. Ông thấy như lòng mình mở rộng ra để đón lấy nàng, khi nàng thốt lên một tiếng kêu và bay thẳng vào cánh tay ông. Nàng bay vào không do dự, không suy nghĩ, như thể nàng chỉ còn một chỗ ẩn náu trên đời.

- Chú ơi, hân muốn đánh cháu!

Và nàng nép mình thật sát vào ông.

Nhưng Môrit đã lấy lại bình tĩnh.

- Tha lỗi cho sự hung bạo của anh, An-Maria, - anh ta nói. - Anh đã đau khổ khi nghe em nói như vậy trước mặt chú. Nhưng rất may là chú sẽ hiểu rằng em chỉ là một đứa trẻ. Tuy nhiên anh thú nhận rằng sự tức giận dù chính đáng bao nhiêu cũng không cho phép đánh một người phụ nữ. Bây giờ em hãy lại hôn anh đi. Em không cần phải tìm ai bảo vệ để chống lại anh cả.

Nàng không nhúc nhích, nàng không quay lại, nàng chỉ càng níu chặt hơn lấy ông chủ Têôđo.

- Lông Tơ, ta sẽ để cho em bị giành lại chăng? - Ông thì thầm.

Nàng chỉ trả lời bằng cái run rẩy làm cho ông run lên; nhưng ông cảm thấy mình chưa bao giờ mạnh mẽ, khỏe khoắn và can đảm như bây giờ; và ông chẳng sợ gì mà không đùa cợt.

- Môrit, cháu làm chú ngạc nhiên đấy; tình yêu làm cháu trở thành nhu nhược. Sao cô ấy dám gọi cháu là kẻ lừa dối mà cháu lại tha thứ à? Cháu hãy nghĩ đến danh dự của mình, và hãy lập tức cắt đứt sự cam kết với cô ấy. Này, hãy lên xe và ra đi một mình! Bị lăng nhục như thế thì xử sự như vậy là đúng rồi.

Ông đưa hai tay ôm lấy đầu An-Maria và nâng nàng lên để hôn vào trán.

- Hãy bỏ quách cô gái phạm tội này! – Ông nhắc lại.

Môrit bắt đầu hiểu. Anh ta nhìn thấy ánh mắt chế giễu và nụ cười trên môi ông.

- Lại đây với anh, An-Maria.

Nàng rùng mình. Anh ấy gọi nàng, và anh ấy là người mà nàng đã đính ước. Nàng phải phục tùng. Nàng đột ngột buông ông chủ Têôdo ra, nhưng nàng không thể đi được một bước, nàng khụy xuống một chiếc ghế dựa và nức nở khóc.

- Môrit, cháu hãy trở về một mình trên chiếc xe của cháu, ông chủ Têôdo nghiêm khắc nói. Cô gái này đang ở trong nhà chú, và chú muốn bảo vệ cô ấy khỏi sự hung hãn của cháu.

- A! Chàng trai kêu lên! - Đây là một âm mưu. Tôi bị phản bội. Người ta cướp vị hôn thê của tôi và người ta nhạo báng tôi... Cô vớ bở đấy, An-Maria và tôi xin chúc mừng cô.

Anh ta vừa đâm bổ ra ngoài vừa nói thêm với nàng.

- Đồ hám của!

Ông chủ Têôdo định chạy theo anh ta, nhưng Lông Tơ giữ ông lại.

- Không, không. Để cho anh ấy đi. Để cho lẽ phải về phần anh ấy! Môrit bao giờ cũng có lý. Em chỉ là một kẻ hám hạnh phúc!

Ôi! Lông Tơ, cánh hoa mướt mà! Em không chỉ là kẻ hám hạnh phúc, em còn là người ban hạnh phúc. Người ta cảm thấy điều đó, giờ đây khi đi lại trong ngôi nhà mà em đã ở. Mảnh sân vẫn luôn rập bóng dưới những cây thích to và những thân cây phong vẫn vươn lên một màu trắng tinh, không một vết gợn, suốt từ gốc lên đến ngọn. Hôm nay, nằm yên sưởi nắng trên bức tường dài và trong cái ao giữa vườn vẫn có những con cá chép già, già đến nỗi không ai nở thả cần câu. Và khi tôi đến đây, tôi luôn được hít thở không khí ngày lễ và ngày chủ nhật; và ta tưởng như chim và hoa đang cất tiếng hát dịu dàng để tưởng nhớ em.

NGỌC THỌ dịch

MỎ BẠC

Vua Guixtavo Đệ Tam đang ngự giá tuần du trong vùng Đalêcarli. Bị thời gian thúc bách, nhà vua muốn lúc nào cũng đi thật mau. Xe nhà vua phóng nhanh đến mức mấy con ngựa trông như những cái dải căng dài trên đường và khi đến những chỗ rẽ chiếc xe chỉ còn lặn trên hai bánh. Tuy vậy nhà vua vẫn thò đầu ra ngoài cửa và thét bảo người đánh xe:

- Tại sao nhà ngươi bắt ta đi chậm thế? Người tưởng xe của người chở trứng đấy à?

Cứ đi mãi trên những con đường xấu với tốc độ khủng khiếp như thế, thật là kỳ diệu nếu cái xe và bộ cương thắng không việc gì. Nhưng làm sao mà giữ mãi được như vậy; đến chân một cái dốc ngược, càng xe bị gãy, thế là nhà vua phải dừng lại trên đường. Các quan hộ giá vội vàng nhảy xuống đất, thét mắng anh đánh xe; tuy nhiên xe hỏng vẫn hoàn hỏng. Xe chưa chữa được thì chẳng có cách nào tiếp tục đi cả.

Các thị thần đưa mắt nhìn quanh xem có gì để nhà vua tiêu khiển trong lúc chờ đợi không thì thấy ở cách đó xa một chút, trên đường đi, một cái tháp chuông nhô lên khỏi lùm cây. Họ bèn tâu với nhà vua tạm ngồi lên một chiếc xe nhỏ của đoàn hộ giá để đi đến nhà thờ. Hôm ấy là chủ nhật và nhà vua có thể xem lễ *misa* để giết thời giờ cho đến khi chiếc xe hỏng được chữa xong.

Nhà vua bằng lòng và lên xe đi về phía nhà thờ. Cho đến lúc này, nhà vua đã đi trên đường suốt một thời gian dài và ở đâu đâu nhà vua cũng chỉ thấy những khu rừng tốt bát ngát, nhưng ở nơi đây phong cảnh vui mắt hơn; bên những cánh đồng khá rộng và những làng mạc, con sông Đalep chảy giữa vô vàn cây trăn, nước trong veo và rục rờ.

Nhưng nhà vua thật không may, đúng lúc xuống xe ở quảng trường trước nhà thờ, nhà vua nghe tiếng người hát lễ ngân nga bài thánh thi bế mạc và thấy công chúng đang bắt đầu ra về. Thấy họ đi ngang qua, nhà vua dừng lại, một chân còn ở trong xe, chân kia đặt trên bậc lên xuống và cứ đứng im như thế mãi mê nhìn cảnh tượng trước mắt. Chưa bao giờ nhà vua thấy những người chững chạc như vậy. Đàn ông thì cao hơn tầm trung bình, vẻ mặt nghiêm trang, thông minh, còn đàn bà thì có dáng đi đường hoàng uy nghi, dường như cảnh thanh bình của ngày chủ nhật phản ánh vào mọi cử chỉ của họ.

Suốt ngày hôm nay, nhà vua đã than thở về cảnh hiu quạnh của vùng mà ngài đi qua và đã nói đi nói lại với đoàn hộ giá:

- Có lẽ trăm đang đi qua vùng nghèo khổ nhất của vương quốc?

Nhưng bây giờ khi thấy dân chúng mặc y phục dân tộc rất đẹp, nhà vua hoàn toàn không nghĩ tới tình trạng nghèo khổ của họ nữa. Trái lại, nhà vua thấy trong lòng ấm hẳn lên và tự nhủ: "Tình thế của vua Thụy Điển chưa đến nỗi quá xấu như kẻ thù tưởng đâu. Chừng nào thần dân của ta trông còn được như thế kia thì ta vẫn hoàn toàn có thể bảo vệ ngai vàng và đất nước của ta."

Theo lệnh nhà vua, các thị thần loan báo cho những người qua đường rằng người lạ mặt vừa mới tới chính là Đức vua của họ và bảo họ tập hợp để ngài truyền phán.

Và nhà vua hiểu dụ dân chúng. Ngài đứng nói ở trên đầu cầu thang dẫn vào kho đồ thánh, và cái bậc thang nhà vua đứng đến nay vẫn còn.

Nhà vua bắt đầu trình bày tình hình nước nhà đang hết sức xấu. Ngài nói rằng Thụy Điển đang bị cả quân Nga lẫn quân Đan Mạch tấn công. Giá vào lúc khác thì không có gì nguy hiểm lắm, nhưng hiện nay trong quân đội Thụy Điển có nhiều kẻ phản trắc đến nỗi ngài không dám tin vào đội quân ấy nữa. Chính vì thế mà ngài không còn cách nào khác là thân hành đi tuần du khắp

nước để hỏi thần dân muốn đi theo bọn phản bội hay là vẫn muốn trung thành với vua và cung cấp cho nhà vua nhân tài vật lực để cứu nước.

Những người nông dân im lặng nghe nhà vua nói và ngay cả khi ngài thuyết dụ xong, họ cũng chẳng tỏ dấu hiệu tán thành hay không tán thành.

Thế mà nhà vua đã thấy mình hôm nay rất hùng hồn. Trong lúc hiểu dụ, ngài rung rung nước mắt đến mấy lần. Nhưng vì nông dân vẫn giữ thái độ do dự lúng túng, không quyết định trả lời ngài, nên ngài cau mày có vẻ không bằng lòng.

Nông dân biết rằng nhà vua bắt đầu thấy mình phải chờ đợi quá lâu nên cuối cùng một người trong bọn họ tách khỏi đám đông, tiến lên nói:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ thấu cho rằng chúng thần không ngờ bệ hạ đến đây hôm nay, vì thế chúng thần chưa chuẩn bị trả lời bệ hạ ngay. Thế nhưng thần xin bệ hạ vào trong kho đồ thánh tế để nói chuyện với ông mục sư của chúng thần trong lúc chúng thần bàn với nhau về việc bệ hạ vừa hiểu dụ.

Nhà vua hiểu rằng lúc này ngài chẳng có cách nào hơn vì thế đành nghe theo lời khuyên của người nông dân.

Vào đến trong kho đồ thánh, nhà vua không thấy ai ngoài một người có vẻ là một lão nông. Người ấy cao lớn, hai bàn tay to tướng hằn dấu vết lao động. Người ấy không có cổ áo, không mặc áo dài mà mặc một chiếc quần cụt bằng da và một cái áo khoác dài bằng vải thô trắng như mọi người dân khác ở vùng này. Người ấy đứng dậy khi thấy nhà vua bước vào.

- Ta cứ tưởng sẽ gặp ông mục sư ở đây, - nhà vua nói.

Ông lão đỏ mặt. Thấy nhà vua tưởng mình là một nông dân, ông ta nghĩ không nên nói cho nhà vua biết chính mình là mục sư của xã này.

- Tâu bệ hạ đúng thế, thường thường ông mục sư ở đây vào giờ này, - ông đáp.

Nhà vua ngồi vào một chiếc ghế bành lớn có lưng tựa cao bày trong kho đồ thánh lúc bấy giờ, và ngày nay vẫn còn ở đấy, hoàn

toàn như xưa chỉ có khác là sau này xã đã tô điểm vào lưng ghế một vương miện mạ vàng.

- Ông mục sư của các người có tốt không? - Nhà vua hỏi để tỏ ra quan tâm đến tình hình địa phương.

Nghe nhà vua hỏi, ông mục sư càng thấy mình không thể để lộ ra mình là ai. "Thà vẫn để ngài tưởng mình chỉ là nông dân". - Ông nghĩ thầm rồi đáp rằng ông mục sư ở đây không đến nỗi quá tồi. Ông giảng đạo cũng rõ ràng, trong sáng và ăn ở theo lời dạy của Chúa.

Nhà vua cho đấy là một lời ca tụng nhiệt liệt, nhưng tai ngài rất thính nên thấy hình như giọng ông cụ hơi ngập ngừng.

- Nhưng hình như dân chúng không bằng lòng hoàn toàn ông mục sư của mình, - nhà vua nói.

- Vâng, ông ta hơi độc đoán, - ông đáp.

Ông nghĩ rằng rồi đây nếu nhà vua biết ông là ai thì ít nhất ông cũng nên tránh để nhà vua cho rằng ông chỉ biết tự khen. Vì thế ông thấy cần tự chê bai đôi lời:

- Có nhiều người cho rằng ông mục sư chỉ muốn quyết định một mình mọi công việc trong xã.

- Nếu thế chắc ông ta đã quyết định và thu xếp mọi việc một cách tốt nhất, - nhà vua nói. -Vì ngài không thích người nông dân phàn nàn về thượng cấp của họ. Hình như vùng này có nhiều thuần phong mỹ tục và vẫn sống giản đơn như trong thời cổ.

- Vâng, dân ở đây khá lương thiện, - ông mục sư đáp, - nhưng họ sống xa mọi thứ, trong cảnh cô quạnh và nghèo nàn. Chắc họ sẽ không tốt hơn dân các nơi khác đâu, nếu những sự căm dỗ của thế gian này ở gần họ hơn.

- May mà chúng ta không phải sợ xảy ra tình hình đó, nhà vua vừa nói vừa nhún vai.

Ngài không nói gì nữa và bắt đầu lấy ngón tay gõ xuống mặt bàn. Ngài cho rằng nói chuyện một cách thân mật với ông lão thô lỗ này như thế là đủ rồi và sốt ruột không biết đến bao giờ thì đám nông dân ở ngoài kia mới chuẩn bị xong để trả lời ngài.

- Nông dân ở đây có vẻ không sốt sắng cứu giúp nhà vua của mình, - ngài lẩm bẩm. - Nếu chiếc xe chữa xong ta sẽ đi ngay mặc kệ họ với những cuộc bàn luận của họ.

Còn ông mục sư thì vẫn đang tranh đấu bản thân về một vấn đề quan trọng cần quyết định. Ông mừng thầm thấy mình không tiết lộ cho nhà vua biết mình là ai. Có thể ông mới dám trình bày với nhà vua một chuyện mà ông sẽ không dám dả động đến một cách khác.

Im lặng một lát, ông mục sư cất tiếng hỏi nhà vua rằng có đúng là quân thù sắp xông vào và đất nước đang lâm nguy không.

Nhà vua thấy ông lão thô kệch này lẽ ra nên nhã nhặn không quấy rầy ngài nữa. Ngài bèn giương mắt nhìn ông ta và không trả lời.

- Thần mạo muội xin hỏi bệ hạ như vậy, vì lúc ấy thần ở trong nhà nên không nghe rõ bệ hạ nói gì - ông mục sư giải thích. - Nhưng nếu quả đúng như vậy thì thần xin tâu để bệ hạ biết rằng ông mục sư xã này có lẽ có khả năng hiến bệ hạ bao nhiêu tiền của cũng được.

- Hình như lúc này trăm có nghe người nói rằng ở vùng này ai nấy đều nghèo túng, - nhà vua vừa đáp vừa nghĩ chắc ông lão này không hiểu rõ mình nói gì.

- Tâu bệ hạ, đúng thế và ông mục sư xã này còn nghèo hơn tất cả mọi người khác, - ông đáp. - Nhưng nếu bệ hạ vui lòng nghe thần nói một lát, thần sẽ kể để bệ hạ rõ vì sao ông mục sư có thể giúp bệ hạ.

- Người cứ nói, - nhà vua đáp. - Người có vẻ nhiều mồm miệng hơn bạn bè và hàng xóm của người ở ngoài kia, họ không thể phát biểu nổi một câu trả lời.

- Trả lời bệ hạ đâu có phải chuyện dễ dàng. Thần e rằng chỉ có ông mục sư mới có thể thay mặt mọi người để trả lời bệ hạ.

Nhà vua bèn bắt chân chữ ngũ ngồi lọt vào trong chiếc ghế bành, khoan tay lại và gục đầu xuống ngực.

- Thôi bây giờ người bắt đầu đi, - nhà vua nói, giọng ngái ngủ.

- Tàu bệ hạ, hồi xưa xã này có năm người rủ nhau đi săn nai ở trong rừng, - ông mục sư bắt đầu kể. - Một người trong bọn họ là ông mục sư mà chúng ta đang nói đến. Hai người khác là lính tên là Ôlôp và Errich Xvac, người thứ tư – chủ quán trong làng và người thứ năm – một nông dân tên gọi Ixraen Pe Pecxon.

- Cần gì phải nêu nhiều tên đến thế, - nhà vua vừa lẩm bẩm vừa ngả đầu sang một bên.

- Mấy người ấy đều là thiện xạ, luôn luôn gặp may. Nhưng hôm đó họ đi mãi mà chẳng săn được gì. Cuối cùng họ đành chịu và ngồi xuống đất để nói chuyện. Họ bảo nhau rằng trong khắp rừng này không nơi nào có thể trông trọt được, đâu đâu cũng chỉ toàn đá và đầm lầy.

- Chúa bất công với chúng ta nên mới phân cho chúng ta một vùng nghèo nàn như thế này, - một người trong bọn nói. - Ở nhiều vùng khác nhau dân có thể kiếm đủ ăn, đủ tiêu, lại còn thừa thãi là khác, chứ như ở đây thì dù chúng ta cố gắng đến mấy vẫn khó lòng kiếm nổi miếng bánh ăn hàng ngày.

Ông mục sư ngừng lại một lát, vì ông không rõ nhà vua có nghe không. Vua liền ngó ngoáy ngón tay út để tỏ ra rằng mình vẫn còn thức.

Đang lúc mấy người đi săn nói chuyện với nhau như vậy, ông mục sư trông thấy cái gì lóng lánh trong tảng đá ở nơi ông đã vô tình lấy chân di sạch rêu.

- Tảng đá này mới lạ chứ, - ông nghĩ rồi lấy chân đá vào đám rêu khác. Ông cúi nhặt một mảnh đá bám vào đám rêu và thấy nó cũng lóng lánh như thế.

- Lạy Chúa, cái này có phải là chì không nhỉ? – Ông nói.

Nghe thấy thế mấy người kia vội vàng đứng dậy và dùng báng súng đập sạch rêu trên tảng đá. Làm xong cả mấy người đều nhìn thấy rõ ràng một mạch quặng xuyên qua tảng đá.

- Ít nhất phải là chì hoặc kẽm, - họ bàn với nhau.

- Và khắp cả hòn núi này đều có, - ông chủ quán nói thêm.

Khi ông mục sư kể chuyện đến đây, ông thấy nhà vua hơi ngẩng đầu lên và hé mở một mắt.

- Thế trong bọn ấy có ai thạo về đá, về quặng không?

- Tàu bệ hạ, chẳng có ai thạo, - ông mục sư đáp. - Thế là nhà vua gục đầu xuống và nhắm cả hai mắt lại.

Ông mục sư và mấy người bạn tìm được cái đó rất lấy làm thích, - người kể chuyện nói tiếp, không để ý đến vẻ lạnh lùng của nhà vua. - Họ cho rằng họ vừa mới thu được một vật sẽ làm giàu cho họ và con cháu họ.

- Tôi sẽ không bao giờ phải làm lụng nữa, - một người trong bọn nói.

- Còn tôi suốt tuần lễ chẳng cần làm gì cả và đến chủ nhật sẽ đi nhà thờ bằng xe ngựa mạ vàng.

Ngày thường họ là những người rất tốt, nhưng sự phát hiện quan trọng kia đã làm cho họ mất trí đến nỗi nói năng như trẻ con. Tuy vậy, họ vẫn còn đủ lý trí để thu dọn gọn ghẽ bằng cách để những mảnh rêu phủ lên trên mạch quặng. Sau đó họ đánh dấu địa điểm rồi ra về.

Trước khi từ biệt nhau, họ nhất trí quyết định rằng ông mục sư sẽ đi Falun để hỏi ông thanh tra ngành mỏ xem thứ quặng của họ vừa tìm ra là quặng gì. Ông phải về càng sớm càng hay và họ long trọng thề với nhau rằng trong lúc chờ đợi, không ai được tiết lộ địa điểm tìm thấy quặng.

Một lần nữa nhà vua lại hơi ngẩng đầu lên, nhưng không hề ngắt lời người kể chuyện. Cuối cùng, hình như nhà vua bắt đầu tin rằng ông lão này chắc có điều gì thực sự quan trọng muốn nói cho mình, nên ông ta mới không quan tâm đến thái độ thờ ơ của ngài.

- Thế là ông mục sư lên đường, mang theo vài mảnh quặng. Ông cũng vui thích như mấy người kia, khi nghĩ rằng mình sẽ giàu có. Ông tự nhủ rằng chẳng bao lâu ông sẽ có khả năng xây dựng lại nhà xứ của mình mà hiện nay trông như một túp lều. Rồi ông sẽ cưới cô con gái của cha bề trên mà ông rất yêu! Thế mà ông cứ tưởng phải chờ nhiều năm nữa ông mới có thể cưới cô! Nghèo nàn, ở một địa vị kém cỏi như ông, ông cứ tưởng rằng phải một thời gian dài nữa ông mới lĩnh được một chức vụ có đủ bổng lộc để lấy vợ.

Ông mục sư đi hai ngày thì đến Falun và suốt ngày thứ ba ông phải nằm chờ vì ông thanh tra đi vắng. Cuối cùng, ông được gặp ông ta và đưa cho xem những mảnh quặng. Ông thanh tra cầm lấy chúng. Ông ta nhìn chúng rồi nhìn ông mục sư.

Ông mục sư kể cho ông thanh tra nghe chuyện tìm thấy những mảnh quặng ấy trong một quả núi ở xã ông và ông không rõ nó có phải là chì không.

- Không, nó không phải là chì, - ông thanh tra nói.

- Hay nó là kẽm? - Ông mục sư hỏi.

- Nó cũng không phải là kẽm, - ông thanh tra lại nói.

Ông mục sư thấy mọi hi vọng của mình có vẻ đang tiêu tan. Đã từ lâu, ông chưa bao giờ ủ rũ như lúc này.

- Trong xã của cha có nhiều tảng đá như thế này không?

- Có cả một quả núi như vậy, - ông mục sư đáp.

Ông thanh tra liền tiến lại gần, vỗ vai ông và nói:

- Con mong rằng cha sẽ biết cách dùng nó để có ích lợi cho cả cha lẫn tổ quốc, vì nó là bạc đấy.

- Là bạc? - Ông mục sư nhắc lại, lặng người. - Nó là bạc!

Ông thanh tra bèn giải thích cho ông mục sư nghe làm thế nào để được chính thức công nhận quyền sở hữu cái mỏ và khuyên ông rất nhiều điều, nhưng ông mục sư vẫn còn ngờ ngẩn không nghe rõ gì cả. Trong đầu óc ông cứ quay cuồng ý nghĩ kỳ diệu này: thế ra trong cái xã nghèo nàn của ông có cả một núi bạc đang chờ đón ông.

Nhà vua vội vã ngẩng đầu lên làm cho ông mục sư im bật.

- Ta đoán rằng khi ông mục sư về đến nhà và bắt tay làm mỏ, ông ta sẽ thấy rằng ông thanh tra kia chỉ định lừa ông mà thôi, - nhà vua nói.

- Tàu bệ hạ không ạ, ông thanh tra không đánh lừa ông ta, - ông mục sư nói.

- Thôi người kể tiếp đi, - nhà vua vừa nói vừa ngồi xuống nghe.

- Khi ông mục sư về đến xã mình, - người kể tiếp, - ông ta cho rằng bốn phần đầu tiên của mình là phải thông báo ngay cho các bạn ăn của mình biết giá trị của vật tìm được hôm trước. Ông đi ngang qua quán của Xten Xlenxon nên ông định vào báo cho ông này biết rằng quặng tìm thấy là quặng bạc. Nhưng khi tới trước cửa, ông thấy có nhiều tấm da treo ở các cửa sổ và một mớ cành thông bầm vụn trải dài cho đến tận chân cầu thang.

- Ai chết ở đây thế? - Ông hỏi một em bé đang chơi nghịch gần hàng rào.

- Ông chủ quán chết đấy ạ, - em bé đáp. Rồi em kể cho ông mục sư biết rằng suốt cả tuần trước ngày nào ông chủ quán cũng uống rượu say.

- Trời ơi! Ông ấy uống không biết bao nhiêu là rượu mạnh, - em bé kêu lên.

- Tại sao thế nhỉ! - Ông mục sư hỏi. - Trước khi ông ấy có say rượu bao giờ đâu.

- Ông ấy uống, - em bé đáp, - vì ông ấy bảo ông ấy đã tìm được một cái mỏ. Ông ấy nói rằng ông ấy rất giàu, không cần làm gì nữa, chỉ việc uống rượu thôi. Thế rồi chiều hôm qua, ông ấy đánh xe đi lúc đang say; chiếc xe đổ, ông ấy chết thẳng.

Khi ông mục sư nghe xong, ông lại đi tiếp. Chuyện ông chủ quán làm ông buồn lắm, vì lúc ở tỉnh về ông rất vui cứ tưởng mình được báo một tin quan trọng cho mấy người bạn sẵn.

Mới đi được vài bước, ông trông thấy Pe Pecxon đang tiến về phía ông. Ông ta trông vẫn như ngày thường, nên ông mục sư nghĩ thầm rằng may mà của cải chưa làm điều tàn ông. Phải báo ngay cho ông biết rằng từ nay ông giàu có để ông thích.

- Lay cha, - Pe Pecxon nói. - Cha vừa mới ở Falum về đấy à?

- Phải, - ông mục sư đáp. - Cha báo tin cho con biết rằng tình hình còn tốt đẹp hơn chúng ta tưởng. Ông thanh tra ngành mỏ cho cha biết thử quặng mà chúng ta tìm thấy là quặng bạc.

Lập tức, Pe Pecxon biến sắc như một người thấy trời sập.

- Cha nói gì thế? Cha nói gì thế? Bạc à? - Pe Pecxơn kêu lên.

- Phải, - ông mục sư đáp, - bọn ta bây giờ giàu rồi. Chúng ta có thể sống ung dung rồi. - Phải rồi, đó là bạc, - ông mục sư khẳng định. - Con tưởng ta nói dối con hay sao? Con cứ việc vui đi, đừng sợ.

- Vui à? - Pe Pecxơn nói. - Con mà vui được à? Con lại tưởng thứ quặng mà chúng ta tìm thấy chỉ là mica, và vì con muốn ăn chắc cho nên đã bán phần mỏ của con cho Ôlôp Xvac lấy một trăm êquy rồi.

Ông ta tuyệt vọng và khi ông mục sư đi khỏi, ông ta vẫn còn đứng khóc trên đường cái.

Về đến nhà, ông mục sư sai đầy tớ đi báo cho Ôlôp Xvac và người em ông ta biết rằng quặng tìm được là bạc. Vì ông đã chán việc đích thân đi báo tin mừng rồi.

Nhưng đến tối, khi ngồi nhà một mình, ông lại thấy trong lòng vui sướng, ông ra khỏi nhà, bước vào chỗ tối tăm rồi trèo lên quả đồi là nơi ông định xây nhà xứ mới. Dĩ nhiên ngôi nhà này phải thật lộng lẫy, không thua bất kỳ tòa giám mục nào. Đêm đó ông đứng lâu ngoài trời không phải chỉ muốn xây lại nhà. Ông chợt nghĩ rằng một khi xã ông giàu có như vậy, nhiều người sẽ từ các nơi kéo đến và cuối cùng có lẽ người ta phải dựng cả một thành phố mới quanh cái mỏ. Và khi đó, ông sẽ phải xây một ngôi nhà thờ mới thay cho ngôi cũ. Chắc một phần tài sản của ông sẽ phải chi vào việc đó. Nhưng tâm trí ông không dừng lại ở đây, ông nghĩ rằng khi nào ngôi nhà của ông được xây xong, ắt nhà vua và nhiều vị giám mục sẽ tới làm lễ dâng nó lên Chúa. Nhà vua sẽ phán rằng ở đây không có chỗ nào xứng đáng để nhà vua nghỉ. Và thế là ông lại phải xây một hoàng cung trong cái thành phố mới này.

Lúc đó, một ông quan hộ giá mở cửa bước vào tâu với nhà vua rằng xe rồng đã sửa xong.

Thoạt tiên nhà vua định đi ngay nhưng rồi đổi ý.

- Ta cho phép người kể nốt câu chuyện, - nhà vua bảo ông mục sư. - Nhưng phải kể mau mau lên. Ta đã biết ông mục sư nghĩ gì và ước gì rồi, bây giờ ta muốn biết ông ấy làm gì.

- Nhưng đang lúc ông mục sư mơ ước như thế, - ông mục sư kể tiếp, - thì có người đến báo tin rằng Pe Pecxơn đã tự tử. Ông ta chịu không nổi, khi nhớ lại rằng mình không thể ngày ngày đứng trông kẻ khác hưởng những của cải đáng lẽ thuộc về mình.

Nhà vua đổi tư thế ngồi trong ghế bành, mắt mở to.

- Quả thật, nếu ta là ông mục sư đó, ta cũng đến chán cái mỏ ấy!

- Đức vua là một người giàu có, - ông mục sư nói. - Ngài muốn gì được nấy chứ đâu như một ông mục sư nghèo khổ chẳng có gì cả.

Khi ông thấy Chúa không ban phúc lành cho việc làm của ông, ông nghĩ: Thôi từ nay, mình chẳng mơ ước được giàu có và được trong vọng nhờ có kho của cải này nữa, nhưng mình không thể để nó thành vô dụng trong lòng đất. Mình phải lấy nó lên và đem cho kẻ khó. Mình phải khai thác cái mỏ này để làm cho toàn xã được sung túc.

Thế là một hôm ông mục sư đi đến nhà Ôlôp Xvac để bàn với anh em ông này về cách sử dụng núi bạc kia.

Khi ông đến nhà Ôlôp, ông gặp một chiếc ô tô có nhiều nông dân đi xung quanh và trong xe có một người ngồi, tay bị trói quặt ra sau lưng, cổ chân cũng bị trói bằng dây thừng.

Khi ông mục sư đi ngang qua, chiếc xe dừng lại, nên ông có thể nhìn người bị bắt. Đầu người này quấn đầy băng nên ông khó nhận ra đích xác là ai, nhưng hình như đó là Ôlôp Xvac.

Ông nghe thấy người tù xin những người đi canh cho phép mình nói vài lời với ông mục sư.

Ông mục sư bèn bước lại gần, người tù quay lại và nói:

- Bây giờ thì cha sắp thành người duy nhất biết cái mỏ ấy ở đâu.

- Ôlôp, con nói gì thế? - Ông mục sư hỏi.

- Thừa cha, nghĩa là con xin nói cho cha rõ rằng từ khi chúng ta tìm ra núi bạc, anh em con không thể sống hòa thuận với nhau như trước nữa. Chúng con luôn luôn cãi nhau. Chiều qua chúng

con lại cãi nhau về vấn đề ai là người đầu tiên trong số năm người chúng ta tìm ra cái mỏ, thế rồi anh em con đánh nhau. Con giết chết em con, còn hấn thì làm cho con bị thương ở trán. Con sẽ bị treo cổ và sau đó chỉ còn một mình cha biết cái mỏ ấy ở đâu. Chính vì thế mà con muốn nhờ cha việc này.

- Con có điều gì nghĩ ngợi con cứ nói – Ông mục sư đáp, - Cha sẽ cố sức giúp con.

- Cha cũng biết rằng con đông cháu, - người tù nói.

Ông mục sư ngắt ngay lời Ôlôp:

- Về chuyện đó, con cứ yên tâm. Phần mỏ của con sẽ thuộc về các cháu, y như con còn sống vậy.

- Không, con có muốn nhờ cha như thế đâu. Con xin cha không cho chúng bất cứ tí gì về cái mỏ đó cả.

Ông mục sư lùi lại một bước rồi đứng sững.

- Nếu cha không hứa với con như vậy, con sẽ không yên tâm mà chết, - người tù nói.

- Được, - ông mục sư phải cố gắng lắm mới đáp thành tiếng và ông nói rất chậm. – Cha hứa làm theo lời con dặn.

Rồi người tù bị giải đi, còn có một mình ông mục sư đứng trên đường, suy nghĩ miên man không biết giữ lời hứa với người tù như thế nào. Trên đường về, ông chỉ nghĩ đến đồng của kếp sù đã có lúc làm ông rất vui thích, nhưng nếu bây giờ nhân dân xã ông không kham nổi sự giàu có thì sao? Mắt ông đã trông thấy bốn người chết, mà trước kia tất cả bốn đều là những người trung hậu, dũng cảm. Trước mắt ông dường như hiện ra tất cả mọi người dân trong giáo xứ và ông có cảm tưởng rằng cái mỏ bạc sắp làm cho họ lần lượt gặp tai họa. Ông là người có nhiệm vụ chăm sóc phần hồn của những con người tội nghiệp ấy, vậy ông có thể làm ngược lại trách nhiệm của mình không và đẩy họ đến chỗ sa đọa hay không?

Nhà vua đang ngồi trong chiếc ghế bành bồng đứng phắt dậy và nhìn chăm chú người đang nói chuyện với ngài.

- Quả thật, - ngài nói, - quả thật người làm cho ta hiểu rằng ông mục sư ở một nơi hẻo lánh như xứ này nhất định phải là một kẻ

khác người.

- Nhưng như thế chưa hết đâu ạ, - ông mục sư nói tiếp. - Cái tin tìm ra mỏ bạc càng lan rộng bao nhiêu thì nhân dân trong xã càng lười nhác bấy nhiêu. Họ không chịu làm việc nữa, cứ đi rong chơi chờ cái ngày của cải tuồn vào nhà họ. Tất cả những tên lưu manh ở quanh vùng đều kéo đến và chẳng bao lâu ông mục sư chỉ nghe nói toàn những chuyện say rượu và đổ máu.

Có rất nhiều người chẳng làm ăn gì cả ngoài việc luôn luôn sục sạo khắp rừng để tìm mỏ, và ông mục sư để ý thấy hễ ông ra khỏi nhà là có kẻ rình mò theo gót xem ông có lên mỏ không để ăn cắp bí mật của ông.

Thấy tình hình như vậy, ông mục sư bèn triệu tập giáo dân trong xứ lại.

Thoạt tiên, ông kể lại với họ những tai họa mà việc tìm ra cái mỏ gây ra, rồi ông hỏi rằng họ muốn xuống hỏa ngục hay là muốn cứu rỗi mình. Rồi ông bảo họ đừng có trông mong ông mục sư của họ lại góp phần làm hại họ. Ông quyết định không nói cho ai biết cái mỏ ấy ở đâu và ông cũng không muốn kiếm lợi cho bản thân ông. Cuối cùng, ông hỏi các nông dân rằng họ muốn tương lai của họ như thế nào. Nếu họ cứ mất công tiếp tục tìm cái mỏ để làm giàu thì ông sẽ ra đi để khỏi phải nghe nói về chuyện đó nữa. Nhưng nếu họ định thôi không nghĩ đến cái mỏ và lại sống như trước thì ông sẽ ở lại với họ.

- Nhưng dù các con định thế nào đi nữa, các con hãy nhớ rằng cha sẽ không bao giờ hở cho ai biết tí gì về núi bạc kia cả.

- Thế các nông dân định thế nào? - Nhà vua hỏi.

- Họ làm theo ý muốn của ông mục sư. Họ hiểu rằng ông mong điều tốt lành cho họ, ông đành chịu nghèo túng vì họ. Họ mới nói ông lên rừng lấy đá và cành cây lấp kín cái mạch quặng để không ai có thể tìm ra nữa, kể cả họ lẫn con cháu của họ.

- Thế sau đó ông mục sư vẫn sống nghèo như các người khác à?

- Tàu bệ hạ vâng, ông ta vẫn nghèo túng như các người khác.

- Nhưng ông ta cần lấy vợ và xây nhà xứ mới kia mà, - nhà vua hỏi.

- Không, ông không có điều kiện để lấy vợ và ông vẫn ở trong túp lều cũ.

- Câu chuyện người vừa kể rất hay, - nhà vua gật đầu nói.

Ông mục sư đứng im lặng trước mặt nhà vua. Một lúc sau, nhà vua nói:

- Có phải lúc này người định ám chỉ cái mỏ khi người nói ông mục sư ở xứ này có thể cung cấp cho ta bao nhiêu tiền bạc cũng được?

- Tâu bệ hạ, vâng. - Ông mục sư đáp.

- Nhưng ta không thể sai xích tay ông ta, - nhà vua nói. - Mà nếu không làm thế thì làm cách nào ép một người như ông ta chỉ đường vào mỏ được? Ép sao nổi một người đã quyết tâm từ bỏ không cưới người vợ chưa cưới của mình và cả của cải trên thế gian này.

- Đó là một chuyện khác, - ông mục sư đáp. - Nếu bây giờ Tổ quốc cần kho báu ấy, chắc chắn ông mục sư sẽ nhượng bộ.

- Người có bảo đảm như vậy không? - Nhà vua hỏi.

- Dạ có, tôi xin đảm bảo, - ông mục sư đáp.

- Thế người không quan tâm đến số phận của nhân dân trong xã người nữa ư?

- Lạy Chúa tôi, xin Chúa tôi khoan thứ cho họ.

Nhà vua rời chiếc ghế bành, đi đến bên cửa sổ. Ngài nhìn dân chúng đang đứng bên ngoài. Nhà vua càng nhìn họ, mắt ngài càng bừng sáng và toàn thân hình như lớn hẳn lên. Cuối cùng nhà vua nói:

- Người nói hộ với ông mục sư của xã này rằng trong con mắt của nhà vua Thụy Điển không có cảnh nào đẹp bằng cảnh dân chúng đang đứng kia.

Rồi nhà vua quay mặt về phía ông mục sư, nhìn ông ta và mỉm cười.

- Hay là ông mục sư xã này nghèo đến nỗi làm lễ *misa* vừa xong là ông ta phải cởi bộ quần áo đen để mặc quần áo nông dân vào? - Nhà vua hỏi.

- Vâng, ông ta nghèo như vậy, - ông mục sư đáp, và bộ mặt rắn rỏi của ông đỏ ửng.

Nhà vua trở lại bên cửa sổ. Ngài rất vui. Những lời mà ngài vừa mới nghe đã thức tỉnh trong tâm trí những tình cảm cao đẹp và nhân từ nhất.

- Cha nên để yên cái mỏ đó, - nhà vua nói, - Vì cha đã lao tâm khổ tứ suốt đời để làm cho nhân dân ở đây trở thành những người như cha muốn, cha sẽ phải gìn giữ cho họ vẫn được như bây giờ.

- Nhưng nếu Tổ quốc lâm nguy thì sao ạ? - Ông mục sư hỏi.

- Con người phụng sự Tổ quốc tốt hơn tiền bạc, - nhà vua đáp.

Nói đoạn nhà vua từ biệt ông mục sư và bước ra khỏi kho đồ thánh.

Ở bên ngoài, dân chúng vẫn im lặng, cũng ít nói như khi nhà vua gặp họ lúc nãy. Lúc nhà vua xuống cầu thang kho đồ thánh, một nông dân tiến lên tàu với ngài:

- Tàu bệ hạ, bệ hạ đã gặp ông mục sư của chúng tôi chưa?

- Đã, - nhà vua nói, - ta đã nói chuyện với ông mục sư của các người rồi.

- Thế chắc ông mục sư đã trả lời bệ hạ rồi? - Người nông dân nói. Chúng tôi đã tàu xin bệ hạ gặp ông mục sư của chúng tôi chính là để ông trả lời bệ hạ.

- Phải, - nhà vua nói, - ông mục sư đã trả lời ta rồi.

TÔ CHƯƠNG dịch

NHỮNG ĐỒNG ÊQUY[2]

CỦA

CỤ ARNƠ TẠI NHÀ GIÁO SĨ XỨ XONBERGA

1

Thời vua Frêdêrich đệ nhị, nước Đan Mạch còn trị vì xứ Bôhuxlăng, có một bác hàng cá nghèo tên là Tôraranh sinh sống ở Marxt'răng. Bác ta người gầy còm, yếu ớt. Một cánh tay bác bị tê liệt nên bác không chèo thuyền và đánh cá được. Bác không thể kiếm ăn trên mặt biển như mọi người dân khác trên quần đảo, nhưng bác đi khắp các miền trên cạn để bán cá muối, cá khô. Quanh năm bác đi từ làng này sang làng khác với cỗ xe chở cá, vì thế rất ít khi bác có mặt ở nhà.

Một ngày tháng hai, Tôraranh đánh chiếc xe trượt băng đi từ khu Kungxan tới giáo khu Xonberga. Mặt trời đang lặn. Con đường thật vắng vẻ. Không một người qua lại. Nhưng không vì thế mà Tôraranh phải im lặng. Trong xe, bên cạnh bác là một người bạn tốt mà bác có thể chuyện trò. Đó là một con cún mực, lông xù. Tôraranh đặt tên cho nó là Grim. Grim hầu như lúc nào cũng nằm im, đầu ghềnh lên hai chân trước, và chỉ nhấp nháy con mắt khi nghe chủ nói. Thế nhưng chỉ cần nghe thấy một tiếng động không vừa ý là nó đứng phắt dậy trong cỗ xe, hếch mũi đánh hơi và tru lên khùng khiếp hơn cả chó sói.

- Grim này, tao phải kể cho mày nghe những tin quan trọng tao vừa hay nhé, - Tôraranh nói, - Ở Kungxan cũng như ở Karêbi, người ta kể với tao rằng biển đã đóng băng rồi. Dạo này trời đẹp

và yên tĩnh, chắc mày biết rõ điều đó hơn ai hết vì ngày nào mày chẳng ở trên đường. Biển đóng băng không những trong các vịnh, các eo, mà còn đến tận Katogat. Tàu bè không thể qua lại giữa các đảo được nữa. Khắp nơi toàn những băng cứng chắc, người ta có thể đi ngựa, đi xe đến tận Macxt'răng và dùng đá ngầm Patenôxte.

Con chó nghe chủ nói có vẻ thích thú. Nó nằm yên cạnh Tôraranh, nhấp nháy đôi mắt.

- Xe chúng ta hết cá rồi, - Tôraranh nói tiếp với giọng của một người muốn thuyết phục. - Nếu đến ngã tư tới, chúng ta đổi hướng, rẽ sang hướng tây về phía bờ biển thì mày thấy thế nào? Chúng ta sẽ đi qua nhà thờ Xonberga để tới Ôtxmanxkin, từ đấy tao cho rằng không quá tám dặm nữa là về đến Marxt'răng thôi. Kể ra có lần trở về nhà mà không phải đi tàu bè thì cũng thật trừu tượng đấy nhỉ.

Tôranh và con chó vượt qua cái truông rộng Karêbi, và mặc dầu trời lạnh gió, một làn hơi lạnh tràn qua truông tạt vào mặt, làm hai thầy trò đi rất vất vả.

- Có lẽ thiên hạ thấy chúng ta trở về nhà vào lúc công việc rất thuận lợi, sẽ bảo chúng ta là đồ lười, - Tôranh vừa nói vừa vung tay cho đỡ lạnh. Nhưng tao với mày lang thang trên đường đã mấy tuần rồi, vậy chúng ta cũng phải được ngồi bên lò sưởi vài hôm để xua tan cái lạnh thấu tận xương tủy chứ.

Thấy con chó vẫn im lặng, Tôranh càng vững dạ. Bác vui vẻ nói tiếp:

- Mẹ tao ở nhà một mình suốt thời gian qua, bà ta rất mong chúng ta về. Vả lại sống ở Marxt'răng vào mùa đông thì thật thích thú, Grim nhỉ, phố lớn, phố nhỏ đều tấp nập những dân chài và những lái buôn nước ngoài, và trong nhà các dân chài, tối nào cũng có khiêu vũ: trong các quán rượu bia tuôn như suối. Mày không thể tưởng tượng được đâu.

Sau bài diễn thuyết đó, Tôranh cúi xuống xem con chó có nghe mình nói không.

Con chó không ngủ và chẳng tỏ ra có một dấu hiệu phản đối nào cả, vì thế Tôranh rẽ vào con đường đầu tiên chạy về hướng tây ra biển. Bác quất roi da vun vút bên tai con ngựa để thúc nó đi cho nhanh.

- Chúng ta sắp đi qua nhà giáo sĩ xứ Xonberga, - Tôraranh nói, - tao phải vào đó để hỏi xem có đúng là đóng băng đến tận Marxt'răng không. Ở đó chắc là họ biết đấy.

Tôraranh nói nhỏ, không để ý xem con chó có nghe thấy hay không. Nhưng bác vừa dứt lời, con chó đã chồm dậy, tru lên kinh khủng.

Con ngựa nhảy sang một bên và ngay cả Tôraranh cũng hoảng hốt quay đầu nhìn lại xem có chó sói đuổi theo không. Nhưng khi nhìn thấy chính là Grim đang tru lên, bác tìm cách trấn tĩnh nó.

- Grim thân yêu, - bác nói – tao với mày đã vào nhà giáo sĩ xứ Xonberga biết bao nhiêu lần rồi còn gì. Tao không rõ cụ Arnơ có biết tình hình đóng băng ra sao không, nhưng tao biết chắc cụ ấy sẽ thết chúng ta một bữa ngon lành trước khi chúng ta đi lên mặt biển đóng băng.

Song, những lời của Tôraranh chẳng làm yên lòng con chó. Nó vẫn hếch mũi đánh hơi và càng tru lên kinh khủng hơn khiến chẳng mấy chốc Tôraranh bắt đầu thấy khó chịu. Trời đã nhá nhem tối, song Tôraranh vẫn nhận ra nhà thờ Xonberga nằm giữa cánh đồng mênh mông có những ngọn đồi cây cối um tùm che chở về phía đất liền và có những vách đá trơ trụi bao bọc về phía biển. Đi một mình trong khoảng trống bao la trắng xóa này, Tôraranh cảm thấy mình nhỏ xíu như một sinh vật bé nhất, trong khi những yêu quái chui từ khu rừng tối xăm, từ những ngọn đồi hoang vu ra và đi lờn vờn trên khoảng đất trống nhân lúc tối trời. Và trên khắp bình nguyên này, chúng chẳng thấy một ai để vồ cả, ngoài Tôraranh.

Tuy vậy, Tôraranh vẫn tìm cách trấn an con chó.

- Thôi đi Grim, có điều gì khiến mày không thích cụ Arnơ như vậy. Cụ là người giàu có nhất vùng này. Cụ thuộc dòng dõi quý tộc, nếu cụ không làm mục sư thì chắc cụ đã là một lãnh chúa có thế lực rồi.

Con chó vẫn không chịu nghe. Thế là Tôraranh sốt ruột, nắm lấy cổ nó và quăng nó xuống đất.

Con chó không chạy theo xe. Nó dừng lại trên đường, tiếp tục tru lên cho tới khi chiếc xe đến trước cái cổng đen ngòm của

nhà giáo sĩ, rồi tiến vào trong sân có bốn căn nhà gỗ thấp, dài bao quanh.

2

Tại nhà giáo sĩ xứ Xonberga, cụ Arnơ đang ngồi ăn bữa tối với cả nhà. Ngoài Tôraranh, trong phòng không có một khách lạ nào khác.

Mục sư là một cụ già tóc bạc, nhưng trông còn cường tráng, tuổi già chưa làm còng nổi thân hình cao lớn của cụ. Bà vợ của cụ ngồi bên cụ, bà bị ảnh hưởng của tuổi tác nhiều hơn. Đầu và hai bàn tay bà cứ run rẩy liên hồi, còn tai bà thì đã nghễnh ngãng. Ngồi phía bên kia mục sư là ông phó mục sư, một người còn trẻ với khuôn mặt xanh xao đầy vẻ ưu tư. Ông ta có vẻ không gánh nổi mớ kiến thức mà ông đã thu thập được hồi còn đi học ở Vittångbe.

Ba nhân vật này ngồi ở phía đầu bàn ăn kê cao cao có vẻ tạo thành một nhóm riêng. Tôraranh ngồi ở phía dưới, rồi tiếp đến các gia nhân, hầu hết đã có tuổi. Ba lão bộc đều đầu hói, lưng còng, mắt hấp háy và đầy nước mắt. Chỉ có hai vú già là còn tương đối trẻ và nhanh nhẹn hơn đôi chút. Tuy vậy, những tật nhược của tuổi già cũng làm cho họ trông yếu ớt và cứng nhắc.

Ngồi phía đầu bàn bên kia là hai cô gái. Một cô là cháu gọi cụ Arnơ bằng ông. Cô ta chưa quá mười bốn tuổi. Tóc vàng, người thon thả, khuôn mặt còn nét trẻ con, nhưng chắc cô sẽ trở thành một thiếu nữ xinh đẹp. Bên cạnh cô là một cô gái nghèo mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống trong nhà giáo sĩ. Hai cô bé ngồi sát vào nhau, rõ là một đôi bạn chí thân.

Mọi người ngồi ăn, hoàn toàn im lặng. Tôraranh hết nhìn người này đến người khác, nhưng chẳng ai muốn nói chuyện trong bữa ăn cả.

Mấy cụ già nghĩ bụng: “Thật là phúc lớn cho ta, ta được nuôi ăn và không phải chịu cảnh đói nghèo như ta đã nhiều lần trải qua trong cuộc đời. Trong khi ăn, ta chẳng nên nghĩ tới điều gì khác ngoài việc biết ơn Chúa nhân từ.”

Tôraranh chẳng có ai để nói chuyện, nên đưa mắt nhìn khắp căn phòng. Bác nhìn từ chiếc lò sưởi lớn nhiều tầng xây sát tường, gần cửa ra vào, tới chiếc giường có tán che đặt trong góc phòng đối diện. Bác cũng nhìn những chiếc ghế dài kê dọc quanh tường và những cái cửa qua đó khói thoát ra ngoài, đồng thời cũng do đó mà khí lạnh mùa đông tràn vào cuộn cuộn. Ngắm nghía tất cả những cái đó, bác hàng cá Tôraranh, vốn sống trong túp lều bé nhỏ nhất, nghèo nàn nhất quần đảo nghĩ bụng: “Nếu như mình là một người có quyền thế, như cụ Arnơ, mình sẽ không chịu ở trong một căn phòng cổ lỗ chỉ có mỗi một phòng như thế này. Mình sẽ cho xây một tòa nhà có đầu hồi cao, có nhiều phòng như nhà của ngài thị trưởng và ngài thẩm phán Marxt’răng”.

Song, vật làm cho Tôraranh luôn luôn chú ý đến nhiều nhất là cái rương bằng gỗ sồi đặt dưới chân chiếc giường có tán. Thiên hạ đồn rằng cụ Arnơ cất cả gia tài trong đó: những đồng bạc nhiều đến nỗi chất đầy đến tận miệng rương.

Và Tôraranh, con người đáng thương rất ít khi có nổi một đồng bạc trong túi, nghĩ: “Mình thật chẳng muốn có đồng của cái này. Thiên hạ đồn rằng cụ Arnơ lấy nó trong các tu viện lớn ở xứ này ngày trước, và các tu sĩ già tiên đoán rằng số tiền của đó sẽ gây tai họa cho cụ”.

Trong khi Tôraranh suy nghĩ như vậy, bác thấy bà cụ chủ nhà đưa tay lên tai để nghe cho rõ hơn, rồi quay lại bảo cụ Arnơ và hỏi: “Sao họ lại mài dao ở Branơhốc nhỉ?”

Trong phòng đang yên lặng như tờ, nên mọi người rùng mình và ngược mắt nhìn lên, hoảng hốt khi nghe bà cụ có vẻ đang lắng nghe cái gì, mọi người đặt thìa xuống và cũng gắng lắng nghe.

Mọi tiếng động đều bật đi trong phòng, trong một lúc, nhưng bà chủ dường như càng lo lắng hơn. Bà đặt tay mình lên tay cụ Arnơ và nhắc lại: “Tôi không hiểu sao tối nay ở Branơhốc người ta cứ mài dao hoài vậy?”

Tôraranh thấy cụ Arnơ vuốt ve bàn tay vợ để trấn tĩnh bà, nhưng cụ không trả lời vợ và vẫn bình tĩnh ngồi ăn.

Nhưng bà cụ vẫn lắng tai nghe, nước mắt trào ra, đầu và tay bà càng run rẩy hơn vì sợ hãi.

Thế là hai cô gái ở đầu bàn bên kia cũng bắt đầu khóc vì sợ.

- Thế không ai nghe thấy tiếng mài ken két và tiếng giũa à? – Bà hỏi. – Không ai nghe thấy tiếng thép rút lên à?

Cụ Arnơ vẫn ngồi bình tĩnh và luôn luôn vuốt tay vợ. Cụ chưa lên tiếng thì chẳng một ai dám hé môi cả. Nhưng mọi người đều nghĩ rằng bà chủ đã cảm nhận thấy một tiếng động ghê rợn, báo trước những điềm bất hạnh lớn. Máu như ngừng chảy trong mạch máu. Chẳng còn ai ăn nữa, trừ cụ Arnơ.

Mọi người nghĩ rằng trước đây bà cụ chủ là người trông nom nhà cửa, bà luôn luôn ở nhà săn sóc một cách khôn khéo và hiền hậu, con cháu, đầy tớ, của cải, súc vật nên tất cả mọi việc đều tốt đẹp. Tuy bây giờ bà đã già yếu, chắc chắn bà là người trước tiên thấy được mối nguy đang đe dọa cả nhà.

Bà chủ mỗi lúc một kinh hãi thêm. Hai tay chấp lại, bà nức nở vì tuyệt vọng, nước mắt chảy dòng dòng trên gò má nhăn nheo.

- Arnơ Arnexông, thế mình không cần biết vì sao tôi sợ hãi đến thế à? – Bà rên rỉ.

Lúc đó cụ Arnơ nghiêng đầu về phía bà và nói:

- Tôi không biết vì sao mình lại hoảng hốt như vậy.

- Tôi sợ những con dao dài mà bọn chúng đang mài ở Branohốc.

- Làm sao mà mình lại nghe được tiếng mài dao ở tận Branohốc? – Cụ Arnơ bật cười nói. – Cái ấp đó cách gần một dặm cơ mà. Thôi mình hãy cầm lấy thìa và ăn nốt cho xong bữa đi.

Bà chủ cố nén sợ, cầm lấy thìa định múc sữa trong bát, xong thìa va vào miệng bát vì tay bà cứ run bần lên.

Mọi người đều nghe thấy tiếng va chạm, và bà chủ vôi vàng đặt thìa xuống nói: “Làm sao tôi có thể ăn nổi, tôi chỉ nghe thấy tiếng ken két, rin rít thôi!”.

Lúc này, cụ Arnơ đẩy bát sữa ra và chấp hai tay lại. Mọi người làm theo, và ông phó mục sư bắt đầu đọc bài kinh tối. Kinh đọc xong, cụ Arnơ nhìn những người ngồi quanh bàn, thấy mặt họ tái xanh và hoảng hốt, cụ nổi giận, và bắt đầu kể về thời kỳ cụ mới đặt chân tới xứ Bôhuxlăng để thuyết giáo về cuộc cải cách của Luyte. Cụ và các môn đệ phải trốn phe cánh của giáo hoàng La Mã, chúng truy lùng cụ như lùng thú rừng.

- Thế chúng ta chẳng đã trông thấy kẻ thù rình mò khi chúng ta tới cửa Chúa đó sao? Thế chúng ta chẳng đã bị đuổi khỏi giáo khu và phải nương thân trong rừng như những kẻ không có tổ quốc đó sao? Vậy mà bây giờ chúng ta lại điên đầu lên chỉ vì một điềm gở hay sao?

Cụ Arnơ nói với vẻ mặt của một chủ tướng khiến mọi người lấy lại được can đảm.

- Đúng như vậy đấy, - họ nói với nhau. – Chúa đã che chở cho cụ Arnơ trong những cơn nguy nan nhất. Bàn tay chúa bảo vệ cụ. Chúa sẽ không để cho kẻ tội tở của Người bị chết đâu.

Tôraranh vừa ra đến đường cái là con Grim chạy ngay lại và nhảy lên xe trượt. Nhưng thấy con chó đã đứng đợi bác trước nhà giáo sĩ, Tôraranh lại cảm thấy lo lắng.

- Grim này, sao mày lại đứng ngoài cửa suốt buổi tối thế, sao mày không vào nhà để họ cho ăn? – Bác nói với con chó. – Một tai họa đang đe dọa cụ Arnơ chẳng? Phải chăng đây là lần cuối

tao gặp cụ ấy? Song một chiến sĩ quả cảm như cụ cũng có ngày phải chết. Cụ sắp tròn chín mươi tuổi rồi còn gì.

Tôraranh đánh ngựa vào con đường đi qua ấp Branohốc để đến Ôtxmanxkin.

Vừa tới ấp Branohốc, bác thấy trong sân có nhiều xe trượt. Ánh sáng trong nhà lọt qua những lá cửa chớp khép kín. Tôraranh nói với con Grim:

“Ở đây họ chưa ngủ đâu, tao vào hỏi họ xem tối nay ở đây có ai mài dao không?”

Bác đánh xe áp sát khu nhà chính. Khi bác đẩy cửa bước vào, bác thấy ở đây đang có một cuộc họp mặt đông vui. Các cụ già ngồi uống bia trên những ghế dài kê dọc tường, thanh niên vui chơi ca hát ở giữa phòng.

Nhìn lướt qua, Tôraranh biết ngay ở đây chẳng ai định chuẩn bị vũ khí để làm chuyện đổ máu cả. Bác bèn khép cửa lại, định bỏ đi, song ông chủ nhà đã chạy theo mời bác nghỉ chân một lát, vì dù sao bác cũng tới Branohốc rồi. Ông ta dẫn bác quay lại trong phòng.

Tôraranh tán chuyện với mấy người nông dân một lúc lâu. Họ thật là vui tính, ngay bác cũng cảm thấy vui vẻ, quên cả những linh cảm đen tối lúc trước.

Nhưng bác vẫn chưa phải là người khách cuối cùng đến dự cuộc vui này. Sau khi bác vào một lúc lâu, có hai người, một đàn ông, một đàn bà, xuất hiện trên ngưỡng cửa. Họ ăn mặc xoàng xĩnh, rụt rè đứng trong góc tường giữa lò sưởi và cửa ra vào.

Ông chủ nhà vồn vã tới đón những người khách mới, cầm tay dắt họ vào trong phòng, vừa đi vừa nói với mọi người.

- Người ta thật có lý khi nói rằng, những kẻ ở gần nhất lại thường đến chậm nhất. Đây là những người hàng xóm gần nhất của tôi. Chúng tôi là những người nông dân duy nhất ở Branohốc đây.

- Phải nói bác là người nông dân duy nhất mới đúng, - người đàn ông nói, - bác đừng coi tôi là nông dân, tôi chỉ là một người đốt than nghèo được bác cho ở nhờ trên đất của bác thôi.

Người đàn ông ngồi xuống bên Tôraranh, và hai bên nói chuyện với nhau. Người khách mới kể cho Tôraranh biết vì sao bác ta đến muộn. Vợ chồng bác có khách lạ đến nhà nên không dám đi đâu. Đó là ba người thợ thuộc da, họ đã ở đậu nhà bác suốt cả ngày. Sáng sớm họ đến, trông họ ốm yếu và kiệt sức. Họ kể rằng họ đã ở trong rừng suốt cả tuần. Nhưng sau khi ăn uống ngủ nghỉ, họ đã lại sức. Đến chiều, họ hỏi xem ấp nào lớn nhất, giàu có nhất vùng này, họ muốn tới đó may ra kiếm được việc làm, bác gái đã trả lời rằng nhà giáo sĩ Arnor là nơi sang trọng nhất. Thế là mấy người khách ấy rút ngay trong sắc ra những con dao dài và bắt đầu mài. Họ mài mất một lúc lâu. Trong khi mài nét mặt họ lộ vẻ hung ác đến nỗi vợ chồng bác không dám đi đâu khỏi nhà.

- Tôi như còn thấy họ ngồi mài dao ken két, - bác nói, - trông họ thật ghê gớm với bộ râu dài lâu ngày không sửa, với bộ áo da thú rách rưới bẩn thỉu – Tôi tưởng như có ba con yêu tinh đang ở nhà mình. Cuối cùng, khi họ ra đi, tôi thấy nhẹ cả người.

Sau khi nghe câu chuyện trên, đến lượt Tôraranh kể cho người đốt than nghe cảnh bác được chứng kiến tại nhà giáo sĩ.

- Vậy thì đúng rồi, tối nay người ta có mài dao ở Branohoc thật, - bác vừa cười vừa kết luận. Bác đã uống nhiều rượu. Khi tới đây, lòng bác rất buồn rầu bồn chồn, nên bác đã tìm cách để mụ măm đi và để cố khuây khỏa.

- Thế là tôi thấy hoàn toàn phần chấn hấn lại – bác nói – bây giờ thì tôi rõ rồi, linh cảm của bà cụ giáo sẽ chỉ là do ba người thợ thuộc da kia mài dụng cụ của họ thôi.

Quá nửa đêm một lúc lâu, một vài người trong ấp Branohốc bước ra thẳng ngựa để về nhà.

Ra tới sà, họ nhìn thấy một đám cháy lớn sáng rực trời ở hướng bắc.

Họ vội vã quay lại và kêu lớn: “Dậy đi, dậy đi, nhà giáo sĩ xứ Xonberga cháy rồi!”

Khách ở Branohốc rất đông, những người có ngựa thì nhảy ngay lên yên; phóng như bay về phía nhà giáo sĩ, còn những người khác cũng vội vàng chạy bộ theo, và tới nơi không chậm hơn mấy tí.

Tại nhà giáo sĩ, chẳng thấy ai động dậy gì cả. Dường như tất cả đều đang ngủ yên trong nhà, mặc dù ngọn lửa bốc lên dữ dội.

Căn nhà không bén lửa. Nhưng ở cạnh tường nhà có kẻ xếp một đồng củi và rơm, và đã châm lửa vào đó trước đây không lâu. Ngọn lửa chỉ mới gây thiệt hại là hun đen những cây xà nhà bằng gỗ tốt và làm tan tuyết trên mái. Nhưng nó đang bắt đầu bén vào mái rơm.

Mọi người đều đoán biết ngay đây là một vụ đốt nhà gây tội ác. Không hiểu vợ chồng cụ Arnơ vẫn còn ngủ hay đã gặp bất hạnh.

Song, trước khi vào trong nhà, những người đến chữa cháy phải dùng những cây sào dài gạt đồng lửa đang cháy bùng bùng cạnh tường. Họ trèo lên mái nhà, giật những đám rơm đã bốc khói sắp sửa bùng cháy.

Rồi một vài người chạy tới cửa ra vào, định vào đánh thức cụ Arnơ dậy. Nhưng vừa đến ngưỡng cửa, người đi đầu vội đứng tránh sang một bên, nhường chỗ cho người đi sau. Người tới sau, bước lên một bước, nhưng vừa nắm lấy cái then cửa, anh ta cũng lại vội tránh sang một bên dành chỗ cho người tới sau.

Ngay dưới cái ngưỡng cửa đã làm mọi người khiếp sợ này, một suối máu chảy lênh láng, cả cái then cửa cũng vấy máu.

Bỗng nhiên, cánh cửa bật mở, ông phó mục sư dậm bộ ra ngoài. Ông ta lao đảo chạy về phía những người đang đứng chen chúc bên tường. Bị một vết chém sâu vào đầu, người ông bê bết máu. Ông đứng lạng một lát, giơ tay ra hiệu im lặng, rồi nói hỗn hển:

- Đêm nay, cụ Arnơ và cả nhà cụ đã bị ba tên cướp giết hại, chúng trèo vào trong nhà qua lỗ hổng mái nhà phía trên lò sưởi. Chúng mặc áo bằng da thú có lông dài. Chúng lao vào chúng tôi như bầy thú dữ và giết chúng tôi.

Ông ta không còn đủ sức nói thêm, gục xuống chết ngay dưới chân mọi người.

Ai nấy đi vào nhà, thấy mọi điều đều đúng khớp như lời ông phó mục sư.

Chiếc rương gỗ sồi to tướng mà cụ Arnơ dùng để cất tài sản không còn đó nữa. Bọn lưu manh đã đánh cắp con ngựa của cụ Arnơ buộc trong chuồng và chiếc xe trượt băng đặt trong nhà chứa xe.

Dấu xe trượt in từ sân ra phía biển, xuyên qua cánh đồng của giáo xứ.

Hai mươi người lao theo dấu vết bọn sát nhân. Còn những phụ nữ thì vào nhà chăm lo những người tử nạn, khiêng họ từ trong ngôi nhà ngập máu ra ngoài sân phủ tuyết trắng tinh.

Họ không tìm thấy đủ số lượng người trong nhà. Cô gái nghèo được cụ Arnơ nuôi không có trong số người chết. Phải chăng cô đã trốn thoát, hay bọn kẻ cướp đã bắt cô đi rồi? Mọi người ngạc nhiên hỏi nhau.

Nhưng khi lục soát kỹ lại căn phòng, họ tìm thấy cô trốn trong khe hở giữa lò sưởi lớn và bức tường. Cô đã nép mình trong đó khi xảy ra cuộc tàn sát. Tuy không bị vết thương nào, cô vẫn kinh hoàng đến nỗi không còn nói nói một câu, trả lời nổi một tiếng.

TRÊN BẾN TÀU

Tôraranh đưa cô gái đáng thương vừa thoát chết về nhà mình. Bác rất thương cô, nên nuôi cô trong căn lều chật chội của mẹ con bác. Bác nghĩ:

“Đó là việc duy nhất mình còn có thể làm được để tỏ lòng biết ơn đối với cụ Arno, người hay mua cá của mình và cho phép mình ngồi ăn cùng bàn. Dù mình nghèo khổ đến thế nào chăng nữa, mình cũng phải đưa cô bé ra thành phố với mình, hơn là để cô ấy ở lại đây với những người làm ruộng. Ở Marxt’răng có khối nhà tư sản kèch vù, cô bé có thể tìm việc làm ở một nhà nào đấy, và kiếm sống một cách đáng trọng”

Trong những ngày mới tới thành phố, cô gái nhỏ khóc từ sáng tới đêm. Cô than vãn đã mất tất cả những người thân yêu nhất. Song cô khóc người chị nuôi nhiều nhất, cô nói cô chỉ muốn chết theo chị cô và tiếc rằng mình đã trốn sau lò sưởi.

Khi Tôraranh ở nhà, mẹ bác im lặng lắng nghe cô gái than vãn. Nhưng sau khi bác lại ra đi, một buổi sáng bà nói với cô:

- Enxalin này, bà không có đủ tiền để nuôi cháu ăn cháu mặc đâu, trong khi cháu cứ ngồi không để nghĩ tới nỗi đau thương của mình. Cháu hãy đi với bà ra bến tàu và tập mổ cá nhé.

Từ đó, Enxalin theo bà cụ ra bến tàu và làm việc suốt ngày với mấy chị hàng cá. Phần đông họ còn trẻ và vui tính; họ hỏi Enxalin vì sao cô lại buồn rầu và ít nói. Enxalin bèn kể cho họ nghe những sự kiện mà cô vừa chứng kiến cách đây ba hôm. Cô kể chuyện về ba tên cướp đã lọt vào nhà qua lỗ hổng trên mái nhà và đã giết tất cả những người thân yêu của cô.

Nhưng lúc cô đang nói, một bóng đen bỗng hắt xuống mặt bàn làm việc của cô. Ngược mắt lên, cô thấy đứng trước mặt cô là ba chàng quý tộc đội mũ rộng vành có gài lông chim, mặc quần áo nhung, phồng to, viền toàn bằng lụa và vàng.

Một người có vẻ là bề trên của hai người kia. Anh ta có bộ mặt xanh xao, không để râu, mắt chồm sâu. Có vẻ như anh ta vừa ốm dậy. Mặt khác, anh ta lại tỏ ra là một kỵ sĩ vui tính và mạnh dạn, đi dạo trên bến tàu ngập nắng như chỉ để cho mọi người ngắm bộ quần áo sang trọng và khuôn mặt điển trai của mình.

Enxalin ngừng tay làm việc và ngừng luôn cả câu chuyện đang kể. Cô há miệng, mở to đôi mắt ngắm chàng thanh niên lạ mặt.

Còn anh ta thì mỉm cười với cô.

- Không phải chúng tôi đến đây cốt để làm cô sợ đâu, cô em xinh đẹp ạ, - anh ta nói. - Nhưng xin cô cho phép chúng tôi cùng được nghe câu chuyện của cô.

Tội nghiệp cho Enxalin! Cả đời cô đã bao giờ được gặp một chàng trai như vậy! Cô đành im lặng và cúi xuống làm việc.

Song chàng trai lạ mặt lại nói tiếp:

- Cô em đừng sợ. Chúng tôi là những người Xcốtlen. Nhưng đến đây, chúng tôi lại thấy tất cả các vịnh và các eo biển đều bị đóng băng, thế là bọn tôi phải dừng lại và chờ. Chúng tôi chẳng có việc gì làm cả, vì thế chúng tôi đi dạo chơi trên bến để gặp gỡ mọi người. Chúng tôi rất sung sướng nếu được nghe cô kể chuyện cô.

Enxalin hiểu anh ta nói vậy là để cô có đủ thời gian bình tĩnh lại, rồi cô tự nhủ: “Mình phải cố gắng tỏ ra là mình không đến nỗi quá ngu độn khi nói chuyện với một chàng quý tộc. Chẳng phải mình xuất thân từ một gia đình sang trọng chứ không phải từ một gia đình ngư dân đó sao.”

- Tôi đang kể vụ tàn sát khủng khiếp ở nhà giáo sĩ xứ Xonberga - cô nói, - nhưng nhiều người khác cũng có thể kể lại sự việc.

- Đúng, - chàng trai lạ trả lời, - nhưng đến bây giờ tôi mới biết rằng vẫn còn có người nhà cụ Arnơ sống sót cơ đấy.

Enxalin bèn kể lại lần nữa những hành vi tàn bạo của bọn hung đồ. Cô thuật lại những việc đám gia nhân quây lại che chở cho cụ Arnơ, và việc cụ giật kiếm treo trên tường rồi nhảy xổ vào lũ sát nhân, nhưng bọn này thắng tất cả mọi người. Bà cụ chủ nhà vô lấy thanh kiếm của chồng, xông vào bọn ác ôn, nhưng chúng chế giễu bà và đánh bà ngã ngã gục bằng một thanh củi. Sau khi giết hết đàn ông, chúng đã lôi đám phụ nữ trốn trên lò sưởi xuống và giết họ. Người bị giết sau cùng là chị nuôi yêu quý của tôi, - Enxalin nói - chị ấy van xin chúng tha chết cho chị, hai tên trong bọn cướp muốn bằng lòng, song tên thứ ba nói rằng cần phải thủ tiêu tất cả mọi người, rồi hấn đâm dao vào tim chị nuôi của tôi.

Trong lúc Enxalin kể lại cuộc tàn sát ba chàng quý tộc không nói một tiếng. Họ không hề đưa mắt nhìn nhau, nhưng tại họ

căng ra chừng như nghe chăm chú lắm, mắt họ nẩy lửa, đôi lúc môi họ hé mở để lộ hàm răng sáng loáng.

Mắt rưng rưng lệ, Enxalin không hề nhìn lên một lần nào trong lúc kể chuyện, nên cô không thấy người thanh niên đứng trước mặt cô có đôi mắt và hàm răng của chó sói. Chỉ sau khi kể xong, cô mới lau nước mắt. Nhưng khi gặp ánh mắt Enxalin, anh ta liền thay đổi ngay nét mặt.

- Nay cô gái xinh đẹp, cô đã nhìn rõ bọn sát nhân, vậy nếu cô gặp lại chúng, chắc cô sẽ dễ dàng nhận ra chúng nhỉ?

- Tôi chỉ trông thấy chúng qua ánh lửa của những cây củi đang cháy mà chúng rút từ trong lò sưởi để soi sáng trong lúc chúng giết người. - Enxalin trả lời. - Nhưng tôi tin rằng Chúa sẽ giúp tôi nhận ra chúng. Và tôi ngày đêm xin Chúa cho tôi gặp lại chúng.

- Cô nói gì vậy? - Người thanh niên nói. - Chẳng phải là bọn khát máu đã chết rồi sao?

- Vâng, rất có thể như vậy, theo lời thiên hạ kể, - Enxalin trả lời, - Các nông dân đuổi theo chúng đã thấy dấu vết của chúng đi từ nhà giáo sĩ tới một cái hồ trên mặt băng. Đến chỗ đó, họ thấy vết xe trượt, vết móng ngựa và vết giày đinh lớn. Nhưng qua lỗ hổng đó thì chẳng còn dấu vết gì trên mặt băng nữa, vì thế họ tin rằng ba tên sát nhân đã chết.

- Còn cô, cô có tin không? - Người lạ mặt hỏi.

- Có chứ. Tôi cho rằng chúng đã chết đuối. - Enxalin đáp. - Tuy vậy, tôi vẫn ngày ngày cầu xin Chúa cho chúng còn sống. Tôi muốn chúng còn sống để tôi có thể rút trái tim chúng ra khỏi lồng ngực của chúng. Tôi muốn chúng còn sống để tôi được thấy thân thể chúng bị cắt ra từng mảnh và trôi vào bánh xe cực hình.

- Nhưng cô làm thế nào để đạt được mục đích đó, trong khi cô chỉ là một cô gái yếu ớt?

- Nếu chúng còn sống, - Enxalin kêu lên, - tôi sẽ tìm được cách để chúng không thoát khỏi trừng phạt. Tôi thà chết còn hơn để chúng thoải mái. Chúng có thể mạnh hơn tôi, nhưng dù sao chúng sẽ không thoát khỏi tay tôi đâu.

Người lạ mặt phá lên cười giễu cợt, nhưng Enxalin đậm chân nói:

- Nếu chúng còn sống, tôi sẽ nhớ rằng chúng đã phá tan tổ ấm của tôi, cho tôi thành một cô gái khốn khổ phải ra mồi cá ngoài bến tàu lạnh giá. Tôi sẽ nhớ rằng chúng đã giết tất cả những người thân yêu của tôi, nhất là chúng đã kéo chị nuôi tôi ra khỏi chỗ nấp, đã giết chị ấy, một người rất tốt đối với tôi.

Nhưng trước cơn giận dữ của cô gái nhỏ yếu này, ba người lính chiến Xcôtlen lại cười ầm ĩ. Họ cảm thấy vui đến nỗi phải bỏ đi ngay để Enxalin khỏi bức mình vì niềm vui ấy. Họ rời bến tàu, đi vào một ngõ hẹp dẫn tới chợ. Họ đã đi khuất từ lâu mà Enxalin vẫn còn nghe thấy tiếng cười giễu cợt chói tai của họ.

NỮ THIÊN SỬ

Tám ngày sau khi bị giết hại, cụ Arnơ được an táng tại nhà thờ Xônberga, và cũng hôm đó, người ta triệu tập một cuộc họp lớn tại quảng trường Branohốc để mở cuộc điều tra về vụ tàn sát.

Cụ Arnơ rất có danh tiếng ở Bôhuxlăng, nên đám tang của cụ rất đông, cả người ở quần đảo lẫn người trên đất liền đều đến, cứ như một đội quân tập hợp quanh vị chỉ huy của mình. Đám người đi lại trên đường từ nhà thờ Xônberga tới Branohốc đông đến nỗi không có tắc đất nào mà tuyệt không bị dẫm nát.

Đến khuya, khi mọi người đã giải tán, bác bán cá Tôraranh đánh xe vào con đường chạy từ Xônberga đến Branohốc.

Ngày hôm ấy, Tôraranh đã nói chuyện với rất nhiều người. Bác đã kể đi kể lại nhiều lần hoàn cảnh cụ Arnơ bị giết. Bác đã được thết đãi no nê tại cuộc họp, và đã uống rất nhiều bia với những người khách xa.

Tôraranh thấy mệt mỏi, bèn nằm xuống trong xe. Bác cảm thấy buồn bã vì cụ Arnơ đã ra đi. Và khi tới gần nhà giáo sĩ, những ý nghĩ càng ưu sầu hơn ám ảnh bác.

- Grim ời, - bác nói, nếu như tao tin vào những tiếng mài dao báo trước mà bà chú nhà nghe thấy thì tao đã ngăn chặn được tai họa rồi. Tao cứ nghĩ đến chuyện đó hoài, Grim ạ, và tao rất khổ tâm, cứ như là tao đã góp phần đẩy cụ Arnơ sang thế giới bên kia ấy. Mà hãy nhớ lời tao nói với mày bây giờ; lần sau, nếu như tao nhận thấy một điềm báo trước như thế, tao sẽ tin ngay và tao sẽ ra tay.

Trong khi Tôraranh nằm nửa thức nửa ngủ trong xe, con ngựa được kéo xe đi tự do, và khi tới nhà giáo sĩ Xonberga, theo thói quen, nó vượt qua cổng chắn trước ngôi nhà rồi đi thẳng về phía chuồng ngựa. Tôraranh vẫn không biết gì. Mãi tới khi con ngựa đứng lại, bác mới ngồi nhòm dậy nhìn xung quanh. Bác rung mình thấy mình đang ở trong sân cái nhà mà cách đây mới một tuần, bao nhiêu người đã bị giết hại.

Bác vội túm lấy dây cương, định gò cho con ngựa phải quay lại đường cái, nhưng lúc ấy, một người vỗ vào vai bác làm cho bác quay đầu lại. Sau lưng bác là ông lão mã phu làm việc tại nhà giáo sĩ từ lâu lắm rồi.

- Có việc gì vội mà bác phải ra đi ngay tối nay vậy, bác Tôraranh? - Người đầy tớ già nói. - Hãy vào trong phòng đi, cụ Arnơ đang đợi bác đấy.

Không biết cơ man nào là ý nghĩ bỗng tràn ngập đầu óc Tôraranh. Bác mơ hay tỉnh đây? Lão mã phu Ôlôp mà bác đang thấy trước mặt bác đây, tươi tỉnh khỏe mạnh, mới tuần trước chính bác nhìn thấy lão nằm chết bên cạnh nhiều người khác, với một vết chém toang hoác nơi cổ.

Tôraranh càng nắm chặt dây cương. Tốt nhất là chạy khỏi nơi đây cho thật nhanh, bác nghĩ. Song bàn tay lão mã phu Ôlôp vẫn đặt trên vai và lão vẫn khẩn khoản mời bác vào nhà.

Tôraranh nôn nóng tìm có để từ chối: "Tôi không định đến quấy rầy cụ Arnơ trong lúc đêm khuya khoắt này, - bác nói, - đó là tại con ngựa của tôi tự đi vào sân nhà mà tôi không biết. Tôi cần phải đi ngay để tìm chỗ ngủ lại đêm nay. Nếu cụ Arnơ muốn gặp tôi thì ngày mai tôi sẽ trở lại."

Nói rồi, Tôraranh vươn người lên phía trước và đập dây cương vào con ngựa, giục nó đi tiếp. Song vô ích, ngay lúc ấy, lão đầy tớ đã đứng bên đầu ngựa, nắm chặt hàm chiếc, bắt nó phải đứng yên.

- Đừng có bướng bỉnh vậy Tôraranh – lão nói, - Cụ Arnơ vẫn chưa đi ngủ đâu. Cụ đang đợi bác đấy. Bác hẳn biết rõ ở đây, bác sẽ có một chỗ nghỉ tốt chẳng kém gì ở bất kì nơi nào khác trong giáo khu này.

Tôraranh muốn phân trần bác không thích nghỉ đêm trong một ngôi nhà không có mái. Nhưng trước khi nói, bác ngược mắt nhìn về phía ngôi nhà, và lạ thay, ngôi nhà cổ thấp vẫn đứng sừng sững trước mặt bác, nguyên vẹn và đẹp đẽ, y như trước khi xảy ra vụ hỏa hoạn.

Bác giương to đôi mắt, giụi đi giụi lại, nhưng chẳng thể nghi ngờ gì được cả, ngôi nhà của giáo sĩ vẫn nguyên lành với mái rơm phủ đầy tuyết. Một ngọn khói vẫn luồn qua lỗ trống và những tàn lửa vẫn tóe lên. Qua những lá cửa chớp không khép kín, ánh sáng trong phòng lọt ra in trên nền tuyết bên ngoài.

Đối với một người khách đã lang thang rất lâu trên đường băng giá, chẳng có gì êm ái hơn là được trông thấy ánh lửa từ một căn phòng ấm áp soi rạng bóng tối bên ngoài. Nhưng nhìn thấy thế, Tôraranh càng sợ hãi. Bác quất vào con ngựa đang đá chân lồng lên, song không thể làm cho nó rời khỏi cửa chuồng ngựa lấy một bước.

- Thôi vào đi, Tôraranh, - lão đầy tớ lại nói. – Tôi cứ tưởng rằng không bao giờ bác lại muốn phải tự trách mình trong chuyện này nữa.

Thế là Tôraranh nhớ lại lời hứa của mình lúc ở trên đường, và, đang đứng vung roi giận dữ trên xe, bác bỗng trở nên hiền dịu như một con lừa.

- Thôi được, Olôp, tôi vào đây, - bác vừa nói vừa nhảy xuống xe. - Quả thật, tôi không muốn phải tự trách mình trong chuyện này nữa. Hãy dẫn tôi tới gặp cụ Arnơ.

Song, trong mọi chặng đường đã đi trong cuộc đời, Tôraranh chưa thấy chặng nào lại mệt nhọc vất vả bằng đoạn đường bác phải đi từ sân vào trong nhà này.

Khi cánh cửa mở ra, Tôraranh nhắm mắt lại để khỏi phải nhìn vào bên trong. Bác cố làm cho mình can đảm lên bằng cách nghĩ tới cụ Arnơ. “Cụ đã cho mình bao nhiêu bữa ăn ngon lành, cụ đã mua cá mình ngay cả khi trận thức ăn của cụ còn đầy ắp. Lúc còn sống, bao giờ cụ cũng đối xử tốt với mình, vậy thì bây giờ khi đã chết, chắc cụ cũng chẳng muốn làm hại mình đâu. Có lẽ cụ muốn nhờ mình một việc gì chăng? Mình không nên quên rằng mình cần thể hiện lòng biết ơn của mình ngay cả với người đã chết”.

Thế rồi, Tôraranh mở mắt nhìn xung quanh. Trong phòng, mọi vật vẫn y nguyên như khi bác đến thăm lần vừa rồi. Bác nhận ra cái lò sưởi lớn xây liền vào tường và những tấm thảm tự dệt lấy căng xung quanh căn phòng. Bác nhìn thật lâu những bức tường, trần nhà, và sàn nhà trước khi dám nhìn vào chiếc bàn và chiếc ghế mà cụ Arnơ vẫn thường ngồi.

Cuối cùng, bác quyết định nhìn vào đó, và bác thấy cụ Arnơ đang ngồi bên bàn, hoàn toàn khỏe mạnh, ở giữa bà vợ và ông phó mục sư, y như tám ngày trước đây. Cụ dường như vừa mới ăn xong, cụ đã đẩy đĩa thức ăn ra, và chiếc thìa của cụ vẫn còn nằm trên bàn, trước mắt cụ. Mấy lão bộc và vú già ngồi quanh cụ nhưng vắng mặt một trong hai cô gái trẻ.

Tôraranh dừng lại hồi lâu nơi ngưỡng cửa, nhìn những người ngồi quanh bàn ăn. Tất cả mọi người đều có vẻ buồn bã lo lắng. Ngay cả cụ Arnơ trông cũng u buồn như mọi người khác, cụ phải tựa đầu vào một bàn tay.

Rồi Tôraranh thấy cụ ngẩng đầu lên:

- Anh đưa khách vào phải không? Olôp?

- Vâng, - người đầy tớ trả lời. - Đó là bác bán cá Tôraranh hôm nay bác đã dự cuộc họp ở Branơốc.

Cặp mắt cụ Arnơ ánh lên vẻ hài lòng, và Tôraranh nghe thấy cụ nói:

- Lại gần đây chút nữa, Tôraranh, bác hãy kể cho chúng tôi nghe tin tức về cuộc họp. Tôi ngồi đợi bác từ tối tới giờ đây.

Mọi sự diễn ra rất thật, rất tự nhiên, nên đôi lúc Tôraranh dần dần cảm thấy vững tâm hơn. Bác mạnh dạn bước về phía cụ

Arnơ và tự hỏi rằng phải chăng đó chỉ là một giấc mơ dữ dội khi bác tưởng rằng cụ Arnơ bị sát hại. Không còn nghi ngờ gì nữa, sự thật là bác đã nằm mơ.

Nhưng khi bước vào trong phòng, theo thói quen bác đưa mắt nhìn về phía cái giường có tán che, thường lúc nào cũng có cái rương lớn bên cạnh. Cái rương có đai sắt không còn ở đó nữa, và Tôraranh rung mình khi nhận thấy nó đã biến mất.

- Tôraranh đến cho chúng tôi biết những điều đã được quyết định ở cuộc họp. - Cụ Arnơ nói.

Tôraranh cố làm cái việc mà mình được yêu cầu. Bác kể về cuộc họp, về cuộc điều tra, song vẫn không thể tự chủ giữ cho đôi môi khỏi lập bập, cho lưỡi khỏi cứng đờ. Bác ấp úng, lắp bắp.

Cụ Arnơ ngắt lời bác rất nhanh:

- Hãy nói cái chính thôi, Tôraranh ạ. Người ta đi tìm ra bọn sát hại chúng tôi và trừng trị chúng chưa?

Và Tôraranh đã dám trả lời:

- Thưa cụ chưa. Bọn sát nhân đã nằm dưới đá vịnh Hako rồi. Thế thì cụ bảo làm sao xuống đấy để tìm chúng được?

Nghe Tôraranh trả lời, cụ Arnơ có vẻ hơi hoạt bát lại như xưa. Đăm mạnh xuống bàn, cụ kêu lên:

- Bác nói gì vậy, Tôraranh? Có thật là ngài pháp quan ở Bôhu đã triệu tập một cuộc họp với các nhân viên pháp luật và viên lục sự của ngài, và chẳng một ai có thể thưa với ngài là có thể tìm thấy bọn hung thủ ở đâu không?

- Thưa cụ đúng như vậy, - Tôraranh trả lời. - Không có một người đang sống nào có thể nói với ngài pháp quan điều ấy!

Cụ Arnơ cau mày lại một lúc, mắt nhìn thẳng trước mặt. Rồi cụ lại quay về phía Tôraranh:

- Ta biết bác hết lòng với ta, Tôraranh ạ. Vậy bác có thể cho ta biết ta có thể trả thù bọn giết ta bằng cách nào không?

- Thưa cụ, Tôraranh đáp, - tôi hiểu rõ cụ muốn trả thù những kẻ độc ác đã cướp mất tính mệnh của cụ. Nhưng trong tất cả

những người đang sống trên trái đất của Chúa này, chẳng ai có thể giúp cụ trong việc này được.

Nghe xong câu trả lời đó, cụ Arnor ngồi trầm ngâm suy nghĩ, về rầu rĩ. Hai người im lặng một lúc, rồi Tôraranh yêu cầu cụ Arnor:

- Thưa cụ, tôi đã làm điều cụ mong muốn, tôi đã kể lại với cụ tình hình cuộc họp. Cụ không còn điều gì hỏi tôi nữa chứ, và cụ cho phép tôi cáo từ chứ ạ?

- Khoan đã, Tôraranh, - cụ Arnor nói. - Trước khi đi, bác hãy cam đoan với tôi một lần nữa rằng trong số những người đang sống, không có ai có thể trả thù cho chúng tôi được.

- Nếu như tất cả mọi người ở Bôhuxlăng và Na Uy tập họp lại để đi tìm bọn sát nhân thì họ cũng không thể tìm thấy chúng đâu.

Nhưng cụ Arnor nói:

- Thôi được, nếu những người đang sống không có khả năng giúp chúng tôi thì chúng tôi sẽ tự giúp mình vậy.

Rồi cụ cất tiếng to đọc kinh Lạy Cha không phải bằng tiếng Đan Mạch mà bằng tiếng La Tinh, như hồi xưa, mọi người trong nước quên làm.

Đọc một tiếng, cụ lại chỉ tay vào một người đang ngồi quanh bàn với cụ. Và cụ cứ làm như vậy cho đến lúc cụ cầu tiếng *amen*. Tới đây, ngón trỏ của cụ chỉ vào cô cháu nội của cụ.

Cô gái đứng lên ngay, và cụ nói với cô:

- Cháu biết việc cháu phải làm chứ?

Cô gái liền rên rĩ và nói:

- Xin ông đừng giao cho cháu một việc như vậy. Việc ấy quá sức một con bé yếu ớt như cháu.

- Sao lại không, chính cháu phải làm nhiệm vụ này, - cụ đáp, - cháu làm là đúng, bởi vì cháu có lý do hơn ai hết để đòi được trả thù. Trong chúng ta đây, không ai thiệt nhiều năm sống bằng cháu, vì cháu là người ít tuổi nhất.

- Cháu không đòi trả thù ai cả, - cô gái nói.

- Thôi lên đường ngay đi, - cụ nói tiếp, - cháu sẽ không đơn độc đâu, vì cháu biết rồi đấy: hai người tám hôm trước đây đã ngồi với chúng ta bên bàn này là ở trong số người đang sống.

Nghe xong vậy, Tôraranh đoán biết rằng cụ Arnor chỉ định bác phải bước vào cuộc chiến đấu với bọn hung ác giết người. Bác kêu lên:

- Lay Chúa, tôi van cụ, thưa cụ.

Ngay lúc đó, dường như bác trông thấy ngôi nhà và cụ Arnor biến mất trong một đám mây mù. Bác cảm thấy mình rơi xuống từ một độ cao ngợp người, rồi ngất đi.

Lúc bác tỉnh lại thì trời đang rạng đông. Bác thấy mình nằm ngay trên mặt đất trong sân nhà giáo sĩ. Con ngựa và cỗ xe vẫn ở cạnh bác, còn con Grim thì đang rống hết sức mà tru lên.

“Tất cả chỉ là một giấc mơ thôi, - Tôraranh tự bảo, - mình thấy rõ như vậy. Ngôi nhà này vắng vẻ và đang đổ nát. Mình chẳng hề nhìn thấy cụ Arnor mà mình cũng chẳng thấy ai nữa cả. Nhưng giấc mơ làm mình kinh hãi đến nỗi ngã lăn xuống đất.”

DƯỚI ÁNH TRĂNG

Nửa tháng sau khi cụ Arnor bị giết có đôi ba đêm trăng đẹp. Một tối nọ, Tôraranh đánh xe đi trên những con đường ngập ánh trăng. Bác cứ phải luôn tay ghìim ngựa lại tựa hồ như bác rất khó định hướng đi.

Tuy vậy, không phải bác đi xuyên qua một cánh rừng hoang vu mà trước mặt bác hình như là một cánh đồng mênh mông trên đó rải rác những gò đá nhỏ.

Một lớp tuyết lấp lánh phủ khắp vùng. Vì lạnh gió nên tuyết rơi rậm và đều, không cuốn thành lốc và cũng không dồn đống.

Nhìn hết tầm mắt, vẫn chỉ là một khoảng trống bao la trắng xóa, vẫn chỉ những gò đá nhỏ.

- Grim này, - Tôraranh lên tiếng, - nếu chiều nay, đây là lần đầu tiên chúng ta nhìn thấy vùng này, chắc chúng ta sẽ tưởng tượng là đang đi qua một vài cái truông lớn đấy. Nhưng cũng có thể chúng ta sẽ lấy làm lạ là tại sao mặt đất lại bằng phẳng đến thế, và trên đường lại không có những hòn đá hoặc mỏ đá nào. Chúng ta sẽ phải tự hỏi vùng này là vùng nào vậy mà không có hố, không có rào, không có lấy một bụi cây, một ngọn cỏ khô nào chồi lên mặt tuyết. Và tại sao không hề có một dòng sông, một con suối, trong khi ta vẫn thường nhìn thấy những dải nước xám cắt ngang những cánh đồng trắng xóa, ngay cả những lúc trời lạnh nhất.

Những ý nghĩ đó làm cho Tôraranh thấy rất vui và cả Grim cũng thấy hài lòng, nó nằm im không nhúc nhích trên xe, chỉ hấp háy đôi mắt. Nhưng Tôraranh vừa chấm dứt bài diễn văn của bác chưa được mấy chốc thì đã đến trước một cây hải tiêu.

- Nếu chúng ta không phải là dân vùng này, Grim ạ, - Tôraranh lại nói, - ắt chúng ta sẽ thắc mắc đấy là cái truông nào mà lại dựng những cái mốc như ta thường gặp trên mặt biển. Nói cho cùng thì đây không thể chỉ toàn là nước được. Thế nhưng tất cả những gò đá dường như nối liền với nhau này có phải là những hòn đảo lớn đảo nhỏ bị những đợt sóng động ngăn cách chăng? Không, chúng ta không thể tin như vậy được, phải không Grim?

Tôraranh cười, còn Grim thì vẫn nằm im. Tuy nhiên, trên đường đi tiếp, Tôraranh gặp một gò đá ngằm nhô cao, và bác phải đi vòng quanh. Bất chợt, bác kêu lên như nhìn thấy một cái gì kỳ diệu. Bác ngạc nhiên đến nỗi buông rơi dây cương và giơ hai tay lên trời.

- Grim ơi, mày không muốn tin rằng chúng ta đang đi trên mặt biển, vậy bây giờ chắc mày thấy rõ mày đang ở đâu chứ. Mày đứng dậy đi, mày sẽ nhìn thấy một chiếc tàu lớn ngay trước mặt chúng ta, mày không thể phủ nhận bằng chứng này, và mày sẽ phải thú nhận rằng chúng mình đang vượt biển.

Tôraranh còn dừng xe lại một lúc nữa để ngắm con tàu đang bị băng kìm giữ. Nó có vẻ như lạc đường giữa đồng bằng tuyết phủ này.

Nhìn thấy một cột khói nhẹ bốc từ boong mũi tàu, Tôraranh bèn đến bên con tàu và lên tiếng gọi thuyền trưởng, hy vọng sẽ bán được cá cho ông ta. Giờ bác chỉ còn vài con cá thu tươi dưới sàn xe, vì suốt cả ngày hôm ấy, bác đã đi một vòng tới mọi con tàu nhỏ bị mắc băng trong quần đảo, và bác đã bán hết xe cá.

Trên tàu, thuyền trưởng và các thủy thủ đang buồn đến chết được. Họ xô ra mua cá, không phải vì họ đang cần cá mà chỉ để có người nói chuyện.

Khi mọi người đã rời con tàu, đến bên Tôraranh, bác làm ra vẻ ngây thơ và nói chuyện về thời tiết.

- Từ xưa, chẳng có năm nào đẹp trời như năm nay, bác nói. – Đã gần ba tuần nay, trời rất lạnh mà không có gió, điều đó ít xảy ra ở quần đảo này.

Người thuyền trưởng, vốn đang bị mắc kẹt với con tàu chở đầy cá mòi trong một cái vịnh đóng băng gần Marxt'răng đúng vào lúc ông chuẩn bị ra khơi, bèn nhìn Tôraranh với vẻ mặt quàu quau và vặn lại:

- Thật đấy chứ? Thế này mà gọi là đẹp trời à?

- Tôi nói khác thế nào được? – Tôraranh hỏi lại với vẻ hồn nhiên trẻ thơ. – Trời thì sáng và xanh, gió thì lạnh, ban đêm cũng đẹp như ban ngày. Chưa bao giờ tôi có thể đánh xe đi trên băng hết tuần này sang tuần khác như thế này. Ít khi biển đóng băng tới tận đáy. Nếu như có năm nào biển đóng băng thì chỉ vài ngày sau là gió bão đã làm tan băng rồi.

Người thuyền trưởng vẫn u sầu rầu rĩ, ông chẳng đáp lại những lời ba hoa của Tôraranh.

Tôraranh bèn hỏi tại sao ông ta không đến Marxt'răng chơi, vì từ đây đến đó đi bộ không quá nửa giờ. Ông ta cũng không trả lời khiến Tôraranh đoán rằng ông ta không muốn rời con tàu, dù chỉ trong chốc lát, vì sợ không sẵn sàng nhổ neo ngay sau khi băng tan. “Thật ít khi mình thấy một người có đôi mắt lộ vẻ nhớ nhà đến u sầu như vậy”. – Tôraranh nghĩ thầm.

Phải giam mình giữa những dãy núi ngầm bao nhiêu ngày nay, không thể giương buồm ra khơi và mất nhiều thời gian đắm chìm trong suy tư, người thuyền trưởng nói với Tôraranh:

- Bác đã đi khắp đất nước và được nghe mọi chuyện, vậy bác có biết tại sao năm nay Chúa lại đóng cửa mọi đường ra biển trong một thời gian dài và giam hãm chúng tôi như thế này không?

Nghe thấy thế Tôraranh không cười nữa, song làm như không hiểu và nói:

- Tôi không biết ông định nói gì?

- Thế này, - thuyền trưởng nói, - có một năm chúng tôi bị hãm lại ở cảng Berghen, suốt một tháng trời, ngày nào cũng có gió ngược đến nỗi không một chiếc tàu nào giương buồm ra khơi được. Đó là vì có một thằng ăn cắp của nhà thờ đang ẩn náu trong một chiếc tàu đang phải nằm lại đó, và nếu như không có bão to thì hắn đã thoát khỏi vòng pháp luật rồi. Cuối cùng người ta đã tìm ra nơi hắn trốn và người ta vừa mới dẫn hắn lên mặt đất là trời lập tức đẹp trở lại, và gió thuận lại thổi. Bây giờ chắc bác đã hiểu ý tôi khi hỏi bác tại sao Chúa lại đóng mọi cửa ra biển?

Tôraranh đứng lặng đi một lát. Có lúc bác đã định mạnh bạo nói lên sự thật, song bác lại đổi ý.

- Vì bị giam chân mãi giữa những tảng đá này nên ông mới có những ý nghĩ u sầu đó thôi, - bác nói. - Ông không đi Marxt'răng sao? Ở đó rất vui, ông cứ tin tôi đi. Hàng trăm người ngoại quốc đang ở đó, họ chẳng lo chuyện gì khác ngoài việc uống rượu và nhảy múa.

- Nhưng vì sao ở Marxt'răng người ta lại vui chơi dữ vậy? - Thuyền trưởng hỏi.

- Ồ, - Tôraranh đáp, ở đó dân đi biển đông như kiến, tàu của họ cũng bị kẹt giữa băng như tàu của ông ấy. Có cả nhiều dân chài vừa mới đánh cá mỗi xong nhưng chưa về nhà được vì trời lạnh. Hơn nữa, còn có rất nhiều người lính đánh thuê người Xcốtlen giải ngũ, đến Marxt'răng để đợi dịp trở về quê hương. Ông tưởng những con người lương thiện này đều mang bộ mặt đưa đám và không nhân dịp tốt để vui sống hay sao?

- Rất có thể những người đó sẵn lòng vui chơi, song về phần tôi, tôi cho rằng cứ nằm ở đây là tốt nhất, thuyền trưởng trả lời.

Tôraranh liếc nhìn ông ta rất nhanh. Thuyền trưởng người cao và gầy, đôi mắt ông ta trong suốt lộ vẻ buồn phiền.

“Chẳng có ai kể cả mình có thể làm cho con người này vui lên được.” – Tôraranh tự nhủ.

Song thuyền trưởng nối lại câu chuyện một lần nữa:

- Những người Xcốtlen ấy có phải người tử tế không?

- Ông là người sẽ đưa họ về Xcốtlen chẳng? – Tôraranh hỏi lại.

- Đúng, tôi chở hàng đi Ezimbuốc, vừa rồi có một người Xcốtlen tới đây đề nghị tôi chở anh ta và mấy người bạn. Nhưng tôi không muốn cho một bọn mọi rợ như vậy lên tàu. Vì thế tôi nói để suy nghĩ ít hôm đã. Bác có nghe nói gì về họ không? Theo ý bác, tôi có thể liều nhận họ lên tàu được không?

- Tôi chẳng nghe nói gì về họ cả, chỉ thấy thiên hạ khen họ là những chàng trai dũng cảm. Ông có thể yên tâm mà nhận họ.

Nhưng đúng vào lúc Tôraranh nói như vậy, con chó của bác nhồm dậy trong xe, hếch mũi lên trời và tru lên. Tôraranh lập tức dừng lại không dám khen những người Xcốtlen nữa. Bác nói với con chó:

- Mày làm sao thế, Grim? Chắc mày thấy tao lần chần ở đây quá lâu, tán róc mất nhiều thời gian chứ gì?

Bác liền sửa soạn lên đường.

- Thôi, xin từ biệt các ông, - bác nói.

Tôraranh trở về Marxt'răng qua eo biển nằm giữa hai hòn đảo Klôvorôn và Kôn. Khi về gần tới thành phố, bác nhận thấy không phải chỉ có mình bác trên mặt băng. Ánh trăng sáng ngời soi vào một người đàn ông có dáng hiên ngang bước đi trên tuyết. Tôraranh thấy anh ta đội một chiếc mũ gài lông chim và mặc bộ quần áo phòng sang trọng.

- Kìa, - Tôraranh nghĩ thầm, - đó chính là ngài Arsi, chỉ huy toán chiến binh Xcốtlen, chiều nay đã tới tận chiếc tàu kia để tổ chức chuyển đi trở về Xcốtlen.

Tôraranh đã đến sát bên Arsi. Chiếc xe trượt đã đuổi kịp cái bóng của anh ta đổ dài trên mặt đường, và con ngựa đã nện gót trên bóng chiếc mũ lông chim.

- Grim ơi, - Tôraranh nói, - liệu chúng ta có nên hỏi xem anh ta có muốn lên xe cùng về thành phố với chúng ta không?

Ngay lập tức, con chó chồm dậy, song Tôraranh đã đặt tay lên lưng nó:

- Yên nào, Grim thân mến, tao thấy màu không thích những người Xcốtlen.

Arsi vẫn không biết Tôraranh đã đến gần. Anh ta bước đi không hề ngoái lại phía sau. Tôraranh nhẹ nhàng cho xe lượn sang bên để vượt lên trước.

Lúc ấy, bác nhìn thấy phía sau người Xcốtlen sang trọng kia có một vết gì giống cái bóng người khác nữa, một vật gì dài, mảnh, màu xám lướt nhẹ trên mặt tuyết, không để lại dấu chân mà cũng chẳng gây tiếng lạo xạo nào.

Anh chàng Xcốtlen bước những bước dài. Anh ta chẳng hề nhìn sang hai bên. Nhưng cái bóng xám mỗi lúc một sát vào người anh ta hơn, như muốn nói thầm vào tai anh ta.

Tôraranh cho xe chạy chậm lại để đi ngang với hai người kia. Và bác nhìn thấy rõ mặt người Xcốtlen dưới ánh trăng. Lông mày anh ta nhíu lại, nét mặt cau có, giận dữ, dường như anh ta đang bị những ý nghĩ phiền toái ám ảnh.

Tôraranh định vượt lên trước thì bỗng người Xcốtlen quay đầu lại như thể là hắn vừa nhận ra có người theo sau.

Tôraranh trông thấy rõ ràng một cô gái mặc bộ đồ lưng thung đang lướt sau lưng Arsi, song Arsi không trông thấy cô ta. Cô ta đứng im lặng khi Arsi quay đầu lại, và cái bóng to lớn tối tăm của anh ta trùm lên người cô ta.

Arsi lại tiếp tục bước thật nhanh, và cô gái lại đi theo anh ta, hình như có thì thầm điều gì đó vào tai Arsi.

Nhìn thấy thế, Tôraranh phát hoảng không thể chịu nổi, bác bật kêu lên và quất ngựa, thành thử bác đã phóng như điên về đến tận cửa nhà bác và con ngựa ướt đầm mồ hôi.

SĂN ĐUỔI

1

Thành phố với những ngôi nhà đủ các cỡ nằm trên phần đảo Marxt'răng hướng về trung tâm quần đảo và được nhiều đảo lớn đảo nhỏ bao bọc. Ở đó, dân cư đi lại như mắc cửi trên các đường phố lớn nhỏ. Ở đó, có bến cảng san sát tàu thuyền. Ở đó, người ta ướp cá mòi và mỗ cá; ở đó, một ngôi nhà thờ đứng sừng sững giữa một bên là nghĩa địa, một bên là tòa thị chính. Và cũng ở đó, người ta đã xây một cái chợ. Những cây đại thụ cành lá đu đưa che mát thành phố trong những ngày hè.

Ở phía tây trông ra biển, đảo Marxt'răng chẳng có đảo nào khác hoặc dãy đá ngầm bao bọc, chỉ thấy những tảng đá trơ trụi, hoang vu, và những doi đất nhăm nhở trườn ra trên mặt sóng. Ở đó, một vài bụi cây thanh thảo vươn những cây đầy gai mọc rậm rạp quanh những hốc rái cá, những hàng rào và những tổ vẹt biển và mòng biển. Song không có lấy một con đường nhỏ, một mái nhà, một bóng người.

Túp lều của Tôraranh nằm ở tít đỉnh hòn đảo, một phía trông xuống thành phố và một phía trông ra một dải đất hoang vu.

Khi Enxalin mở cửa, trước mặt cô là những tảng đá lớn trơ trụi, từ đó có thể nhìn ra xa về phía tây tới tận đường chân trời mờ mờ ngoài khơi.

Tất cả thủy thủ và dân chài đang bị băng giá giữ chân lại ở Marxt'răng đều phải đi ngang qua nhà Tôraranh để trèo lên những mỏm đá để xem xét tình hình lớp băng phủ trên các vịnh và eo biển.

Enxalin thường đứng ở ngưỡng cửa túp lều, mắt dõi theo những người đang trèo lên. Lòng cô tan nát kể từ khi cô gặp phải tai họa vô biên kia. Cô nghĩ: “Sung sướng thay những người vẫn còn chút gì để mong muốn. Chứ như mình thì thật chẳng còn ao ước cái gì trên đời này nữa”.

Một buổi tối, Enxalin trông thấy một người cao lớn, đội mũ gài lông chim, đứng trên tảng đá như mọi người, nhìn về phía tây, phía biển khơi. Cô nhận ra ngay đó là Arsi, vị chỉ huy người Xcốtlen, kẻ đã nói chuyện với cô trên bến tàu.

Khi đi ngang qua nhà Tôraranh, anh ta ngoái đầu lại và nhìn thấy Enxalin đang đứng trước cửa, mắt đắm lệ.

- Tại sao cô lại khóc? – Anh ta hỏi và dừng lại bên cô.

Enxalin trả lời:

- Tôi khóc vì tôi chẳng còn gì để mong ước cả. Khi tôi thấy anh trèo lên những tảng đá ngắm nhìn biển khơi, tôi nghĩ: “Chắc ở nơi đó, phía bên kia biển, có một xứ sở mà anh sắp được thấy trở lại”.

Những lời nói này làm Arsi cảm động, anh ta nói:

- Bao nhiêu năm nay, chẳng ai nói với tôi về quê hương tôi cả. Có trời biết nhà cửa cha tôi bây giờ ra sao. Tôi rời nhà đi phục vụ trong quân đội nước ngoài từ khi mười bảy tuổi.

Và thế là Arsi theo Enxalin vào trong nhà, kể về nhà cha anh cho cô nghe.

Enxalin ngồi lặng yên, ân cần lắng nghe Arsi kể chuyện. Mỗi lời nói của anh ta đều làm cô vui thích.

Đến lúc phải ra về, Arsi xin phép Enxalin được hôn cô. Enxalin từ chối và bước vội ra cửa, nhưng Arsi đã chặn lối định cưỡng ép cô.

Ngay lúc ấy, cánh cửa phòng bật mở, bà chủ nhà đột ngột bước vào. Arsi lùi lại và đành bắt tay từ biệt cô, rồi bước nhanh ra ngoài.

Bà mẹ Tôraranh nói với cô:

- Cháu đã nhờ người đi tìm bà thật đúng lúc. Một cô gái trẻ ở một mình trong phòng với một người đàn ông như ngài Arsi này là không nên. Cháu biết đấy, lính đánh thuê thì chẳng cần gì đến danh dự, đến lương tâm!

- Cháu đã nhờ người đi tìm bà ư? – Enxalin thốt lên, ngạc nhiên.

- Chứ sao nữa, - bà cụ trả lời. – Khi bà đang làm trên bến thì có một cô gái lạ mặt đến nói với bà rằng cháu nhắn bà về ngay.

- Cô gái ấy trông thế nào? Enxalin lại hỏi.

- Bà không nhìn kỹ cô ấy nên không thể tả lại được, nhưng bà để ý cô ấy đi trên tuyết hết sức nhẹ nhàng, không hề có tiếng bước chân.

Nghe nói vậy, Enxalin bỗng tái mặt, cô thì thào: “Thế thì đó là một thiên thần, một thiên thần đến báo tin và đưa bà về nhà”.

2

Một ngày khác, Arsi lại tới nhà Tôraranh nói chuyện với Enxalin.

Trong nhà chỉ có hai người ngồi chuyện trò vui vẻ với nhau. Arsi nói với Enxalin rằng cô nên theo anh ta về Xcốtlen, anh sẽ xây cho cô một tòa lâu đài và cô sẽ trở thành một bà chủ lâu đài sang trọng.

Anh ta nói rằng cô sẽ có hàng trăm gia nhân phục dịch và cô sẽ được đi dự các vũ hội trong triều.

Enxalin im lặng nghe Arsi, cô không hề nghi ngờ rằng đó chỉ là những lời hươu vượn. Arsi thì nghĩ thầm rằng chưa bao giờ anh ta lại gặp một người con gái dễ đánh lừa như Enxalin.

Anh ta bỗng im bặt và nhìn vào bàn tay trái của mình.

- Có gì vậy, Arsi? – Enxalin hỏi. – Sao anh không nói gì nữa thế? Tay anh bị đau hay sao?

Arsi bối rối quay lại và nói với cô:

- Enxalin, em có nhìn thấy những sợi tóc cuốn quanh bàn tay anh không? Em có thấy cái lọn tóc màu vàng này không?

Khi Arsi bắt đầu nói, Enxalin không nhìn thấy gì cả; nhưng khi Arsi sắp dứt lời, cô nhận thấy một nắm tóc tơ màu vàng quấn hai vòng quanh tay anh chàng Xcốtlen.

Cô gái sợ hãi đứng phắt dậy kêu l ên.

- Arsi, những sợi tóc cuốn quanh tay anh là của ai vậy?

Anh nhìn cô, vẻ ngạc nhiên phân vân:

- Rõ ràng đó là những sợi tóc thật, Enxalin ạ, anh cảm thấy nó mềm mại và mát rượi trong bàn tay anh. Nhưng nó ở đâu ra nhỉ?

Cô gái nhìn bàn tay chăm chú đến nỗi con mắt cô như sắp sửa rơi ra.

- Tóc của chị nuôi em cuốn quanh bàn tay kẻ giết chị ấy cũng y như thế đấy, - cô nói.

Arsi bèn cười, rút nhanh tay về, và nói:

- Em và anh, Enxalin ạ, chúng ta đã hoảng sợ như trẻ con ấy. Chắc cái mà chúng ta tưởng là tóc chỉ là một tia nắng đẹp rọi qua cửa sổ thôi.

Tuy vậy, cô gái vẫn khóc và nói:

- Em cứ hình dung như mình đang nấp sau lò sưởi, nhìn thấy bọn giết người đang đâm chém. Than ôi, em cứ hy vọng cho đến phút cuối cùng bọn chúng không tìm thấy người chị nuôi yêu quý của em. Nhưng rồi một tên đã lôi chị ấy từ nơi ẩn nấp ra, và khi chị ấy cố thoát thân, hắn đã xoắn tóc chị ấy quanh bàn tay hắn để giữ lại. Chị đã quỳ xuống van xin hắn: “Tôi còn trẻ lắm, xin ông hãy cho tôi được sống, để tôi có thời gian hiểu được vì sao tôi tồn tại trên trái đất này. Tôi có làm hại gì ông đâu mà ông

muốn giết tôi, mà ông không cho tôi được sống?” Hấn đã không thèm nghe và đã giết chị ấy.

Trong khi Enxalin nói, Arsi cau mày, quay mặt đi.

- Ôi mong sao có một ngày em sẽ gặp lại hấn! - Enxalin thốt lên và nhìn Arsi, hai tay nắm chặt.

- Em không thể gặp lại hấn nữa đâu, - Arsi nói, - hấn chết rồi.

Cô gái buông người xuống ghế và thốn thức.

- Arsi, Arsi, tại sao anh lại làm em nhớ đến những người đã khuất? Em sẽ khóc suốt cả buổi tối, suốt cả đêm nay. Anh hãy đi đi, Arsi vì lúc này em chỉ nghĩ đến những người đã mất, em chỉ nghĩ đến tình thương mến của chị nuôi em đối với em thôi.

Arsi không an ủi nổi cô, trái lại, nước mắt và những lời than vãn của cô đã đẩy anh ta ra khỏi nhà cô và anh ta quay về quán rượu với bạn hữu.

Arsi không hiểu vì sao anh ta luôn bị những ý nghĩ đen tối ám ảnh, chúng cứ dai dẳng đeo đuổi anh ta, cả trong khi nói chuyện với Enxalin lẫn khi nhậu nhẹt với bạn hữu. Dù anh ta có đi nhẩy tại các nhà dân chài hay dù có đi dạo liên miên trên mặt biển đã đóng băng, anh ta vẫn không tài nào dứt khỏi chúng được. “Tại sao mình cứ phải nhớ lại mãi những điều mà mình rất muốn quên đi? - Arsi nghĩ. - Hình như có một người nào đấy cứ theo sát mình và thì thầm vào tai mình. Mình có cảm giác như người ta chăng lưới quanh mình để chiếm đoạt mọi ý nghĩ của mình, chỉ để lại cho mình ý nghĩ duy nhất đó. Mình không thể trông thấy kẻ săn đuổi đang chăng bẫy mình, nhưng mình nghe thấy

tiếng chân khi người ấy lướt theo mình. Cứ như một họa sĩ luôn đi trước mình, và biến mọi cái trước mặt mình thành một bức tranh duy nhất. Dù mình nhìn lên trời hay nhìn xuống đất, mình vẫn chỉ trông thấy có một cái đó thôi. Mình tưởng như có một người thợ đá đang đục thủng trái tim mình và nhét vào đó một nỗi đau độc nhất vô song. Mình không thể trông thấy người thợ đá, nhưng mình nghe tiếng anh ta đập gỗ suốt ngày đêm. Người đó nói ôi trái tim bằng đá, ôi trái tim bằng đá, cuối cùng mày cũng phải khuất phục thôi. Cứ đục mãi, cuối cùng cũng nhét được nỗi đau ấy vào mày thôi.”

Arsi có hai người bạn, đó là Phillip và Rêginan lúc nào cũng cặp kè bên Arsi. Họ lấy làm buồn cho Arsi cứ rầu rĩ hoài.

- Có việc gì thế? - Họ hỏi Arsi. - Tại sao mắt cậu long lên mà mặt cậu lại tái mét đi thế?

Arsi không muốn thú nhận điều đang day dứt trong lòng mình. Anh ta nghĩ: “Các bạn ta còn coi ta ra gì nếu như họ biết ta đã để cho mình có những ý nghĩ chẳng mang khí phách nam nhi như vậy. Họ sẽ không vâng lời ta nữa nếu họ biết rằng một việc làm, tuy là rất cần thiết, lại gây cho ta bao nỗi ăn năn.”

Vì họ thúc ép quá, Arsi đành trả lời để cho họ khỏi nghi ngờ:

- Mấy ngày qua mình thấy một điều lạ lùng lắm. Mình không tài nào gần được một cô gái mà mình muốn được yêu. Lúc nào cũng như có một cái gì chen vào giữa mình và cô ấy.

- Có lẽ con bé ấy không yêu cậu đó thôi! - Rêginan nói.

- Có chứ, mình cho rằng cô ta muốn điều tốt cho mình, - Arsi trả lời, - tuy thế hình như có một cái gì luôn luôn che chở cho cô ta, khiến mình không thể chinh phục cô ta được.

Rêginan và Phillip cùng phá lên cười và kêu lên:

- Thôi đừng lo. Chắc chắn là bọn này sẽ đem con bé ấy đến cho cậu.

Chiều hôm đó Enxalin đi một mình trong ngõ hẻm để về nhà. Cô trở về mệt mỏi sau một ngày làm việc và nghĩ thầm: “Cuộc sống này thật là vất vả, và chẳng mang lại cho mình một chút vui thích nào. Mình phát ngấy lên vì phải ngồi cả ngày giữa đồng cá nặng mùi. Mình phát chán lên vì phải nghe những tiếng cười

đùa choe chõe của mấy bà. Mình cũng đâm chán vì những con mòng biển háu ăn cứ bay lượn trên bàn chực cướp từng mẩu các của mình. Ôi, nếu có một người nào đó đưa mình đi khỏi nơi đây, mình sẽ theo anh ta đến tận cùng trời cuối đất.”

Khi Enxalin đi tới quãng đường tối nhất, Rêginan và Phillip từ bóng tối nhô ra, đến chào cô.

- Cô Enxalin này, - họ nói. - Arsi nhờ chúng tôi báo tin cho cô... Anh ấy bị ốm nặng, nằm ở nhà trọ. Anh ấy rất muốn nói chuyện với cô và nhắn cô theo chúng tôi tới chỗ anh ấy.

Enxalin sợ Arsi ốm nặng nên quay lại ngay theo mấy anh chàng quý tộc Xcôtlen tự nguyện dẫn đường cho cô.

Phillip và Rêginan đi hai bên cô. Họ nhìn nhau cười và nghĩ rằng chẳng có gì dễ hơn đánh lừa Enxalin.

Quay trở lại con đường vừa đi, Enxalin vội vàng rảo bước gần như chạy, Phillip và Rêginan phải sải chân bước để khỏi bị rớt lại phía sau.

Nhưng trong khi Enxalin đang vội như vậy, có một vật gì lăn dưới chân cô, một vật gì đó đã bị ném ở đằng trước và suýt làm cô vấp ngã.

“Cái gì lăn trước chân mình thế nhỉ, - Enxalin nghĩ thầm, - chắc là mình đá phải một hòn đá làm nó lăn xuống dốc.” Cô đang sốt ruột đến bên Arsi, và không muốn dừng lại chỉ vì cái vật đang lăn phía trước, cô liền hất nó sang bên đường. Nhưng vật đó lăn trở lại ngay lập tức, rồi lại lăn trước Enxalin trên con đường gồ ghề. Những khi vật đó va phải hòn sỏi và nảy lên, nó kêu lanh canh như một đồng tiền, và Enxalin thấy nó lấp lánh trong bóng tối.

“Đó không phải là một hòn đá thường. Mình ngờ rằng đó là một đồng bạc”. Nghĩ vậy, nhưng cô đang vội đến gặp Arsi nên chẳng để mất thời gian cúi nhặt nó lên.

Song vật đó vẫn tiếp tục lăn trước mặt cô. Cô nghĩ: “ Nếu mình cúi xuống nhặt đồng bạc đó lên chắc mình sẽ đi được nhanh hơn. Và nếu nó chẳng đáng giá gì thì mình sẽ vứt nó ra thật xa.”

Cô liền cúi xuống nhặt đồng bạc lên. Đó là một đồng *êquy* lớn bằng bạc tỏa sáng lấp lánh trong bàn tay cô.

- Cô nhặt được vật gì trông sáng ngời dưới ánh trăng vậy? - Rêginan hỏi.

Cũng vừa lúc đó ba người đi tới căn nhà lớn, nơi ở trọ của những người nước ngoài tới Marxt'răng đánh cá. Một chiếc đèn lồng treo trước cửa ra vào rọi ánh sáng yếu ớt ra ngoài phố.

- Cô cho tôi xem vật cô nhặt được nào. - Phillip dừng lại trước ngọn đèn nói.

Enxalin giơ đồng tiền ra trước ánh sáng đèn, song vừa mới liếc nhìn nó cô đã kêu lên:

- Đó là đồng *êquy* của cụ Arnơ, tôi nhận ra nó mà, đó là một đồng *êquy* trong sổ bạc của cụ Arnơ.

Rêginan ngắt lời cô:

- Cô nói gì vậy? Tại sao cô lại bảo đó là đồng *êquy* của cụ Arnơ?

- Tôi nhận ra đồng *êquy* đó mà - Enxalin nhắc lại. - Tôi thường thấy cụ Arnơ cầm những đồng *êquy* của cụ trong tay. Chắc chắn đó là đồng *êquy* của cụ Arnơ.

- Cô đừng kêu to như vậy. - Phillip nói. - Đấy thiên hạn không hiểu tại sao cô kêu đang chạy tới kia kìa.

Enxalin không nghe lời Phillip. Cô thấy cửa một căn nhà để ngỏ. Bên trong một đồng lửa bập bùng giữa nhà. Nhiều người đàn ông đang ngồi quanh đồng lửa chuyện trò bình thản.

Enxalin chạy tới họ, , tay giơ cao đồng *êquy*.

- Các ông ơi, xin các ông nghe tôi nói, - cô kêu to, - giờ đây tôi biết rằng bọn người sát hại cụ Arnơ còn sống. Các ông nhìn xem, tôi vừa mới tìm được một đồng *êquy* của cụ Arnơ.

Tất cả mọi người quay lại nhìn cô. Cô nhận ra có cả bác hàng cá Tôraranh cùng ngồi với đám dân chài.

- Sao cô rồi rít lên thế?- Tôraranh hỏi. - Làm sao cô phân biệt được đồng *êquy* với những đồng *êquy* khác?

- Tôi có thể nhận ra chính xác đồng *êquy* này với những đồng khác. Nó cũ kỹ, rất to, và có một vết khắc trên mép. Cụ Arnơ nói rằng nó có từ thời các triều vua Na Uy khi xưa. Khi cần tiêu tiền cụ Arnơ chẳng bao giờ chịu dùng đến nó.

- Nhưng cô phải nói cho chúng tôi biết cô đã lượm được đồng *êquy* này ở đâu chứ? - Một người đánh cá nói.

- Tôi nhìn thấy nó lẫn ở ngoài phố ngay trước mắt tôi. Chắc một tên trong bọn sát nhân đã đánh rơi nó.

- Có lẽ cô nói đúng đấy. - Tôraranh nói, song đồng *êquy* này sẽ giúp được gì cho chúng ta? Chúng ta làm sao tìm ra được bọn sát nhân chỉ với mỗi một điều là cô biết được rằng chúng đã đi trên đường phố này?

Mọi người đều cho rằng Tôraranh nói phải và họ lại ngồi xuống quanh đồng lửa.

- Enxalin, cô đi với chúng tôi về nhà chứ? - Tôraranh nói tiếp. - Con gái không nên lang thang ngoài phố vào giờ này.

Nghe Tôraranh nói thế, Enxalin quay người lại đưa mắt tìm mấy anh bạn cùng đi, song Rêginan và Phillip đã biến mất từ lúc nào không biết.

TRONG QUÁN RƯỢU THỊ SẢNH

Một buổi sáng đẹp trời bà chủ quán rượu tại tòa thị sảnh ở Maxtrăng vừa mở cửa để cọ rửa cầu thang và phòng ngoài thì thấy một cô gái nhỏ đang ngồi trên bậc cầu thang có vẻ chờ đợi. Cô mặc một chiếc áo thun màu xám có thắt lưng ở ngang thân, mái tóc vàng không cuộn lên mà cũng không tết buông xõa hai bên má cô.

Khi cánh cửa mở ra, cô gái đứng dậy, bước xuống phòng ngoài. Bà chủ thấy cô đi như người trong mơ, mắt nhìn xuống hai cánh tay khép sát vào người. Cô gái lạ mặt tiến sát lại gần bà chủ quán. Cô càng lại gần, bà chủ quán càng ngạc nhiên vì dáng người tha thướt và chân tay thanh mảnh của cô. Tuy khuôn mặt cô rất xinh, nhưng có vẻ hốc hác và trong suốt như thủy tinh.

Tới bên bà chủ quán, cô hỏi liệu ở quán có việc gì mà cô có thể làm được chăng và cô xin bà nhận cô vào làm còn ở.

Bà chủ nghĩ tới những người đàn ông thô lỗ tối tối thường đến đây uống rượu vang, uống bia và bà không khỏi bật cười:

- Không, không, ở quán tôi không có việc gì phù hợp với một cô gái bé nhỏ như cô đâu.

Cô gái không ngược nhìn lên, đứng yên không cử động, nhưng lại cầu xin bà nhận cô vào làm người hầu trong quán. Cô không yêu cầu bà nuôi ăn hoặc trả tiền công, cô chỉ muốn có việc làm.

- Không, - bà chủ nhắc lại.- Dù cô là con gái tôi đi nữa tôi cũng vẫn sẽ từ chối. Theo ý tôi, cô xứng đáng với những việc làm tốt hơn là làm người hầu ở quán tôi.

Cô gái nhẹ nhàng bước trở lên cầu thang. Bà chủ quán đưa mắt nhìn theo. Bà thấy cô quá bé nhỏ, quá yếu ớt để có thể tự bảo vệ nên bà động lòng thương xót. Bà bèn gọi cô lại và nói:

- Một mình lang thang ngoài đường phố, có thể cô gặp nhiều nguy hiểm hơn là ở quán chúng tôi. Thôi, hôm nay cô ở lại đây, cô sẽ rửa bát đĩa, để rồi tôi xem có việc gì hợp với cô không.

Bà dẫn cô vào một căn phòng nhỏ xíu bố trí sau gian bán hàng. Căn phòng này không lớn hơn cái tủ là bao. Nó chẳng có cửa lùa, mà cũng chẳng có cửa sổ. Ánh sáng lọt vào qua một cái lỗ trống trên bức tường của gian bán hàng.

- Hôm nay cô cứ ở đây, rửa tất cả những bát đĩa mà tôi sẽ đưa vào cho cô qua cái lỗ này, - bà chủ quán nói với cô gái. - Rồi tôi sẽ quyết định sau xem cô có thể giữ cô lại giúp việc cho tôi không.

Cô gái trẻ bước vào gian phòng hẹp. Những cử động của cô hoàn toàn không gây một tiếng động. "Thật chẳng khác nào một hồn ma lướt vào trong mờ." - bà chủ quán nghĩ bụng.

Thế là cô ở đó suốt ngày, không nói chuyện với ai, mà cũng chẳng hề ghé mặt vào lỗ tường để nhìn những người ra vào trong quán rượu. Cô cũng không động đến thức ăn người ta đem đến cho cô.

Chẳng ai nghe tiếng bát đĩa va chạm vào nhau, nhưng mỗi khi bà chủ quán thò tay qua lỗ tường, cô gái lại trao cho bà những chồng bát đĩa đã rửa sạch bóng, không một vết bẩn.

2

Vào một ngày không có việc làm cá ngoài bến tàu, Enxalin ở nhà một mình, ngồi kéo sợi. Một ngọn lửa ấm áp cháy trong lò sưởi, chiếu khá sáng gian nhà. Đang làm việc, Enxalin cảm thấy có một làn gió nhẹ thoảng trên trán cô tựa như một làn hơi lạnh. Cô ngước mắt lên và trông thấy người chị nuôi đã chết đứng ngay trước mặt.

Enxalin đưa tay dừng guồng sợi và ngồi lặng người, mắt dán vào người chị nuôi. Thoạt đầu cô thấy sờ sợ. Nhưng rồi cô nghĩ: "Mình không được phép sợ người chị nuôi của mình. Dù chị ấy còn sống hay đã chết, mình cũng rất sung sướng gặp lại chị."

- Chị thân yêu ơi, - cô nói với hồn ma, - chị muốn gì em thế?

Người kia trả lời, giọng yếu ớt không có âm sắc:

- Em Enxalin, chị xin vào làm đầy tớ tại một quán rượu. Bà chủ đã để đứng cả ngày rửa bát đĩa. Tối nay chị thấy mệt quá, không thể làm được nữa, chị đến hỏi em xem có vui lòng đến giúp chị không?

Nghe những tiếng nói này, Enxalin cảm thấy có một bức màn đang trùm lấy đầu óc cô. Cô không thể nghĩ được gì nữa, không thấy ngạc nhiên mà cũng không thấy sợ hãi. Cô chỉ cảm thấy vui sướng được gặp lại chị nuôi. Cô đáp:

- Được chứ, chị thân yêu. Em sẽ đến giúp chị ngay đây.

Hồn ma đi ra cửa và Enxalin theo sau. Nhưng khi họ sắp bước qua ngưỡng cửa, người chị nuôi nói với Enxalin:

Em hãy mặc áo khoác vào, bên ngoài đang có bão đấy. Hồn ma nói những câu này rõ hơn những câu trước.

Enxalin với chiếc áo treo trên tường xuống và khoác vào người. Cô nghĩ: “Chị ấy vẫn yêu thương mình. Chị ấy không muốn mình gặp phải điều không hay. Mình rất sung sướng được theo chị đến bất cứ nơi nào chị muốn.”

Và đi theo hồn ma, Enxalin rời xa dần căn lều của Tôraranh cất trên một dốc đá, rồi qua nhiều phố, đi xuống phía bên cảng và chợ.

Hồn ma luôn luôn đi trước Enxalin vài bước. Gió nổi dữ dội, luồn ào ào vào những phố nhỏ. Enxalin nhận thấy mỗi khi gió thổi mạnh sắp ép cô vào tường, hồn ma lại cố sức lấy thân hình mỏng dính của mình chắn gió cho cô.

Cuối cùng họ cũng tới được Tòa thị sảnh. Hồn ma bước xuống cầu thang hầm rượu, nơi đặt quán rượu. Hồn ma ra hiệu cho Enxalin đi theo mình. Họ đang bước xuống bậc thang thì bỗng một cơn gió thổi tắt ngọn đèn treo ở phòng ngoài. Bóng tối bao phủ lấy họ. Enxalin không biết đặt chân vào đâu nữa và hồn ma phải cầm lấy tay cô dắt đi. Khi bàn tay hồn ma chạm vào cô lạnh ngắt, Enxalin rùng mình và run lên sợ hãi. Hồn ma vội rút tay lại và lót tay mình bằng vạt áo choàng của Enxalin rồi mới lại cầm tay cô để dẫn đi. Song Enxalin vẫn cảm thấy cái lạnh thấu xương qua làn áo lông có lượt vải lót.

Hồn ma dẫn Enxalin dọc theo một hành lang hẹp, rồi mở cửa đưa Enxalin vào một gian phòng nhỏ xíu tối om, chỉ mờ mờ sáng nhờ cái lỗ nhỏ trổ trên tường. Enxalin thấy mình ở trong một nơi mà bà chủ quán bắt chị cô phải đứng rửa bát đĩa phục vụ khách. Trong bóng tối, Enxalin thấy lơ mờ một chậu nước đầy đặt trên một chiếc ghế đầu, và trên lỗ tường có rất nhiều cốc tách, bát đĩa bẩn.

- Em có thể làm việc giúp chị tối nay không? Enxalin. - Hồn ma hỏi.

- Có chứ, chị thân yêu. Em sẽ làm tất cả những gì chị muốn.

Và cô cởi ngay áo choàng ra, xắn tay áo lên và bắt đầu rửa bát.

- Em cứ bình tĩnh và yên lặng tuyệt đối, Enxalin nhé, để bà chủ khỏi biết có người đến giúp chị.

- Vâng, em sẽ không động đây, không nói năng gì. - Enxalin trả lời.

- Vậy chị xin vĩnh biệt em, Enxalin. - Hồn ma nói, - nhưng chị còn phải dặn em một điều: chị xin em sau này đừng có quá giận chị nhé.

- Tại sao chị lại nói vĩnh biệt, - Enxalin nói, - tối nào em cũng sẽ đến giúp chị cơ mà.

- Không, chị chỉ cần em tối nay thôi, chị tin rằng tối nay em sẽ giúp chị nhiều việc quan trọng đến nỗi công việc của chị nhờ thế mà kết thúc tốt đẹp.

Vừa nói chuyện với chị, Enxalin vừa cúi đầu làm việc.

Một lát yên lặng, rồi cô gái cảm thấy một làn gió nhẹ lướt qua trán giống như khi hồn ma đến với cô ở nhà Tôraranh. Cô ngẩng lên và thấy chỉ còn lại một mình. Cô hiểu ý nghĩa của làn gió nhẹ lướt trên trán cô và nghĩ thầm: "Người chị nuôi đã chết của mình đã hôn lên trán mình trước khi ra đi đấy."

Thoạt tiên Enxalin rửa cho xong mấy chồng bát đĩa, cô tráng lại tất cả rồi lau khô. Sau đó cô quay ra xem có bát đĩa nào bẩn mới đặt lỗ tường chưa, vì không thấy gì ở đó, cô nhòm qua lỗ vào gian hàng.

Vào giờ này theo lệ thường thì chẳng còn ai tới quán rượu nữa. Bà chủ quán không còn đứng sau quầy và cũng chẳng còn người đầy tớ nào làm việc trong phòng. Duy chỉ còn ba người đàn ông ngồi ở đầu một chiếc bàn dài. Họ là khách, song ở quán hàng này họ hoàn toàn tự nhiên như ở nhà mình: một người trong bọn uống cạn vại rượu, rồi đi đến bên những thùng bia xếp chồng lên nhau cạnh quầy bán, tự rót lấy và tiếp tục uống.

Đứng sau lỗ tường, Enxalin dường như vừa từ một thế giới khác trở về. Cô vẫn nghĩ đến người chị nuôi nên chẳng hiểu rõ những điều đang diễn ra trước mắt cô.

Trong một lúc lâu, cô không nhận ra ba người đàn ông đang ngồi bên bàn kia là những người rất quen biết và thân thiết của cô. Đó chẳng phải khác ngoài Arsi và hai bạn của anh ta là Phillip và Réginan.

Từ mấy ngày nay Arsi không đến thăm Enxalin, vì thế cô cảm thấy sung sướng khi trông thấy anh ta. Cô định gọi anh để nói rằng cô đang ở rất gần anh, nhưng cô chợt nghĩ ra là anh ta không đến thăm cô nữa, điều đó thật lạ lùng và thế là cô im lặng.

“Có lẽ bây giờ anh ta yêu một người khác chẳng? Có lẽ lúc này anh ta đang nghĩ đến người đó chẳng?” - Cô nghĩ vậy vì thấy Arsi ngồi cách xa các bạn anh một chút, mắt nhìn đăm đăm, không uống rượu và cũng không tham gia chuyện trò với họ. Ngay cả khi Réginan và Phillip hỏi anh, anh cũng xằng buồn trả lời nữa.

Enxalin nghe thấy ba người kia đang cố làm cho anh vui vẻ lại. Họ hỏi anh tại sao không uống, họ khuyên anh nên đến thăm Enxalin, chuyện trò với cô để phần chấn lại.

- Các cậu không phải lo lắng cho mình như vậy. - Arsi trả lời. - Mình đang nghĩ tới một cô bé khác, lúc nào nó cũng ở trước mặt mình, lúc nào mình cũng nghe thấy tiếng nó văng vẳng bên tai.

Và Enxalin thấy Arsi đang dán mắt nhìn vào một cái cột đỡ vòm hầm. Cô cũng nhìn theo, thấy chị nuôi cô đang đứng dựa cột, nhìn thẳng vào Arsi, điều mà trước đây cô không nhận thấy. Cô chị đứng không nhúc nhích trong bộ đồ xám nên rất khó phân biệt cô với cây cột sau lưng cô.

Enxalin lẳng lẳng nhìn căn phòng. Người chị nuôi cô ngược mắt nhìn Arsi, khác hẳn lúc ở bên Enxalin: cô ta luôn luôn hạ mi mắt xuống. Nhưng trên mặt cô ta, đôi mắt là đáng sợ nhất.

Enxalin thấy chúng bị chọc thủng, không có ánh mắt, và ánh sáng không phản chiếu trên con người.

Một lúc sau Arsi lại rên rỉ: “ Lúc nào mình cũng nhìn thấy con bé, nó đi theo mình khắp mọi nơi.”

Anh ta ngồi đối diện với cây cột nơi hồn ma đang dựa lưng và anh ta nhìn thẳng vào đó, nhưng Enxalin biết rằng anh ta không nhìn thấy hồn ma, không nói đến hồn ma mà nói đến một người nào đó cứ luôn ám ảnh anh ta.

Từ sau lỗ tường, Enxalin theo dõi mọi điều đang xảy ra. Cô nghĩ thầm rằng cô rất muốn biết ai là người mà Arsi lúc nào cũng nghĩ tới. Đột nhiên cô thấy hồn ma đến ngồi vào chiếc ghế dài sát bên Arsi và thì thầm vào tai anh ta.

Nhưng Arsi không biết rằng hồn ma đang ở sát bên anh đến thế và đang nói thầm vào tai anh. Anh ta chỉ nhận biết sự có mặt của hồn ma vì thấy mình mỗi lúc một hoảng sợ hơn. Sau khi hồn ma tới ngồi bên cạnh và thì thầm vào tai Arsi được một lúc, Enxalin thấy Arsi đưa hai tay lên đầu và khóc: “ Ôi, tại sao mình lại tìm thấy cô gái ấy? - Anh ta nói. Mình không có điều gì phải ân hận ngoài việc mình đã không để cho cô ta được sống khi cô ta van xin mình.”

Hai người kia ngừng uống, đưa mắt sợ hãi nhìn Arsi, người đang bị nỗi ân hận dày vò, nên không còn thiết gì đến khí phách nam nhi cả. Họ sửng sò một lúc rồi một người đi đến quầy rượu, lấy một cốc vai và rót đầy vang đỏ. Anh ta đi đến bên Arsi, vỗ vào vai Arsi và nói: “ Uống đi, người anh em. Những đồng *equy* của cụ Arnor vẫn chưa hết đâu. Chừng nào cúng ta còn có tiền uống rượu như thế này thì việc gì phải âu sầu phiền muộn.”

Nhưng đúng vào lúc anh ta nói “*Uống đi, người anh em. Những đồng equy của cụ Arnor vẫn chưa hết đâu...*” thì Enxalin thấy hồn ma đứng dậy, ra khỏi ghế băng và biến mất.

Enxalin bước ra khỏi gian nhà nhỏ nơi cô rửa bát đĩa của quán rượu rồi khép nhẹ cánh cửa sau lưng. Cô dừng lại trong hành lang chật hẹp kế bên, dựa lưng vào tường và đứng lặng ở đó gần một giờ đồng hồ. Lúc đó cô suy nghĩ: “Mình không thể phản anh ấy được. Có thể anh ấy đã phạm mọi tội ác, song mình yêu anh ấy vô cùng. Mình không thể để anh ấy phải chịu xa hình ([3]). Mình không có gan nhìn thấy anh ấy bị đốt chân tay.”

Cơn bão lớn nổi lên từ sáng càng về chiều càng dữ dội. Náu mình trong bóng tối, Enxalin nghe thấy tiếng gió gầm thét lồng lộn. “Đây là cơn bão đầu tiên của mùa xuân, - cô nghĩ. - Nó kéo đến với tất cả sức mạnh của nó để phá băng, giải thoát cho mặt biển. Vài ngày nữa biển sẽ thông, và Arsi sẽ ra đi không bao giờ trở lại đây nữa. Anh ấy sẽ không gây tội ác trên đất nước này nữa. Vậy thì bắt giam và trừng phạt anh ấy phỏng có ích gì? Cả người sống lẫn người chết chẳng ai được lợi về việc đó cả.”

Enxalin khoác áo choàng lên người định bụng về nhà và im lặng làm việc không tiết lộ bí mật cho ai biết cả.

Nhưng chưa cất chân bước đi, cô đã bỏ ngay ý định đó.

Cô vẫn đứng yên, lắng nghe tiếng bão giận dữ, và cô nghĩ rằng mùa xuân sắp đến, tuyết sẽ tan đi và màu xanh của cây cối sẽ phủ khắp mặt đất.

“Lạy Chúa thương chúng con! Mùa xuân sẽ ra sao đối với mình, - cô tự nhủ. - Sau mùa đông lạnh lẽo này sẽ chẳng còn niềm vui nào, hạnh phúc nào đến với mình nữa. Cách đây vừa đúng một năm, mình thật vui sướng biết bao khi thấy mùa đông qua đi và mùa xuân đang đến. Mình còn nhớ có một buổi chiều trời đẹp đến nỗi mình không thể ngồi ở nhà được. Thế là mình nắm tay người chị nuôi của mình, và hai chị em đi dạo, tìm hái những cành lộc xanh mang về trang trí trên lò sưởi.”

Và Enxalin như sống lại buổi dạo chơi của họ trên một nẻo đường xanh rợp. Cô và người chị nuôi thấy bên đường một cây phong non đã bị đốn. Trông vết đốn có thể thấy rằng cây mới bị đốn cách đây vài ngày. Hai cô gái nhận ra rằng tuy thế cái cây tội

nghiệp đã bắt đầu xanh tươi trở lại và lá đang nhú ra từ những mầm non.

Người chị nuôi của Enxalin dừng chân lại, cúi xuống cây phong và nói: “Ôi, cái cây đáng thương làm sao, mày có tội gì mà đến nỗi bị chặt rồi mày vẫn không thể chết được? Tại sao mày lại phải đâm chồi nảy lộc, tựa như mày còn sống?”

Enxalin cười chị và trả lời: “Cái cây xanh tốt đẹp để trở lại thế này là để cho kẻ đã hạ nó phải hiểu rằng việc hãm làm là độc ác, và phải hối hận.

Song, chị nuôi cô không cười, mắt rưng rưng lệ và nói:

- Thật là một tội ác khủng khiếp khi chặt một cái cây đúng vào lúc nó đang đâm chồi mọc lá, đúng vào lúc nó đang đầy sức sống nên không thể chết được. Thật khủng khiếp khi một người phải chết khi không được yên nghỉ trong nấm mồ của mình. Những người đã chết thì không thể mong nhớ điều gì tốt đẹp hơn thế nữa. Họ không thể có tình yêu, có hạnh phúc. Họ chỉ có thể ao ước được ngủ yên lành.

- Nghe chị nói cây phong không chết nỗi vì nó nghĩ đến kẻ hại nó, mà em phát khóc lên được, - cô nói với chị. - Đối với một người đã bị cướp mất cuộc sống, còn có số phận nào ác nghiệt hơn là không được yên nghỉ vì còn phải săn đuổi kẻ đã giết mình. Những người đã chết thì còn gì mong ước hơn là được nằm ngủ yên lành.

Nhớ lại cuộc đối thoại ấy, Enxalin bật khóc và vắn vẹo đôi tay. “Chị mình sẽ không được yên nghỉ dưới mồ nếu như mình không phản bội người mình yêu. Nếu như mình không giúp chị ấy, chị ấy sẽ phải lang thang mãi mãi trên mặt đất này. Ôi người chị nuôi đáng thương của em, chị còn điều gì ao ước hơn là được yên nghỉ trong mộ, và giấc ngủ này mình chỉ có thể đem lại cho chị bằng cách nộp người mình yêu cho xa hình.

Arsi rời căn hầm, bước vào cái hành lang nhỏ hẹp. Ngọn đèn treo trên trần đã được thắp lại. Dưới ánh sáng của nó, Arsi nhìn thấy một cô gái đứng tựa lưng vào tường.

Trông cô gái tái nhợt, bất động, Arsi phát hoảng và nghĩ: “ Cuối cùng thì mình đã nhìn thấy tận mắt hồn ma theo đuổi mình hằng ngày”.

Khi Arsi đi ngang qua Enxalin, anh ta vuốt tay cô gái xem có phải thật là hồn ma đang đứng trước mặt anh ta không. Bàn tay ấy lạnh ngắt, khó có thể biết được đó là tay chết hay là tay người sống.

Nhưng khi tay Arsi chạm vào tay mình, Enxalin rút ngay tay lại, và thế là Arsi nhận ra cô. Anh ta tưởng rằng cô đến đây là vì anh, và anh thấy khoái chí được gặp lại cô. Đồng thời một ý nghĩ lướt qua trong óc anh. “Mình biết phải làm gì để hồn ma hết oán hờn mình và không theo đuổi mình nữa rồi.”

Anh ta cầm lấy bàn tay Enxalin đưa lên môi hôn. “Chúa ban phúc lành cho em vì em đã đến với anh đêm nay, Enxalin ạ”. - Anh ta nói.

Nhưng trái tim Enxalin vẫn đau đớn. Nước mắt làm cô không cất nổi lời để nói với Arsi rằng không phải cô đến đây để tìm gặp anh.

Arsi yên lặng hồi lâu, tay vẫn nắm chặt tay Enxalin, và anh ta đứng càng lâu trước mặt cô gái, gương mặt anh ta càng sáng bừng lên, càng đẹp thêm.

- Enxalin, - cuối cùng anh ta nói một cách rất trịnh trọng, - mấy ngày qua anh không thể đến thăm em vì có những ý nghĩ đen tối cứ ám ảnh anh không ngớt làm anh tưởng như mình sắp mất trí. Nhưng tối nay anh thấy khỏe hơn, cái hình ảnh vẫn hành hạ anh không xuất hiện nữa. Khi nhận ra em ở đây, trái tim anh đã bảo cho anh biết anh phải làm gì để thoát vĩnh viễn khỏi những nỗi dày vò.

Anh ta cúi xuống để nhìn vào mắt Enxalin, song thấy cô ta vẫn nhìn xuống, anh bèn nói tiếp:

- Vì mấy ngày nay anh không đến thăm em nên em giận phải không Enxalin? Nhưng anh không thể đến được, vì mỗi khi anh nhìn thấy em, anh lại nghĩ tới nỗi phiền muộn của mình. Ở bên em, anh càng nghĩ nhiều tới một cô gái mà anh đã đối xử không tốt. Anh đã đối xử không tốt với rất nhiều người, Enxalin ạ. Song lương tâm anh chỉ cắn rứt về việc đã đối xử xấu với cô ấy.

Thấy Enxalin vẫn yên lặng, Arsi cầm lấy đôi tay cô đưa lên môi hôn:

- Enxalin, em hãy nghe điều mà trái tim anh đã nói với anh khi nhìn thấy em đứng bên ngoài đợi anh. Trái tim anh nói rằng anh đã làm hại một cô gái, vậy anh phải chuộc tội với cô gái ấy bằng cách đền bù cho một cô gái khác. Anh phải lấy cô gái này làm vợ, và đối xử tử tế sao cho cô không bao giờ phải buồn phiền. Anh phải trung thành với cô sao cho đến ngày cuối cùng của cuộc đời anh, anh vẫn yêu cô nồng thắm như những ngày mới cưới.

Enxalin vẫn đứng yên, không nhúc nhích. Arsi lại đưa tay nâng cằm cô lên:

- Anh muốn biết em có nghe anh nói đấy không, Enxalin? - Arsi nói. Và anh thấy Enxalin đang thốn thức, nước mắt đầm đìa trên má.

- Tại sao em khóc, Enxalin? - Arsi hỏi.

Enxalin trả lời:

- Em khóc vì lòng em tràn ngập tình thương yêu anh, Arsi ạ.

- Em hãy nghe bão đang gầm thét ngoài kia. - Anh ta nói. - Nó báo hiệu rằng đường biển sắp thông, tàu bè sắp có thể ra khơi đi về tổ quốc anh. Em hãy nói đi, Enxalin, em có bằng lòng theo anh về bên đó không, để bên em, anh có thể chuộc lỗi với một cô gái khác?

Arsi thì thầm tả cho Enxalin nghe cuộc sống tuyệt diệu đang chờ đón cô. Enxalin nghĩ: "Trời ơi, giá như mình không biết tội ác của anh ấy, để theo anh, và sống hạnh phúc bên anh."

Arsi càng áp mình vào người cô. Và khi Enxalin đưa mắt nhìn lên, cô thấy Arsi đang cúi xuống sắp hôn lên trán cô. Đột nhiên cô nghĩ tới hôn ma mới khi nãy còn ở bên cô và hôn cô. Cô vùng ra khỏi tay của Arsi và kêu lên:

- Không, Arsi, em sẽ không theo anh đâu.

- Có chứ, Enxalin, Arsi đáp. - Em phải đi với anh, nếu không đời anh sẽ chẳng còn gì nữa.

Và anh ta lại thì thầm với cô những lời còn ngọt ngào hơn. Và cô lại nghĩ: “Đối với Chúa cũng như đối với mọi người, để cho anh ấy có thể chuộc tội và trở thành người lương thiện chẳng hay hơn sao? Trừng phạt anh ấy, giết anh ấy thì có ích gì cho ai đâu?”

Trong khi Enxalin nghĩ vậy, có vài người đi qua để vào quán rượu. Arsi nhận thấy họ nhìn anh và Enxalin một cách tò mò, anh bèn nói với cô:

- Nào, Enxalin, anh sẽ đưa em về nhà. Không nên để ai biết em đã đến tìm anh trong quán rượu.

Nghe nói thế, Enxalin bỗng đứng thẳng dậy, tựa như cô vừa chợt nhớ ra rằng cô có việc khác cần làm hơn là đứng nghe Arsi nói. Nhưng vừa nghĩ tới việc phải tố giác Arsi, trái tim cô đau nhói, nó nói với cô rằng nếu cô trao Arsi cho đao phủ thì khác nào cô đập nát nó ra.

Arsi choàng chặt cô gái trong chiếc áo khoác của anh và đưa cô ra đường, đi với cô tới tận nhà Tôraranh. Enxalin nhận thấy mỗi lần gió quất quá mạnh, Arsi lại chắn gió cho cô. Suốt dọc đường, Enxalin tự nhủ: “Chị nuôi khốn khổ của mình không biết rằng muốn sửa lỗi và trở thành người tốt.”

Còn Arsi thì vẫn không ngọt thì thầm với Enxalin những lời ngọt ngào. Càng nghe Arsi nói, Enxalin càng vững dạ. Cô nghĩ: “Chắc chị mình gọi mình đến chỉ để cho mình nghe thấy những lời này của Arsi. Chị ấy yêu thương mình biết bao, chị ấy không muốn mình bị đau khổ, mà chỉ muốn cho mình được sung sướng”.

Đến khi hai người dừng lại trước cửa nhà Tôraranh, Arsi còn hỏi lại một lần nữa rằng cô có muốn theo anh ta về nước không, và Enxalin trả lời rằng với sự giúp đỡ của Chúa, cô sẽ đi với anh.

LINH HỒN ĐAU KHỔ

Ngày hôm sau bão tan. Trời dịu lại song tình hình băng đóng vẫn không thay đổi, mặt biển vẫn bị kẹt như trước.

Vừa thức dậy lúc sáng, Enxalin đã nghĩ: “Điều chắc chắn là để cho kẻ có tội biết ăn năn và chịu sống theo ý Chúa thì tốt hơn là để kẻ ấy bị trừng phạt và bị xử tử”.

Sau đó, Enxalin nhận được chiếc xuyên vàng to do Arsi nhờ người mang tới.

Enxalin sung sướng thấy Arsi nghĩ tới chuyện làm cô vui lòng. Cô cảm ơn người liên lạc và nhận món quà. Nhưng khi người ấy đi xa, cô chợt nghĩ ra rằng Arsi đã mua cho cô chiếc xuyên này bằng những đồng tiền *équy* của cụ Arnơ, và thế là cô thấy không còn đủ can đảm nhìn vào món đồ nữ trang này nữa. Cô giật nó ra khỏi cổ tay và ném nó ra a.

“Cuộc đời mình sẽ ra sao nếu như lúc nào mình cũng phải nghĩ rằng mình sống bằng những đồng *équy* của cụ Arnơ? Lúc đưa lên miệng bất kỳ miếng ăn nào, chẳng nhẽ mình không nghĩ tới những đồng tiền ăn cướp kia? Lúc mặc một chiếc áo mới chẳng nhẽ mình lại không nghe thấy tiếng thì thào bên tai rằng nó được sắm bằng của bất lương sao? Rõ ràng mình không thể đi theo Arsi và chung sống với anh ấy được. Mình sẽ nói với anh ấy như thế khi anh ấy tới thăm mình.”

Buổi chiều, Arsi đến nhà Enxalin. Trông anh ta thật tươi tỉnh. Những ý nghĩ u sầu không còn ám ảnh anh ta nữa, và anh ta tưởng nguyên nhân của sự thay đổi dễ chịu này là việc anh ta hứa sẽ đem hạnh phúc đến cho một cô gái để chuộc tội đối với một cô gái khác.

Nhìn thấy anh ta và nghe anh nói, Enxalin không dám thú nhận với anh nỗi buồn khổ của cô và việc cô định chia tay với anh. Ngồi bên Arsi, cô quên hết mọi nỗi ưu tư đã dẫn dắt cô.

Hôm sau là ngày chủ nhật, Enxalin đến nhà thờ. Cô dự cả lễ buổi sáng lẫn lễ buổi chiều ở đó.

Trong buổi lễ sáng, đang chăm chú nghe mục sư thuyết giáo, bỗng nhiên cô nghe có tiếng ai thổn thức ngay bên cạnh.

Lúc đầu cô tưởng đó là tiếng khóc của người ngồi cùng ghế dài với cô, nhưng nhìn sang phải, rồi sang trái, cô chỉ thấy toàn những bộ mặt trầm tĩnh, đầy vẻ trang trọng.

Tuy vậy cô vẫn nghe rõ tiếng nức nở. Người khóc hình như ngồi sát cô, gần đến nỗi Enxalin tưởng chừng cứ giờ tay là cô có thể chạm phải.

Nghe tiếng khóc than, cô thấy chưa bao giờ có ai biểu lộ nỗi buồn của mình một cách nào nuột đến vậy.

“Ai mà đau đớn thảm thiết vậy? Nỗi đau khổ ấy tới mức nào mà làm rơi những giọt nước mắt cay đắng đến thế?” Enxalin tự hỏi.

Cô quay người lại rồi vươn mình nhìn qua ghế bên cạnh cho rõ hơn. Song ở đó cũng vậy, mọi người đều im lặng, chẳng có khuôn mặt nào đầy nước mắt.

Lúc ấy, Enxalin hiểu ra rằng mọi sự tìm kiếm thắc mắc của cô chỉ là vô ích. Tại sao cô không nhận ra ngay từ đầu ai là người khóc than bên cạnh cô nhỉ?

- Chị thân yêu ơi, - cô thì thầm, - tại sao chị không cho em được nhìn thấy chị như hôm kia? Chị hẳn biết rõ rằng em sẽ làm tất cả mọi việc để lau khô nước mắt cho chị.

Cô chờ đợi tiếng trả lời, song chẳng nghe thấy gì cả. Cô chỉ nghe thấy tiếng nức nở của hồn ma ở sát bên cô.

Enxalin cố gắng nghe lời giảng của mục sư, song cô không hiểu ông nói gì. Cô nóng ruột và thì thầm: “Nếu như có một người có đủ lý do để than khóc hơn ai hết thì người đó chính là mình. Giá như chị nuôi mình không báo cho mình biết ai là những kẻ sát hại chị thì mình đã có thể ngồi đây với lòng vui sướng vô hạn.”

Và càng nghe tiếng thổn thức của hồn ma, Enxalin càng thấy bất bình. Cuối cùng cô nghĩ: “Làm sao người chị mình đã chết lại có thể buộc mình tố cáo người mình yêu được. Nếu như chị ấy còn sống, chắc chị ấy sẽ không bao giờ chấp nhận một hành động như vậy cả”.

Mặc dù phải ngồi lỳ trên ghế băng, Enxalin vẫn không thể ngồi yên. Cô nghiêng người, hết nhìn phía trước lại nhìn phía sau, vịn vẹo đôi tay. “Nỗi khổ tâm này sẽ đeo đẳng mình suốt cả ngày, - cô nghĩ như vậy và mỗi lúc một thêm lo lắng. - Biết đâu rồi đây nó sẽ theo mình suốt cả cuộc đời.”

Thế nhưng những tiếng nức nở bên cô lại càng ảo não hơn. Và sau cùng, Enxalin không thể nén lòng được nữa, và cô khóc theo.

“Chị mình khóc lóc thảm thiết như vậy hẳn phải gánh chịu một nỗi đau khổ ghê gớm lắm, - cô nghĩ, - một nỗi đau khổ mà không một người nào có thể hình dung được.”

Sau buổi lễ, Enxalin bước ra khỏi nhà thờ, và cô không nghe thấy tiếng khóc nữa. Nhưng trên đường về nhà cô khóc vì nghĩ đến chị nuôi không được yên nghỉ dưới nấm mồ.

Đến giờ lễ chiều, Enxalin lại đi tới nhà thờ, chỉ cốt xem chị cô có còn ngồi khóc ở đó nữa hay không.

Cô nghe thấy tiếng hồn ma nức nở ngay từ lúc mới tới cửa và trái tim cô đau thắt lại. Cô thấy kiệt sức. Mọi lo lắng lớn nhất của cô lúc này là phải cố giúp đỡ hồn ma đang lang thang không lúc nào được nghỉ ngơi trên trần thế.

Lúc cô ở nhà thờ ra về, trời vẫn còn sáng nên cô nhìn thấy trong số những người đi trước cô có người để lại trên mặt tuyết những dấu chân đầm máu. Cô tự hỏi: “Ai mà lại nghèo đến nỗi phải đi chân đất, để vết máu trên mặt tuyết vậy nhỉ?”

Tất cả những người đi đằng trước đều có vẻ phong lưu, họ mặc quần áo ấm và chân mang giày dép. Tuy nhiên những vết chân dính máu này vẫn còn mới nguyên. Enxalin nghĩ đó là vết chân của một người đi lẫn giữa đám đông.

“Đó là một người đã bị xây xát vì đã phải đi một chặng đường quá dài. Cầu Chúa che chở cho người ấy sớm tìm được chỗ trú chân để nghỉ ngơi.”

Enxalin rất muốn biết ai là người đã phải đi chặng đường vất vả cực nhọc đến thế. Cô liền đi theo những dấu chân ấy, mặc dù làm như thế cô phải tách khỏi con đường về nhà.

Chợt cô nhận ra rằng tất cả những người đi lễ về đều đã đi theo một hướng khác, chỉ còn một mình cô đi trên lối đi này. Song những dấu chân đầm máu vẫn tiếp tục in trên tuyết.

“Đúng là chị nuôi mình đang đi đằng trước mình đó.” - Enxalin nói, đồng thời cũng biết rằng mình vẫn luôn luôn tin như vậy.

“Trời ơi! Chị đáng thương của em, em cứ ngỡ rằng chị chỉ lướt nhẹ trên mặt đất, chân không chạm mặt đường. Thật ra chẳng một người sống sót nào có thể hiểu nổi con đường chị phải đi là nhọc nhằn biết chừng nào”.

Nước mắt tuôn rơi lã chã, Enxalin thở dài ngẫm nghĩ: “Ôi! Chắc là chị ấy không được yên nghỉ dưới mồ. Thật đáng giận cho mình đã bắt chị cứ phải lang thang trên trần gian đến nỗi chân bật máu”.

Cô kêu lên: “Hãy dừng lại đã chị ơi, dừng lại nghe em nói đã”.

Song càng gọi cô thấy những vết chân đầm máu càng in nhanh hơn trên mặt đất, dường như hồn ma đang bước gấp. “Chị ấy chạy trốn mình, chị ấy không trông mong mình giúp đỡ chút nào”. Enxalin nghĩ.

Những dấu máu làm cô phát điên phát dại. Cô kêu lên: “Chi thân yêu ơi, em sẽ làm tất cả những gì chị muốn, để chị có thể yên nghỉ.”

Enxalin vừa nói xong thì một người đàn bà cao lớn nãy giờ vẫn đi theo cô bước tới đặt tay lên cánh tay cô.

- Cô là ai mà vừa chạy vừa khóc vậy? - Bà ta hỏi. - Trông cô giống cô gái nhỏ hôm thứ sáu vừa rồi đến gặp tôi xin việc, rồi sau lại biến mất. Có phải chính là cô đó chẳng?

- Không, không phải cháu đâu, Enxalin nói. - Nhưng nếu bà là bà chủ quán rượu ở Tòa Thị sảnh thì cháu biết người mà bà vừa nói là ai rồi.

- Vậy cô hãy nói cho tôi biết tại sao cô ấy đã ra đi không trở lại nữa? Người đàn bà hỏi.

Enxalin trả lời:

- Cô ấy ra đi vì cô ấy không muốn nghe câu chuyện giữa những kẻ bất lương đến quán rượu của bà.

- Có rất nhiều chàng trai ngang tàng thường lui tới quán rượu của tôi, song không có kẻ bất lương nào ở đó cả.- bà chủ quán phản đối.

- Thế mà cô gái đó đã trông thấy ba người đàn ông ngồi trong quán rượu nói chuyện với nhau, - Enxalin nói. - Một người trong bọn đã nói: “Uống đi cậu, những đồng *équy* của cậu Arnor vẫn chưa hết đâu.”

Nói xong câu này, Enxalin nghĩ: “Tiết lộ điều mình đã nghe thấy, thế là mình đã cứu được chị nuôi của mình rồi. Bây giờ thì cầu Chúa làm cho bà chủ quán đừng tin mình để cho mình khỏi phạm tội gì cả.”

Nhưng khi nhìn thấy bà lộ vẻ tin tưởng, cô lại thấy sợ hãi và muốn bỏ trốn.

Song cô chưa kịp cất chân thì bà chủ quán đã giơ bàn tay chắc nịch giữa chặt cô lại.

- Này cô bé, bà nói. - Nếu cô đã nghe những lời nói ấy tại quán của tôi thì cô không có lý do gì bỏ chạy cả. Trái lại cô phải theo tôi tới gặp những người có quyền lực đang muốn bắt giữ bọn sát nhân để trừng trị.

ARSI CHẠY TRỐN

Enxalin bước vào gian phòng thấp, mình bận chiếc áo choàng dài tiếng về phía bàn Arsi đang ngồi uống rượu với các bạn. Có nhiều khách hàng đang ngồi quanh mấy chiếc bàn đặt trong quán hàng, nhưng cô không chú ý đến ánh mắt ngạc nhiên nhìn theo cô khi cô đến ngồi bên người yêu, Cô chỉ quan tâm đến một điều duy nhất: Arsi chỉ còn được tự do trong vài khoảnh khắc

ngắn ngủi nữa thôi, và trong vài khoảnh khắc cuối cùng này cô muốn được ở bên anh.

Thấy Enxalin đến ngồi bên, Arsi bèn đứng dậy đưa cô sang ngồi ở chiếc bàn cuối phòng, lấp sau một cây cột. Enxalin nhận thấy Arsi có ý không hài lòng về việc cô đến tìm anh ở quán rượu, nơi mà thông thường một thiếu nữ không nên có mặt.

- Em chỉ nói chuyện với anh chốc lát thôi, Arsi ạ, - Enxalin nói.- Em muốn anh biết rằng em không thể theo anh về quê hương anh được.

Nghe Enxalin nói vậy, Arsi thấy sợ hãi, vì anh lo rằng nếu anh mất Enxalin, những ỷ nghi u tối sẽ trở lại ám ảnh anh.

- Tại sao em lại không muốn theo anh nữa, - Enxalin? Arsi hỏi.

Enxalin ngồi mặt tái xanh như xác chết. Tâm trí cô rối bời đến nỗi cô hầu như không biết cô nên trả lời thế nào.

- Đi theo một anh lính thì có hay ho gì, - cô nói, - ai mà biết được những người như anh ta có giữ lời hứa, có giữ lòng tin hay không?

Arsi chưa kịp cãi lại thì một người thủy thủ bước vào trong phòng, đến bên Arsi và nói anh ta đến đây theo lệnh thuyền trưởng chiếc tàu buồm lớn đang mắc kẹt trong băng sau đảo Klôvê. Thuyền trưởng nhắc Arsi và đồng đội của anh hãy chuẩn bị hành lý và lên tàu ngay tối nay. Bão đã lại nổi lên và biển bắt đầu tan băng về phía tây rất xa. Có thể trước khi trời sáng đã có thể thông lối ra khơi về Xcôtlen.

- Em có nghe anh ta nói gì không, Enxalin?- Arsi quay lại hỏi Enxalin Em có bằng lòng đi theo anh không?

- Không, - Enxalin trả lời. - Em sẽ không đi theo anh đâu.

Nhưng trong thâm tâm cô cảm thấy sung sướng vì cô nghĩ dù sao anh ấy vẫn còn khả năng rời khỏi nơi đây trước khi lính canh kịp đến bắt.

Arsi đứng dậy, đến chỗ Phillip và Rêginan ngồi để báo tin anh ta vừa nhận được.

- Các cậu hãy về quán trọ chuẩn bị đồ đạc trước đi, mình còn phải nói với Enxalin vài lời. - Anh ta nói với các bạn.

Nhìn thấy Arsi quay lại, Enxalin khoát tay làm hiệu bảo anh đi.

- Anh còn quay lại làm gì, Arsi? - Cô kêu lên. - Sao anh không hết sức khẩn trương lên tàu đi?

Enxalin yêu Arsi tha thiết. Cô đã phản anh để giúp người chị nuôi, nhưng cô lại chẳng mong gì hơn là Arsi trốn thoát.

- Trước hết anh muốn một lần nữa xin em đi với anh. - Arsi nói.

- Nhưng anh biết rõ rồi đấy, em không thể đi với anh được. - Arsi ạ, - Enxalin nhắc lại.

- Tại sao thế? Em là một cô gái đơn độc, chẳng có ai lo cho cuộc đời em cả. Ngược lại, nếu em đi với anh, anh sẽ làm cho em trở thành một phu nhân có quyền thế. Anh là một người thuộc dòng dõi sang trọng ở nước anh. Em sẽ mặc lụa là, trang sức bằng vàng ngọc, em sẽ dự các vũ hội trong triều.

Enxalin sợ run lên vì thấy Arsi cứ chần chừ bên cô, trong khi anh vẫn còn có thể trốn thoát. Cô cố gắng lấy lại bình tĩnh để trả lời anh:

- Anh hãy đi ngay đi Arsi, đừng có cố thuyết phục em làm gì cho mất thì giờ nữa.

- Anh muốn tâm sự với em điều này, Enxalin. - Arsi nói mỗi lúc mỗi dịu dàng hơn. - Khi anh nhìn thấy em lần đầu, anh chỉ định dụ dỗ và lừa dối em thôi. Trước đây anh hứa cho em lâu dài và của cải chỉ là để đùa chơi. Nhưng từ tối hôm kia, mọi ý định của anh đối với em đều là chân thực. Và bây giờ anh muốn, anh ao ước em trở thành vợ anh. Em có thể tin lời anh nói là sự thật, cũng như anh là một quý tộc và là một chiến sĩ.

Lúc này Enxalin nghe thấy tiếng nhiều người mang vũ khí đến quảng trường trước Tòa Thị sảnh.

"Nếu mình chịu đi với anh ấy thì anh ấy vẫn có thể thoát được. - Cô nghĩ. - Từ chối anh ấy, tức là mình đẩy anh ấy vào chỗ chết. Chính là vì mình mà anh ấy ở lại đây lâu như vậy để lính canh có

đủ thời gian đến bắt anh. Tuy thế mình không thể đi theo kẻ đã giết hại tất cả những người thân yêu của mình.”

- Arsi, - cô nói với hy vọng có thể làm anh ta sợ, - anh không nghe thấy tiếng một toán người mang vũ khí đi qua quảng trường đó sao?

- Có, anh có nghe thấy, - Arsi đáp, chắc có một vụ ẩu đả xảy ra trong quán rượu. Em đừng lo, Enxalin ạ. Đó chỉ là tại có những dân chài cãi nhau vì chuyện không đâu đó thôi.

- Arsi, - Enxalin khẩn khoản nói, - anh không nghe thấy tiếng họ dừng chân lại trước Tòa Thị sảnh hay sao?

Enxalin run từ đầu đến chân, song Arsi không nhận thấy điều đó và vẫn thản nhiên.

- Thế em còn muốn họ dừng lại nơi nào nữa? - Anh ta nói. - Họ phải dẫn vào đây những kẻ phá rối trật tự để nhốt họ vào ngục tối trong Tòa Thị sảnh chứ? Em đừng để ý đến việc của họ, Enxalin ạ, mà hãy nghe anh, anh van xin em hãy theo anh xuống tàu.

Một lần nữa Enxalin cố làm cho Arsi phải sợ:

- Arsi, anh không nghe thấy bọn lính đang xuống cầu thang vào phòng này hay sao?

- Có chứ, anh có nghe thấy. Chắc họ vào đây uống bia sau khi đã tổng giam xong những người bị bắt. Thôi em đừng nghĩ tới họ nữa, Enxalin. Em hãy nghĩ tới việc ngày mai chúng mình sẽ cùng nhau ra khơi trở về quê hương anh.

Enxalin tái xanh như xác chết, toàn thân run rẩy, nói không ra tiếng nữa.

- Arsi, - cô lắp bắp, anh không thấy họ đang nói chuyện với bà chủ quán đằng kia, bên quầy hàng đó sao? Chắc họ hỏi bà ta xem có kẻ nào trong số người họ đi tìm đang ở trong phòng này hay không.

- Họ đang bảo bà chủ dọn cho họ uống thứ rượu mạnh và nóng trong cái đêm gió bão này đó thôi. - Arsi nói. - Em đừng run như vậy, Enxalin, em có thể đi theo anh mà không sợ gì hết. Anh xin cam đoan với em nếu bây giờ cha anh muốn cưới cho anh một

cô gái sang trọng nhất ở quê anh thì anh cũng nhất quyết từ chối. Hãy tin anh, hãy vượt biển với anh. Enxalin, hạnh phúc và niềm vui sẽ chào đón em.

Mỗi lúc càng có nhiều người lính xuất hiện ở cửa ra vào. Enxalin không còn kìm giữ nỗi lo sợ của mình nữa. “Mình không thể nhìn quân lính bắt anh ấy được” - cô nghĩ vậy rồi nghiêng người về phía Arsi, cô thì thầm:

- Arsi, anh không nghe thấy bọn lính đang hỏi bà chủ quán xem những kẻ đã giết cụ Arnor có ở đây không à?

Lúc này Arsi mới đưa mắt nhìn quanh căn phòng, anh thấy mấy người lính đang nói chuyện với bà chủ quán, song anh vẫn không đứng dậy chạy trốn như Enxalin mong muốn; anh ngả người về phía Enxalin nhìn cô chăm chăm.

- Enxalin có phải chính cô đã nhận ra tôi và đã tố cáo tôi không? - Anh ta hỏi.

- Em làm việc đó chỉ vì người chị nuôi của em, để chị ấy được yên nghỉ dưới mồ. - Enxalin trả lời. - Chỉ có Chúa mới biết được em phải trả giá việc đó như thế nào. Nhưng anh hãy trốn đi, anh Arsi, anh vẫn còn đủ thời gian, họ chưa chặn hết các lối ra đâu.

- Ôi, con chó sói con, - Arsi nói. - Ngay khi nhìn thấy mày lần đầu tiên trên bến, tao đã nghĩ rằng tao phải giết mày rồi.

Nhưng Enxalin đã đặt tay lên cánh tay Arsi và nói:

- Anh hãy chạy đi anh Arsi. Em không thể chịu đựng nổi cảnh tượng họ bắt anh. Nếu anh không muốn chạy một mình thì nhờ ơn Chúa, em sẽ đi với anh. Nhưng đừng vì em mà ở lại đây lâu hơn nữa, Arsi, em sẽ làm tất cả những gì anh muốn để cứu được tính mệnh anh.

Arsi giận sôi lên, anh ta nói với Enxalin, giọng chua chát:

- Cô gái xinh đẹp ơi, chẳng bao giờ cô có dịp xỏ chân vào đôi giày khiêu vũ thêu chỉ vàng để dạo chơi trong những căn phòng thênh thang của một lâu đài nữa đâu. Suốt cuộc đời này cô sẽ phải ngồi mổ cá ở đây, ở cái đất Marxt'răng này. Sẽ chẳng bao giờ cô lấy được một người chồng có cả một tòa lâu đài và một thái ấp nữa đâu, Enxalin ạ. Chồng cô sẽ chỉ là một anh đánh cá

nghèo khổ, và nhà cô sẽ chỉ là một căn lều dựng trên một gò đá trơ trụi.

- Anh không nghe thấy họ đã đặt lính canh ở tất cả các cửa và đã chĩa mũi giáo vào lối đi ở cổng lớn hay sao? - Enxalin hỏi. - Tại sao anh không mau mau thoát khỏi nơi đây? Tại sao anh không mau chạy trốn trên mặt băng và ẩn trên một con tàu?

- Tôi không chạy trốn chỉ vì một lý do là tôi thích ngồi đây tán chuyện với cô, Enxalin ạ. - Arsi nói. - Cô có biết rằng đối với cô thế là hết mọi thú vui rồi không, Enxalin. Cô có biết rằng đối với tôi thế là hết mọi hy vọng cuộc đời rồi không?

- Arsi, - Enxalin thì thầm và hoảng hốt đứng dậy. - Bọn lính canh đã chuẩn bị xong rồi kìa, họ đang đến bắt anh. Anh hãy chạy ngay đi. Em sẽ tới gặp anh trên tàu, Arsi, miễn là anh chạy trốn ngay đi.

- Cô chẳng cần lo lắng như vậy, Enxalin ạ. - Arsi nói. Chúng ta vẫn còn thời gian để nói chuyện. Bọn lính đâu dám nhảy bổ vào tôi ngay, trong phòng này, nơi mà tôi vẫn có thể tự vệ được. Họ định bắt tôi trên cái cầu thang chật hẹp của căn hầm. Họ sẽ định dùng giáo dài đâm tôi đấy. Cô mong đợi cái đó lắm phải không, cô Enxalin?

Enxalin càng sợ hãi bao nhiêu, Arsi càng bình tĩnh bấy nhiêu. Cô không ngừng van vỉ anh chạy trốn, còn anh ta thì vẫn chế giễu cô.

- Cô đừng quá tin rằng họ sẽ bắt được tôi. Tôi đã từng gặp nhiều cảnh ngộ còn nguy ngập hơn thế này, vậy mà tôi vẫn thoát được. Cách đây vài tháng ở Thụy Điển, tôi ở trong một tình thế còn hiểm nghèo hơn. Trong triều đình có vài tên vu cáo đã buộc tội cho đội vệ binh Xcôtlen là bất trung với vua Jăng. Nhà vua đã tin lời chúng. Ngài đã cho bắt ba sĩ quan chỉ huy giam vào pháo đài, đuổi binh lính của họ ra khỏi vương quốc và cho quân giám sát cho đến tận khi đám binh lính ấy ra khỏi biên giới...

- Chạy đi Arsi, - Enxalin cầu khẩn.

- Cô đừng lo cho tôi, Enxalin ạ. Arsi cười độc ác. - Tối nay tôi đã trở lại bình thường như mọi khi. Cô gái kia không hiện lên nữa cho nên tôi vẫn có thể thoát khỏi nguy khốn. Nhưng tôi muốn kể cho cô nghe tiếp câu chuyện ba chàng Xcôtlen bị giam trong ngục của vua Jăng đã. Khi bọn gác ngục đang say, họ đã lẩn ra

khỏi pháo đài và trốn thoát. Nhưng chừng nào họ còn ở trong vương quốc của vua Thụy Điển, họ chưa dám tiết lộ tên tuổi của họ. Không có cách gì khác, họ phải lấy da thú để che thân và xưng là thợ thuộc da đi quanh vùng tìm việc làm.

Enxalin đến bây giờ mới nhận thấy Arsi đã thay đổi thái độ đối với cô. Cô hiểu rằng Arsi căm thù cô từ lúc anh ta biết cô đã phản bội anh ta.

- Đừng nói nữa Arsi, - cô nói.

- Tại sao lại đánh lừa tôi trong khi tôi tin cô biết chừng nào. - Arsi nói. - Bây giờ tôi lại thành người như trước kia rồi. Tôi chẳng bắn khoăn là phải tha chết cho ai nữa. Cô sẽ thấy tình hình sắp kết thúc có lợi cho tôi, như trước đây vẫn thường thế. Khi tôi và các bạn tôi đi xuyên qua nước Thụy Điển và đến đây, trên bờ biển này, tình thế của chúng tôi chẳng nguy ngập hay sao? Chúng tôi không có tiền để sắm quần áo nghiêm chỉnh. Chúng tôi không có tiền để trả cho một cuộc hành trình về Xcôtlen. Chúng tôi không còn cách nào khác là cướp số *êquy* của nhà giáo sĩ ở Xonberga.

- Anh đừng nói chuyện đó nữa. - Enxalin ngắt lời.

- Nói chứ, Enxalin. Cô phải nghe tôi nói đến hết. Có một điều mà cô không biết, trước tiên chúng tôi đánh thức cụ Arnơ dậy, bảo cụ đưa tiền cho chúng tôi. Nếu như cụ ưng thuận thì chúng tôi sẽ không làm gì cụ cả. Ngưng cụ chống lại, vì thế chúng tôi buộc phải hạ sát cụ. Và sau khi giết cụ, tất nhiên chúng tôi phải giết tất cả người nhà của cụ.

Enxalin không ngắt lời Arsi nữa, nhưng cô thấy lòng cô lạng giá như một bãi sa mạc, cô run lên khi nghe Arsi nói nét mặt ngày càng tàn bạo khát máu. Cô tự nhủ: "Mình đang làm gì thế này? Mình thật điên rồ khi đi yêu một kẻ đã giết tất cả những người thân yêu của mình. Cầu Chúa hãy tha tội cho con."

- Khi chúng tôi tưởng mọi người chết hết, - Arsi tiếp tục nói, chúng tôi đã kéo cái rương tiền ra khỏi nhà rồi chúng tôi nổi lửa, để thiên hạ tưởng rằng cụ Arnơ bị chết cháy trong nhà.

"Mình đã yêu một con chó sói hung dữ, - Enxalin nghĩ, - thế mà mình đã muốn cứu hẩn thoát khỏi sự trừng phạt."

- Thế rồi chúng tôi vội vàng vượt băng đi ra biển. Chúng tôi rất yên tâm khi ngọn lửa vẫn bốc cao, nhưng khi thấy nó lui đi thì chúng tôi bắt đầu thấy sợ. Chúng tôi đoán rằng người ta đã đến cứu, dập tắt đám cháy và sắp đuổi theo chúng tôi. Chúng tôi bèn quay chiếc xe trượt để trở lại đất liền, nơi chúng tôi đã nhận ra một cửa sông phủ một lớp băng mỏng. Chúng tôi lôi rương tiền ra khỏi xe rồi thúc ngựa kéo xe về phía cửa sông, và lớp băng đã vỡ sứt dưới chân ngựa. Chúng tôi nhảy lên mép băng, mặc cho con ngựa chết đuối, Enxalin, nếu cô không phải là một cô gái, cô sẽ hiểu rằng đó là một hành động rất dũng cảm, chứng tỏ rằng chúng tôi thật đáng mặt nam nhi.

Enxalin vẫn lặng người không nói. Tim cô đau nhói. Nhưng bây giờ Arsi căm thù cô và thích làm cho cô đau khổ.

- Sau đó chúng tôi đã cởi thắt lưng buộc vòng quanh cái rương để kéo nó đi. Song vì nó để lại vết trên mặt băng nên chúng tôi phải bẻ cành thông để lót xuống dưới. Chúng tôi cởi giày đi chân đất, để thiên hạ khỏi tìm thấy dấu vết chúng tôi.

Arsi dừng lại nhìn Enxalin bằng con mắt điều cốt:

- Mặc dù chúng tôi đã đi thoát, tình cảnh chúng tôi vẫn gay go. Dù đi đến đâu chẳng nữa, với những bộ quần áo bê bết máu, người ta sẽ nhận ra và bắt chúng tôi. Nhưng cô nghe tôi nói chứ, Enxalin, để rồi cô bảo cho những người săn đuổi chúng tôi biết rằng không dễ mà bắt được những chàng trai như chúng tôi đâu. Cô hãy nghe điều này nữa, trong khi chúng tôi vượt băng để đến Marxt'răng, chúng tôi đã gặp được những người bạn đồng hương của chúng tôi, chính là những người đã bị vua Jăng đuổi khỏi Thụy Điển, nhưng vì biển đóng băng nên chưa thể rời Marxt'răng được. Họ giúp chúng tôi qua cơn nguy khốn và kiếm quần áo cho chúng tôi mặc. Từ đó chúng tôi sống yên ổn ở Marxt'răng. Và nếu như cô không bắt tin đánh lừa tôi thì sẽ chẳng có mối nguy nào đe dọa chúng tôi cả.

Enxalin vẫn câm lặng. Cô đau đớn quá. Cô cảm thấy tim cô hầu như ngừng đập.

Nhưng Arsi đã đẩy ghế đứng dậy và hét:

- Và ngay cả tối nay cũng chẳng thể có điều gì không hay xảy ra cho chúng tôi cả, Enxalin ạ.

Vừa nói anh ta vừa dang tay nhấc bổng Enxalin lên. Giơ cô trước mặt mình như một cái lá chắn, Arsi chạy qua gian phòng thấp tiến về phía cửa. Mấy người lính gác cửa chìa mũi giáo nhọn về phía Arsi, nhưng không dám đâm vì sợ làm bị thương Enxalin.

Khi Arsi chạy tới cầu thang hẹp, anh ta vẫn giơ Enxalin về phía trước như vậy. Cô che cho anh ta còn vững hơn một chiếc áo giáp tốt nhất, bởi vì những người lính gác lối đi không thể sử dụng vũ khí của mình. Cứ như thế, Arsi lên gần hết cầu thang, và Enxalin đã cảm thấy gió lạnh ngoài trời thổi vào mặt.

Cô không còn yêu Arsi chút nào nữa. Một mối tử thù đang trào dâng chiếm lòng cô, và cô chỉ còn thấy Arsi là một tên sát nhân ghê tởm. Thấy hấn sắp chạy thoát vì dùng người cô để che chở cho hấn, cô giơ tay nắm lấy một mũi giáo của người lính gác, chìa thẳng mũi nhọn vào tim mình. "Rút cục, mình muốn xử sự sao cho hành động của mình giúp ích cho chị nuôi của mình.." - Enxalin nghĩ vậy. Và khi Arsi chạy thêm một bước nữa trên cầu thang, mũi giáo xuyên vào tim Enxalin.

Arsi đã lên hết cầu thang, những người lính lùi lại khi nhìn thấy Enxalin bị thương, và thế là kẻ sát nhân trốn thoát.

Khi Arsi chạy tới quảng trường, anh ta nghe thấy tiếng kêu vọng tới từ một phố nhỏ:

- Cứu lấy người anh em! Cứu lấy người anh em! Vì Xcôtlen! Vì Xcôtlen!

Đó là Phillip và Rêginan đã kịp tập hợp đám lính Xcôtlen và cùng họ chạy tới cứu Arsi.

Arsi lao về phía họ, kêu vang lên:

- Đến đây! Đến đây! Vì Xcôtlen! Vì Xcôtlen!

TRÊN BĂNG

Arsi chạy trên băng, tay vẫn giữ chặt Enxalin.

Phillip và Rêginan quây lấy hắn, họ muốn kể cho hắn nghe họ đã phát hiện ra âm mưu vây bắt, đã chuyển được cái rương nặng đựng những đồng *êquy* lên tàu và đã tập hợp được bọn đồng hương ra sao. Song Arsi không để ý nghe họ nói.

- Cậu mang ai trong tay vậy? - Rêginan hỏi.

- Enxalin đấy, - Arsi trả lời. Mình sẽ đưa cô ấy về Xcôtlen. Mình không muốn để cô ấy ở lại đây sau khi mình đi. Ở đây mãi mãi cô ấy sẽ chỉ là một cô gái mồ cá nghèo.

- Chắc như vậy rồi. - Rêginan nói.

- Ở đây cô ta sẽ chỉ được mặc đồ len thô, cô ta sẽ chỉ được ngủ trên những chiếc giường chật hẹp, trên những tấm ván cứng. Còn mình, mình sẽ đặt cô ấy trên những tấm đệm êm ái nhất, mình sẽ mua cho cô ấy một chiếc giường bằng cẩm thạch. Mình sẽ choàng vào người cô ấy những chiếc áo lông quý, đi vào chân cô ấy những đôi giày đính kim cương.

- Cậu định đem lại cho cô ấy vinh hạnh lớn, - Rêginan nói.

- Mình không thể để cô ấy lại đây được. - Arsi nói tiếp. - Ai hơi dẫu mà chăm lo cho một cô gái nghèo như vậy. Chẳng mấy lúc cô ấy sẽ bị mọi người bỏ rơi. Sẽ chẳng có ai đến nhà thăm cô ấy cả, sẽ chẳng có ai đến chia sẻ nỗi cô đơn của cô. Nhưng một khi mình về đến quê hương mình, mình sẽ xây cho cô ấy một tòa nhà tuyệt đẹp. Tên của cô ấy sẽ được khắc trên đá cứng để người ta không bao giờ quên cô. Ngày nào mình cũng sẽ đến với cô, và xung quanh cô sẽ là một cảnh tượng long lẫy khiến những người ở tận xa cũng phải đến thăm cô. Đèn nến sẽ được thắp suốt ngày đêm, những lời ca điệu nhạc sẽ vang lên như trong một đám lễ hội vĩnh cửu.

Bão thổi tạt vào mặt những người đang bước trên băng; bão giật chiếc áo choàng của Enxalin làm nó bay như một lá cờ.

- Cậu mang Enxalin giúp mình một lát để mình sửa lại áo choàng cho cô ấy. - Arsi nói.

Rêginan đỡ lấy Enxalin, nhưng vừa ôm cô trong cánh tay, anh ta giật mình sợ hãi đến nỗi buông lỏng tay làm Enxalin rơi tuột xuống băng.

- Enxalin chết rồi mà mình không biết. - Rêginan nói.

TIẾNG SÓNG XÔN XAO

Suốt đêm thuyền trưởng chiếc tàu buồm lớn đi đi lại lại mãi trên boong. Trời u ám, gió giật lồng lộn; đem lại những cơn lốc tuyết và mưa xối xả. Thế nhưng băng vẫn cứng ngắc quanh tàu. Nhẽ ra thuyền trưởng có thể vào ngủ yên trong cabin của ông. Song ông vẫn đứng suốt đêm. Thỉnh thoảng ông lại khum khum bàn tay đặt vào tai để nghe ngóng.

Thật khó mà biết được ông định lắng nghe cái gì.

Tất cả thủy thủ và hành khách đi Xcôtlen đã lên tàu. Lúc này họ đã nằm ngủ trong khoang giữa hai boong. Thuyền trưởng có thể muốn nghe những câu chuyện giữa họ với nhau. Khi cơn bão điên cuồng ập đến con tàu bị kẹt thì như thường lệ nó xô quật dữ dội như để đẩy thuyền ra khơi. Nhưng con tàu không nhúc nhích, gió bão càng đập mạnh hơn. Những cục băng dính trên buồm, chèo, dây dợ va vào nhau. Mạn thuyền kêu răng rắc, rít trèo treo dưới sức gió ép và cột buồm phát ra những tiếng kêu khô khốc như sắp gãy gục trước những đợt tấn công dữ dội của gió bão.

Đêm ấy không lúc nào yên tĩnh. Đôi khi trong không gian có tiếng tuyết rít nhẹ nhẹ, nhưng khi mưa ập tới thì những tiếng lộp bộp, rào rào vang lên.

Những kẽ nứt trên băng nhiều dần lên, và người ta nghe như thấy tiếng đại bác của những đoàn tàu chiến đánh nhau ngoài khơi.

Nhưng thuyền trưởng không để tai nghe những tiếng động ấy. Ông đứng suốt đêm, đến tận khi rạng đông tỏa mờ mờ phía chân trời, thế nhưng ông vẫn chưa nghe thấy tiếng mà ông muốn nghe.

Cuối cùng, một tiếng rì rào đều đều ngân nga vang lên trong bóng tối, tiếng rì rào dịu dịu vuốt ve tựa như tiếng hát từ xa.

Thế là thuyền trưởng bắt đầu chạy, ông trèo qua những chiếc ghế dài dùng để ngồi chèo đặt giữa con tàu, nơi các thủy thủ đang nằm ngủ.

- Dậy đi. - Ông kêu lên. - Nằm lấy sào, cầm lấy chèo, giờ thoát thân của chúng ta sắp đến rồi. Ta đã nghe thấy tiếng gầm rống của băng tan, Ta đã nghe thấy tiếng reo của sóng nước.

Mọi người choàng dậy. Ai nấy vội vàng chạy về vị trí của mình dọc theo con tàu trong ánh bình minh đang lên chậm chậm.

Khi trời đã sáng rõ để có thể thấy tình hình đã xảy ra trong đêm vừa qua thì rõ ràng là băng đã tan trong các vịnh, các eo biển ra tận ngoài khơi. Nhưng rong cái vịnh mà chiếc tàu buồm này đang bị giam chân, mặt băng không có đến một kẽ nứt nhỏ, nó vẫn phẳng lì và rắn chắc.

Một bức tường băng lớn đứng sừng sững trong eo biển trấn cửa vịnh. Ở phía bên ngoài, những làn sóng đã nô đùa thỏa thích, liên tiếp những tảng băng nổi bập bênh va vào bức thành băng.

Ở xa hơn nữa, vô số cánh buồm chen chúc nhau trong một eo biển. Tất cả những người đánh cá bị băng giữ lại ở Marxt'răng đang hồi hải ra khơi. Biển đang nổi sóng, và những mảng băng vẫn còn dập dềnh. Nhưng dân chài lưới không muốn đợi đến lúc bão tan hẳn nên họ đã nhanh chóng lên đường. Họ đứng trước mũi thuyền, chăm chú quan sát các đợt sóng. Họ dùng mái chèo gạt những cục băng nhỏ ra xa. Nhưng khi có những tảng băng lớn xô đến trước mặt, họ quay bánh lái cho thuyền chuyển sang hướng khác.

Thuyền trưởng chiếc tàu buồm trèo lên boong thượng, nhìn dõi theo những con thuyền đánh cá. Ông thấy lối đi của họ thật nguy hiểm, song họ cũng lần lượt thoát và ra gần tới biển khơi.

Đứng ngấm cánh buồm đang lướt về phía mặt nước xanh, thuyền trưởng ao ước cũng được ra đi đến trào nước mắt.

Vậy mà tàu của ông vẫn không nhúc nhích. Và trước mặt ông băng vẫn chông chênh thành một bức tường ngày càng cao.

Ở nơi xa khơi, không phải chỉ có những tàu thuyền đang lênh đênh trên sóng, mà còn có những núi băng nhỏ trắng toát trôi bập bênh. Đó là những tảng băng lớn bị dồn dập va vào nhau, và lúc này chúng đang trôi dạt về phương nam. Dưới ánh mặt trời sớm mai, chúng lấp lánh như bạc và đôi khi ánh hồng lên, tựa như chúng được phủ một lớp hoa hồng.

Chen vào tiếng gió bão ầm ầm có những tiếng gọi dội lên. Khi thì chúng hóa thành một tiếng hát du dương, khi thì chúng vang ầm ầm như tiếng kèn đồng. Những tiếng gọi ấy thức tỉnh niềm vui, dường như mọi trái tim đều mở rộng để lắng nghe chúng. Cúng phát ra từ những đôi cánh của bầy thiên nga đang từ phương nam xa xăm bay tới.

Khi thuyền trưởng thấy những núi băng trôi về phương nam, và đàn thiên nga bay về phương bắc, ông cảm thấy khát khao được ra khơi đến nỗi ông bất giác vịn vào đôi tay. Ông nói: “Thật khổ cho ta vẫn còn phải giam chân ở đây. Đến khi nào băng mới tan trong vịnh nhỉ? Ta còn phải chờ đợi bao nhiêu ngày nữa?”

Đang lúc mông lung suy nghĩ như vậy, ông nhìn thấy một người đàn ông đánh xe trượt băng đi tới. Người này đến từ một eo biển hẹp trong vùng Marxt’răng. Bác ta lướt trên băng không chút do dự, như không hề biết rằng sông đã chở tàu thuyền đi.

Khi đến bên chiếc tàu buồm, bác ta ngẩng đầu lên gọi thuyền trưởng:

- Nay ông bạn thân mến, bị kìm chân giữa lớp băng này ông đã có gì ăn chưa? Ông có muốn mua cá mòi muối, các thu khô hay trạch hun khói không?

Thuyền trưởng không thềm trả lời, ông giơ nắm đấm lên và buột ra một tiếng rủa.

Bác hàng cá bèn nhảy xuống xe, mang đặt trước con ngựa của bác một bó cỏ khô, rồi trèo lên boong chiếc tàu buồm.

Đến bên thuyền trưởng, bác nói bằng một giọng nghiêm trang:

- Hôm nay tôi đến đây không phải để bán cá đâu. Song, tôi biết ông là một con người lương thiện, kính Chúa. Vì thế tôi xin ông hãy giúp tôi tìm một cô gái mà hôm qua bọn lính đánh thuê người Xcôtlen đã mang lên tàu ông.

- Tôi không hề biết có cô gái nào được đưa lên tàu tôi cả, - thuyền trưởng trả lời. - Đêm qua tôi không nghe thấy tiếng phụ nữ nào ở đây.

- Tôi là Tôraranh, làm nghề bán cá, - bác ta lại nói. Chắc ông cũng đã nghe nói về tôi. Chính tôi đã ăn tối với cụ Arnơ ở Xonberga cái đêm cụ bị giết hại. Từ dạo đó tôi nuôi cô cháu nuôi của cụ Arnơ trong nhà tôi. Nhưng tối qua cô ấy đã bị bọn người giết cụ Arnơ bắt, và chắc chắn là chúng đã đưa cô ấy lên tàu này.

- Vậy thế bọn giết cụ Arnơ đang ở trên tàu của tôi à? - Thuyền trưởng thốt lên sợ hãi.

- Ông cũng biết tôi là một kẻ thân nghèo phận hèn. - Tôraranh đáp. - Tôi bị liệt một cánh tay nên rất ngại chằng dăm liều mình làm một việc mạo hiểm. Từ hai tuần nay tôi đã biết ai là những kẻ giết cụ Arnơ, nhưng tôi không dám trả thù họ. Chính vì tôi chậm trễ như vậy nên chúng đã trốn thoát và có dịp bắt đi cô gái ấy. Bây giờ tôi đã quyết định không thể để tự mình phải trách móc dằn vặt trong việc này nữa, ít ra tôi cũng phải cố cứu lấy cô gái.

- Nếu như bọn sát nhân đang ở trên tàu này thì tại sao đội lính canh không đến đây bắt chúng?

- Tôi đã cầu xin van nài họ suốt cả đêm qua, và cả sáng nay nữa, song họ không dám mạo hiểm đến đây. Họ nói rằng ở đây có hàng trăm lính đánh thuê đung đầu với chúng thì rất nguy hiểm. Cho nên tôi nghĩ rằng nhờ ơn Chúa, tôi phải đến đây một mình để xin ông giúp tôi tìm cô gái, vì tôi biết ông là một người kính Chúa.

Song thuyền trưởng lại không hề quan tâm đến chuyện cô gái. Ông chỉ nghĩ đến bọn sát nhân.

- Tại sao bác biết rằng bọn sát nhân đang ở trên tàu tôi? - Ông hỏi.

Tôraranh đưa tay chỉ cái rương lớn bằng gỗ xồi đặt giữa những chiếc ghế dài dùng để ngồi chèo thuyền:

- Đã bao lần tôi nhìn thấy chiếc rương này ở nhà cụ Arnor rồi nên tôi không thể nhầm lẫn được. - Tôraranh đáp. - Nó đựng những đồng *équy* của cụ Arnor, và những đồng tiền ấy ở đâu thì tất nhiên bọn sát nhân phải ở đó.

- Cái rương này là của Arsi và hai anh bạn của hắn tên là Phillip và Rêginan, - thuyền trưởng nói.

- Đúng, - Tôraranh nhìn thẳng vào mắt thuyền trưởng đáp. Cái rương ấy là của Arsi, Phillip và Rêginan.

Thuyền trưởng đưa mắt nhìn xung quanh rồi mới lên tiếng hỏi:

- Vậy theo bác khi nào băng mới tan trong vịnh?

- Năm nay ở đây xảy ra điều kỳ lạ. - Tôraranh trả lời. - Thường thường vịnh này được thông rất sớm vì dòng nước ở đây chảy rất mạnh. Nhưng trong tình trạng hiện tại thì ông phải chú ý để khỏi bị ép vào bờ khi băng bắt đầu nhúc nhích.

- Tôi cũng chỉ lo chuyện đó. - thuyền trưởng đáp. Rồi ông lại im lặng hồi lâu mắt hướng nhìn ra biển.

Mặt trời buổi sáng rực rỡ trên cao, tỏa những tia nắng lấp lánh trên sóng nước. Những tàu bè đã được tự do đang lướt về khắp các ngả, những con chim biển từ phương nam bay về cất tiếng kêu vui mừng. Cả lượn lờ ngang mặt nước, thỉnh thoảng quây vọt lên cao, lóng lánh trên sóng, như say sưa sau một thời gian dài bị giam hãm dưới băng. Những con mòng biển trước đây phải kiếm ăn xa tít ngoài mép băng nay trở về đất liền từng đàn để kiếm ăn nơi quen thuộc.

Thuyền trưởng bồn chồn trước cảnh tượng đó. Ông nói: “ Vậy ra ta là bè bạn của những kẻ sát nhân, những kẻ bất lương ư? Ta có nên nhắm mắt để khỏi thấy vì sao Chúa đóng cửa biển hãm tàu ta lại không? Ta có nên chết cho bọn sát nhân trên tàu ta không?”

Nghĩ vậy, ông nói với các thủy thủ:

- Bây giờ thì ta biết vì sao chúng ta bị giam chân trong khi mọi tàu bè khác đã được ra khơi. Đó là vì một bọn sát nhân, một bọn bất lương đang ở trên tàu của chúng ta.

Nói rồi thuyền trưởng đến gặp bọn lính Xcôtlen vẫn đang ngủ trong khoang giữa hai boong tàu. Ông nói với họ:

- Hỡi các bạn! Các bạn hãy nằm yên một lát nữa dù các bạn có nghe thấy tiếng kêu, tiếng động nào trên tàu. Chúng ta phải vâng theo những lời cảnh cáo của Chúa và không được dung túng cho những kẻ bất lương đang ở bên chúng ta. Nếu các bạn chịu nghe tôi, tôi hứa sẽ cho chuyển đến chỗ các bạn cái rương đựng những đồng *êquy* của cụ Arnơ, để các bạn có thể chia nhau.

Rồi ông quay lại nói với Tôraranh:

- Bác hãy quay về xe và quăng cá của bác ra ngoài đi. Bác sẽ phải chờ một thứ khác đó.

Sau đó thuyền trưởng và các thủy thủ xông vào buồng của Arsi và hai bạn hắn. Họ trói chặt cả ba tên Xcôtlen còn đang ngủ say.

Khi ba tên tỉnh dậy định chống lại, các thủy thủ liền dùng rìu và giáo đánh chúng. Thuyền trưởng nói:

- Chúng mày là những kẻ sát nhân, những kẻ bất lương. Làm sao chúng mày dám tin là sẽ thoát khỏi lưới trời? Chúng mày không hiểu rằng vì chúng mày mà Chúa đã đóng cửa biển lại hay sao?

Lú đó ba tên cố gọi to đồng bọn đến cứu. Song thuyền trưởng nói:

- Thôi, chúng mày đừng gọi nữa, họ sẽ không đến đâu. Ta đã cho họ những đồng *êquy* của cụ Arnơ để họ chia nhau rồi và hiện họ đang bận lấy mũ đồng tiền. Chúng mày đã phạm tội ác vì những đồng *êquy* này, và cũng vì những đồng tiền ấy mà chúng mày bị trừng phạt.

Tôraranh chưa kịp gỡ hết cá ra khỏi xe thì thuyền trưởng cùng các thủy thủ đã từ trên tàu bước xuống mặt băng. Họ dẫn theo ba người bị trói gô, thân mình trông thật thảm hại vì bị đánh, và những vết thương đã làm cho chúng yếu đi.

- Chúa đã không hoài công mà gọi bảo ta, - thuyền trưởng nói. - Ngay khi ta biết được ý Người, ta đã vâng theo lời Người.

Họ lôi ba tên tù lên xe trượt của Tôraranh, và Tôraranh chở chúng về tận Marxt'răng qua những vịnh hẹp và những eo biển còn bị đóng băng.

Đến chiều thuyền trưởng trèo lên tầng thượng của con tàu và nhìn ra biển. Song vẫn chẳng có gì thay đổi quanh con tàu. Bức tường băng vẫn mỗi lúc một cao hơn.

Bỗng ông nhận ra một đoàn người rất đông đang tiến về phía con tàu của ông. Đó là toàn thể những người phụ nữ ở Marxt'răng cả già lẫn trẻ. Họ mặc đồ tang và dẫn theo vài thiếu niên đang khiến một cái cáng.

Khi đến bên con tàu, họ nói với thuyền trưởng:

- Chúng tôi đến đây để tìm một cô gái đã chết. Bọn sát nhân đã thú nhận rằng cô ấy đã hy sinh tính mệnh để chúng không thể thoát khỏi sự trừng phạt. Tất cả phụ nữ ở Marxt'răng chúng tôi đến đây tìm cô gái ấy để rước về thành phố của chúng tôi với tất cả vinh dự xứng đáng với cô ấy.

Họ tìm thấy Enxalin. Họ đưa cô lên bờ và mang về Marxt'răng. Tất cả phụ nữ đều khóc cô, người đã yêu một kẻ bất lương, và lại hiến cả cuộc sống của mình để đẩy người yêu dấu của mình đến chỗ chết.

Trong khi đoàn phụ nữ trở về Marxt'răng thì gió bão và sóng biển liền phá vỡ mặt băng mà họ vừa bước chân qua. Và khi họ đưa Enxalin về đến thành phố, mặt biển cũng bắt đầu hoàn toàn thông tàu bè.

TÔ CHƯƠNG dịch.

HẾT

[1] Viên pháp quan Bengt Manhuxon, trái ý muốn của gia đình, đã lấy một cô gái rất nghèo và dòng dõi rất hèn hạ nhưng rất xinh đẹp, tên là Xigrid. Anh ông, một bá tước, đã gửi cho cô dâu một cái váy bằng lụa đẹp có một khổ bằng vải len thô. Ông pháp quan lập tức ra lệnh lấy ngọc quý dát kín khổ vải ấy. Sau đó, khi ông bá tước đến nhà em và trông thấy em dâu xinh đẹp quá, ông cho rằng cuộc hôn nhân này thật xứng đáng nên đã kêu lên - đây là một câu nói lịch sử: “Nếu em tôi không lấy nàng thì chính tôi sẽ lấy!”

[2] Một loại đồng tiền bằng bạc có giá trị cao, thông dụng ở nhiều nước Châu Âu trong thời Trung cổ.

[3] Cục hình trong đó tội nhân bị đập gãy chân rồi trói vào bánh xe.

Chia sẻ ebook: <https://downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://facebook.com/caphebuoitoi>